

VIÊN GIÁC



SỐ - NR. TẠP CHÍ CỦA KIỆU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

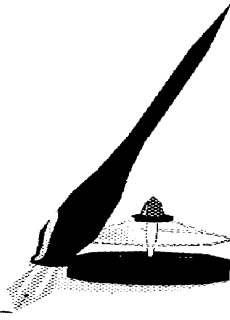
121

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

PL.2544 ■ NĂM THỨ 23 ■ THÁNG 2 ■ JAHRGANG 23. ■ FEBRUAR 2001 ■ AUSGABE IN VIETNESISCHE & DEUTSCH



Thư Tòa Soạn



Mỗi một sát na đều có sự thay đổi và chuyển động. Từ vật lớn cho đến loại nhỏ nhất; không có vật gì đi ra ngoài nguyên tắc này cả, như trong Kinh Kim Cang, Đức Phật đã nói: Phàm cái gì có hình tướng đều là không thật. Vậy cái thật ấy là gì?

Cái đó nó không nằm ở trong mà cũng chẳng ở ngoài. Chẳng phải dùng ngôn ngữ để biện minh, mà cũng chẳng có thể lấy tay để sờ mó được. Vì hiểu được giả tưởng, tức biết đó là chơn như diệu hữu rồi. Ai hỏi chơn như diệu hữu ra sao, làm sao mà trả lời được. Cũng như phiền não tức bỏ để vậy. Cái này đến thì cái kia phải đi; cái này tồn tại thì cái kia phải tự hủy diệt. Không cần tìm cách hủy diệt các phiền não tham, sân, si. Vì còn tìm cách tức còn vọng tưởng. Chỉ cần thực hành thiện pháp giới định huệ thì tham, sân, si sẽ tiêu trừ. Cũng như thế ấy, khi ánh sáng đến tức bóng tối phải lui. Sáng và tối chỉ là một trạng thái và sanh tử Niết Bàn cũng chỉ có một của chủ không hai.

Thế giới chúng ta đang ở có nhiều đổi thay chóng mặt. Ví dụ như việc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ vừa rồi. Tại sao tất cả năm châu phải quan tâm? Vì lẽ trung tâm quyền lực tất cả đều nằm tại đó; nên mọi người phải quan tâm. Vì cái này có thì cái kia mới có và cái này thay đổi thì cái kia mới tồn tại được. Đây là một định luật hiển nhiên của vũ trụ vạn hữu. Trong Phật Giáo có cả một hoa tạng thế giới, gồm đủ cỡ lớn nhỏ khác nhau, giống như những cánh hoa của một đóa hoa muôn màu muôn sắc. Chỉ riêng thế giới Ta Bà này cũng đã có không biết bao nhiêu thế giới khác vây quanh và cũng có ít nhất là 14 loại chúng sanh khác nhau đang sống chung đụng trong cõi trời Đục giới này rồi. So ra, năm châu bốn bể nơi chúng ta đang ở chẳng có tí gì đáng nói; nhưng cũng là một tế bào của cỗ máy vũ trụ mà thôi.

Thế giới được cấu tạo nên, tất nhiên phải có ngày hoại diệt. Thời gian ấy còn bao lâu nữa, tất phải hỏi đến 2 chữ nhân duyên mà thôi. Do nhân duyên mà thành tựu, thì cũng do nhân duyên mà tan rã vậy. Những dấu sao đi nữa, bất cứ một vật gì trên vũ trụ này cũng không thể bỏ qua các giai đoạn của sự thành, trụ, hoại, diệt mà có được. Từ đó ta nhìn, thấy khắp nơi nơi thiên tai bão lụt, hạn hán, mất mùa, động đất, núi lửa... cho đến tai nạn xe hơi, máy bay, xe lửa, tàu thủy, xe điện v.v... tất cả đều cộng nghiệp với nhau là cùng sinh ra nơi cõi Ta Bà này và cùng chết với nhau với tai trời, ách nước là vậy. Muốn

chấm dứt nguyên nhân này chỉ cần nhìn lại bản thể của mỗi người trong chúng ta là đủ rồi. Từ đó cử tu nhân tích đức thì việc thiện sẽ gia tăng và việc ác sẽ mất đi. Ngược lại, chúng ta chỉ chuốc khổ vào tự thân của mình mà thôi. Lúc đó sẽ không có ai cứu khổ được cho ta cả.

Động đất ở Mỹ Tây Cổ, núi lửa ở Phi Luật Tân và mỗi đây động đất tại Ấn Độ là những triệu chứng không thường để báo động cho con người và thế giới về cái họa diệt vong không xa lắm. Chỉ cần một cơn giận dữ của đất trời là thế giới này sẽ ra tro bụi. Nguyên nhân không đâu xa lạ là do con người đã tàn phá thiên nhiên; nên thiên nhiên mới trừng phạt lại như thế. Đồng thời những cơn đại hồng thủy đã bắt đầu dâng cao khắp nơi trên quả địa cầu này, như Việt Nam chúng ta đã trải qua 2 nạn lụt tại Miền Trung và Miền Nam vào năm 1999 và 2000 đã làm cho biết bao nhiêu tài sản, của cải, mạng sống trở thành tro bụi.

Được tạm gọi là đầy đủ, sống sung túc, đôi khi dư thừa như những xứ Âu Mỹ ngày nay; nhưng những căn bệnh thời đại đã phát sanh như bệnh Aids, bệnh BSE (bò điên) và mỗi đây phát hiện thêm bệnh chích quá nhiều kích thích tố nội động vật như heo, gà và thực vật như đậu nành và các rau cải khác nữa. Chẳng biết nói sao cho vừa. Vì lẽ con người chỉ nhắm vào mỗi lợi của kinh tế là mục đích chính, còn nhân phẩm, giá trị đạo đức, đời sống thiêng liêng lại trở thành thứ yếu rồi. Nếu bóng tối cứ mãi mãi ngự trị như thế này, thì chắc rằng ánh sáng sẽ khó mà đẩy lùi được. Vì vậy chúng ta phải tự ý thức được sự diệt vong này mà phải tự chế ở mọi hành động của mỗi chúng ta thì cơ trời, phép nước mới mong còn có kỳ cương được.

Năm nay thời tiết xấu và ngày Tết đến Xuân về lại nằm trong tuần; nhưng theo tục lệ ngàn năm của con dân Việt, mọi người lại nô nức về chùa để đón Tết vui Xuân; cầu chúc cho nhau với một năm tai qua nạn khỏi và nhất là được mạnh khỏe bình an. Đây là những điều quan trọng nhất. Để cầu nguyện cho thế giới hòa bình, nhân sinh an lạc; nên một pháp hội Pháp Hoa cũng đã thành hình 20 năm nay rồi và mỗi năm mọi người tham gia càng đông đảo hơn. Rồi một lễ Chấn Tế Cô Hồn vào ngày 10 tháng 2 cũng được thực hiện để cầu cho những người mất ở trong cũng như ngoài nước được siêu độ. Từ Tết đến Rằm Tháng Giêng năm nay tại chùa Viên Giác có khoảng 10.000 người về dự lễ. Năm nay so với năm trước, số người về chùa ít hơn. Vì Tết và Rằm Tháng Giêng nhằm vào ngày trong tuần; nhưng như thế cũng đã đủ để nói lên được việc "uống nước nhớ nguồn" là gì rồi.

Một năm đã mở ra, tóm thâu thêm 365 ngày vào trong càn khôn vũ trụ, để gói ghém tất cả mọi sự việc của cuộc đời, hay có dở có; thành công có thất bại có, để rồi năm mới khác lại tiếp theo để mang đến cho mọi người một chu kỳ mới. Ví như một mùa Xuân. Vì mùa này tất cả mọi người và mọi loài đều có mang một niềm hy vọng.

● Ban Biên Tập Báo Viên Giác

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
Viện Tăng Thống

Phật lịch 2544

Số 01/VTT/XLTV

THÔNG ĐIỆP XUÂN DI LẠC
TÂN TÝ - 2001

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam Mô Đương Lai Đại Từ Di Lạc Tôn Phật

Đầu năm Tân Tỵ, 2001, thay mặt Hội Đồng Lương Viện, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, tôi thân ái gửi đến chư liệt vị Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni, nam nữ Cư sĩ Phật Tử và Đồng bào trong và ngoài nước lời cầu chúc một năm mới tốt lành như sở nguyện. Nhân dịp năm mới và trong hoàn cảnh hiện nay của đất nước, tôi thiết tha kêu gọi tất cả hãy cùng tôi nhất tâm cầu nguyện cho An Lạc, Tự Do, No Ấm sớm đến với dân tộc chúng ta.

Trong những ngày đầu năm, tôi muốn được cùng chư liệt vị quán tưởng đến nền giáo lý cao cả của Đức Thế Tôn hầu chuẩn bị cuộc hồng pháp trong tinh thần không khiếp sợ ở thiên niên kỷ thứ ba của Tây lịch. Đạo Phật không phải là tri thức suông, không phải là ý tưởng suông, mà là sự dũng mãnh phát khởi tâm Bồ Tát và thực thi tâm Bồ Tát. Cũng như vậy, người con Phật cầu nguyện là phát khởi và thực thi tâm Bồ Tát ấy. Xin chư liệt vị hãy cùng tôi nghe lời Đức Di Lạc nói với Thiện Tài đồng tử: "*Lành thay, lành thay, thiện nam tử! Người đã phát tâm vô thượng bồ đề, để làm lợi ích nhân thế, để mang hạnh phúc đến cho nhân thế, để chữa trị những khổ não cho hết thảy chúng sinh, và để tìm cầu Chánh Pháp*". Chư Tăng, Ni và nam nữ Cư sĩ đang sống dưới ánh hào quang của Đức Phật nhờ đã tích tụ trăm nghìn thiện căn qua bao số kiếp. Cho nên trước hoàn cảnh đầy ngoại chướng và trở lực cho sự hồng dương đạo Phật ngày nay, chúng ta không thể tìm cầu giác ngộ cho riêng mình, mà sự giác ngộ của mỗi chúng ta có liên hệ đến sự sinh tồn và an lạc của nhân dân và đất nước. Bởi vậy, hễ chúng ta giác ngộ là dân tộc và nhân loại được giải phóng khỏi vô minh, dục vọng và cuồng tín.

Là con Phật là vượt khỏi địa vị phàm phu, phát bồ đề tâm mà bước vào ngôi vị Bồ Tát. Lấy tâm Đại Bi bảo bọc chúng sanh, lấy tâm Đại Từ làm lợi ích cho chúng sanh, lấy tâm Vô Ngại dẹp tan các chướng duyên và áp bức đang đè nặng nhân thế và muôn loài. Bồ đề tâm ở đâu, Bồ Tát ở đó; Bồ đề tâm ở đâu, Phật đạo ở đó; Phật đạo ở đâu, An Lạc và Tự Do ở đó. Bồ đề tâm được phát khởi, thì mọi khổ đau mới chấm dứt; dù đó là khổ đau vì vô minh hay vì tham luyến, đau khổ của bản cùng hay đau khổ vì áp bức. Công năng này chứa sẵn trong mọi người con Phật, chỉ cần chí thành ưu tu, ước vọng an lành cho hết thảy chúng sanh là Bồ đề tâm hoạt dụng và biến hóa khôn lường.

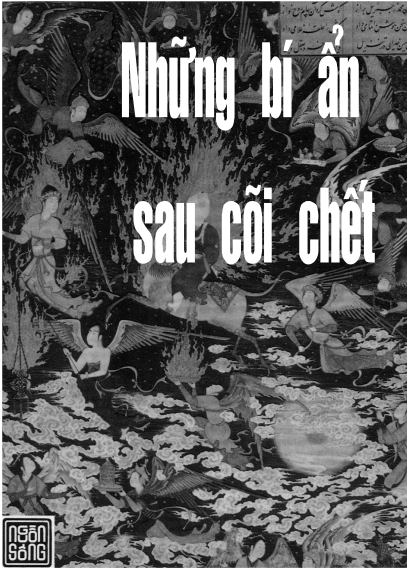
Trong bức Thông Điệp Hòa Bình Xuân Kỷ Dậu, Phật lịch 2513, Đức Đệ Nhất Tăng Thống, Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết viết: "*Hòa bình chỉ có ý nghĩa đích thực khi bảo đảm được quyền tự chủ quốc gia và những quyền tự do dân chủ căn bản của dân chúng, trong sinh hoạt cộng đồng thế giới*". Nhưng từ bấy đến nay, dân tộc chúng ta chưa hề được hưởng các điều kiện tối thiểu như tại các quốc gia văn minh trên thế giới. Trải qua 35 năm chiến tranh, rồi 25 năm không có nhân quyền và tự do tôn giáo. Hàng giáo phẩm và Phật giáo đồ sống trong tình trạng bất an, ngược đãi, tù đầy, quản thúc. Giáo Hội bị lung đoạn, cấm cản hoạt động, không những trong sinh hoạt tôn giáo mà cả trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, từ thiện và xã hội.

Trong bức Thông Điệp nói trên, Đức Đệ Nhất Tăng Thống Thích Tịnh Khiết còn khuyến thỉnh Phật giáo đồ rằng: "*Chúng ta phải hiện diện như một thực thể tiêu biểu đích thực cho nguyện ước Hòa Bình của dân tộc để nói lên tiếng nói phát xuất từ thâm tâm con người và tiềm lực dân tộc. Chúng ta không có quyền trao vận mệnh dân tộc này cho những người phi dân tộc, nguy dân tộc, phản dân tộc. (...) Chỉ có chúng ta, những người Việt đang sống trên đe dưới búa, đang bị tước đoạt quyền sống và bị phá hoại, mới có đủ tư cách để biện minh trong mọi quyết định vận mệnh chung cho một thể chế quốc gia dân tộc do chính chúng ta tự quyết mà thôi*".

"Hiện diện như một thực thể tiêu biểu" nói đây, là sự hiện diện của chư Bồ Tát hóa thân và của Phật giáo đồ mang hạnh nguyện Bồ Tát, hoạt dụng qua Từ, Bi, Trí, Lực. Một sự hiện diện không vắng mặt trong tư thế của Chánh Pháp. Khác xa sự hiện diện nhưng vắng mặt của những kẻ tha hóa và các thế lực bạo tàn làm khổ lụy đạo pháp và nhân sinh.

Trong tinh thần đó, tôi kêu gọi toàn thể các cấp Giáo Hội và nam nữ Cư sĩ Phật tử quán niệm Bồ đề tâm trong Ba Ngày Tết Nguyên Đán, hân hoan đón rước Đức Đương Lai Đại Từ Di Lạc giáng vào tâm khảm của mỗi chúng ta. Xin Ngài phân thân xuất hiện vào thời đại nhiễu nhương này, và tự mình xin được làm nơi chuyển vận phân thân Bồ Tát ấy để giải trừ mọi Đại nạn khổ ách của quê hương và con người Việt.

PL. 2544 - Quảng Ngãi, Xuân Tân Tỵ, 2001
Thay mặt Hội Đồng Lương Viện
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống
Tỳ Kheo THÍCH HUYỀN QUANG
(Ký tên)



(Tiếp theo VG 118)

HIỆN TƯỢNG HỒN LỊA KHỎI XÁC

Hiện tượng người chết đi sống lại đã xảy ra nhiều nơi trên thế giới, vì thế Đông phương cũng như Tây phương đều để tâm lưu ý đến vấn đề này. Đông Tây gặp nhau ở niềm tin là sau khi chết hồn thì phần tinh anh sống động chính là cái "Hồn". Mới đây, đài truyền hình Hoa Kỳ vừa cho chiếu cuộc phỏng vấn một phi công bị tai nạn máy bay, anh này bị chết cháy và mấy ngày sau bỗng nhiên sống lại như có phép lạ. Được hỏi về hiện tượng gì đã xảy ra khi anh đi vào cõi chết, anh ta cho biết như sau: "Tôi cảm thấy mình nhẹ hẳn đi và từ trên cao tôi thấy tôi cháy đen như than, sau đó trước mắt tôi là một vùng màu xanh xám ly kỳ với một miệng hố hun hút xa thẳm. Tôi như rơi vào đó, quanh tôi nghe như có tiếng xôn xao rồi mọi vật lại yên lặng..."

Tại Nga Sô, trong thế chiến thứ hai, một bác sĩ đã ghi vào nhật ký mình lời tường thuật của một binh sĩ được sống lại sau mấy ngày nằm chết nơi một đầu cầu xe lửa như sau: "Tôi nghe tim mình như nhói đau rồi bỗng nhiên tôi cảm thấy thanh thản lạ kỳ. Tôi ngạc nhiên vì đã thấy mình nằm sóng soài bất động ở đầu cầu còn tôi thì như ló lửng bên thân xác trong khi các bạn tôi tiến về phía quân Đức. Một người lính quân y chạy lại phía thân xác tôi, anh ta thấy tôi đã chết nên kéo tôi vào một góc cầu. Vì tôi quá mập nên anh ta không thể nâng bổng tôi lên được..."

Bỗng nhiên tôi thấy dưới gầm cầu một tên lính Đức yên lặng bò theo các khối đá vỡ ở chân cầu để tiến về phía người lính quân y đang loay hoay buộc lại cái xích cứu thương. Tôi cố kêu lên và muốn xô đẩy người lính nhưng tôi không thể nào cất tiếng kêu được và cũng không thể tác động vào người anh ta dù tôi đã đến kề bên... Tôi lại cố đánh mạnh vào mặt tên lính Đức nhưng tôi không làm gì được. Trong khi tôi vẫn thấy xác mình nằm co quắp ở góc cầu... Bỗng nhiên tôi thấy tên lính Đức ngã vật xuống đất, trên lưng chảy máu chan hòa... thì ra tên lính Đức Quốc Xã này cũng đã bị thương nặng, và cố lết lên đây..."

Trong các báo cáo của các nhà nghiên cứu về cõi chết và linh hồn có rất nhiều vấn đề làm mọi người trong thời đại khoa học ngày nay phải ngạc nhiên và sửng sốt. Ngạc nhiên và sửng sốt không những vì vấn đề kỳ lạ được nêu ra mà còn vì chính do các nhà khoa học nổi danh đã viết như bác sĩ B.E. Schwartz, Alexander Graham Bell, D. Danielle, Duncan Mac Dougall, Maxwelle Lazi... họ cho biết như sau: Chết không phải là hết. Cát bụi lại trở về với cát bụi chỉ là đổi với thân xác, là phần giả tạm mà thôi, còn phần linh hoạt mà ta gọi là linh hồn đã thoát ra khỏi thể xác khi con người chết đi. Linh hồn ấy dật dờ, trôi nổi, phiêu du trong cõi không khí. Khi chết, điều tiên khởi lúc bước vào cõi khác là sự lảng lảng, là cảm giác nhẹ nhàng thanh thoát mà phần lớn các người đã chết đi sống lại (vì một duyên cớ nào đó) đều đã kể như thế. Ngoài ra, khi lìa đời người chết vẫn còn khả năng liên lạc với người sống bằng cách này hay bằng cách khác. Theo một số nhà nghiên cứu và theo các tư liệu cũng như cách giải thích của một số tôn giáo thì yếu tố chính tạo giúp tăng cường và duy trì được sự liên lạc này có thể là do vấn đề tình cảm, đó chính là tình thương và đôi khi còn do ân oán, cảm hờn... vì thế trong dân gian có thể là vô tình hay hữu ý thường có chuyện ma báo oán, hồn ma trả thù hay hồn ma báo mộng, người chết hiện về mách bảo, hồn ma trả ơn v.v...

Theo các tài liệu thuộc đề tài: "Unexplained Mysteries of The Word" thì hiện nay rất nhiều nhà nghiên cứu về vấn đề linh hồn đều tin rằng linh hồn có thật và đôi khi linh hồn vẫn còn đủ khả năng kết nhập tạo hợp với dạng thể và gương mặt của thân xác một người mà trước đó linh hồn ấy hòa nhập hiển hiện lại trong không gian sau khi người ấy chết. Những câu

chuyện có thật được các nhà khoa học lưu tâm và những hình ảnh lạ lùng của các câu chuyện còn được lưu trữ lại trong các hồ sơ nghiên cứu về linh hồn đã chứng minh điều đó. Và năm 1924, một chiếc tàu dầu lớn ở ngoài khơi Thái Bình Dương trên đường từ Hoa Kỳ đến kinh đảo Panama thì báo cáo có hai thủy thủ bị tai nạn trên tàu, cả hai đều thiệt mạng, đường di chuyển quá xa buộc lòng phải thủy táng hai người vào lòng biển. Thế rồi điều khủng khiếp bắt đầu xảy ra chỉ một ngày sau và nhiều ngày kế tiếp khi mọi người trên tàu thấy rõ hai người chết hiện ra rõ ràng trên làn nước biển. Điều kỳ lạ là hai gương mặt của hai người chết không hiện ra liên tục mà cách quãng, và luôn luôn giữ một khoảng cách đối với thành tàu. Một sĩ quan trên tàu đã dùng bàn ảnh chụp lại hai gương mặt ấy và tấm hình cho thấy rằng hai bộ mặt hiện rõ trên lớp sóng biển nhấp nhô ở cách boong tàu độ một thước. Một thủy thủ trên tàu đã bấm máy hình và chụp được tấm ảnh lạ lùng nhất về lãnh vực siêu hình này. Tấm ảnh cho thấy rõ gương mặt hai người mới chết. Hiện tấm ảnh còn lưu trữ tại Trung Tâm Nghiên Cứu về những vấn đề huyền bí siêu linh ở Virginia (Hoa Kỳ) và mới đây (1989) được đăng trong cuốn sách nhan đề "Unexplained Mysteries of 20th century" do Janet và Collin Bord biên soạn.



nh chụp gương mặt hồn ma hai người thủy thủ trên tàu dầu hiện ra rõ ràng trên nước biển. (Tài liệu trong Unexplained Mysteries of the 20th Century do Janet và Collin biên soạn)

TÌM HIỂU VẤN ĐỀ TỬ CON TRÈ

Nữ giáo sư Diane Komp đã từng tiếp xúc với các cháu bé bị bệnh nặng. Bà đã từng ở bên giường bệnh của những cháu sắp lìa đời và đã thu thập được nhiều điều kỳ lạ. Có lần bà túc trực bên cạnh một bé gái bảy tuổi, cháu bé này đang ở vào giai đoạn nguy hiểm nhất của bệnh Leukemia (Bệnh Bạch Cầu) và nghe tiếng thì thảo của bé nói với mẹ: "Ồ! các thiên thần kia! mẹ có thấy họ không? Mẹ có

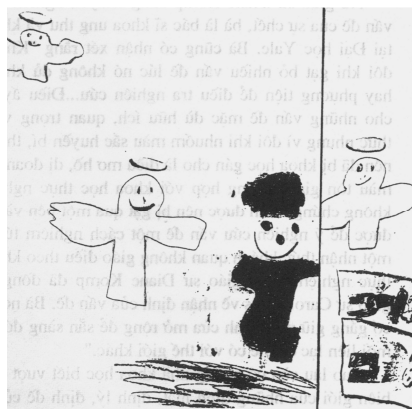
nghe họ hát không? Con chưa bao giờ nghe thấy ai hát hay như thế...!". Nói xong câu đó, cháu bé thở hắt ra và qua đời.

Hiện nay, một số nhà nghiên cứu vấn đề thuộc lãnh vực này đã công nhận rằng trẻ con thường biểu lộ sự việc này rõ ràng và thanh thoát hơn người lớn. Sự mô tả cũng thường chi tiết và trung thực hơn. Bác sĩ Melvin Morse chuyên về bệnh trẻ em ở vùng ngoại ô Seattle, là tác giả của cuốn sách rất ăn khách nhan đề là *Closer to the light*, nội dung trình bày những trường hợp đặc biệt về vấn đề các trẻ con tiếp cận với cõi chết, những phản ứng, tâm trạng, sự việc đều được ghi nhận qua lời kể, cách diễn tả để từ đó rút ra những đặc điểm chung đáng lưu ý. Ngoài ra, từ các nhận thức của con trẻ về vấn đề ấy sẽ được so sánh, đối chiếu với nhận thức của người lớn về lãnh vực này...

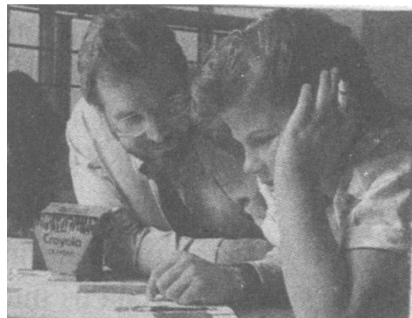
Bác sĩ Morse đã tiếp xúc, phỏng vấn, thu thập những gì do các trẻ em cung cấp. Có khoảng 70 trẻ em đã được bác sĩ Morse phỏng vấn. Phương thức thu thập sự kiện của bác sĩ Morse là im lặng lắng nghe hay gợi ý bằng những câu hỏi. Có khi bác sĩ lại khích lệ các em diễn tả lại những hình ảnh đã thấy trong khi tiếp cận với cái chết. Ngay cả việc mô tả bằng hình vẽ cũng được thực hiện. Phương pháp để các em mô tả lại bằng hình vẽ (do chính các em vẽ) rất quan trọng vì không có gì hơn là để các em suy nghĩ, nhớ lại và vẽ lên giấy những gì mà các em đã thấy được khi chính các em đã tiếp cận với sự việc, nhất là với cái chết. Vì có thể các em khó diễn tả bằng lời.

Theo bác sĩ Melvin Morse thì đối với trẻ con, sự mô tả của chúng thường thiên về tính cách kỳ diệu, lạ thường mà không có giải thích kèm theo vì sự nhận biết của chúng khác xa người lớn. Vì thế khi nghiên cứu, tìm hiểu, phân tích những gì trẻ em mô tả bằng lời nói hay bằng hình vẽ do trẻ trình bày, chúng ta nên tập chú vào phần cốt lõi, tinh túy của phần liên hệ đến những kinh nghiệm gần gũi với cái chết mà trẻ em đã gặp, đã thấy và liên tưởng, kể lại... Nhà nghiên cứu Verlyn Klinkenborg đã chụp lại những hình ảnh tự tay em Jamie Untinen vẽ. Em bé này lúc lên năm, đã bị đau màng não; một chứng bệnh vô cùng nguy hiểm, em đã ngất đi và sau đó nhờ sự chữa chạy kịp thời của các bác sĩ tài ba mà em thoát khỏi tay tử thần. Jamie đã dùng bút màu vẽ lại những gì mình đã thấy trong những giờ phút thập tử nhất sinh ấy theo yêu cầu của bác sĩ

Melvin Morse (lúc đó em đã 11 tuổi). Jamie vừa vẽ vừa mô tả. Trong hình vẽ, em vẽ ba thiên thần mặc đồ trắng, trên đầu có vòng hào quang. Chúa Jesus ngồi trên một khúc gỗ, Jamie bảo: trông gương mặt Chúa rất hiền từ và Chúa đã nói với cháu rằng: "Con không chết, chưa tới lượt con chết đâu!". Khi bác sĩ Melvin Morse hỏi hai người nằm trong hai ô chữ nhật có ý nghĩa gì thì bé Jamie trả lời một cách tự nhiên: "Ồ! hai người này đang chờ đợi tái sinh!" (Tài liệu này đã được đăng tải rõ ràng với đầy đủ hình ảnh trong Tạp chí Life - 1992).



đó là hai người đang chờ tới lượt tái sinh (nh tài liệu của báo Life, March 1992)



Morse nghe.

Nữ giáo sư Diane Komp cũng chuyên nghiên cứu về vấn đề của sự chết, bà là bác sĩ khoa ung thư và khoa nhi tại Đại Học Yale. Bà cũng có nhận xét rằng "Khoa học đôi khi gạt bỏ nhiều vấn đề lúc nó không đủ khả năng hay phương tiện để điều tra nghiên cứu... Điều ấy khiến cho những vấn đề mặc dù hữu ích, quan trọng và thiết thực nhưng vì đôi khi nhuộm màu sắc huyền bí, thâm sâu nên đã bị khoa học gán cho là điều mơ hồ, dị đoan, đượm màu tôn giáo, không hợp với khoa học thực nghiệm vì không chứng minh được nên bị gạt qua một bên và không được để ý nghiên cứu vấn đề

một cách nghiêm túc bằng một nhận thức khách quan không giáo điều theo khoa học thực nghiệm". Nữ giáo sư Diane Komp đã đồng ý với giáo sư Carol Zales về nhận định của vấn đề. Bà nói: "Tôi cố gắng giữ một cánh cửa mở rộng để sẵn sàng đón nhận mỗi liên lạc có thể có với thế giới khác".

Bao lâu còn có những nhà khoa học biết vượt ra khỏi biên giới của những định luật, định lý, định đề của khoa học, toán học và vật lý học, của những nhận thức khuôn mẫu của khoa học mà chúng ta đang sống để tìm hiểu giải thích những gì có tính cách siêu hình thì vấn đề nghiên cứu những gì bên kia cõi chết vẫn còn có hy vọng sáng tỏ và cánh cửa bí hiểm ngăn cách cõi sống và cõi chết còn có thể được mở ra. Tôn giáo đã trải qua một thời gian dài mô tả, phân tích và giải thích một số lớn sự kiện huyền bí, trong đó bao gồm cả vấn đề sanh và tử. Đã đến lúc khoa học bắt tay vào nghiên cứu và giải thích vấn đề. Theo các nhà khoa học thì rõ ràng thời gian kể từ Đệ Nhị thế chiến đến nay, kiến thức của nhân loại quả đã phát triển đến cao độ và cũng chính vì thế mà con người cảm thấy mình quá nhỏ bé trước sự vô cùng của tri thức và cái vô giới hạn của tư tưởng. Do đó con người cần phải tiến thêm nữa trong sự khám phá, nghiên cứu, tìm hiểu và suy luận, cũng như cần tận dụng hơn nữa khả năng tuyệt vời của bộ não mình, vì không lý do gì hiện nay phần lớn loài người chỉ tận dụng mới hơn 1/10 tinh hoa của não bộ.

CHẾT CÓ PHẢI LÀ MỘT ĐIỀU ĐÁNG SỢ ?

Balducci là một lý thuyết gia, một giáo sư chuyên nghiên cứu về Thần Học ở Rom (Ý), ông còn là nhà chuyên môn sưu tập, nghiên cứu về các hiện tượng ma quái, siêu nhiên, thần bí và đang viết các sách về Sự Chết và Kiếp Sau. Balducci đã phát biểu như sau về các lãnh vực này: "Chúng ta không thể đến được thế giới bên kia qua những bằng chứng rõ ràng như những gì thường xảy ra trong cuộc sống của con người mà ta có thể thấy được, nghe được, nắm được v.v... bởi vì những chúng có về kiếp lai sinh chỉ đến với chúng ta từ thế giới của Đấng Siêu Nhiên. Chúng ta cần phải cố gắng xem xét, phân tích, cân nhắc hết sức mình bằng sự suy tưởng và thực tế nhưng cũng vừa có tính Siêu Thoát. Không nên bị ràng buộc trong giáo điều cứng nhắc đầy lý thuyết của khoa học thực

nghiệm". Cũng theo Balducci thì khi chúng ta hiểu được tường tận sự chết và đằng sau sự chết thì có thể chúng ta sẽ không còn lo sợ về vấn đề này nữa.

Đại úy Tom Clark trong khi chiến đấu ở Việt Nam đã đâm phải quả mìn vào ngày 29.5.1969 và bị thương nặng ở chân. Khi được các nhà nghiên cứu về Sự Chết phỏng vấn ông về những kinh nghiệm tự bản thân trực diện với cái chết thì Đại úy Clark cho biết như sau: "Tôi cảm thấy như xuyên qua không gian và sau đó lại rơi xuống mặt đất. Lúc đó tôi đứng dậy và trong khoảnh khắc, nhận rõ rằng chân, tay phải và vai tôi bị tổn thương. Tôi ngã xuống trong ý nghĩ là mình chết. Tôi như quên hết mọi thứ và không còn thấy được gì nữa. Nhưng tôi lại như mơ màng nhận thức được rằng bác sĩ sẽ đến cứu tôi... Rồi đột nhiên, tôi thấy mình tự thoát ra khỏi cơ thể của chính mình và tôi thấy nhiều người đang chạy lại chỗ tôi đang nằm, họ bao phủ tôi trong tấm Poncho và đưa ngay về đơn vị MASH để chuyển vào phòng giải phẫu. Lúc bấy giờ tôi vẫn đang thoát ra khỏi cơ thể mình vì thế tôi thấy thân xác tôi thật thảm hại như một con người xa lạ nào nằm đó, chân tay co quắp, gương mặt thì trắng bệch. Rõ ràng thân xác tôi đã chết. Tôi thấy người ta cắt bộ đồ trận của tôi và đặt tôi lên bàn mổ... Cùng lúc tôi trông thấy một vùng sáng chói lòa ủa vào phòng. Vùng sáng kỳ diệu, ấm áp lạ lùng. Bỗng nhiên, trong cái chói chang sáng rõ ấy, tôi thấy mình trở lại nơi chiến trường. Quanh tôi người ta đang lẳng xăng chữa những quân nhân bị thương. Điều lạ lùng là họ không phải thuộc dạng thể vật chất bình thường. Tôi thấy họ lung linh xa vắng nhưng tôi lại biết rõ đó là Dallas, là Ralph, là Terry... Chính họ cũng biết tôi. Chúng tôi là bạn đồng đội cùng chiến đấu bên nhau... Những người này tìm đủ mọi cách lôi kéo tôi theo họ nhưng tôi không đi. Rồi bỗng nhiên trong giây phút dừng dằng ấy, vầng sáng kia lại xuất hiện và tôi thấy rõ ràng tôi đang nằm trên bàn mổ. Sự kiện nêu trên khiến tôi có cảm tưởng như mình vừa xem qua một cuốn phim sống động của đời mình, tôi đang xem chính tôi..."

Nhà phân tích nổi tiếng Stuart Twemlow ở Topeka, cũng đã kể lại một câu chuyện có thật về đời mình. Câu chuyện xảy ra lúc ông còn bé, ông bị té vào trong cái chậu giặt đầy nước và suýt chết đuối. Twemlow cho biết như sau:

"Tôi nhớ lại lúc đó tôi trôi nổi dạt dờ trong nước, trước mặt tôi là một màn ảnh rộng lớn và những hình ảnh của những chuỗi ngày tôi đã sống qua hiện ra rõ ràng. Ngày nay tôi biết đó là những hình ảnh hồi tưởng, đó là cái nhìn toàn cảnh (The panoramic view). Thế rồi bỗng nhiên mọi hình ảnh biến đi, lúc đó chính là lúc mẹ tôi ẵm tôi ra khỏi chậu nước. Tôi cảm thấy không hài lòng vì hành động của mẹ tôi vì bà đã làm mất đi niềm vui mới lạ mà tôi đã thấy được khi rơi vào chậu nước như thế..."

Theo Twemlow thì từ hình ảnh đầu tiên đó đã làm thay đổi hẳn cách nghĩ của ông. Ông cho biết: "Đó là một sự đổi thay chuyển đến từ vũ trụ hay từ một thế giới nào đó. Về sau, càng lớn lên tôi càng thấy được sự lạ lùng huyền bí đôi khi bất chợt đến với mình như tình cờ thấy bên trong cái tủ có những đồ vật kỳ lạ..."

Cứ mỗi ngày, chúng ta hiện hữu trên đời, chúng ta đều sống cùng với sự chết, tiềm tàng và chắc chắn nhưng đôi khi chúng ta không ngờ hay không biết tới. Nói dễ hiểu hay nói có vẻ khoa học thì mỗi ngày cơ thể ta có hàng triệu triệu tế bào chết đi và hàng triệu triệu tế bào khác phát sinh và phát triển. Chết sống nối tiếp nhau, chùng chát nhau ngay trong mỗi con người chúng ta và ở các sinh vật khác cũng vậy, còn những người đã gần gũi, chạm trán, có kinh nghiệm một lần với sự chết thì có thể không bao giờ họ còn sợ sự chết nữa. Chính nhà phân tích Tâm Lý Twemlow cũng đã cảm thấy Sự Chết không phải là điều đáng sợ và: "biết đâu đó là điều lý thú". Cũng như ông đã thường mơ tưởng lại những hình ảnh lạ lùng kỳ thú huyền diệu hiện ra lúc ông rơi vào chậu giặt đầy nước.

Bác sĩ Bruce Greyson chuyên về bệnh Tâm Thần và là Chủ bút tờ Journal of Near-Death Studies đã từng theo dõi, nghiên cứu, thăm dò, tìm hiểu và giúp đỡ rất nhiều người đã trải qua những kinh nghiệm, gần gũi với cái chết. Theo ông thì "Rồi một ngày nào đó, con người sẽ không còn lo sợ về cái chết nữa và họ sẽ xem sự chết như là một sự du lịch lâu dài tới một nơi xa lạ diệu kỳ và sẽ không hiếm người trông đợi, mong chờ với lòng nhiệt thành nôn nóng... cái chết đến với mình. Tuy nhiên, đối với vô số người chưa có lần chạm trán, tiếp cận với cái chết, họ sẽ có nhiều thắc mắc đặt ra, rằng có phải những điều kể lại của những người đã trải qua những kinh

nghiệm gần gũi với sự chết là đúng như thế không? Hay đó chỉ là ảo giác? (hallucination), và có phải đó là sự kiện để phân biệt, tách rời giữa thể xác và tinh thần không?

Phần đông, con người ta đều có một sự tin tưởng rằng thân xác mỗi người đều có linh hồn trú ngụ, chính nhờ đó mà con người có được sự hiểu biết và khi chết, linh hồn sẽ rời khỏi thể xác. Hiện nay, các nhà khoa học đã và đang cố gắng thu thập các dữ kiện liên quan đến vấn đề, công việc của họ cũng giống như của các nhà Sinh Vật suu tầm, tìm hiểu, phân loại các loài để dần dần có thể đi đến kết luận chung về nguồn gốc. Theo Daniel Dennett, Giám đốc Trung Tâm Nghiên Cứu về các nhận thức ở Đại Học Tufts và là tác giả của nhiều tác phẩm có giá trị, viết về những vấn đề thuộc Ý Thức, Tâm Linh, thì: "Những hiện tượng khác nhau bao gồm những gì mà chúng ta gọi là ý thức đều là kết quả của những hiện tượng Vật Lý qua các hoạt động của bộ não. Ý thức chính là sự phát triển và tiến hóa thuộc tính chất Sinh Vật Học. Ý thức cũng như chính bản thân của bộ não cũng chịu sự chuyển biến có tính cách Sinh Vật Học. Cho đến nay, những nhà Khoa Học cũng đã khẳng định rằng: "Những hoạt động thuộc về tâm thần, trí tuệ đều phát nguồn từ những quá trình hoạt động thuộc lãnh vực Điện Sinh Hóa Học (Electrochemical).

Chính những thông tin, những dữ kiện, những khám phá liên quan đến vấn đề Siêu Linh, Huyền Bí ngày càng gia tăng đã thôi thúc không những các nhà nghiên cứu tài tử, những kẻ hiếu kỳ, những người thích mạo hiểm vào "thế giới bên kia" mà còn lôi cuốn thêm các nhà khoa học, những con người chỉ bằng lòng hay chịu lưu ý đến những vấn đề có thể minh chứng trong phòng thí nghiệm nhập cuộc. Danh sách những nhà khoa học lưu tâm đến vấn đề nghiên cứu về những gì đằng sau Sự Chết ngày một dài hơn và đó chính là khúc quanh kỳ diệu của các nhà Khoa Học trong vấn đề nghiên cứu. Điều đó chứng tỏ con người không hài lòng với những gì mình đã nghiên cứu. Họ muốn tiếp tục nghiên cứu và tiến xa hơn... Họ không muốn chấm dứt sự nghiên cứu từ sự chết mà họ còn muốn biết luôn đằng sau sự chết có gì...?

(Còn tiếp)

Thức thứ tám

(tiếp theo VG 118)

3/ Luận về nhân quả

Trong mục những điều kiện trợ duyên cho thức thứ tám này đã đề cập đến Lục Nhân Luận và Tứ Duyên Luận. Đó là những nguyên nhân và những điều kiện cần và đủ để Thức có thể biến hiện ra những hiện tượng mà trong Duy Thức Học thường gọi là các PHÁP.

Thế nhưng những nguyên nhân và những điều kiện như thế làm phát sinh ra những kết quả, hệ quả hay còn gọi là Nghiệp Quả, Quả Báo... có liên hệ đến công năng dẫn nghiệp của Thức Thứ Tám như thế nào ?

Thông thường thì trong sự giải thích về Nhân Duyên Luận các hệ quả được giải thích chung chứ không luận về quả một cách riêng biệt.

Đến thời kỳ Luận Bà Sa, Quả Luận mới được xếp loại riêng để nghiên cứu cùng với nhân luận. Như thế tư tưởng đó được triển khai nghiên cứu trong phạm vi Hữu Bộ.

Thử tìm hiểu có bao nhiêu quả. Theo Bà Sa Luận (quyển 121, Đại Chánh, 27, trang 629; Câu Xá quyển 6) thì có 5 Quả đó là: A/ Dị Thục Quả, B/ Đẳng Lưu Quả, C/ Sĩ Dụng Quả, D/ Tăng Thượng Quả, E/ Ly Hệ Quả.

A. Dị Thục Quả

Dị Thục Quả là do Dị Thục Nhân đưa lại. Hay nói một cách khác Nguyên Nhân là Dị Thục Nhân đưa đến kết quả là sinh ra Dị Thục Quả.

Chữ Dị có nghĩa là Khác, là không cùng, là biến đổi theo ba trường hợp: khác thời gian (dị thời), khác chủng loại (dị loại), và sự thay đổi tính chất hay còn gọi là khác tính chất (biến dị).

Thục có nghĩa là đã chín, trường hợp ở đây có nghĩa là từ nhân đã đủ điều kiện để cho ra quả.

Trường hợp này thường chỉ cho quả báo ứng của Nghiệp Thiện hay Ác. Khi đề cập đến Nhân thì có Thiện hoặc Ác nhưng khi kết quả xảy ra như Dị Thục

Quả này lại là Vô Kỳ nghĩa là không thiện không ác. Đây chính là đặc trưng của Dị Thục Quả này.

Có những loại quả thuộc về Thiện hay Ác là do Biến Hành Nhân và Đồng Loại Nhân sinh ra. Đó là những loại quả khác không giống như Dị Thục Quả này.

Tùy theo đời trước gieo nhân lành hay ác sau khi mất đi và đến khi đầy đủ nhân duyên để thọ nhân đời sau do công năng của Thức Thứ Tám dẫn nghiệp ấy đi thọ thai. Thân quả báo này gọi là Dị Thục Quả.

B- Đẳng Lưu Quả

Tại sao gọi là Đẳng Lưu ? Đây là bình đẳng lưu xuất.

Đời trước tạo nghiệp thiện thì đời này hưởng Quả lành...

Đời trước tạo nghiệp ác thì đời này phải chịu Quả ác. Đó là sự bình đẳng lưu xuất hay còn gọi là nhân nào quả ấy.

Trường hợp này chỉ là cái quả cùng tính chất với nhân. Quả này do Đồng Loại Nhân sinh ra.

Đồng thời quả này cũng do Biến Hành Nhân sinh ra. Biến hành này có liên hệ đến các món phiền não làm nhân nên khi sinh ra quả cũng là phiền não.

C- Sĩ Dụng Quả

Câu Xá Luận quyển sáu định nghĩa như sau: "Nếu quả là do thế lực của nhân sinh ra thì gọi là Sĩ Dụng Quả". Nếu Nhân là động lực chính yếu thì kết quả tất cả đó là Sĩ Dụng Quả. Nhưng trường hợp này Sĩ Dụng Quả là kết quả do Câu Hữu Nhân và Tương Ứng Nhân mà có.

D- Tăng Thượng Quả

Tăng Thượng Quả là do Tăng Thượng Duyên đem lại. Theo Hữu Bộ thì Tăng Thượng Duyên tức là Năng Tác Nhân, phạm vi của nó rất rộng. Theo định nghĩa thì "trừ tự thể ra, còn tất cả các Pháp đều là Năng Tác Nhân (hay là Tăng Thượng Duyên). Một Pháp được sinh ra đều tùy thuộc vô số những điều kiện trợ duyên. Do đó Một Pháp được sinh ra có thể coi như là kết quả của vô số những điều kiện khác mà thành lập.

Nếu như thế thì 4 quả kia cũng có thể diễn dịch hay quy kết thành Tăng Thượng Quả. Nhưng trường hợp ở đây Tăng Thượng Quả đặc biệt không bao gồm 4 quả kia mà nó có một ý nghĩa đặc biệt. Đó là Vô Ngại Quả, Gián Tiếp Quả để đối lại với Tiêu Cực Nhân và Gián Tiếp Nhân.

E- Ly Hệ Quả

Theo Câu Xá Luận quyển sáu thì quả này có thể gọi là Sĩ Dụng Quả hay Sĩ Dụng Quả Bất Sinh.

Vì quả này do dụng công tu trì đạt được quả giải thoát là Niết Bàn, khác với các quả hữu vi khác, vì nó thuộc về vô vi Pháp nên gọi là Ly Hệ Quả.

Có thể nói trường hợp này hành giả đã tẩy sạch các món phiền não khỏi Thức Thứ Tám, đã chứng đắc quả vị Niết Bàn tịch tịnh, giải thoát khỏi sinh tử luân hồi.

Đó là năm quả thuộc về giáo nghĩa của Hữu Bộ.

Có thể tóm tắt sự liên hệ giữa Lục Nhân và 5 quả như sau :

1) Dị Thục Quả: do Dị Thục Nhân mà có.

2) Đẳng Lưu Quả: do Đồng Loại Nhân và Biến Hành Nhân mà có.

3) Sĩ Dụng Quả: do Câu Hữu Nhân và Tương Ứng Nhân mà có.

4) Tăng Thượng Quả: do Năng Tác Nhân mà có.

5) Ly Hệ Quả: do dụng công tu tập mà đạt được, thuộc vô vi Pháp nên không tùy thuộc 6 Nhân kể trên.

4/ Bốn Quả của Hữu Bộ

Theo Câu Xá Luận quyển 6 thì ngoài 5 quả kể trên Hữu Bộ còn lập thêm 4 quả nữa. Vì Hữu Bộ cho rằng chỉ 5 Quả trên chưa đủ diễn tả sự liên hệ giữa Nhân Duyên và sự dụng công của Tâm Thức để đưa đến kết quả.

A- An Lập Quả

Theo Thập Duyên Luận thì Quả này là quả y cứ. Có thể nói đây là một loại quả do tu tập mà chứng đắc.

Mỗi luận gia có lối giải thích khác nhau nhưng theo chỗ chúng tôi hiểu thì Quả này có liên hệ đến An Lập Hạnh trong bốn quả vị Bồ Tát. Đó là An Lập Hạnh (Supraticthitatchâritra) (Bồ Tát), Thượng Hạnh (Vicichatchâritra) (Bồ Tát), và Tịnh Hạnh (Vicudhatchâritra) (Bồ Tát).

B- Gia Hạnh Quả

Đây là những hoạt động của ý chí hay cũng là những dụng công tu tập mà đạt được. Như hành giả lúc khởi đầu tu Bất Tịnh Quán làm nhân cuối cùng chứng được trí vô sinh.

Gia Hạnh đây đồng nghĩa với Tinh Tấn. Nghĩa là hành trì những pháp môn tu tập phát tâm dũng mãnh tăng tiến mãi không thối chuyển đến khi đạt được quả vị giác ngộ.

C- Hòa Hóp Quả

Chỉ cái quan hệ nội tại giữa các cơ quan và Thức. Tức là Cơ Quan trong

cơ thể (Căn) hoạt động tiếp xúc với đối tượng của nó làm Nhân sinh ra tác dụng phân biệt là Thức đó là Quả.

Hòa hợp nghĩa là sự tiếp xúc đó điều kiện giữa các Căn và đối tượng của nó. Ví dụ mắt phải thấy hoa và nhờ có ánh sáng mới thấy hoa được và sau khi thấy hoa rồi mới có nhận thức phân biệt về loại hoa này khác với loại hoa kia... Đó là Hòa Hợp Quả.

D-Tu Tập Quả

Cũng theo Câu Xá Luận quyển sáu nói rằng do Tinh Lự mà có Biến Hóa Tâm. Như vậy Biến Hóa Tâm là Quả của Tinh Lự.

Cũng như một Thiền sư dụng công tu tập nhiều năm kết quả là Ngài đã chứng quả A La Hán...

Thực ra bất cứ một Quả nào trong 4 quả này cũng có thể được thu nhập vào một trong 5 quả kể trên. Ví dụ Hòa Hợp Quả có thể nói là đối với Câu Hữu Nhân như vậy có thể thu vào Sĩ Dụng Quả. Vì thế nên trong Câu Xá Luận giải thích rằng 4 Quả này không có tư cách độc lập đặc biệt, bởi vì cả 4 Quả đều có thể thu nhiếp vào Sĩ Dụng Quả hay Tăng Thượng Quả.

Trong trường hợp này Hữu Bộ đã căn cứ vào 6 Nhân mà lập ra 5 Quả (hay 9 Quả). Thế nhưng ở đây thử bàn mối quan hệ thời gian giữa Nhân và Quả như thế nào?

Có hai trường hợp xảy ra đó là:

- a) Nhân trước Quả sau
- b) Nhân Quả đồng thời

Tương ứng với hai trường hợp này Hữu Bộ thành lập ra hai loại Quả là Thủ Quả và Dữ Quả.

Thủ Quả chính là chỉ cái chất liệu của Quả do Nhân đưa lại. Nói một cách khác Thủ Quả chính là chỉ cái đương thể của Quả Thế đã thành. Thủ Quả trong trường hợp này tương đương với Chất Liệu Nhân.

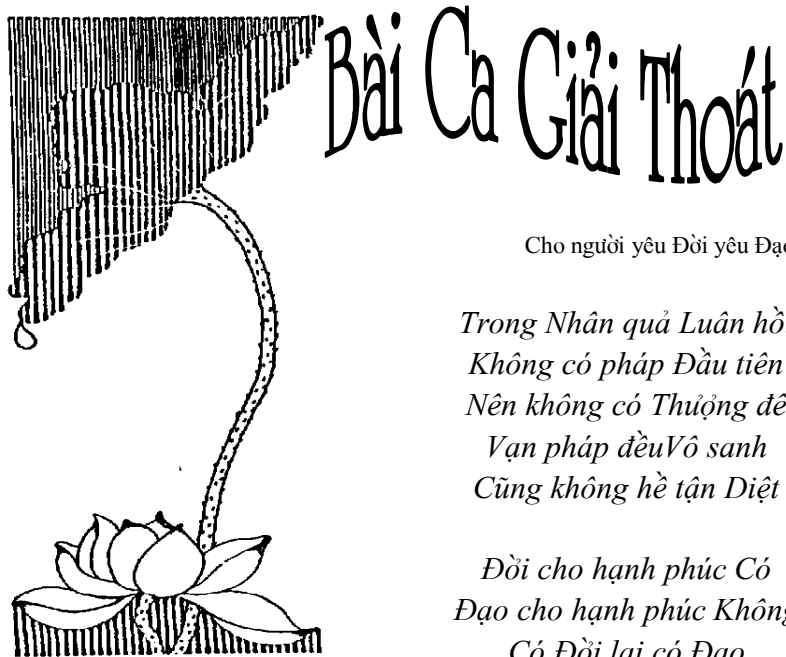
Dữ Quả là chỉ cái tác dụng thực hiện Quả đó, tương đương với Động Lực Nhân.

Trong Câu Xá Luận quyển 6 có định nghĩa như sau: "Có thể vì đó gieo nhân nên gọi là Thủ Quả, cho đó năng lực nên gọi là Dữ Quả".

(Ghi chú: Câu Xá Luận nói cho đủ là A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (Abhidharma-kosa-sastra) do Ngài Thế Thân (Vasubandhu) sáng tác, đây là bộ luận căn bản chủ yếu của Câu Xá Tông. Ngài Thế Thân là Giáo Tổ của Tông này).

Hữu Bộ (Sarvastivādin) nói cho đủ là Nhất Thiết Hữu Bộ, Giáo Tổ là Ngài La Hầu La).

(Còn tiếp)



Cho người yêu Đời yêu Đạo

*Trong Nhân quả Luân hồi
Không có pháp Đầu tiên
Nên không có Thượng đế
Vạn pháp đều Vô sanh
Cũng không hề tận Diệt*

*Đòi cho hạnh phúc Có
Đạo cho hạnh phúc Không
Có Đòi lại có Đạo
Như chiếc xe có thắng
Càng tha hồ chạy nhanh.*

*Các Pháp do duyên sanh
Duyên diệt các Pháp diệt
Vừa Có cũng vừa Không
Hôm nay vui với Có
Mai đừng khóc vì Không.*

*Ham muốn sinh lo lắng
Thắc mắc Được? hay
Không?
Ngày mai mưa? hoặc nắng?
Thì mây bay vẫn thế
Mưa, nắng đã định rồi.*

*Sắc, Thọ, Tưởng, Hành,
Thức
Cũng như mây như gió
Biến diệt theo nhân duyên
Dầu Hữu vi suy tính
Cũng Vô vi như mây.*

*Dù không được vừa ý
Tam thế đều hữu lý
Theo Sự thật nhân duyên
Bỏ thái độ ham muốn
Hết lo lắng, ưu phiền.*

*Niết bàn không nơi chốn
Không ra ngoài khổ đau
Như người mù mờ mắt
Dầu đòi không thay đổi
Vẫn sung sướng vô ngần.*

*Cử nhìn thẳng trong nước
Sẽ thấy nước không màu
Khảo sát Ngã cùng Pháp
Ngộ Vô Ngã, Vô Vi
Vô trụ Thánh hoặc Phàm.*

*Chòn Không hiện các pháp
Còn tìm ta nơi đâu?
Chòn Ngã cũng không màng
Như lai không còn Hữu
Còn chi để luân hồi!*

*Còn chi để ràng buộc!
Còn chi để ước mở!
Chòn như theo các Pháp
Cũng Mò ước, Ràng buộc
Trọn vẹn đủ Đạo, Đòi.*

Chòn Như

TÂM CẢNH

Nguyên tác:

The World Within

Tác giả:

Dr. Gina Cerminara

Người dịch:

Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyên

?

CHƯƠNG I.- DẪN NHẬP

Mục 1.-

NÀY BRIDEY MURPHY !

Chúng tôi xin giải thích rõ cho quý vị nào chưa từng biết qua về chuyện Bridey Murphy.

Có một nhà kinh doanh trẻ, giàu có ở Pueblo, tiểu bang Colorado, Hoa Kỳ, tên Morey Bernstein, đã học thuật thôi miên trong nhiều năm để tiêu khiển. Ông khá lão luyện trong môn này, từng công tác với nhiều vị bác sĩ ở Pueblo cũng như giúp biết bao người vượt qua những trường hợp bị căng thẳng thần kinh khiến nói lắp, nhức đầu đồng, mất ngủ, hút thuốc quá nhiều, tê liệt vì bệnh tâm thần.

Năm 1950 có người biểu ông hai quyển "*Có Một Dòng Sông*" (There Is a River) và "*Nhiều Đồi Nhiều Kiếp*" (Many Mansions). Ông say mê, thích thú đọc, thấy sách không những đề cập đến việc dùng thôi miên chữa bệnh mà còn cho thấy chứng cứ có sự tái sinh. Đâu dễ tin ngay, ông đích thân tìm đến trụ sở chính của Edgar Cayce ở Virginia Beach hầu vạch trần tận gốc sự dối trá. Sau khi phỏng vấn người con trai của Edgar là Hugh Lynn Cayce, xem xét hồ sơ cũng như gặp nhiều người có kinh nghiệm trực tiếp với việc chữa bệnh bằng thần lực,

Bernstein thay đổi hẳn thái độ. Ông kết luận là các tài liệu của Cayce rất chân thật nhưng mà lại vô lý.

Về Pueblo, ông bắt đầu thí nghiệm phương cách khá quen thuộc đối với các tâm-lý-gia: thôi miên để đưa lui về quá khứ (age-regression technique). Ông còn táo bạo tiến xa hơn, đề nghị người bị thôi miên *lui về tiền kiếp*, tức là khoảng thời gian trước khi chào đời ở kiếp này.

Quả thực bà ta lui về tiền kiếp, bắt đầu nói về cuộc đời ở Ái Nhĩ Lan vào thế kỷ 19, lúc đó bà mang tên Brides Murphy. Chuyện còn nhớ được hồi thơ ấu là bà đã cạo tróc sơn chiếc giường ngủ bằng sắt của bà.

Trong lần thôi miên đó và những buổi kế tiếp, cuộc đời của Brides Murphy lần lượt được kể rõ. Người thiếu phụ bị thôi miên đã dùng những chữ phù hợp với thời điểm, nơi chốn câu chuyện, mà khi tỉnh dậy bà không hiểu biết chi.

Chẳng hạn bà đã dùng chính xác từ "linen" để chỉ chiếc khăn tay, từ "flats" để nói về một dụng cụ trong nhà bếp, từ "cropping" để mô tả việc canh tác, "ditch" có nghĩa là an táng, cũng như nhiều thành ngữ đương thời mà ngày nay người Mỹ, người Ái Nhĩ Lan (trong một số trường hợp) không thể biết. Bà còn nêu ra các địa danh, biển cổ, tiền tệ, mùa màng, phong tục tập quán, sách vở mà Bernstein sau này kiểm tra thấy đúng.

Nhân khi đi New York giao dịch thương mại, Bernstein đưa tài liệu cho nhiều cơ sở phát hành xem, khiến họ chú ý. Các vị chủ biên của Doubleday cũng phấn khởi như Bernstein, ký hợp đồng phát hành một quyển sách về đề tài này. Cơ sở phát hành Doubleday còn lập chương trình yêu cầu các nhà khảo cứu ở Ái Nhĩ Lan tìm chứng cứ xác nhận câu chuyện do người thiếu phụ Hoa Kỳ kể trong cơn thôi miên. Bernstein không được phép tham dự vào việc tìm tòi để nó được hoàn toàn khách quan. Phần đầu của quyển sách dành cho Bernstein kể về kinh nghiệm đó. Phần hai là kết quả kiểm chứng độc lập do Doubleday tổ chức. Họ gửi thư, đánh điện sang Ái Nhĩ Lan yêu cầu điều tra các chi tiết nào chưa thể được kiểm chứng ở bên Mỹ.

Thế nhưng công việc này dần dà tỏ ra tốn khá nhiều thì giờ và đầu dút khoát như đã tưởng. Trong khi đó, bộ máy quảng cáo đã phát động, thời

điểm phát hành đã ấn định, đã nhận được gần mười ngàn thư đặt mua hoặc hỏi thăm về quyển sách, nhờ một loạt bốn bài phóng sự đăng trên Denver Post Sunday khiến độc giả lưu ý. Tuy nhiên kế hoạch ban đầu được sửa đổi và quyển sách phải ra mắt dù tài liệu thu thập để chứng minh chưa đầy đủ.

Việc phát hành vội vã này bị chỉ trích nặng nề từ bốn phương tám hướng, cho rằng thủ tục của Bernstein không có tính cách khoa học. Người ta nêu rằng các nhà khoa học chân chính đôi khi phải dành trọn cả cuộc đời để thu thập dữ kiện rồi mới đi đến kết luận chắc chắn. Điều này hiển nhiên đâu thể phủ nhận, nhưng cũng xin lưu ý là:

(1) Bernstein hành động rất ngay tình. Ông và nhà xuất bản thỏa thuận rằng việc khảo cứu kiểm chứng bên Ái Nhĩ Lan do nhà xuất bản đảm trách.

(2) Tốt nghiệp ngành thương mại ở Đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ, ông chớ hề có tham vọng trở thành một khoa-học-gia. Ông đâu tự cho mình là một Darwin hay Louis Pasteur. Là một doanh nhân, ông chủ yếu lo việc làm ăn. Ông tâm sự một cách chân thực, rõ ràng rằng mục đích của việc viết quyển sách này là muốn các nhà khoa học chính hiệu lưu tâm đến những kết quả lạ lùng. Ở chương cuối sách, ông viết: "Đây không phải là lĩnh vực mà ta mong thấy một trường hợp hoàn hảo, chẳng có kẻ hở, mà toàn bộ vấn đề là các nguyên tắc áp dụng ở đây nên được để ý nhiều hơn nữa".

Câu chuyện Bridey Murphy bị tấn công tôi bởi như vậy, cho dù do thành kiến, cũng có cơ đứng vững nếu cơ sở phát hành nán đợi cho đến khi điều tra cận kề. Thế nhưng theo Bernstein điều này không quan trọng. Trường hợp Bridey Murphy chẳng những được các khoa-học-gia đứng đắn để ý mà còn khiến nhiều giới độc giả biết đến.

Chỉ trong vòng hai tuần sau khi tung ra thị trường, quyển sách nhày vào bản liệt kê các tác phẩm bán chạy nhất. Sách không đủ cung cấp cho nhu cầu. Trong 5 tháng phải in đến 10 lần, tổng cộng 205.000 cuốn. Năm mươi mốt nhật báo ở Hoa Kỳ trích đăng quyển sách này làm nhiều kỳ. Vài tờ còn phải đăng lại lần thứ nhì vì có nhiều độc giả hỏi mua mấy số báo cũ quá đông. Hãng phim Paramount mua bản quyền sử dụng tài liệu. Sách còn dịch ra các tiếng Hòa Lan, Pháp, Ý, Đan Mạch, Thụy Điển, Tây Ban Nha, Phần Lan, v.v... Chuyện khá

ngạc nhiên là có một người ở Chicago bước vào hiệu sách Kroch's and Brentano's mua sách cả kệ sách trưng bày nơi tủ kính, tổng cộng 166 cuốn "Đi Tìm Bridey Murphy" (The Search for Bridey Murphy).

Thiên hạ bắt đầu mở party mặc đồ hóa trang "Thời Tiền Kiếp của Bạn"; một quán nhậu ở Houston, Texas, chế ra thức uống mang tên Cocktail Tái Sinh; các diễn viên hộp đêm chêm vào hài kịch những màn thôi miên đưa lui về quá khứ; có bốn bản nhạc phổ thông tựa là "Mối Tình của Bridey Murphy", bản "Truy Tìm Bridey Hammerschlagen" của Stan Freeberg, "Ca Khúc Bridey Murphy" và một bản Rock and Roll thời thượng có câu giáo đầu như sau: "Bridey Murphy từng nhảy rock and roll một trăm năm trước, này Bridey Murphy!". Đồng thời Bridey Murphy còn là đề tài nhạo báng, tiểu lâm. Người ta kể chuyện một gã sau khi đọc quyển Bridey Murphy bèn sửa chúc thư: để lại toàn bộ tài sản cho chính anh ta. Chuyện khác nói về một người đàn ông đã đưa lui về thế kỷ 17 bà vợ "yêu quý" của mình rồi bỏ bà luôn ở đó. Một bức hí họa vẽ cảnh hai bà nội trợ gặp nhau trong siêu thị. Một bà giận dữ kể bà kia nghe: "Thiệt có tức không hở chị. Thăng chồng của em gọi em là Bridey Murphy. Còn bảo rằng đã dành một kiếp để học nấu ăn mà vẫn tẻ". Không biết có ai chế thức ăn cho mèo và đặt tên "Thực phẩm cho Mèo của Bridey Murphy - Rất tốt cho Chín Kiếp", ...

Tóm lại câu chuyện của Bridey Murphy đã trở thành một thời thượng (như tờ Life đã viết) đầu thua gì phong trào xây cơ ma, xoa mặt-chuộc, Chế độ Kỹ-Trị (Technocracy), Davy Crockett và các mốt nhất thời thịnh thoàng gọi trí tưởng tượng của công chúng. Morey Bernstein trở thành Liberace của thế giới tái sinh.

Dù có nhiều người than phiền về thái độ khinh suất và khiếm nhã khi bàn đến vụ Bridey và những người khác thì bác bỏ, cho đó chỉ là chuyện vô lý, giật gân, vẫn có hàng ngàn người suy nghĩ đúng đắn, thảo luận nghiêm chỉnh. Các hiệu sách cho hay những quyển nói về thôi miên, tái sinh bán chạy nhất. Đi đâu cũng nghe người ta bàn về Bridey Murphy, dù trên xe Bus, trong quán rượu, tại văn phòng, trên toa xe dành cho người hút thuốc, ở nhà hàng, phi cơ, tiệm sửa xe, hiệu hớt tóc, nơi ngã tư hay khuôn viên đại học, tại California hay bên Ái Nhĩ

Lan, trong các nhà cho thuê phòng trọ hay tại dạ tiệc. Đề tài tái sinh được mang ra thảo luận một cách nghiêm túc, đôi khi còn sôi nổi bởi những người mới nghe chữ đó lần đầu, hoặc những người tin tưởng điều đó từ lâu nhưng chưa dám nói ra mạnh miệng như bây giờ.

Không những công chúng đọc chuyện Bridey Murphy, ca hát, kể chuyện khôi hài hoặc thảo luận nghiêm chỉnh về nàng, họ còn thủ thôi miên để đưa lui về quá khứ.

Trên khắp nước Mỹ, người này bảo người kia (với giọng ra lệnh chậm rãi, nhịp nhàng) "hãy đi sâu hơn, sâu hơn", và trên toàn quốc khi các cuộn băng ghi âm chập chạp quay, nhiều người lui về cái dương như là tiền kiếp: làm binh sĩ thời Nội Chiến Hoa Kỳ, vũ nữ Đông Dương, mệnh phụ phu nhân tại triều đình Pháp quốc hay nông dân lam lũ bên Tây Ban Nha.

John Grover, một phóng viên đa nghi của tờ Los Angeles Mirror-New, chịu thử nghiệm để được đưa lui về quá khứ, đã rất ngạc nhiên khi biết mình từng là thợ sửa giày người Đức, ngụ tại Hamburg hồi thế kỷ 14, và còn nói được vài chữ Đức, ngôn ngữ mà anh bảo lúc tình thức đầu có biết. Một trong các điều kỳ lạ nhất của việc thử nghiệm này, theo Grover, là đã dùng chữ "pud" để nói về một đơn vị trọng lượng, mà theo cuộc khảo cứu, thì đó là một quả cân của người Nga bấy giờ, mà có lẽ các con buôn ở mấy hải cảng Âu Châu đều biết. Khía cạnh khác của cuộc thử nghiệm Grover cho rằng đáng chú ý nhất là cảm giác khá rõ rệt về mùi nước sinh hơi hơi của sông Elbe anh ngửi được lúc sống lại tiền kiếp ở Hamburg. Kinh nghiệm của Grover rất độc đáo. Không những các người vốn đã tin tưởng mà cả đến mấy kẻ đa nghi đều thấy cần suy nghĩ cẩn thận về các việc, các điều đang kinh nghiệm mà trước kia họ chưa hề biết đến.

Việc công chúng cuồng nhiệt quan tâm như vậy tự nó là một hiện tượng tâm lý đáng lưu ý. Có thể hiểu trước hết đây là sự biểu lộ mối ưu tư hằng cửu về những gì liên quan đến sự sống sau khi chết. Thứ nữa là niềm thích thú khi thấy sự thôi miên ảnh hưởng đến trí tưởng tượng con người. Thứ ba là những sự bấp bênh, không chắc chắn của thời đại chúng ta khiến ta ước ao tình trạng ổn định, chắc chắn của vũ trụ. Thứ tư, tâm trạng uyển chuyển của

công chúng đã bao phen ngỡ ngàng, kinh ngạc về những chuyện khó tin (như bom khinh khí, đĩa bay, vận tốc siêu âm, cửa khép mở tự động nhờ mắt thần, lưu thông do ra-đa điều khiển, vô tuyến truyền hình, hỏa tiễn liên hành tinh, vệ tinh nhân tạo, v.v...) nên thái độ cởi mở cho rằng chuyện gì cũng có thể xảy ra càng phổ quát từ giữa thế kỷ 20.

Dĩ nhiên tự buổi đầu câu chuyện Bridey Murphy bốn bề thọ địch, bị tấn công tới bởi hoa lá, song ít có ai nghi ngờ tính lương thiện, chân thành của Bernstein (hầu như ai cũng thấy rằng ông đang làm ăm khảm khá, chà dại gì giờ trò lường gạt lành ít dữ nhiều). Nhiều người cho rằng ông là một kẻ chơi nghiệp dư "ngây thơ", "không chuyên môn", "đùa giỡn với những thứ mình chả hiểu biết hoặc biết rất ít, rồi vội vàng chạy đi báo cáo lên các nhà trí thức. Câu chuyện về Bridey Murphy bị phê phán gắt gao từ hai giới có quan điểm khác biệt: tôn giáo và khoa học.

Vài nhà thần học phần nộ gọi đây là "sản phẩm của ma quỷ", "của quỷ sứ". Nhiều người có tín ngưỡng chính thống giận điên lên vì cho rằng nó đi ngược với các lời giảng trong Thánh Kinh. Kẻ khác lại tỏ ra thỏa dạ vì thấy đây là điều họ biết từ khuya nhưng bác bỏ nó đi vì đó là dị giáo.

Bên giới khoa học, các bác sĩ tâm thần tấn công câu chuyện đó dựa trên các cơ sở:

(1) Người bị thôi miên dễ bị xò mũi, hướng dẫn, thích chiều ý nhà thôi miên cho nên dễ tạo ra những gì được mong muốn.

(2) Các sự kiện được kiểm chứng bên Ái Nhĩ Lan chỉ là nhờ trùng hợp ngẫu nhiên. Còn các chi tiết khác đều là ký ức tiềm thức của những gì nghe được hồi còn bé.

Bác sĩ Schneck (cựu Chủ tịch Hội Thôi-Miên Lâm-Sàng và Thí Nghiệm) cùng bác sĩ Lewis Wolberg (Giám đốc Y khoa Trung Tâm Tâm Lý Trị Liệu của những vị tốt nghiệp hậu-đại-học ở New York) nhận định: "Cách kiểm tra sự thực câu chuyện ở Ái Nhĩ Lan đi quanh co trong khi có cách trực tiếp hơn. Đó là tìm hiểu thời thơ ấu và phát triển của thiếu phụ này, thay vì chạy đi lục lợi đồng báo cũ bên Ái Nhĩ Lan.

Tháng 2 năm 1956, William Barker (phóng viên đã tường thuật câu chuyện Bridey Murphy phân làm bốn kỳ trên

Denver Post mấy tháng trước đó) đi Ái Nhĩ Lan mong tìm chứng cứ các chi tiết chưa được sáng tỏ. Bernstein thấy cuộc khảo cứu do nhà xuất bản thực hiện không mấy thỏa đáng. Và các vị chủ bút tờ Denver Post cũng nghĩ như vậy, nên quyết định tài trợ cho Barker qua Ái Nhĩ Lan ba tuần. Cuộc tìm tòi của Barker (sau này đăng trên Denver Post với nhan đề "Sự Thực về Bridey Murphy" tuy đáng chú ý song chẳng đủ sức thuyết phục, đánh tan mọi nghi ngờ. Nhiều bản thống kê ông nghiên cứu không đầy đủ, vài bản đã bị hủy diệt, vài bản không tìm thấy. Người Ái Nhĩ Lan rất lịch sự, giúp đỡ, nhưng vì tín ngưỡng sâu đậm trong lòng nên phần đông chẳng tin có chút sự thực nào trong câu chuyện về Bridey Murphy. Phản ứng đầu tiên của họ hầu như hoàn toàn tiêu cực và nghi ngờ về bất cứ cái gì dường như xác nhận sự hiện hữu của Bridey, dù cuộc khảo cứu sau đó thường chứng tỏ ý kiến tuyệt đối của họ là sai lầm. Dù gặp phải hai trở ngại không nhỏ đó, Barker vẫn có thể xác minh vài điểm trong câu chuyện về Bridey.

Tháng 3 năm 1956, một tạp chí có số phát hành lớn trên cả nước đưa ra một hình ảnh méo mó về bài tường thuật của Barker. Chẳng hạn tạp chí này cho rằng Bridey có nói đến một quyển sách tựa là "Các Niềm Đau Đớn của Deirdre" (The Sorrows of Deirdre), cái tên Deirdre này đâu có trên bất cứ tựa quyển sách nào xuất bản trước năm 1905. Thế nhưng Barker tìm được trong bản liệt kê các sách ấn hành bằng Anh ngữ và ngôn ngữ của người Celte ở Ái Nhĩ Lan, thì quả có cuốn "Niềm Đau của Deirdre" từ năm 1808. Tạp chí còn cho rằng giường có khung bằng sắt chưa có mặt ở Ái Nhĩ Lan trước năm 1850, vì vậy làm sao Bridey Murphy có thể cạo tróc sơn chiếc giường sắt của cô hồi thơ ấu. Song Barker tìm được bằng chứng (kể cả trong sách Bách khoa Tự điển Britannica và số tay của Thackeray) quả là giường sắt đã được sử dụng từ đầu thế kỷ 19. Việc trình bày lệch lạc như vậy đầy dẫy trong bài phóng sự của tạp chí, nhằm hạ uy tín câu chuyện đối với công chúng.

Thế nhưng vào tháng 5 năm đó xảy ra cuộc tấn công tai hại nhất, đó là loạt bài đăng trên nhật báo Chicago American dưới nhan đề "Bridey Murphy chẳng còn bí mật gì".

Mục sư Wally White của Chicago Gospel Tabernacle biết ra người được Bernstein thổi miên (dưới tên giả là Ruth Simmons, nhằm bảo mật danh tính) từng là học viên lớp chủ nhật ở Hội Thánh của ông. Bất chước các bác sĩ tâm thần, ông cho rằng cứ nghiên cứu kỹ thời thơ ấu của Ruth sẽ phơi bày tất cả những gì gọi là ký ức của Bridey Murphy, mà thực ra chỉ là ký ức thuở nhỏ của kiếp này chuyển dịch mà thôi. Ông nói toạc rằng mục đích của ông là phá hủy câu chuyện về Bridey vì nó trái ngược một cách nguy hiểm tính cách chính thống của Cơ Đốc giáo.

Cùng với các phóng viên tờ Chicago American, ông White thành công trong việc chứng minh, Ông cho rằng :

(1) Hồi nhỏ Ruth Simmons đã từng cạo tróc sơn chiếc giường sắt của bà.

(2) Bà có người bạn láng giềng khá thân mến mà bà gọi là "Chú Plazz".

(3) Bà giỏi đóng kịch, bắt chước và thường diễn các màn độc thoại với giọng Ái Nhĩ Lan.

(4) Bà cũng thường nhảy các vũ điệu Ái Nhĩ Lan.

(5) Có một phụ nữ hiện sống ở Chicago tên Bridey Murphy Corkell, vốn là người hàng xóm của Ruth Simmons và Ruth thường chơi với các con của Bridey. Chi tiết này được công bố một cách đặc thủng. nh của bà Corkell được in trên nhiều sách báo với các chú thích đại khái như "Rốt cuộc tìm được Bridey Murphy - Bà ta sống cả đời ở Chicago".

Ông White bảo rằng các chi tiết này được đưa vào cuộc đời tưởng tượng của Bridey Murphy đã từng cạo tróc sơn chiếc giường sắt của bà ở Ái Nhĩ Lan, có một chú Plazz, nói được giọng Ái Nhĩ Lan chính cống, nhảy vũ điệu Ái Nhĩ Lan - tất cả trong cơn thổi miên.

Dưới mắt nhiều người, vụ này coi như giải quyết xong. Giới tu sĩ trên toàn nước Mỹ thờ phào nhẹ nhõm. Chúa hết còn bị nhạo báng. Nơi chuộc tội, hòa ngục, sự sống dẫy, sự cứu rỗi vẫn còn an toàn ở nguyên vị trí. Các bác sĩ tâm thần cũng vui lắm. Một vị ở New York thốt lên khi nhận xét về cuộc điều tra: "Thật tuyệt diệu. Đúng như tôi hằng mong là có người làm được chuyện này". Bác sĩ Lewis Wolberg cho đó là một công trình vô giá đưa ra

ánh sáng các chi tiết đặc biệt của cuộc đời Ruth Simmons mà bà đã dùng để thêu dệt nên chuyện tái sinh tưởng tượng. Con ma Bridey Murphy (chữ mà báo chí thường dùng) đã bị cho nằm xuống. Giới tu sĩ và bác sĩ tâm thần rất hồ hởi với tinh thần "tôi đã bảo với bạn là nó như vậy mà" và thư thái tiếp tục công việc thường lệ.

Nhưng thực ra những cái thờ phào nhẹ nhõm, những câu "tôi đã bảo với bạn là nó như vậy mà" e là quá sớm. Trước hết chính Ruth Simmons lúc riêng tư cũng như khi trả lời phỏng vấn đăng trên tờ Denver Post đã bác bỏ nhiều điều mà tờ Chicago American cho rằng đã lật tẩy được. Theo bà thì :

(1) Trong suốt cả đời, bà chưa hề quen một người nào mà bà gọi là Chú Plazz.

(2) Bà không nhớ hồi nhỏ đã cạo tróc sơn chiếc giường sắt.

(3) Bà chẳng có tài bắt chước. Điều này cũng được người giáo viên từng dạy môn trình diễn cho bé Ruth xác nhận khi được ký giả báo Denver Post phỏng vấn.

(4) Hồi nhỏ bà chỉ nhảy điệu Charleston và Black Bottom chứ chưa từng nhảy vũ điệu Ái Nhĩ Lan.

(5) Ruth còn nhớ bà Corkell. Nhưng bà chớ hề biết rằng bà ấy tên Bridey hay tên hồi còn con gái (maiden name) là Murphy. Thực tế là mấy đứa bé chơi đùa với nhau làm sao biết được tên (first name) của mẹ bạn, mà chúng chỉ biết họ (last name) thôi. Ngay cả người lớn sống nơi đô thị như ở Chicago đây mấy khi biết được tên hoặc tên thời con gái của mấy bà láng giềng.

Và hầu như một số chi tiết của câu chuyện hoàn toàn phịa ra. Hiển nhiên là phần lớn các điều so sánh song đôi giữa hai kiếp người rất ư là gượng ép. Thí dụ họ cố giải thích cho xong chuyện về cái chết của Bridey vì té thang lầu, họ cho rằng người chị của Ruth hồi nhỏ có lần té ở bậc thềm. Hơn nữa các điểm tương tự vẫn có thể xảy ra nếu ta lấy bất cứ hai cuộc đời nào đó để so sánh, và đâu thể vin vào đó bác bỏ sự thực là đã có một tiền kiếp.

Cũng có thể là việc nhớ lại tiền kiếp hồi thế kỷ 19 ở Ái Nhĩ Lan đôi khi lẫn lộn với vài ký ức của thế kỷ 20 bên Chicago. William Barker cũng nói rõ là một người bị thổi miên đâu có tuyên thệ chỉ nói sự thực và là người có kiến

thức rộng. Y chẳng thể nhớ hết mọi chuyện một cách chính xác, và cái nhớ được có thể được rút ra từ nhiều khoảng thời gian khác nhau trong ký ức.

Nhưng quan trọng hơn cả là sự thực (mà các cây viết của nhật báo lá cải đã cố tình lờ đi) dù hồi nhỏ Ruth có trả thuộc lòng bao nhiêu mẩu độc thoại khôi hài bằng tiếng Ái Nhĩ Lan, các mẩu độc thoại đó đâu chứa đựng những chi tiết lịch sử, chẳng hạn như có một người bán rau quả tên John Carrigan, một người bán thực phẩm tên Farr ở Belfast hồi thế kỷ 19, có hai địa danh nhỏ tên Doby và Baillie's Cross không được ghi trên bất cứ bản đồ nào, nhưng lại được một giáo sĩ Công giáo và một nông dân Ái Nhĩ Lan xác quyết là thực sự đã có ở hạt Cavan, xứ Ái Nhĩ Lan, quả có đồng tiền tên "tuppance" thời đó bên Ái Nhĩ Lan (trái với ý kiến của mấy người tự xưng là chuyên viên bảo rằng không có) và nhiều chi tiết khác nữa được xác nhận rõ ràng ở Ái Nhĩ Lan.

Có lẽ phải mất nhiều năm tháng trước khi mọi chứng cứ của vụ Bridey Murphy được thu thập và xem xét. Hiển nhiên phải gạn lọc cẩn thận, thực thà những gì có thể là ký ức tiềm thức thời thơ ấu với lại ký ức tiền kiếp. Nó phải được đàm trách bởi những người rất mực vô tư, chứ chẳng phải do mấy kẻ có thành kiến hoặc vì tín ngưỡng mà bác bỏ câu chuyện về Bridey Murphy. t hẳn đáng chú ý và rất bổ ích nếu Ruth Simmons chịu để một nhà thôi miên khác thôi miên đưa lui về một tiền kiếp khác nữa, không liên quan chi đến sự ảnh hưởng của Ái Nhĩ Lan trong hiện kiếp.

Nhưng ngay cả khi có thể đánh đổ toàn bộ chứng cứ về Bridey Murphy (và trong thực tế chả làm được dù có nhiều chỉ trích hời hợt, lo âu, phiến diện nặng xị lên), việc phán xét vẫn không thể trì hoãn. Đã có quá nhiều chứng cứ ở nơi khác. Và có thêm những chứng cứ mới được đưa ra ánh sáng sau vụ Bridey Murphy với các chi tiết trong một số vụ khó bác bỏ hơn. Sự biện minh cho tái sinh không phải đứng vững hay ngã nhào chỉ vì vụ Bridey Murphy, cũng giống như việc tin tưởng vào thuyết tiến hóa đâu phải thắng hay bại chỉ vì sự phán quyết ở Tennessee.

Xin xem kỳ tới :

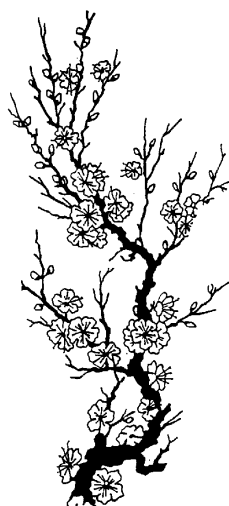
Mục 3. Những vụ tái sinh khác

国 一 民 冷 越 五 重 春 春
 事 聲 情 雪 國 州 洋 曉 曉
 同 鳥 故 他 沈 望 萬 浮
 心 語 處 鄉 論 祝 里 雲
 想 人 恨 港 舊 新 夢 入
 杜 獨 沖 滿 數 元 還 睡
 鵬 飲 天 地 年 紀 園 眼

十
 三
 日
 巳
 卯
 年
 十
 二
 月

記
 雙
 英

(Phiên âm)



Xuân Hiếu

*Xuân hiếu phù vân nhập thụ miên
 Trùng dương vạn lý mộng hoàn viên
 Ngũ châu vọng chúc tân nguyên kỷ
 Việt quốc trầm luân cựu sở niên
 Lãnh tuyết tha hưởng lạc mãn địa
 Dân tình cố xử hận xung thiên
 Nhất thanh điệu ngữ nhân độc ẩm
 Quốc sự hồi tâm tưởng đồ quyền.*

(Diễn nghĩa)

*Sớm xuân, mây trôi bồng bềnh vào giấc ngủ
 Trùng dương ngàn dặm mở về vườn xưa
 Năm châu mừng đón hy vọng trước kỷ nguyên mới
 Nước Việt đắm chìm như bao năm qua
 Tuyết lạnh xử người rơi đầy đất
 Lòng dân nỗi quê nhà hận ngất trời
 Một tiếng chim, người ngồi uống trà một mình
 Lòng nhỏ chuyện nước non tưởng nghe tiếng đồ quyền.*

© Nguyễn Song Anh

Khi những con chim sắt bay

"Wenn Eisenvögel fliegen"

Một cuộc đối thoại giữa các Biên Tập Viên của Tuần báo der Spiegel số 16 ngày 13.4.1998. Với Hans Wolfgang Schumann, 70 tuổi, một nhà khoa học về Ấn Độ học và Tôn Giáo, một nhà thông thái và một nhà ngoại giao. Ông Schumann đã dạy ngoại ngữ tại Trường Đại Học Ấn Giáo ở Benares và người được ủy nhiệm dạy về Phật Giáo ở Bonn. Ông Schumann đã từng là Lãnh Sự và Cố Vấn cho các Tòa Đại Sứ của Cộng Hòa Liên Bang Đức ở Ấn Độ, Sri Lanka, Miến Điện và Hoa Kỳ.

Spiegel: Thưa ông Schumann, hiện nay ở các nước Tây Âu, hầu như chỉ có một tôn giáo được quá nhiều người chú ý đến như Phật Giáo. Bằng cách nào Giáo lý của Đức Phật hấp dẫn quá như vậy, tại sao Giáo lý của Ngài ngày nay làm họ say mê đặc biệt thế ?

Schumann: "Khi những con chim sắt bay ở trên không, thì đạo Phật sẽ theo hướng Tây Phương di chuyển và tôi các xử thật xa". Đây là lời của vị Tăng sĩ vĩ đại Padmasambhava ở Tây Tạng trước đây trên 1.200 năm nay.

Spiegel: Một lời tiên tri đáng làm ngạc nhiên. Nhưng bây giờ từ mấy thập niên nay máy bay đã nối liền các lục địa và loài người. Và vậy chỉ trong một thời gian quá ngắn, Phật Giáo đã trở thành một Tôn Giáo được ưa chuộng của các tài tử điện ảnh thượng hạng ở Hollywood cũng như của những người trẻ tuổi ở Tây Âu.

Schumann: Lẽ dĩ nhiên không phải là lời tiên đoán đã được thực hiện, cũng không phải sự lưu thông bằng phi cơ xuyên lục địa hay là sự mỗi lạ của Phương Đông giải thích được những hiện tượng này. Những điều có bản cho vấn đề này rất sâu sắc. Đây thật rõ ràng sự đòi hỏi tâm linh ở những con người chán ngấy vì vật chất tại Tây phương. Những ước muốn đặc biệt của Phật Giáo đã làm họ hài lòng. Tôn Giáo này còn dạy tử bi và sự bao dung - Không ai nhân danh Phật Giáo mà gây ra chiến tranh, không đũa người ta lên đàn hỏa thiêu, không có đốt sách.

Spiegel: Nhưng không ai trách cứ những sự quá đáng như thế của các vị sáng lập Tôn giáo Jesus ở Nazareth hay Mohammed. Phải chăng ông không đặt ngang hàng sự hướng dẫn của các vị này về đời sống đạo đức với sự dạy bảo của Đức Phật ?

Schumann: Tất cả các tôn giáo đều có kích thước cao luân lý đạo đức, nằm trong cộng đồng của họ. Nhưng những sự làm ngược lại của họ không thể xóa bỏ được, theo phương châm, hiện tại nhiều tư tưởng bao dung được truyền bá: điều cốt lõi thì tất cả các tôn giáo đều giống nhau.

Spiegel: Và cái gì mà không cho là vô lý ?

Schumann: Lẽ dĩ nhiên, Giáo lý thì không giống nhau. Chẳng hạn, Phật Giáo và Gia-Tô Giáo không thống nhất về Giáo lý.

Spiegel: Khác nhau ở những điểm nào ?

Schumann: , một lần nào, Ông kể cho một tín đồ Gia-Tô Giáo, rằng người Phật Tử cần sống không có Thượng Đế. Đức Phật xem thuyết lý siêu hình như là một sự phí phạm thời gian và gần như là sự ngăn cản tối nỗ lực giải thoát. Thực vậy, các thần linh chịu thua các định luật thiên nhiên và không thể giúp cho con người được, con người phải tự mình tìm cách giải thoát khỏi sự u minh và đau khổ. Và ngoài những cái khác, Đức Phật phủ nhận cái mà mỗi người Gia-Tô Giáo cho là có bản: sự hiện hữu của một linh hồn bất diệt.

Spiegel: Nói chung, một tín ngưỡng không có Thượng Đế và linh hồn có được kể như là một Tôn giáo không? - hay đây chủ ý nói tới một bộ pháp điển xử thế với đường hướng đạo đức và chỉ dẫn tới sự thực hành của Tâm linh ?

Schumann: Thực sự, Phật Giáo còn hơn thế nữa, như vậy mục đích của Phật Giáo là sự giải thoát khỏi sự tái sinh và đau khổ. Theo khoa học, chúng tôi phân biệt giữa các tôn giáo tiên tri. Các tôn giáo này đi ra ngoài và thay đổi vũ trụ, muốn dạy con người như vậy. Đó là Do Thái Giáo, Gia-Tô Giáo và Hồi Giáo - và mặt khác các tôn giáo huyền bí. Các nhà huyền bí kể cả những người Phật Giáo, cho rằng Vũ Trụ chịu khuất phục trước một cơ học không chịu ảnh hưởng gì cả, đó là những định luật thiên nhiên. Nhà huyền bí học biết rằng khi họ muốn đối đầu với vũ trụ, họ phải tự thích hợp tự mình làm việc cho mình, họ phải kiên trì đối với sự khuyến rũ của vũ trụ. Họ nhìn vào nội tâm...

Spiegel: Và phải quay lưng lại trước sự bất công của vũ trụ ?

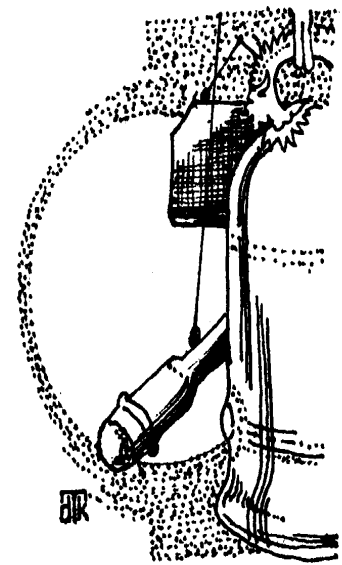
Schumann: Họ rất muốn thế. Sự hiểu biết cho ta thấy vũ trụ không tự hoàn toàn để thay đổi, tạo ra nhiều nguyên nhân, tự đi vào nội tâm. Nhưng Đức Phật không bao giờ muốn một tôn giáo hoàn toàn thay đổi vũ trụ. Ngài muốn khuất phục vũ trụ. Ngài không quảng bá sự ích kỷ mà sự ích kỷ đối với Ngài là sự tự phụ kiêu căng quá lộ liễu. Có thể tôi làm sáng tỏ một vài sự hiểu lầm được truyền bá về Giáo lý của Ngài ?

Spiegel: Xin kể tiếp.

Schumann: Điểm gốc của tư duy Phật Giáo là sự hiểu biết rằng không có cái gì là bất biến cả.

Xây Nhà

● Pháp Nguyên



Phật pháp

Như một kiến trúc sư tài giỏi

Tạo nền móng thật vững vàng

Sau đó

Tùy ý xây nhà bao nhiêu tầng

Cũng được

Còn thế nhân

Thường ngược lại

Như xây nhà trên cát !

Nhà càng cao

Càng chóng sụp đổ tan tành !

Than ôi !!

AUF DEUTSCH

• Thich Nhu Dien

DER BUDDHISMUS UND DIE MENSCHEN

Aus dem Vietnamesischen ins Deutsche übertragen von

DUC THU - LOC HO



(Fortsetzung VG Nr. 119)

Kapitel IV

Der Buddhismus aus der Sicht der Asiaten

Der Buddhismus breitete sich in Asien in dem Zeitraum zwischen 500 v.Chr. und 500 n.Chr. aus. 1000 Jahre nach Buddhas Parinirvana war der Buddhismus allen Völkern Asiens bekannt. Wäre Buddha vor 2500 Jahren z.B. in Europa oder in Amerika auf die Welt gekommen, dann wären heute die Völker dieser Kontinente buddhistisch. Es hätte dann auch nicht so lange gedauert, bis die Kunde von der Lehre Buddhas zu ihnen gelangt wäre. Auch darin dürfen wir ein Beispiel für die Geltung des Gesetzes von Ursache und Wirkung erkennen, da Zeit und Raum des Erscheinens von Buddha von seinem Gelübde abhingen. Buddha hat in verschiedenen Sutren erwähnt, daß er in Indien auf die Welt gekommen sei, weil es dort die Kastengesellschaft gegeben habe. Deshalb hatten die Asiaten das Glück vor allen anderen Völkern die Lehre Buddhas zu hören.

Wenn man den Buddhismus mit einer alten Eiche vergleicht, die in Asien ihre Wurzeln geschlagen hat, dann kann man sagen, daß die Eiche heute ihr Geäst und Laubwerk über Europa, Amerika und Afrika ausgebreitet hat oder noch ausbreitet. Aus diesem Grund ist es nicht verwunderlich, daß der Buddhismus sich in Asien in eine abwartende Position zurückzieht, während er hier in Westen, in der technisch entwickelten Welt, sich ausbreitet. Liegt das am Gesetz des Kosmos?

Damals widmeten sich die Mönche und Nonnen in ihrer Heimat nur den Aufgaben der Leitung von Zeremonien, des Baus von Pagoden, der Praxis der Buddhalehre und der Einhaltung der Gebote. Heute haben sie im Ausland nicht genügend Zeit zur Vorbereitung für ihre Tätigkeit und für die Ausbildung ihres eigenen Wissens. Mönche und Nonnen

müssen sich ständig neues Wissen über die Kultur und die Religion der Fremde aneignen, um Fortschritte machen zu können in ihrem spirituellen Leben, das natürlich auch das Verhalten der Mitmenschen beeinflusst. Viele asiatische Buddhisten wissen nur wenig über die Buddha-Lehre, obwohl sie schon lange Zuflucht genommen haben. Deshalb gibt es heute auch in Asien verstärkt die Tendenz, Kurse zur Buddha-Lehre anzubieten, um auf diese Weise die Kenntnislücken der Laien zu schließen.

Um den Unterschied der asiatischen Perspektive von der europäischen oder westlichen deutlich herauszustellen, greife ich auch hier in diesem Kapitel auf die Fragen zur Buddha-Lehre und Praxis zurück, die mir von Asiaten am häufigsten gestellt wurden.

1) Frage: Der Buddhismus wählt oft die Lotusblüte als Symbol. Was bedeutet der Lotus?

Antwort: Der Lotus ist eine Sumpfpflanze. Seine Wurzeln schlägt er in schlammigem Grund, seine Stängel treibt er durch das Wasser zur Oberfläche, wo er seine Blüten derart aufschlägt, daß sie auf der Wasseroberfläche schwimmen. Seine Blüte verbreitet einen angenehmen Duft. Obwohl wir heute auf dieser mit den drei Geistesgiften (Gier, Haß, Verblendung) befleckten Welt leben, können wir dennoch, wenn wir die Buddhalehre zur Erleuchtung praktizieren, mit dem Lotus verglichen werden. Außerdem werden dem Lotus fünf weitere Merkmale zugeschrieben, die nur wenige Blumenarten besitzen. Aus diesem Grund hat der Buddhismus den Lotus als Symbol gewählt.

Das erste Merkmal ist, daß der Geist, obwohl er sich in einer von Schmutz befleckten Welt befindet, selbst nicht vom Schmutz bedeckt ist. Dies erinnert uns daran, daß jeder von uns die Buddhanatur besitzt. Mit täglicher Praxis der Buddhalehre kann die Buddhanatur zum Vorschein gebracht werden. Dem entspricht der Lotus, der aus dem Schmutz herauswächst, ohne aber den Geruch des Schmutzes an sich zu haben.

Das zweite Merkmal betrifft die Besonderheit, daß der Lotus gleichzeitig den Kern und die Frucht trägt. Dies zeigt, daß sich im Kern die Frucht befindet und in der Frucht bereits der Kern existiert.

Das dritte Merkmal betrifft die Tatsache, daß es außer dem Lotus keine andere Blumenart gibt, bei der die Blätter und der Stängel getrennt von einander wachsen. Das steht für diachrone Prozesse der Kausalität. Es gibt Ursachen, die in diesem Leben entstehen, aber deren Wirkung sich erst Monate, Jahre oder Leben später zeigen.

Das vierte Merkmal ist, daß der Lotus nicht als Schmuck gebraucht wird. Als Schmuck bedient man sich der Rosen, Nelken oder anderer Blumen, aber nie des Lotus. Der Lotus wird als Opfergabe für den Buddha reserviert, um seine besondere Bedeutung hervorzuheben.

Das fünfte Merkmal des Lotus ist, daß Bienen und Insekten ihn nicht aufsuchen. Dies steht für die Reinheit, für ihre Exklusivität. Wegen dieser fünf Merkmale ist der Lotus eine besondere, eine symbolische Pflanze, die der Buddhismus als Hinweis auf die Besonderheiten des Menschengestes benutzt. Als Buddha geboren wurde, ging er auf Lotus Blüten, auch als er die Erleuchtung erlangte, saß er auf einem Lotus.

2) Frage: Welche Sutren soll man als Buddhist zu Hause rezitieren und was bedeuten sie?

Antwort: Zu Hause sollte man abends die Sutren zur Anbetung der inneren Ruhe rezitieren. Bei Totengedenktagen oder bei der Beerdigung sollte man das Amitabha-Sutra und das Sutra zur Erlösung der Verstorbenen rezitieren. Wenn man diese Sutren schon gut auswendig kann, kann man andere Sutren, z.B. das Buß-Sutra, das Saddharma-Pundarika-Sutra usw. heranziehen.

Man sollte sich die Zeit einteilen, z.B. pro Tag eine Stunde. Wenn man das regelmäßig tut, wird man in wenigen Tagen das gesamte Sutra beenden können. Was die einzelnen Sutren bedeuten, wird man bei der Rezitation erfahren. Doch um die Sutren besser und ausführlicher verstehen zu können, bedarf es einer intensiveren Forschung. Bei der Rezitation ist es besonders wichtig, daß man auf die Sätze der Sutren achtet und auf das Metrum, denn rezitieren bedeutet die Gedanken konzentrieren. Wenn man die Gedanken konzentrieren kann, kann man sehr viele positive Gedanken entwickeln. Manchmal verstehen wir die Mantrien gar nicht. Doch das macht nichts, denn durch die Rezitation erhält man starke innere Kräfte.

3) Frage: Vor den Zeremonien machen Buddhisten drei Niederwerfungen, was bedeutet diese Geste?

Antwort: Die erste Niederwerfung richtet sich an die Buddhas der drei Zeiten, den Dharma und den Sangha. Die zweite Niederwerfung richtet sich an Shakyamuni-Buddha und die Bodhisattvas. Die dritte Niederwerfung richtet sich an Amitabha-Buddha, Mahasthamaprapta und Ksitigarbha-Bodhisattva.

Wir machen Niederwerfungen, weil wir die Tugend der Buddhas verehren. Die Niederwerfung bedeutet auch, daß wir uns selbst tiefer stellen und so unseren Stolz überwinden. Wir sehen dadurch auch unseren Geist. Niederwerfung bedeutet auch, daß wir für unsere Buddhanatur beten, möge sie sich entwickeln. Das gilt nur für die ersten drei Niederwerfungen. Wir zeigen durch Niederwerfung generell dem Buddha unsere Aufrichtigkeit und Verehrung.

4) Frage: Nach dem Tod kehrt der Körper zurück auf die Erde. Welche Khandhas bleiben erhalten, welche werden aufgelöst?

Antwort: Diese Frage wird oft von Europäern gestellt. Ich habe sie oben schon einmal kurz gestreift. Hier will ich näher auf diese Frage eingehen. Unseren Leib kann man nach zwei Gesichtspunkten unterscheiden. Der eine ist der geistige und der andere der körperliche. Da das Geistige nicht sichtbar ist, kann man auch nicht wissen, ob das geistige Wesen des Leibes zurückbleibt oder verlöscht. Nur die körperliche, formhafte Erscheinung des Leibes kann man tasten, sehen, und wir sehen auch die Veränderungen, die der Leib in der Zeit durchmacht. Da der Geist Wesen des Körpers ist, kann er auch ohne den Körper nicht erscheinen, und umgekehrt kann der Leib nicht als Leib existieren ohne den Geist. Wenn wir für Geist und Körper formal A und B setzen, dann können wir auch kurz sagen: Ohne A ist B nicht, und ohne B erscheint A nicht. A erscheint durch B und B existiert durch A. Wenn das eine sich ändert, ändert sich auch das andere. Sowohl das Geistige als auch das Körperliche verändern sich aufgrund der äußeren Umstände. Nach dem Tod transformiert sich das Körperliche zurück in seine Elementarqualitäten: Erde, Wasser, Feuer und Luft. Nur der Geist entweicht seinem Körper und wird in einem anderen Körper wiedergeboren. Wohin der Geist enden wird, hängt auch von seinem Karma ab.

5) Frage: Im Verlaufe der Zeremonien machen Mönche und Nonnen häufig Niederwerfungen. Was bedeuten die Niederwerfungen in diesem Kontext?

Antwort: An den Vollmond- und Uposata-Tagen machen die Mönche und Nonnen nach der Gehmeditation und Rezitation des Shakyamuni-Buddhanamens 30 Niederwerfungen. Die Niederwerfungen sind Dankeskundgebungen an die Buddhas, Bodhisattvas, Patriarchen, an die Märtyrer, die Dharma-Verbreiter, an die Mönche, die für die Ordination von Mönchen und Nonnen zuständig waren und an alle weisen Hohehrwürdigen. Zu dieser Dankeszeremonie gehören auch die vier großen Dankverpflichtungen an das Heimatland, die Eltern, die

Lehrer und die Mitmenschen. Auch an gewöhnlichen Tagen machen die Mönche und Nonnen Niederwerfungen, jedoch nicht so viele. Auch sie drücken den Dank aus an die große Gelübde des Shakyamuni-Buddha, die er seit seiner Geburt bis zum Eintritt ins Nirwana gemacht hatte, und an die vier großen Bodhisattvas: Manjusri, Samantabhadra, Avalokiteshvara und Ksitigarbha.

6) Frage: Wenn man an Buddha glaubt, muß man auch Zuflucht nehmen oder reicht es schon wenn man ein gutes Leben führt. Denn was bringt das, wenn man die Zuflucht genommen hat, aber trotzdem ein schlechtes Leben führt?

Antwort: Die drei Juwelen sind ein großer Schatz, den wir uns aneignen sollten, um unseren Geist zu schulen. Zufluchtnahme bedeutet Rückkehr zum Guten. Es ist vergleichbar mit Schulen, die uns eine gute Ausbildung anbieten. Wenn wir unterrichtet und ausgebildet werden, werden wir für die Gesellschaft nützlich sein. Ab und zu gibt es auch Leute, die nicht zur Schule gehen, und trotzdem lesen und schreiben können, oder Leute, die die Buddhalehre nicht praktiziert haben, und trotzdem die Erleuchtung erlangen. Doch dies sind besondere Leute, von denen nicht viel auf dieser Welt existieren. Insofern ist die Zufluchtnahme und die Einhaltung der Gebote sehr wichtig für ein Buddhist auf dem Weg zur Erleuchtung.

Unser Geist verändert sich ständig. Mal ist er froh, mal traurig, mal böse, mal lieb und mal zornvoll usw. Deshalb ist es sehr schwer, unseren Geist zu kontrollieren. Die Zuflucht zu den drei Juwelen dient als ein Spiegel zur Reflexion des Geistes. Wir können in diesem Spiegel unsere Schuld und unsere schlechten Taten erkennen.

7) Frage: Warum muß man bei der Rezitation der Buddhanamen die Gebetskette zur Hilfe nehmen? Welche Bedeutung hat das? Warum gibt es lange und kurze Gebetsketten?

Antwort: Das Wort "Rezitation" bedeutet an etwas denken. Normalerweise ist unser Geist sehr verwirrt, weil er an alles mögliche denkt. Die Gebetskette dient bei der Rezitation der Buddhanamen als ein Mittel, um unseren Geist zu bändigen. Wenn wir schon fortgeschritten sind, können wir die Gebetskette beiseite legen. Sie hilft aber sehr viel, wenn man mit der Übung beginnt. Es gibt Gebetsketten, die aus 18 oder 108 Perlen bestehen. Die Anzahl der Perlen nimmt Bezug entweder auf die sechs Sinne, auf die sechs Sinnesbereiche oder auf die sechs Bewußtseinsebenen. Die Zahl 6 wiederholt sich also in den drei Sphären. Multipliziert mit der Zahl 3 ergibt die Zahl 6 die Zahl 18 ($6 \cdot 3 = 18$). Wird die Zahl 18 ihrerseits mit 6 multipliziert, dann erhält man die Zahl 108 ($18 \cdot 6 = 108$). Einige multiplizieren die Zahl 18 mit der Zahl, mit der sie "Namo Amitabha-Buddha" wiederholen, also ebenfalls mit der Zahl 6 und kommen auf diese Weise zur Zahl 108. So fängt man nur an, wenn man aber schon fortgeschritten ist, braucht man die Rezitation nicht an den Zahlen 18 oder 108 ausrichten, sondern man wird dann solange rezitieren, bis man nicht mehr weiß, daß man gerade rezitiert.

8) Frage: Nach der buddhistischen Lehre führt das Begehren zum Wiedergeburtskreislauf. Um die drei Geistesgifte zu vernichten, muß man das Begehren vernichten. Wie können wir denn leidfrei sein, wenn unsere Eltern und Geschwister leiden? Wie können wir vom Leid befreit werden, wenn wir unsere Eltern und Geschwister noch lieben? Gehört diese Liebe auch zu dem Begehren, das man vernichten muß?

Antwort: Die 12 Nidana sind für die Wiedergeburt des Menschen verantwortlich. Unwissenheit und Begehren sind zwei wichtige Ursachen der Wiedergeburt. Unwissenheit kann schwerer vernichtet werden als Begehren. Doch ist es nicht gleichermaßen leicht für jedermann. Wenn jemand früh die Erleuchtung erlangen will, muß er sich von der Schnur des Begehrens trennen. Es macht nichts, wenn

jemand in diesem Leben noch an seine Familie und den Ehepartner gebunden ist. Wenn er es nicht schafft, das Begehren in diesem Leben abzustellen, soll er es im nächsten Leben versuchen. Im Buddhismus gibt es keinen Zwang, alles ist in diesem Leben zu erreichen. Alles geschieht freiwillig und ist von jedem selbst zu entscheiden, wie und wann er aus dem Wiedergeburtkreis austreten will. Die Liebe zu der Familie, zu den Eltern, zum Ehepartner stellt eine Form des Begehrens dar. Um sich von diesem Begehren befreien zu können, muß man sich seinen ganz eigenen Weg aussuchen.

9) Frage: Was bedeutet es, wenn man den Amitabha-Namen rezitiert, um in seinem Reich aufgenommen zu werden?

Antwort: In seinen 48 Gelübden hat der Amitabha-Buddha folgendes Gelübde abgelegt: "Wenn es Lebewesen auf dieser Samsara-Welt gibt, die vor dem Sterben seinen Namen aufmerksam rezitieren, werden sie von ihm und von den Bodhisattvas Avalokishvara und Mahasthamaprapta zum Reinen-Land geleitet." Aufmerksam rezitieren bedeutet, daß man immer den Namen Buddhas auf der Zunge hat und sich dabei nicht durch irgendwas anderes stören läßt.

Viele Leute wundern sich, denn wie kann man innerhalb kürzester Zeit zum Reinen-Land gelangen, wenn es doch sehr weit weg liegt? Die Wiedergeburt im Reinen-Land verhält sich wie in einem Traum. Auch im Traum kann unser Körper in Europa und unser Geist irgendwo in Asien, Amerika oder Australien sein. Ja manchmal gehen wir im Traum sogar in einer anderen Welt spazieren. Wenn wir aufwachen, stellen wir fest, daß wir immer noch in Europa sind, aber im Traum ist unser Geist schon unzählige Kilometer weit weg gewesen. So kann man sich den Übergang ins Reine-Land vorstellen. Es ist zwar weit entfernt von uns in unserer Samsara-Natur, aber unserer Geistnatur ist es sehr nahe.

10) Frage: Im Nachmittagsgebet heißt es: "Den Mitlebewesen werden wir helfen, die Geistesgifte werden wir vernichten." Was bedeutet das?

Antwort: Wenn wir weiter lesen, erfahren wir in den folgenden Strophen:

" Den unzähligen Lebewesen geloben wir zu helfen,
die unzählige Geistesgifte geloben wir zu vernichten,
die grenzenlose Buddhalehre geloben wir zu studieren,
den höchsten Buddha geloben wir zu werden."

Diese Strophen geben die vier Gelübde des Samantabhadra-Bodhisattva wieder, die später von dem chinesischen Patriarch Hui-neng aufgegriffen wurden.

Im ersten Teil des Nachmittagsgebetes wird die Topographie der Avatamsaka-Welt beschrieben. Jeder soll wissen, daß alle Gedanken durch den Geist entstehen. Im folgenden Teil des Nachmittagsgebetes werden Mantras rezitiert, um für die noch herumirrenden Toten, die noch in der Hölle ihre Strafen absitzen, zu beten. Die Buddhas und Bodhisattvas haben alle den Wunsch, diesen Lebewesen zu helfen. Wenn sie die Buddhalehre praktizieren, werden sie in einer besseren Welt wiedergeboren.

11) Frage: Wie kann man denn jemanden aufmuntern, Mönch oder Nonne zu werden?

Antwort: Sich ordinieren zu lassen ist eine große Tat. Sie ist nicht einfach. Es kommt vor, daß einige geneigt sind, sich ordinieren zu lassen, aber ihre Eltern und Familienangehörigen widersetzen sich. Gleichfalls kommt es vor, daß die Familie die Ordination eines ihrer Mitglieder wünscht, aber die aufgeforderte Person weigert sich, diesem Wunsch nachzukommen. Ist die Ordination auch dem Kausalgesetz unterworfen? Ist es eine Frage des entsprechenden Karmas, um in diesem Leben Mönch oder Nonne zu werden?

Jemanden zu ermuntern, Mönch oder Nonne zu werden, ist eine sehr gute Tat. Der entscheidende Punkt ist, daß der-oder diejenige die Entscheidung selbst trifft, denn nur so ist er oder sie in der Lage, den restlichen Weg zu gehen. Ich vergleiche oft die Ordination mit jemandem, der Reis kocht:

In fast jedem Haushalt gibt es eine Küchenangestellte. Eines Tages hat sie es versäumt, den Reis richtig zu kochen und wird deshalb vom Hausherrn gescholten. Die Angestellte läuft daraufhin weg und der Hausherr muß nun den Reis selbst kochen. Da der Hausherr im Kochen unerfahren war, gelang auch ihm der Reis nicht. Obwohl der Reis nicht gelungen war, schmeckte er dem Hausherrn trotzdem sehr gut, und zwar, weil er selbst den Reis zubereitet hatte.

Der Schritt in die Hauslosigkeit ist vergleichbar mit dem Reiskochen. Aber es ist keine kleine Tat, jemanden zur Ordination als Mönch oder Nonne zu bewegen. Die Leute, die sich für die Hauslosigkeit entschieden haben, wollen ihre Gelübde ablegen, um sich selbst und anderen zu helfen.

12) Frage: Wie schafft man es, sich von den drei Geistesgiften in der Familie und in der Gesellschaft zu trennen?

Antwort: Gier, Haß und Verblendung sind die Grundursachen für die Wiedergeburt. Diese Geistesgifte entstehen nicht aus einem, sondern aus mehreren Leben. Deshalb ist es schwer, alles in diesem Leben abzugelten. Um die Geistesgifte zu vernichten, muß man sich Mühe geben, die Buddhalehre nicht nur in diesem, sondern auch in weiteren Leben zu praktizieren. Auch der Ich-Dünkel ist ein Ausdruck der Verstrickung in die Wurzelübel, es ist ihr Niederschlag im geistigen Bereich. Wenn jemand es schafft, davon loszukommen, hat er seine Unwissenheit überwunden. So kann die Erleuchtung in diesem Leben erlangt werden. Wenn man es nicht in einem Leben schafft, bleibt einem nichts anderes übrig, als daß man es in mehreren Leben versucht. Wie schnell man aber die Erleuchtung erlangt, hängt stets von einem selbst ab. Doch eines ist sicher, will man Harmonie und Frieden in der Familie und in der Gesellschaft haben, muß man seinen Geist selbst schulen.

13) Frage: Was sind die Aufgaben eines Laien-Buddhisten außer Rezitation der Sutren und der Buddhanamen, außer Meditation und Niederwerfungen? Was kann man noch machen, um jeden Tag Fortschritte zu erzielen?

Antwort: Rezitation von Buddhanamen und Sutren, Meditation und Niederwerfungen gehören zu den vier großen Alternativen der Praxis eines Ordinierten wie eines Laien-Buddhisten. Durch diese Praxis werden gute Taten gesammelt. Diese Taten entstehen nicht durch das Bitten, sondern durch die fleißige Praxis. Durch die Taten erlangt man Weisheit, die wie eine Flamme leuchtet. Wenn wir das Licht dieser Flamme weiterreicht an andere Lichtquellen, wird das Licht jeden Tag heller. Falls es dann einmal passiert, daß zwei Leuchter ausfallen sollten, so hat das keine Wirkung auf die große Helligkeit. Außer den oben genannten Übungen sollte ein Buddhist die Gebefreudigkeit, die Einhaltung der Gebote, die Geduld, spirituellen Fortschritt, Meditation und Weisheit üben. Das ist der Weg der Bodhisattvas. Wer Gebefreudigkeit ausübt, wird in diesem und im nächsten Leben reich sein. Doch wir sollten stets daran denken, daß alle diese Verdienste auch wie eine Kerze aufgebraucht werden können. Deshalb muß ein Buddhist sowohl für seine Verdienste als auch für seinen Geist praktizieren.

14) Frage: In der Schule des Reinen-Landes gibt es die Praxis des Rezitierens der Buddhanamen, die von Ordinierten als auch von Laien geübt wird. Ist die Gebetskette hilfreich, um die höchste Stufe zu erreichen,

d.h. so zu rezitieren, daß man nicht mehr weiß, daß man gerade rezitiert? Seit wann gibt es die Gebetskette?

Antwort: Rezitation bedeutet an etwas denken oder sich darauf konzentrieren. Am Anfang sollte man die Gebetskette oder die Buddhanamen zur Hilfe nehmen. Wenn man aber schon fortgeschritten ist, kann man diese Hilfsmittel weglassen. Die Gebetskette hilft uns nur, den Geist zu konzentrieren und ist nicht das Ziel der höchsten Stufe.

Als Buddha noch lebte, hatte er von dieser Praxis erzählt. Damals hatte man wahrscheinlich keine Gebetskette gebraucht. Die Gebetskette wurde erst später eingeführt, zu der Zeit etwa, als der Mahayana durch die Patriarchen von Indien nach China gebracht wurde. Sie dient, wie bereits erwähnt, als ein Hilfsmittel. Mit Hilfe der Gebetskette weiß man wie oft und wie lange man rezitiert hat.

15) Frage: Gibt es auch weibliche Wesen im Reinen-Land?

Antwort: Das Reine-Land, das von Buddha Amitabha regiert wird, beherbergt alle Wesen, die dort geboren werden. Darunter gibt es selbstverständlich auch weibliche Wesen. Doch wenn die weiblichen Wesen dort geboren werden, werden ihre Körper in männliche Körper umgewandelt. Bereits im Amitabha-Sutra und in den 48 Gelübden des Amitabha heißt es, daß in seinem Reich weder Frauen noch die drei bösen Welten: Hölle, Geister- und Tierwelt, existieren.

Im Himmel und auf der Erde gibt es noch die Gestalt von Frauen. Doch wenn man von der formhaften Welt in die Welt der Buddhas und Bodhisattvas kommt, gibt es keine Frauengestalt mehr, da keine Notwendigkeit mehr besteht für die Vermehrung. Deshalb werden alle Gedanken und Formen in Männergestalt erscheinen. Zwischen Frauen und Männern gibt es keinen Unterschied hinsichtlich der Buddhanatur, sondern nur in Hinblick auf die Form. Wenn man die Buddhawelt erreicht hat, wird kein Wert mehr gelegt auf die Form, sondern nur noch auf den Geist.

16) Frage: Was bedeutet Schule des Reinen-Land? Worin unterscheidet sie sich von den Meditations- und Tantra-Schulen?

Antwort: Als Buddha noch lebte, hat er den Lebewesen unzählige Wege zur Praxis der Buddhalehre aufgezeigt. Das Ziel ist, die Menschen von der Unwissenheit zu befreien. Das war die Hauptaufgabe von Buddha. Zu Lebzeiten hat er mit Rücksicht auf die unterschiedlichen Fähigkeiten des Menschen, für jede die passende Lehre vermittelt. 100 Jahre nach Buddhas Eintritt ins Parinirvana gab es noch keine festgelegte Lehrtradition. Es gab zu dieser Zeit nur zwei Gruppen. Die eine wollte alles unangetastet lassen, die Gesetze beibehalten, so wie sie aus Buddhas Zeiten stammten. Diese Gruppe wurde später Hinayana oder Vertreter des Kleinen Fahrzeugs genannt. Die andere, der Zahl nach stärkere Gruppe wollte einige Gebräuche bezüglich der Ernährung den Zeitumständen anpassen und dementsprechend überlieferte Regeln verändern. Diese Gruppe hatte ihre Veränderungen und Erneuerungen bis zum ersten Jahrhundert vorgenommen und wurde als Mahayana oder Großes Fahrzeug bekannt.

Als der Buddhismus im 1. Jht. nach China kam, gab es auch noch keine eindeutige Trennung zwischen diesen Schulen. Erst im 7. und 8. Jahrhundert haben einige Meditationsmeister ihre eigenen Schulen entwickelt. Es gab dann ungefähr 10 verschiedene Schulen des Buddhismus.

Die Schule des Reinen-Landes wurde vom Hohehrwürdigen Hue Vien gegründet. Diese Schule zeichnet sich aus durch die Rezitation der Buddhanamen in der Praxis und durch die Annahme der Hilfe von Amitabha-Buddha, der die Anhänger nach dem Tod zum Reinen-Land geleiten wird, in der Theorie.

Die Meditationsschule wurde von Bodhi-Dharma im 6. Jh. in China eingeführt. Sie hat sich bis heute in China und Asien sehr erfolgreich weiter entwickelt. Diese Schule rekurriert auf den Geist. Wenn man durch die Meditation seinen Geist erkennt, hat man die Buddhaschaft erlangt. Diese Schule verlangt die Erlösung durch die eigene Kraft und hofft nicht auf die Hilfe anderer.

Die Tantra-Schule praktiziert die Rezitation der Mantren. Mahavairocana-Buddha ist der Religionsstifter dieser Schule. Außerdem verehrt die Schule auch Ti Lo Gia Na-Buddha (vietnamesisch). Wenn der Körper, die Worte und die Gedanken eins sind, wird die Buddhanatur sich selbst zeigen. Alle drei Schulen haben ihre eigene Praxis. Doch eigentlich führen sie alle Menschen zum gleichen Ziel, nämlich zum Austritt aus dem Kreislauf der Wiedergeburten.

17) Frage: Wie kann man die Lehre des Buddha in das tägliche Leben bringen? Auch wenn man sich anstrengt, wird man trotzdem noch sehr stark von den Anhaftungen an die Familie, den Ehepartner, die Kinder, die Gesellschaft oder die Arbeit gehindert. Kann man trotzdem Buddha werden?

Antwort: Buddha hat gelehrt, daß alle Lebewesen die Buddhanatur besitzen. Alle Lebewesen können Buddha werden, egal ob Mann oder Frau. Nur wie schnell man Buddha wird, hängt von jedem einzelnen ab. Der Weg zur Erleuchtung ist sehr lang. Es gibt Leute, die zwischen 500 bis 1000 Leben brauchen, um zur Erleuchtung zu gelangen. Die Samsara-Welt ist nur vorübergehend. In dieser Welt gibt es Streit, Krieg, Mord, Haß usw. Unser Geist wird durch diese Faktoren geschwächt und die drei Geistesgifte (Gier, Haß und Verblendung) wachsen. Deshalb müssen wir uns so sehr bemühen, um schon in diesem Leben Buddha zu werden.

18) Frage: Man rezitiert manche Sutren in der Pagode in der chinesischen Fassung. Viele Buddhisten, besonders die junge Generation, tun sich schwer, sie in dieser Fassung zu verstehen. Plant die Kongregation der vietnamesisch-buddhistischen Kirche sie ins Vietnamesische zu übersetzen?

Antwort: Alle Bücher über den Buddhismus, die auf vietnamesisch erschienen sind, wurden sehr leicht geschrieben. Jedoch tauchen ab und zu mal wieder chinesisch-vietnamesische Wörter auf. Es ist offensichtlich, daß durch die tausendjährige Eroberung des Nordens die Kultur und Sprache Vietnams beeinflusst wurde. Es ist schon deshalb unwahrscheinlich, daß in der vietnamesischen Literatur und in den anderen Bereichen der Kultur keine chinesischen Wörter vorkommen. Leute, die sich intensiver mit der Buddhalehre beschäftigen wollen, müssen auch mehr forschen. Viele Sutren sind noch in Chinesisch oder in Pali gefaßt. Doch einige Sutren sind schon ins Vietnamesische übersetzt worden z.B. das Herzsutra und einige Bußsutren. Doch wenn man die Sutren vietnamesisch rezitiert, klingen sie nicht so melodisch wie die chinesische Fassung. Einige Pagoden im Ausland und in Vietnam verwenden heute sowohl alte als auch neue Versionen. Das war eine Lösung der Übergangszeit. In Zukunft kann die junge Generation die vietnamesische Version benutzen.

Die Sprache gehört zum geistigen Lebensgut. Je reicher die Sprache ist, desto mehr Leben hat die geistige Kultur. Deshalb müssen die Buddhisten noch mehr forschen, um mehr Licht in die Buddhalehre zu bringen.

19) Frage: Wie kann man seinen Ärger bändigen, wenn ein anderer ihn ärgert?

Antwort: Wir sind wütend auf andere, weil wir uns angegriffen fühlen. Wenn wir es schaffen, die Worte des anderen als unwahr anzusehen, oder uns selbst nicht so wichtig zu nehmen, dann haben wir unseren Geist von den Anfechtungen durch die drei Geistesgifte fern gehalten. Hier ist eine Geschichte, die zu Buddhas Lebenszeit passierte:

Es gab eine andersgläubige Frau, die nicht wollte, daß immer mehr Leute die Buddhalehre befolgten. Sie bekam den Auftrag, jeden Tag vor den Shakyamuni-Buddha hinzutreten und ihn zu beschimpfen. Am ersten Tag hatte sie so lange geschimpft bis sie nicht mehr konnte. Am zweiten und dritten Tag hatte sie ihr Schimpfen fortgesetzt bis sie ganz erschöpft war. Buddha, der Erleuchtete, hatte kein einziges Wort gesagt. Daraufhin näherte sie sich ihm und fragte:

- "Sind Sie ein Mensch oder ein Stein?"

- "Ich bin ein Mensch, doch ich bin anders als andere" antwortete Buddha.

- "Haben Sie gehört, wie ich die drei Tage über Sie geschimpft habe?"

- "Ich habe das gehört, doch es gehört mir nicht." antwortete der Buddha sanft und fragte sie zurück: "Nehmen wir an, sie haben ein Fest in Ihrer Familie. Sie bringen ein Tablett voller schmackhaftem Essen zu dem Nachbarn. Was machen sie, wenn der Nachbar es nicht haben will, wem gehört dann das volle Tablett?"

- "Es gehört dem Gast, der das Tablett vorbei bringt, wem sonst?" antwortete die Frau.

Daraufhin sagte Buddha: "So ist es! Was Sie mir in den letzten drei Tagen gebracht haben, das gehört mir nicht. Deshalb möchte ich es Ihnen zurückgeben."

Die Frau stand nur noch sprachlos da vor Buddha. Das ist wirklich eine wahre Geschichte, die täglich in unserem Leben passieren könnte. Normalerweise versuchen wir den anderen das zurückzugeben, was sie uns antun. Deshalb entsteht immer Haß und Krieg. Darin unterscheiden sich die Erleuchteten von den normalen Menschen.

20) Frage: Welchen Ursprung hat die Menschheit nach buddhistischer Sicht? Was spricht im Buddhismus gegen die Evolutionstheorie von Darwin?

Antwort: Der Buddhismus vertritt die These, daß jedes Lebewesen durch das Gesetz von Ursache und Wirkung sowie durch das Karma entsteht und vergeht. Der Mensch war seit Ewigkeit auf dieser Erde. Bis heute hat die Wissenschaft noch nicht nachgewiesen, seit wann die Menschheit existiert. Die Entstehungstheorie des Buddhismus wird aber immer mehr von den Wissenschaftlern angenommen. Die Theorie der 12 Nidana im Buddhismus drückt deutlich den Ursprung des Universums und der Menschheit aus. Darwin vertrat die Meinung, daß Menschen von Affen stammen. Heute hat die Wissenschaft herausgefunden, daß die Affen intelligenter als andere Tiere sind und daß sie annähernd so intelligent wie die Menschen seien. Doch diese Theorie ist noch nicht bestätigt, denn die Affen sind nicht Mensch geworden oder viele Menschen haben immer noch Gedanken wie die Affen. Dieser These entspricht nur die Wiedergeburtstheorie und nicht die Evolutionstheorie von Darwin. Auf der einen Seite wird die These vertreten, alles entstehe durch das Karma. Auf der anderen Seite wird die These vertreten, alles wurde von einem Schöpfer erschaffen. Die zweite These wird im Buddhismus nicht vertreten.

21) Frage: Die Menschheit hat durch Wissenschaft und Technik Fortschritte erzielt. Sie geht aber leider falsche Wege und zerstört damit die Natur und die Umwelt. Wie kann man es besser machen?

Antwort: Jedes Lebewesen besteht aus zwei Seiten, einer geistigen und einer körperlichen (materiellen). Diese zwei Seiten bedingen einander. Eine Seite kann nicht ohne die andere existieren. Die Menschheit hält ihre Ziele für richtig und zerstört deshalb die Natur. Sie will über der Natur stehen. Doch sie weiß nicht, daß durch ihre Zerstörung der Natur z.B. das Abholzen der Wälder, die Atomtests, die Ausrottung der Tiere und Pflanzen etc. die Umwelt zerstört oder verschmutzt wird. Durch diese von Menschen verursachten Zerstörungen und Verschmutzungen

entstehen viele unheilbare Krankheiten. Der wichtigste Grund ist nun, dies anzuhalten, um beide Seiten des Lebens zu schützen. Das sind die wahren Gründe. Wenn die Menschheit diesen Schritt nicht tut, wird sie nicht mehr lange auf dieser Erde existieren können. Die Natur kann die Menschheit auch nicht mehr beschützen, wenn die Menschen die Natur weiterhin wie bisher behandeln.

22) Frage: Der Buddhismus spricht von dem Gesetz von Ursache und Wirkung und außerdem von der Kette der 12 Konditionalglieder. Sind diese Termini gleich? Was ist der Zusammenhang zwischen diesen beiden Konzepten?

Antwort: Die Ursache ist der Grund, die Wirkung das Ergebnis einer Ursache. Konditional bedeutet Bedingung. Was ist denn nun Ursache, Wirkung und Bedingung? Als Ursache und Wirkung bezeichnet man die Tat, wenn jemand ein Kürbiskern anpflanzt, kann man nach etwa 4 Monaten den Kürbis pflücken. Als Konditionalkette bezeichnet man die Umstände, die Bedingungen, die den Kürbiskern das Wachsen ermöglichen wie z.B. Dünger, Wasser, Klima und die Arbeit des Gärtners. Die Bedingungen sind sehr wichtig. Manchmal sind die Ursachen sehr gut, doch wenn die Bedingungen schlecht sind, gibt es keine schöne Frucht. Diese zwei Gesetze sind immer eng miteinander verbunden wie der Wanderer und sein Schatten. Wenn der Wanderer gerade steht, fällt auch sein Schatten gerade. Wenn er sich krümmt, krümmt sich auch sein Schatten. So einfach ist es.

Wichtig ist noch zu wissen, daß es Ursachen gibt, die in diesem Leben entstehen, aber deren Wirkung erst später, im nächsten oder erst in noch späteren Leben sich äußern. Im allgemeinen kann man sagen, daß wenn die Ursachen und die Bedingungen gut sind, sind es auch die Wirkungen. Diese drei Faktoren bedingen sich gegenseitig.

23) Frage: Alle Dinge entstehen durch die Konditionalkette. Ist die Geltung der Konditionalkette veränderlich oder ist sie selbst unendlich? Wenn diese Veränderung so kompliziert ist, wie kann man dem vorbeugen? Wie kann man die Bedingungen zum Besseren, Positiveren beeinflussen und verändern?

Antwort: Es ist nicht ganz richtig zu sagen, daß die Geltung der Konditionalkette veränderlich ist, z.B. wenn man einen Apfelbaum haben will, muß man einen Apfelkern anpflanzen. Doch was bringt uns dazu, nicht den Apfelkern zu pflanzen? Das ist das Alaya-Bewußtsein, das im Menschen existiert. Dieses Bewußtsein steht über allen Taten. Hier ist ein anderes Beispiel, um dies zu verdeutlichen: Eines Tages kommt ein Freund und fragt, ob ich Lust hätte, mit ihm zu spielen. Da ich aber vorhatte, die Pagode zu besuchen, antwortete ich ihm: "Ich kann heute nicht mit Dir spielen gehen, da ich in die Pagode gehe". Was ist das, was uns nicht zum Spielen, sondern zum Besuch der Pagode bewegt hat? Alles wird vom Bewußtsein besetzt und gesteuert. Wenn man das Bewußtsein verändern kann, kann man auch die Taten verändern. Da wir wenig Weisheit besitzen, lassen wir oft unser Bewußtsein von den Umständen verändern. Wir müssen für alles, was wir tun, die Verantwortung tragen. Die Konditionalkette ist vom Bewußtsein abhängig. Wenn das Bewußtsein stabil ist, wird die Konditionalkette sich dementsprechend verändern und an das Bewußtsein haften, um dauerhaft zu existieren und sich zu entwickeln. Gut oder böse, entsteht wirklich nur durch unser Bewußtsein. Im Avatamsaka-Sutra steht geschrieben: Alles entsteht durch das Bewußtsein.

24) Frage: Jedes Lebewesen hat die Buddhanatur. Wer in dieser schlechten Zeit hat schon die Buddhaschaft erlangt?

Antwort: Zu Buddhas Lebzeiten gab es sehr viele Menschen, die den Arhat oder Bodhisattva-Stand erreicht hatten. In dieser schlechten Zeit gibt es auch Leute, die es

geschafft haben; doch davon gibt es nicht sehr viele. Als Beispiel wird der Dalai Lama genannt, der die Inkarnation von Avalokiteshvara verkörpern soll. Er hat wie andere Heilige den Bodhisattva-Stand erreicht. Sie erscheinen aber so selten und deshalb treffen wir so selten auf sie.

In Vietnam gibt es den Hochehrwürdigen Thich Quang Duc, dessen Herz bei 400°C nicht zu Asche geworden ist. Wenn dies nicht die Erleuchtung ist, was dann? Oder die beiden Meditationsmeister Vu Khac Minh und Vu Khac Truong, deren Körper in sitzender, meditativer Haltung seit über 100 Jahren nicht verwesen. Die Konditionalkette ist nicht weniger wichtig im täglichen Leben. Deshalb muß man beten, daß es keine Schwierigkeiten auf der Suche nach der Erleuchtung geben mögen.

25) Frage: Was muß man bei der Rezitation der Buddhanamen und bei der Meditation beachten?

Antwort: Wenn man Buddhanamen rezitiert, sollte man an Buddha denken und versuchen, den Vorgang nicht zu unterbrechen. Man kann auch still rezitieren, doch die Rezitation muß deutlich sein und von sich selbst ausgehen. Die Methode der Rezitation der Buddhanamen ist sehr wichtig für Lebende wie für Tote. Deshalb haben alle Buddhas, Bodhisattvas und Heilige das Gelübde abgelegt, im Reinen-Land des Amitabha-Buddha wiedergeboren zu werden. Die Meditation erfordert auch die Konzentration. Um dies zu erreichen, muß man die Atemzüge kontinuierlich beobachten. Man sollte versuchen, die Beobachtung der Atemzüge nicht zu unterbrechen. Alle diese Beobachtungsmethoden helfen einem, die Buddhalehre zu praktizieren. Die Sitzhaltung muß gerade sein. Man sollte die Beobachtung der Atemzüge unterbrechen und von vorne anfangen, wenn der Geist umherspringt. Man sollte sich nicht zu sehr anstrengen, denn der Geist wird dadurch überlastet. In solchen Fällen sollte man sich lieber ausruhen.

26) Frage: Sollte man bei der Meditation, falls man Buddha oder Mara begegnet, diese vernichten?

Antwort: Am Anfang wird unser Geist sehr verwirrt sein. Das ist das Negative. Wir sollten es aus unserem Bewußtsein entfernen. Dies wird auch als Mara der Geistesgifte genannt. Wenn wir eine hohe Meditationsstufe erreicht haben, sehen wir verschiedene Welten in unserem Geist. Wir sollten aber möglichst nicht anhaften, denn alle diese Erscheinungen sind nicht wahr; nur unser Ich hält diese Erscheinungen für wahr. Deshalb sollte man sich lieber von diesen Erscheinungen trennen, denn man ist noch nicht so weit mit der Erleuchtung. Diese Erscheinungen entstehen dadurch, daß wir Buddha unbedingt begegnen wollen.

27) Frage: Was muß man bei der Rezitation der Mantras beachten?

Antwort: Das Rezitieren der Mantren ist auch eine gute Praxis, den Geist zu konzentrieren. Obwohl wir den Inhalt vieler Mantras nicht verstehen, hat jeder Buddha und jeder Bodhisattva seine eigenen Gelübde. Die Gelübde der Buddhas und Bodhisattvas zu rezitieren bedeutet große Verdienste zu erwerben. Bei der Rezitation der Mantras sollte man sich vegetarisch ernähren. Dadurch wird der Erfolg leichter erzielt. An normalen Tagen, d.h. nicht an Vollmondtagen kann man auch die Mantras rezitieren. Doch der Verdienst ist nicht so groß wie die Rezitation der Mantras an Vollmondtagen, an denen man sich vegetarisch ernährt und kein Fleisch ißt.

28) Frage: Was ist der Unterschied von Geist, Körper und Bewußtsein gegenüber der Form?

Antwort: Geist steht für das Formlose; Körper steht für alles Materielle, das Form oder Gestalt hat und daß wir auch sehen und fühlen können. Das Bewußtsein ist die Tiefe des Geistes. Der Motor für alles Gute und Böse. Form ist die sichtbare Seite des Geistes. Wenn das Bewußtsein

unruhig ist, reflektiert es auf den Geist. Als Beispiel sind die drei Geistesgifte zu nehmen. Alle unsere Gefühlszustände wie Freude, Trauer, Haß, Liebe usw. entstehen zuerst durch das Bewußtsein. Dieses reflektiert auf den Geist. Dieser Geist überträgt die Zustände auf die Form, d.h. wir drücken sie durch unser Verhalten und unsere Gesichtsauszüge aus. Geist und Körper, Bewußtsein und Form sind miteinander verbunden. Das eine kann nicht ohne das andere existieren, sie beeinflussen sich gegenseitig.

29) Frage: Ist das Gelübde, Buddha zu werden, und das Gelübde, allen Lebewesen zu helfen, ein und dasselbe?

Antwort: Das Gelübde, Buddha zu werden, ist die Voraussetzung für die Praxis der Buddhalehre. Das Gelübde wieder auf die Samsara-Welt zu kommen, um den Lebewesen zu helfen, dagegen ist das Gelübde eines Bodhisattvas. Als Arhat bleibt man nach dem Erreichen des Parinirwana immer dort. Nur die Bodhisattvas, die den Lebewesen helfen und sie retten wollen, kommen wieder auf diese Samsara-Welt zurück. Das ist nicht zwingend.

30) Frage: Widerspricht sich das nicht, wenn man sagt, daß man gelobe Buddha zu werden, die Buddhalehre praktiziere und auf die Erleuchtung verzichte?

Antwort: Solange der Mensch noch leidet, möchte er gerne von Leid befreit werden. Doch wenn man dieses Ziel erreicht hat, ist auch das Ringen um die Erleuchtung überflüssig. Dies will uns lehren, schnell den richtigen Weg einzuschlagen und ihm zu folgen, um zur Erleuchtung zu gelangen. Wenn wir noch immer nicht frei vom Leiden sind, wird der Wiedergeburtskreislauf unseren Geist immer noch kontrollieren. Nach dem Diamant- und Prajanaparamita-Sutra braucht man nicht für die Erleuchtung zu beten, denn wenn man die Buddhalehre praktiziert, wird man eines Tages die Erleuchtung erlangen. Sie kommt von alleine und nicht durch Bitten. Was hier unter Beten verstanden wird, ist, daß man die Loslösung aus dem Wiedergeburtskreislauf, und nicht das eigene Wohl anstrebt.

(Folgt setzung)

Impressum

**Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger e.V)**

Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen
Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

Verlag

c/o Viengiac Pagode, Karlsruher Str.6, 30519 Hannover

Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963

E-Mail : baovg@t-online.de

E-Mail : viengiacu@t-online.de

Homepage: <http://www.viengiac.de>

Herausgeber :

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirch e.V

Redaktion :

Vietnamesische-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum
in der BRD (VIBUS)

Erscheinungsweise : 6 mal Jährlich

Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt. Nach druck nur mit
schriftlicher Genehmigung der Redaktion erlaubt.



● Bài sưu tầm

RẮN MĂNG XÀ

Ngày xưa ấy có đôi vợ chồng sanh dạng một người con gái. Khi cô lên mười thì cha đã mất sớm, vì thế bao nhiêu tình thương mẹ nàng đều dành hết cho nàng, nhưng tánh của cô thì ương ngạnh. Mỗi khi cô làm điều gì làm lỗi thì mẹ cô từ tốn dạy khuyên, nhưng cô không biết nhận lỗi mà còn vô lễ với mẹ, khiến bà đau lòng vì con ngoan cố không nghe lời dạy bảo. Quá buồn vì đứa con ngỗ nghịch nên bà lâm trọng bệnh. Không bao lâu thì bà qua đời. Khi mẹ mất đi nàng mới cảm thấy bơ vơ lạc lõng, những lúc nàng đau không ai săn sóc vỗ về, đột nhiên nàng nhớ đến mẹ nàng hối hận trong lòng. Khi cô biết nghĩ thương mẹ thì mẹ đã ra người thiên cổ. Cô nghĩ giá như bây giờ còn có mẹ, cô sẽ sa vào lòng mẹ mà nũng nịu với giọng thân thương triu mến:

"Mẹ yêu quý ơi! Con thương mẹ lắm, mẹ là dòng sữa ngọt, là bóng mát để con núp bóng mát từ".

Khi đó mẹ sẽ mỉm cười và âu yếm vuốt tóc con khẽ bảo: "Con tôi ngoan quá".

Nhưng con đã mất mẹ rồi, khi con thêm gọi mẹ thì mẹ đã sang bên kia bờ thế giới bỏ con hiu quạnh bơ vơ khi tuổi còn thơ. Bất giác đôi dòng lệ chảy dài trên má. Con khóc đây vì lòng tự hối ăn năn xin mẹ tha thứ cho con và hãy an giấc điệp, con sẽ không làm phiền mẹ nữa đâu.

*Mẹ đã đi rồi, con ở đây
Ngày đêm mòn mỏi suốt canh chầy*

*Mẹ đi đi mãi trong sương gió
Bỏ lại con thờ lẽ bóng sầu
Xin chúc ai kia còn có mẹ
Thương hoài thương mãi mẹ mình
thôi.*

Sau đó nàng đi làm thuê để mưu sinh, việc làm rất vất vả, vì vậy nàng không dám tiêu xài. Thỉnh thoảng nàng mua một nén vàng bỏ vào lọ chôn giấu dưới đất. Dần dần được nhiều nén, vì quá lao碌 và không dám ăn xài nên qua con bệnh nàng trút hơi tàn. Khi chết đi, vì tiếc của nên đem rắn măng xà ở ngay nhà nàng để giữ lọ vàng. Trải qua nhiều năm nhà ấy đổ nát điều tàn, con rắn ấy cũng chết đi. Bởi linh hồn rắn còn tiếc của nên đem làm thân rắn lần nữa, quanh quẩn coi giữ trên đồng đất chôn vàng. Sau rồi chết đi cũng lại tái sanh làm rắn để giữ của nữa. Giữ của mãi rồi cũng chán, nghĩ rằng: Ta vì tiếc của nên đem làm thân rắn hình thù xấu xí, ai thấy cũng ghê sợ tránh xa. Nghĩ vậy rồi không còn tiếc của nữa.



Trải qua thời gian lâu, có người đến đất này cất nhà để ở. Người này tên Chi Mai đã thọ tam quy và giữ thập thiện, trai giới rất thanh tịnh và làm việc lành lại thông cả kinh tạng. Đêm đêm cô thường tụng kinh và sau thời kinh cô thường hay cầu nguyện cho pháp giới chúng sanh biết được Phật Pháp mà thức tỉnh tu hành. Với lòng thành kính cầu nguyện khiến cảm hóa được rắn, nên rắn không mang tâm độc ác muốn hại người nữa, chỉ muốn tu thôi.

Ba mươi năm sau, một hôm rắn báo mộng cho Chi Mai biết :

"Rất là hữu duyên với cô, nhờ cô tâm hồn trong sạch thanh tịnh mà cảm hóa được tôi. Khiến tôi thành tâm tu hành, nay thân rắn sắp mãn phần nên đến đây báo mộng, chân thành cảm tạ và ghi sâu ơn đức, để đền đáp nghĩa ân, nhân tiện đây tôi có lọ vàng đã chôn kín lâu đời. Phần nửa tôi tặng cô, phần nửa kia cúng dường Tam Bảo.

Luôn tiện nhờ quý sư tăng chú nguyện cho tôi mãn kiếp rắn, không còn tái sanh làm rắn nữa và cầu cho tôi tái sanh nơi nào cũng gặp được Phật Pháp tu hành, thì ơn đức cô tôi xin kết cỏ ngậm vành".

Nói xong rắn biến mất. Giật mình thức giấc nàng nghĩ không biết thực hư? Nàng suy nghĩ mãi, cuối cùng nàng đến chỗ rắn chỉ đào đất lên thì quả không sai, có lọ vàng, mừng quá nàng làm theo lời rắn dặn. Thế là nàng mang lọ vàng về chùa và kể rõ tự sự nhờ quý sư tụng kinh cầu nguyện cho rắn. Sau khi làm xong Phật sự lòng cô thanh thoát nhẹ nhàng và ngủ ngon giấc. Khi cô còn đang say sưa trong giấc ngủ, thì rắn hiện thân cho biết số thọ đã mãn, ngày mai phải chết, rắn sẽ bỏ xác sau nhà. Khi đó nhờ cô chôn cất dùm. Rắn cho biết nhờ vào công đức tu hành của mình và cũng nhờ vào công đức tu hành sư tăng chú nguyện, rắn sẽ tái sinh làm người vào trong gia đình đạo đức giàu sang phú quý. Thân sau sẽ làm thiên kim tiểu thư của phú gia này. Sau khi tuổi đứng trăng tròn sẽ xuất gia đầu Phật nếu có thiện duyên sẽ làm thầy trò với nhau. Nói xong rắn biến mất. Hôm sau, quả thật nhà phú ông, bà vợ sanh ra đứa con gái rất dễ thương, má lúm đồng tiền trông thật có duyên ai thấy cũng thương. Chi Mai chứng kiến cảnh trên, thấy nhân quả rõ ràng bèn xuất gia tu hành. Mười lăm năm sau biết mình có duyên với cô bé này, nên tìm đến trước là vấn an sau cô thuyết về lý nhân quả. Cô này lãnh hội thông suốt và thừa cha mẹ cho cô xuất gia. Thấy con còn nhỏ mà có chí xuất trần nên ông bà đều hoan hỷ cho cô được toại nguyện. Cô bé tạ ơn và đánh lễ song thân rồi theo thầy vào chốn am thiền. Cả hai thầy trò tịnh tâm tu hành rồi đây sẽ có ngày đắc thành đạo quả.

● Hồng Nhiên sưu tầm



ÂN HẬN

Tôi biết Thành mới được hơn hai tháng nay, mà tôi cảm thấy quý mến Thành nhiều, bởi lẽ Thành là người bạn cởi mở và vui tính. Hơn nữa, Thành là người bạn Việt Nam duy nhất xấp xỉ tuổi tôi, mà tôi quen biết ở đây, trên nước Đức này. Mới biết nhau mà tôi và Thành như đã quen nhau lâu lắm rồi. Chúng tôi kể cho nhau nghe đủ mọi chuyện và tâm

sự với nhau đủ mọi điều... Duy có điều, thỉnh thoảng tôi thấy Thành có vẻ trầm tư và buồn buồn... Vì chúng tôi học cùng một lớp, nên tôi dễ nhận biết điều đó, nhất là khi các bạn cùng vui chơi thì Thành chỉ đứng nhìn và hầu như mắt để tẹt đâu đâu...



Một bữa, tôi hỏi Thành :

- Này Thành, cậu có điều gì buồn thế ? Buồn ư ? Thành như sục tỉnh và hỏi lại:

- Ừ ! Tôi thấy lúc nào cậu cũng có vẻ dăm chiêu, như "ông cụ" ấy! Tôi rụt rè nói.

- Như "ông cụ" à ? Đâu có ! Tôi cũng vui đấy chứ ! Thành vội nói.

- Ờ ! Thì cậu là người vui tính ! Thế nhưng, có lúc cậu trông buồn rười rượi ấy ! Cậu có thể nói cho tôi biết vì sao không ? Tôi đề nghị.

- Cậu biết đấy ! Tôi chỉ có một mình ở đây, mới mười bốn tuổi, ở giữa xứ người đầy xa lạ, mới mẹ này ! ... Thành nói như khóc.

- Ừ ! Tôi hiểu cậu và thông cảm với cậu: bố mẹ bị trục xuất về Việt Nam, để lại một mình cậu ở đây, không người thân thiết... Tôi nói và cũng rơm rớm nước mắt.

- Điều đó cũng làm mình buồn nhiều, nhưng bố mẹ mình bảo vì tương lai của mình nên quyết định để cho mình ở lại đây; chú theo bố mẹ mình về Việt Nam thì khổ lắm, xã hội Việt Nam giờ xuống dốc lắm, thanh thiếu niên hư hỏng nhiều lắm... Mới đầu mình không chịu, nhưng bố mẹ mình phân tích mãi và mình đành phải nghe theo chứ biết làm sao ! Nhưng chuyện đó cũng không làm cho mình buồn nữa vì bây giờ mình cũng bắt đầu quen dần với cuộc sống mới rồi. Sống trong gia đình người Đức mình cảm thấy như ở nhà mình vì ông bà người Đức quý mình và tử tế với mình lắm. Lại có một cậu bạn cùng lứa tuổi nên mình cũng quen dần... Thành thổ lộ với tôi.

- Vậy tại sao cậu buồn ? Chắc còn điều gì nữa phải không ? Tôi lại dò hỏi tiếp.

- Ừ ! Cậu nhận xét đúng đấy ! Cũng còn một điều nữa khiến mình buồn... Thành ngập ngừng.

- Vì sao thế ? Tôi ngắt lời Thành.

- Minh... Minh ân hận vì những ngày đầu tiên khi vắng bố mẹ mình, mình đã mắc lỗi ! Thành nói.

- Lỗi gì vậy ? Tôi gắng hỏi.

- Minh thích nghe nhạc, mà lại không có tiền nhiều để mua băng... Mấy ngày đầu, sau khi bố mẹ bỏ trốn đi... mình lang thang đây đó và tất mất lấy một băng nhạc, bị phát hiện và bị cảnh sát ưa về nhà bạn của bố mẹ mình (ở tạm)... Minh thấy xấu hổ và ân hận vô cùng... Bố mẹ mình biết và lo buồn lắm... Minh không có tính vậy đâu, ấy thế mà ma xui quỷ khiến nào, hôm ấy lại như vậy !... Thành thổ lộ thành thật.

- Cậu biết buồn và ân hận vậy là tốt ! Miễn là cậu đừng mắc lại thiếu sót đó nữa. Mà mình nghe nói có lần cậu nhặt được ví tiền đem trả lại cho người mất cơ mà ? Tôi an ủi Thành.

- Ừ ! Đúng thế ! Thành nói.

- Vậy cậu không phải lo buồn gì nữa. Chuyện đã qua là cho qua đi ! Cậu hãy vui và coi đó là bài học để nhớ đời, vậy là đủ ! Tôi nói.

- Ờ ! Tôi nghe lời cậu ! Thành vui vẻ trả lời.

Chúng tôi chia tay nhau. Tôi nghe như có tiếng gió khe khẽ thì thào : "Cậu vừa làm một điều tốt!". Và tôi thầm nghĩ : "Từ nay, tôi sẽ gần gũi Thành nhiều hơn nữa... vì ngoài tôi ra ở đây... Thành còn có ai thân thiết nữa đâu !".

● Trần Kim Lan



Hồi ký :

Sống chung với Rắn

Thiện Căn Phạm Hồng Sáu

Từ Đồng Tháp, kinh An Long, vùng Tân Lý tôi được "cách mạng" cho về, không phải vì học tập cải tạo "tốt" mà bởi tôi còn đủ sức không lao động, nằm rên la tại chỗ, chỉ tổn thêm mỗi ngày một chén cháo lòng theo tiêu chuẩn của người bệnh. Tôi bị đau xương sống (Bandscheibenschaden) bởi bọn cán bộ Việt Cộng bắt làm những việc nặng quá sức mình mà ăn uống lại thiếu thốn không đủ no, thiếu dinh dưỡng. Thêm vào đó chúng tôi bị giam ở những vùng hoang vu chưa có người

khai thác nên chưa có trại, có nhà. Ban đêm ngủ ngoài trời, chung quanh toàn là rừng tràm hay bãi lạt. Sương đêm phủ xuống lạnh lẽo vô cùng. Hơi ẩm dưới đất xông lên thấm ướt cả lưng. Chúng tôi có yêu cầu điều gì thì cán bộ quản giáo trả lời: "Nhà nước còn nghèo, các anh là thành phần thuộc Mỹ-Ngụy không thể muốn gì có vậy! ".

Dù được trả tự do, nhưng đã "mất quyền công dân", nên tôi không được bệnh viện nhà nước cho nằm điều trị, Muốn tự chữa trị lại không có thuốc men. Ban ngày, theo giờ quy định, tôi phải tới phường, khóm để làm bài "tự kiểm" và tối đến phải mang mền chiếu ra đó ngủ cùng bọn Công an để canh chừng trộm cướp hoặc bắt người vượt biên. Trăm bề dồn dập, khổ sở vô cùng!

Bên cạnh nhà tôi có cô Bày, còn trẻ, dễ thương, độ 25 tuổi, em gái của anh Năm Hóa, Sĩ quan Không quân Quân Lực VNCH. Trước đây cô là Y-Tá, làm việc tại Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Định Tường. Khi bọn Cộng Sản miền Bắc vào chiếm miền Nam, cô cất giấu riêng một số thuốc dành để chữa trị cho người thân trong gia đình lỡ khi có bệnh. Thấy tôi đau quá, cô bèn trích bớt thuốc đó ra để chữa cho tôi. Nhờ đó dần dần bệnh đau nhức của tôi được giảm bớt và không lâu tôi đã đi lại bình thường.

Từ đó tôi mới tính đến việc làm ăn để nuôi sống gia đình. Mặc dầu vợ tôi, là một giáo viên, vẫn được "cách mạng" tiếp tục cho đi dạy, nhưng "lương bổng phụ cấp" chưa đủ nuôi thân mà đêm đêm phải theo lệnh của phòng giáo dục lặn lội vào bưng, vào những vùng quê hẻo lánh bất kể gió mưa, bão lụt để cưỡng bách dân quê mù chữ phải học trong lúc họ không đủ cơm ăn, áo mặc...

Ngay từ hồi "cách mạng" vào, sợ mình là "ngụy quân" nên tôi đã vội vã đốt hết giấy tờ, bằng cấp cùng với những giấy tờ có dính dáng đến quân sự hầu tránh những lời thô khố dễ về sau. May sao còn sót lại cái bằng "Tài Công" đường sông mà tôi đã thi thêm tại trại Cửu Long, Sở Hàng Hải, Sài Gòn.

Bỏ cái bằng tài công trong túi áo với tờ giấy "Cho phép đi đường" có hiệu lực một ngày của Phường cấp, tôi lặn lội lên Sài Gòn tìm việc. Tôi đến Cục Thủy Vận xin việc, họ từ chối. Tôi qua Khánh Hội rồi đến Nhà Bè tìm những chỗ nhận người làm việc cho tàu biển, nhưng tất cả cũng đều từ chối. Suy nghĩ trong đầu, hay là tôi đến mấy chỗ bến Phà hỏi thăm họ để tìm việc may ra họ nhận thì tôi có thể phụ họ lái phà

để đưa đón khách và chở xe cộ qua sông hoặc cùng lắm thì làm nhân viên bỏ dôi, cột dây cho phà cũng được miễn sao hằng tháng kiếm được chút tiền lương. Tôi trở về Mỹ Tho đến bến phà Rạch Miễu xin việc, không được. Những ngày sau tôi xuống Bắc Mỹ Thuận, Bắc Cần Thơ, đi nhiều nơi nhưng đều bị từ chối, bởi lúc phỏng vấn họ thấy lý lịch của tôi có chất "ngụy" trong mình.

Sống tại phố thì không được êm. Nay Phường nói sẽ tiếp thu nhà cửa, mai thì Phường bảo phải dời đi kinh tế mới. Riêng tôi thì muốn bám ở thành phố, dầu gì nơi đây cũng đỡ thiệt thòi hơn, dân đông và nhiều thành phần khác biệt, sự kiểm soát của Khóm, Phường không thể chặt chẽ như ở các xã, ấp dưới quê.

Suy đi nghĩ lại mông lung, đối để quá tôi phải về quê làm ruộng, vì nhạc phụ và nhạc mẫu tôi trước khi "cách mạng" vào có chia cho con cái mỗi người một mẫu ruộng (10.000 thước vuông). Vợ tôi cũng được một mẫu nằm sát lộ cái đường đi Chợ Gạo chỉ cách phố Mỹ Tho chừng 7 cây số, rất thuận tiện cho sự di chuyển của tôi.

Từ nhỏ đến lớn tôi chưa hề xuống ruộng cặm cuốc xới đất, đập mương chừ đừng nói là chuyện cày, cấy, nhổ mạ, bón phân, xịt rầy, bơm nước v.v... Tôi làm sao tranh nổi với những người chung quanh, họ là những nhà nông thiện nghệ mấy đời, chưa kể sức tôi cũng yếu, làm sao bằng họ được.

Tuy nhiên "nhập gia tùy tục". Tôi về đó, ngoài sự đùm bọc của nhạc mẫu (nhạc phụ đã mất), anh chị và người thân trong gia đình bên vợ, tôi còn được mọi người trong xóm, ấp thương yêu nên họ đã biết tay giúp tôi làm ruộng. Vì vậy tôi thấy mình bớt lè loi và bớt sự lo âu nao núng trong lòng. Lối xóm, dù ai cũng biết tên tôi nhưng lại gọi tôi bằng "Dượng Tám", bởi vợ tôi là đứa con thứ tám, con út trong gia đình và đi dạy học nên họ gọi bằng "Cô", nên tôi cũng được "thơm lây" và được gọi bằng "Dượng".

Nói đến "Dượng Tám" là ai cũng cười khi, vì họ biết tôi làm ruộng theo kiểu người thành phố và văn nghệ lắm. Ở quê, trời vừa hừng đông là mọi người đã ra đồng và xuống ruộng bắt tay vào việc rồi, còn tôi thì mặt trời lên cả sào, nắng chói chang cũng còn ngủ nướng. Tuy được nhạc mẫu thương, nhưng tôi vẫn bị bà la rầy và nhắc nhở hoài. Bà con thấy tôi biết sống hòa đồng, hay giúp đỡ kẻ khác và chịu được kham khổ nên ai nấy đều có cảm tình và mến thương. Do đó lúa của ruộng tôi

cũng nhờ họ mà mùa nào cũng trúng cả.

Tình hình ở thành phố càng ngày càng khẩn trương, sợ một ngày nào đó bọn "cách mạng" cũng tìm cách đuổi đi kinh tế mới, tôi bèn phân bớt mẫu ruộng ra hai sào (2.000 thước vuông) lên líp, trồng cây ăn trái làm. Có bề gì thì tôi sẽ đem vợ con về ở đó, có nơi để ổn định. Chiều hôm đó tôi cùng một vài đứa cháu trai bên vợ và vài bà con



lối xóm cặm cùi đào mương, đắp đất lên líp. Công việc gần xong thì trời bắt đầu tối, tự nhiên "con mẹ" Năm Trường Ấp, cách mạng 30 thiếu học, nhà ở xóm dưới đi lên với hai tên du kích có mang súng tới đứng trên bờ bảo tôi: "Lấp đất lại! 'cách mạng' không cho lấy ruộng làm vườn! Dượng phải lấp ngay lập tức, không thì tôi báo lên xã!". Tôi chớ với chẳng biết tính sao nên tôi chỉ gật đầu dạ!... dạ!..., rồi bọn họ bỏ đi. Tối hôm đó tôi cùng chị Ba- chị vợ của tôi, và mấy đứa cháu đi rào xóm này qua xóm nọ đặt mua chuối con và cây so dũa. Suốt đêm đó kê búng chuối, người vác về. Riêng tôi phải vác lần lượt gần một trăm cây chuối trong đêm, lội qua những cánh đồng mà bờ ruộng hẹp sền sệt sinh lầy chỉ đủ đặt bàn chân, lại thêm gió thổi làm lá chuối đong đưa nên phải cố gượng chứ không thì té xuống ruộng. Đem về, đào lỗ trồng lên các líp mới vừa đắp xong hồi chiều. Sáng hôm sau, người trong ấp, trong xã đi ngang qua, ai cũng thấy đó như là cái vườn đã có sẵn từ lâu rồi. Vườn cây đã thành hình không lẽ "con mẹ" Trường Ấp bảo phải lấp lại hay sao ?

Từ đó tôi đi mua thêm nào xoài, mận, ổi, dứa và các loại cây khác chớ về trồng thêm cho rậm rạp và cất một cái chòi nhỏ lợp bằng lá dứa nước để có nơi nghỉ ngơi và tiện bề coi sóc đồng ruộng. Trưa đói bụng hay muốn ăn gì thì tôi chạy vào nhà bà nhạc và

chị Ba kiếm ăn rồi trở ra chòi. Nhà bà nhạc và chị Ba ở xóm trong cách chòi tôi chừng hai trăm thước.

"Con mẹ" Trường Ấp muốn tỏ ra là cán bộ có quyền và muốn lập công lấy điểm với bọn "cách mạng", nên "con mẹ" cũng dẫn người đến đo diện tích ruộng của nhân dân. Khi mùa lúa chín "con mẹ" lấy dây đo ra một thước vuông, rồi sai người xuống cấy, đập lúa trong khu vực đó, đem xuống mương đãi cho lúa lép trôi đi, chỉ còn lại lúa chắc hạt và lấy đờ đông thủ được bao nhiêu, sau đó nhân lên cho số thước vuông của đám ruộng mà tính ra số lúa của người chủ ruộng thu hoạch được phải gánh tới sân phơi tập thể của xã để phơi.

Dân tình ở quê ai cũng than van, thống khổ nhưng phải đành cam chịu. Khi cán bộ tới đo xong, đến tối có người lại lên ra cắt trộm lúa của mình để ngày mai cắt đập ra không đong được nhiều hầu sau khi phơi khô, đong xong cho nhà nước còn có dư kiếm cơm ăn được. Hoặc giả họ cắt tĩa bớt lúa để cán bộ không thấy dấu và đem về cất giấu riêng ở nhà.

Sau 30 tháng Tư năm 1975, "cách mạng" về thôn quê nhà mình là như thế đó. Khi hạt lúa chắc, còn tươi thì hạt lúa đang no tròn phải to hơn, còn sau khi phơi khô rồi hạt lúa sẽ xẹp xuống mà đong theo tiêu chuẩn lúa còn tươi cho nhà nước thì làm sao còn dư để nuôi gia đình hoặc ăn cho đủ để đợi đến mùa lúa tới. Nhiều người nhìn cán bộ đong lúa mình trút vào bồ của xã mà sụt sùi chảy nước mắt nhưng không dám hở môi, sợ nói ra "cách mạng" bảo "phản động" là bị cho đi cải tạo hoặc bị đánh đập, tù đầy tới chết luôn.

Phần tôi nhờ trời thương và bà con lối xóm thương nên dựng cái chòi lên không tính mà rất thuận lợi, vì nó nằm ngay trên con đường bờ, mỗi khi người ta vác hay gánh lúa tới chỗ cộ đập thì phải đi ngang qua chòi của tôi.

Đang cùng bà con gặt, chuyện trò đang vui về thì anh Tám Chí bảo tôi: "Dượng Tám! Dượng vô mở hé hé của chòi của Dượng đi!". Tôi chẳng biết ý anh muốn gì nhưng cũng im lặng đi vào chòi mở cửa ra. Thì ra mỗi lần họ vác hay gánh lúa đi ngang qua thì họ thả vào đó vài bó. Người này vài bó, người kia vài bó dồn lại tôi có được một số lúa riêng mà xã không biết để tính.

Cái chòi của tôi chỉ chừng 20 thước vuông, cột bằng cây cau. Kèo rui bằng tre. Mái lợp lá dứa. Vách cũng che sơ sơ bằng lá cho kín gió cũng do bà con lối xóm phụ tay làm giùm. Bà nhạc bảo tôi lấy bộ ván cũ của bà ở nhà bếp

đem về kê lên đó để nghỉ lưng, lấy lò và nồi niêu ra để sẵn đó khi nào cần thì có dùng. Tuy thấy mất công và không cần thiết vì tôi đã treo một cái võng để nằm du đưa ở đó rồi, nhưng tôi cũng nghe theo lời bà đem mọi thứ ra chòi kê lên, dần dần cho người ta thấy nơi nghỉ của mình cũng tươm tất lắm chứ. Không ngờ về sau nó lại tiện nghi vô cùng. Mỗi lần anh Tám cày ruộng hay mấy người gieo mạ hoặc nhổ mạ cho tôi, rảnh rỗi họ ghé vào chòi chơi thì có nơi ngồi, hoặc nấu nước sôi pha bình trà, đem vài cục đường ra cắt chia nhau nhâm nhi với tách trà nóng, kể vui câu chuyện đồng áng. Có khi cũng bày ra nhậu nhẹt. Có gì đâu, ông Tư hay anh Hai nào đó trước khi ra đồng bắt theo một con gà hoặc một con vịt rồi đi ngang qua bỏ ở chòi tôi, đến chiều mọi người tập trung lại nhậu nhẹt. Chú Bảy ra vườn chặt vài cây chuối con hoặc bẻ vài bắp chuối đem vào xắt làm gỏi. Cậu Ba đi bứt mớ rau thơm. Vườn tôi cũng có trồng đủ thứ gừng, sả, ớt, hành, ngò, răm, quế, húng cây, húng lủi... Chú Tư Đen vo gạo bắt lên nồi cháo, rồi xách cái bình nylon chạy đến quán chị Tư Láng mua vài lít rượu để đem về và khê hú một tiếng rú ông Hai Hường, chú Mười Định ở kế bên chạy qua cùng nhập cuộc cho vui. Nồi cháo nóng hổi



nồi mỡ vàng lấp lánh, chú Tư Đen cho thêm hành, ngò vào, hơi bốc lên thơm phức. Cậu Ba Xuân xé con gà hay con vịt ra trộn gỏi, dọn chén dưa bày ra trên bộ ván. Thế là chúng tôi có cuộc vui chơi, chén tác, chén thù khê khà say lúy túy, ca hát tí tê, mặc cho bọn công an xã, ấp có rình mò.

Có vui chơi hay say sưa gì đi nữa, sáng mai ai nấy cũng đã thức dậy và ra đồng sớm rồi. Thêm vào đó có các bà, các cô thôn nữ đẹp và duyên dáng hết chỗ chê, so với gái thành thị có kẻ dễ chi sánh bằng, cười nói xôn xao hoặc hò vui đối đáp, làm cho quang cảnh bình minh nơi đồng áng tăng vẻ tấp nập, rộn ràng.

Đôi khi có người ghé chòi tôi chơi, thấy đám mạ của tôi đã cao, họ bảo: "Dượng Tám, dượng cứ định ngày nào cấy, dượng cho anh em tụi tôi biết, anh em tụi tôi sẽ kêu công mạ, công cấy cho dượng!".

Nghe xong trong bụng tôi như mở cờ. Phần chị Ba tôi lo vấn đề ăn uống sáng, ăn trưa cho các công thợ là xong. Rồi đến mùa lúa chín cũng vậy, kẻ giúp kêu công cấy, người giúp kêu công đập, tất cả với thành ý hào tâm và tận tình...

Ngoài ra, dưới bộ ván, chị Ba đem một mớ lá chằm sẵn chắt vào đó và bảo tôi khi nào chòi có chỗ bị dột hoặc trống thì lấy lá đó chèn vào. Tôi nghe chị nhưng chưa cần dùng nên đóng lá cứ để yên nằm đó chẳng dả động tới. Khi nằm võng, tôi thường thò chân xuống đất gần đồng lá để đưa võng, có khi bàn chân duỗi thẳng vào ngay trong đồng lá.

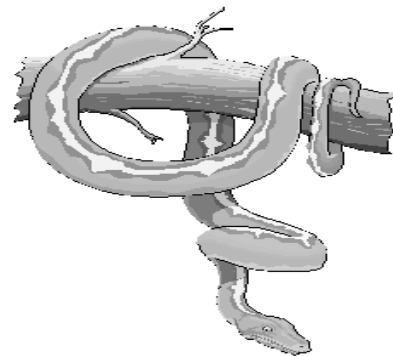
Một hôm chị Ba đi thăm ruộng về, ghé vào chòi. Thấy đồng lá để quá lâu sẽ bị mục, chị mới khui ra, đem từng tấm ra trước sân chòi phơi cho khỏi bị ẩm. Khi còn vài tấm cuối cùng, chị thấy có gì nơi đó động dậy. Chị bảo tôi cầm sẵn cây gậy và đưa cho chị một khúc cây khác. Khi đỡ hết mấy tấm lá cuối cùng ra, tôi thấy một con rắn hổ mây khá lớn đang nằm khoanh tròn nơi đó. Nó ngóc đầu lên, giương tròn đôi mắt rồi vọt ra. Chị đập trật. Nó bò nhanh quá tôi đập cũng trật luôn. Thế là nó đồng đi mất dạng. Hú hồn hú vía! Cũng may những lúc tôi thò chân xuống đất đưa võng mà sao nó không cắn. Bằng không, tôi đã chết ngắc tử lâu rồi! Nhưng từ đó tôi thường lo sợ vì nghe người ta nói rằng, rắn phải đập chết chứ còn sống thì nó sẽ trở lại báo thù, cho nên mỗi khi ra ruộng hay làm việc ở ngoài vườn đi vào chòi, tôi thường cầm cây đi vòng vòng đập quanh vách để tạo tiếng động, nếu có rắn nằm trong đó thì nó sẽ bỏ đi.

Một hôm thấy ruộng khô mà lúa thì đang trở đòng đòng, tôi cần phải bơm nước vào ruộng, nhưng vào tháng này con nước lại lớn vào giữa đêm. Đêm không trăng sao, nên trời tối mịt mù chẳng thấy đường sá gì cả. Lúc chạng vạng, tôi đã vác máy bơm nước ra đặt sẵn ngoài ruộng rồi vào chòi đốt đèn lên cho sáng, leo lên võng nằm đu đưa, mắt nhắm lim dim chờ đợi. Đến khi nước bắt đầu lớn, tôi ra ruộng giật dây cho động cơ máy bơm nổ. Máy bơm hút nước quá mạnh, nước chảy thoát không kịp vào ruộng nên tràn ở đầu ống. Tôi thò tay xuống mò mẫm móc đất sinh quanh bờ để đắp chặn lại cho khỏi tràn ra, thì bỗng nhiên thấy

tay mình có gì nhớt nhớt, lạnh lạnh. Tôi rùng mình vội vã liệng ngay. Thì ra đó là một con rắn lớn thật dài. Tôi không biết, có phải nhờ rắn hiền nên nó không cắn hay là vì tôi liệng ra quá nhanh nó cắn không kịp ?!

Một buổi chiều khác, thỉnh linh mây đen vần vũ. Một trận mưa gió ào ạt áp đến tôi bởi. Gió thổi mạnh từng cơn. Lá lợp chòi của tôi tốc bay tung tóe. Mấy cột chòi tuy đã chôn sâu dưới đất nhưng không đủ sức chịu đựng để giữ cho chòi khỏi ngã. Tôi đang ở trong chòi, thấy không êm nhưng đã lỡ rồi tôi phải cố công chịu đựng vì gió mạnh quá làm cho chòi xiêu dần sắp đổ. Mình mảy tôi ướt đầm nước mưa. Tôi ra sức kê lưng vào cây cột chánh để phụ đỡ cho chòi khỏi ngã. Nhìn lên nóc, mái lá đã bay mất hết, chỉ còn lại cái sườn. Những con rắn lục, rắn gió, rắn hổ mây... nhỏ lớn không biết từ đâu tụ đến chụm lại từng chùm, quấn chặt đuôi nhau trên mấy cây kèo, đầu thông xuống ngoắc nguẩy toong teng, há miệng há mồm, lưỡi thè ra đồ chơi. Lũ rắn cũng đang trăn mình để chống lại sức gió. Tôi thấy ớn quá, điếng hồn phát nóng lạnh nhưng không dám bỏ chạy vì sợ rời lưng ra khỏi cột thì chòi sẽ sập ngay, cho nên tôi phải ráng nai lưng ra chịu đựng. Đến khi thấy tạnh bớt mưa và êm bớt gió, tôi mới nhè nhẹ rời lưng khỏi cây cột chòi, rón rén hé cửa chòi bước ra ngoài và cầm đầu chạy một mạch về thẳng nhà nhạc mẩu.

Tôi kể chuyện rắn ở chòi vừa rồi cho bà nhạc và chị Ba nghe. Bà già nói: "Hú hồn, hú vía cho mầy đó ! Nó không cắn mầy là mầy có phúc đó !... Chúng nó ở bụi, ở bờ thấy gió mưa cũng khờ hồn biết kiếm chỗ che thân...!" Chị Ba nhìn tôi cười và nói với bà già: "Rắn nào mà dám cắn Dượng Tám! Cô Tám tuổi Ty mà má!!!". Cả nhà đều cười. Tôi giật mình, vì đã từ lâu tôi đã ở chung với rắn, ôm ấp rắn mà tôi nào có hay!



***Phạm Hồng Sầu**
(*Tân Niên Tân Ty, 2001*)

Chú thích : *Chiến Thành Nam*
Thơ Lý Bạch

Huyền Thanh Lũ

戰城南

去年戰源
去柔乾源
今年戰道
今葱河道
洗兵條支
放馬天山
萬里長征
三軍盡衰
匈奴以殺
古來惟見
秦家家築
漢家還城
烽火燃不
征戰無已
野戰無格
敗馬號鳴
鳥鳶啄人
銜飛上挂
士卒塗草
將軍空爾
乃知兵者
聖人不得
是凶器
李太白

Chiến Thành Nam

Khứ niên chiến
Tang Càn nguyên
Kim niên chiến
Thông Hà đạo
Tẩy binh Điều Chi hải thượng ba
Phóng mã Thiên Sơn tuyết trung thảo
Vạn lý trường chinh chiến
Tam quân tận suy lão
Hung Nô dĩ sát lục vi canh tác
Cổ lai duy kiến bạch cốt hoàng sa điền
Tần gia trúc thành bị Hồ xử
Hán gia hoàn hữu phong hòa nhiên
Phong hòa nhiên bất tức
Chinh chiến vô dĩ thời
Dã chiến cách đấu tử
Bại mã hào minh hướng thiên bi
Điều diên chắc nhân trường
Hàm phi thượng quai khô thụ chi
Sĩ tốt đồ thảo mãng
Tướng quân không nhĩ vi
Nãi tri binh giả thị hung khí
Thánh nhân bất đắc dĩ nhi dụng chi

LÝ BẠCH (701-762)

Dịch xuôi:

*Cuộc chiến ở
phía Nam thành*

Chiến cuộc năm ngoái,
ở sông Tang Càn.
Chiến cuộc năm nay,
ở vùng Thông Hà.
Rửa binh giáp Điều Chi cần đến sóng trên biển,
Thả ngựa trên núi Thiên Sơn tuyết đầy trong cỏ.
Cuộc chiến kéo dài vạn dặm,
Ba quân đều già cả yếu kém.
Quân Hung Nô phan thây quân thù làm đồ bón trồng trọt,
Xưa đến nay chỉ thấy xương trắng nơi ruộng cát vàng mà thôi.
Nhà Tần xây thành để ngăn xứ Hồ,
Nhà Hán trở lại có phong hòa để đốt.
Phong hòa đốt không ngừng,
Chinh chiến không có thời gian nghỉ ngơi.
Đánh nhau bằng cách đấu đến chết,
Ngựa thua hướng lên trời kêu gào đau thương.
Điều hầu mổ ruột tử sĩ,
Tha bay treo lên cành cây khô.
Sĩ tốt đầy trong cỏ rậm bên đường,
Tướng quân chẳng làm được gì cả.
Bèn hiểu rằng: binh khí là đồ hại người,
Bậc thánh nhân bất đắc dĩ mới dùng đến mà thôi.

Dịch thơ:

Chiến tranh năm ngoái

ở Tang Càn
 Cuộc chiến năm nay
 Thông Hà đỏ
 Rửa giáp Điều Chi sóng biển xanh
 Thả ngựa Thiên Sơn tuyết trong cỏ
 Chiến cuộc muôn dặm dài
 Ba quân già yếu cả
 Hung Nô phanh thây giặc làm phân bón
 Xưa chỉ thấy xương trắng ruộng cát vàng
 Nhà Tần xây thành ngăn xứ Hồ
 Nhà Hán lại có phong hỏa đốt
 Phong hỏa đốt không ngừng
 Chinh chiến không lúc nghỉ
 Dã chiến cách đánh cho đến chết
 Ngựa bại trông trời gào thảm thiết
 Điều hầu mổ ruột tử sĩ
 Tha bay treo cành cây khô
 Binh sĩ đầy đường cỏ rậm phơi
 Tướng quân chẳng làm thành gì hết
 Hiểu rằng binh khí thứ hại người
 Thánh nhân bắt đấng dĩ dùng thôi

Chú thích

Phong hỏa: Tang Càn: Tang Càn hà: tên sông, phát nguyên ở huyện Mã Ấp, tỉnh Sơn Tây, thời xưa còn có các tên: Tích Quán Thủy, Huy Hà, Hồn Hà, Lưu Câu Hà; nay gọi là Vĩnh Định Hà. Thông Hà: Thông Linh Hà, ở xa titik phía Tây của tỉnh Cam Túc. Tây binh: rửa binh giáp, rửa vũ khí và áo chiến. Lương, Giản Văn Đế:

Tẩy Binh phùng sậu vũ, tổng trận xuất hoàng vân.

Rửa giáp binh gặp mưa tới, đưa trận ra mây vàng.

-rửa giáp cất đi không đánh nhau nữa.

Đỗ Phủ có câu thơ:

An dắc tráng sĩ vân thiên hà

Tinh tẩy giáp binh trường bất dụng.

Làm sao tráng sĩ Ngân Hà kéo

Giáp binh lạng rửa yên chẳng dùng.

Đặng Dung, bài Thuật Hoài có câu:

Trí chủ hữu hoài phủ địa trực

Tẩy binh vô lộ vân thiên hà.

Vai khiêng trái đất mong phò chúa

Rửa giáp sông trời thật khó thay.

Điều Chi: tên nước, tức Tây Vực.

Thiên Sơn = Tuyết Sơn: tên núi ở trong tỉnh Tân Cương.

Tam quân: -theo chế độ nhà Chu: Thiên Tử có 6 quân (lục quân);

chư hầu có ba quân (tam quân). Mỗi quân gồm có 12500 người.

-gọi chung binh lính, quân sĩ...

Tuân Tử, phú:

Thành quách dĩ cố, tam quân dĩ cường.

Thành quách cần vững chắc, binh sĩ cần mạnh mẽ.

-Bộ binh, Kỵ binh, Xa binh-

-Thương Quân Thư, Binh Thư:

Tam quân: tráng nam vi nhất quân, tráng nữ vi nhất quân, nam nữ chỉ lão nhược vi nhất quân, thủ chi vị tam quân dã. Tráng nam tác chiến, tráng nữ phòng thủ, lão nhược luân tổng thực vật.

Ba quân: thanh niên nam là một quân, thanh niên nữ là một quân, nam nữ già yếu là một quân, như thế gọi là ba quân vậy. Thanh niên nam đánh nhau, thanh niên nữ giữ thành, nam nữ già yếu thay nhau chuyển lương thực.

Hung Nô: một trong những chủng tộc ở phía Bắc Trung Quốc, cũng gọi là Hồ. Trước sau còn có tên: Qui Phương, Côn Di, Sơn Nhung. Đời Tần gọi là Hung Nô, ở sa mạc lớn, sống du mục, giới cưỡi ngựa và bắn cung.

Cổ lai: từ xưa đến nay.

Thành ngữ: *Cổ vãng kim lai*: xưa đi nay lại, xưa qua nay tới, từ xưa đến nay.

Văn Tuyển, Phan Nhạc, Tây chinh phú:

Cổ vãng kim lai, mạc hề du tai !

Xưa đi nay tới, xa titik chữ miên viễn thay !

Đường, Bạch Cư Dị, bài thơ Phóng Ngõn có câu:

Triên chân mộ nguy hà nhân biện,

Cổ vãng kim lai để sự vô !

Sớm chân chiều nguy ai phân tỏ,

Xưa rút nay về việc gì không !

Sát lục: giết rời phanh thây.

Bạch cốt: xương trắng, xương người chết.

Quốc Ngữ, Ngô:

Việt Vương hứa nặc, nãi mệnh Gia Kê Trình hành thành ú Ngô viết:

... Quân Vương chi ú Việt dã, ê khởi tử nhân nhi nhục bạch cốt dã.

Vua Việt hứa ừ, bèn sai Gia Kê Trình đi tới đất Ngô nói rằng: ...

Quân Vương đi đến đất Việt, người chết mà xương thịt trắng vậy.

Nhạc Phủ thi tập, nhị, Ngụy Vũ Đế, Hao lý:

Bạch cốt lộ ú dã

Thiên lý vô kê minh.

Cánh đồng xương trắng phơi

Ngàn dặm chẳng gà gáy.

Bị:

-thận trọng, cẩn thận.

-chu đáo, chuẩn bị...

-hết, hoàn toàn.

-cái tường nhỏ phía sau.

-ngọn lửa ở biên cương báo hiệu có giặc tới.

-chiến tranh.

Đỗ Phủ, bài Xuân Vọng có câu:

Phong hỏa liên tam nguyệt

Gia thủ để vạn kim.

Chiến tranh liền ba tháng

Thư nhà giá vạn tiền.

Nhiên: đốt, thiêu.

Túc: -hoi thờ, hô hấp...

Trang Tử, Tiêu Dao Du:

Dã mã dã, trần ai dã, sinh vật chi dĩ tức tửng xuy dã.

Kìa bóng câu, kìa vẫn bụi, những vật có sống lấy hơi thở mà thổi nhau.

-ngừng, nghỉ ...

Kinh Dịch, Quẻ Càn, Đại tượng truyện:

Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức.

Trời đi vững vàng, bậc quân tử lấy đó mà tự mình làm cho mình mạnh mẽ không ngừng nghỉ.

-diệt, tắt ...

Kinh Dịch, Quẻ Minh Di, Tượng truyện:

Ky Tử chi trinh, minh bất khả tức dã.

Đạo trinh chính của Ky Tử, đức sáng không thể tắt được vậy.

-con cháu...

Dã chiến: -binh lính đánh nhau nơi đất rộng rãi.

Tấn Thư, Tuyên đế ký:

Bất phục công thành, dưỡng cầu dã chiến.

Không phục kích, không tấn công thành, mà đương cần đánh nhau nơi đất rộng rãi.

-tác chiến không giống phương pháp thông thường.

Tống Sử, Nhạc Phi truyện:

Tông Dịch vị Phi viết: Nhĩ dũng trí tài nghệ, cổ lương tướng bất năng

quá; nhiên hảo dã chiến, phi vạn toàn kế. Nhân dĩ thụ trận đồ; Phi

viết: Trận như hậu chiến, binh pháp chi thường; vạn dụng chi diệu,

tồn hồ nhất tâm. Dịch thị kỳ ngôn.

Tông Dịch nói với Nhạc Phi rằng:

Người tài nghệ dũng trí, từ xưa bậc lương tướng chẳng qua nổi; tuy nhiên giỏi tác chiến không theo phương pháp thông thường, chẳng phải là kế vạn toàn

Nhân cầm lấy bản đồ chiến trận; Nhạc Phi trả lời rằng: Đánh trận mà đánh phía sau là thông thường của binh pháp; vận dụng binh pháp tinh diệu, chỉ còn lại một tấm lòng.

Tống Dịch cho rằng đó là lời nói đúng.

Diên (Duyên): tên động vật (Milvus melanotis) thuộc loại chim mạnh mẽ, đỉnh đầu đến cổ họng đều trắng, mỏ màu lam, trên mình màu vàng thô có vân tía, hai cánh màu vàng thô đen, bụng màu đỏ nhạt, đuôi nhỏ rẽ đôi, bốn ngón chân có móng sắc. Trời tạnh yên thường bay trên trời, sức mắt rất mạnh trông thấy vật ở dưới đất có thể xuống bắt ăn; ăn chuột, cá, rắn... Diên hình đại cương giống nhạn diều.

Kinh Thi, Tiểu nhâ, Tứ nguyệt:

Phi thuần phi diên,

hàn phi lệ thiên.

Chẳng thuần chẳng diên

Cánh bay vút trời.

(Thuần: tên động vật (Coturnix coturnix japonica)) thuộc loại gà thuần, hình thể giống gà. Đầu và mỏ nhỏ, đuôi ngắn, trên mình màu đỏ vàng thô, có vân màu vàng tối, bụng màu trắng).

Sĩ tốt: binh sĩ, quân lính...

Sử Ký, Cao Tổ Ký:

Hán Vương bệnh thượng ngộ, Trương Lương cố gắng thỉnh Hán Vương khởi hành lao quân sĩ, dĩ an sĩ tốt.

Vua Hán đầu năm, Trương Lương gắng cầu xin Hán Vương đứng dậy khen thưởng khuyến khích để an ủi quân sĩ.

Thảo mông: -bụi cỏ mọc lộn xộn. Phiếm chỉ sự hoang dã, hoang vu.

Tà Truyện, Chiêu thập nhị niên:

Tích ngã tiên vương Hùng Dịch, ty tại Kinh Sơn, tất lộ lam lũ, dĩ xử thảo mông.

Xưa đáng tiên vương của ta là Hùng Dịch, lánh ở Kinh Sơn, xe lan tre vất vả, ở chốn hoang dã.

Tấn, Đào Tiềm, Qui viên điền cư, thi, nhị:

Thường khủng sống tấn chí,

Linh lạc đồng thảo mông.

Thường sợ mọc sương tối

Roi trong đám hoang vu.

-nhà cò, nhà tranh. Ý nói ở nhà quê.

Mạnh Tử, Vạn chương hạ:

Tại quốc viết thị tinh chi thần, tại dã viết thảo mông chi thần.

Ở chốn triều đình gọi là bày tôi thành thị, ở chốn đồng ruộng gọi là bày tôi nhà quê.

Hung khí: -người xưa cho rằng binh sĩ và khí giới là thứ làm hại (bị thương, chết...) người ta.

Sách Lục Thao viết rằng:

Thánh nhân hào binh vi hung khí, bất đắc dĩ nhi dụng chi.

Thánh nhân hô hào lên rằng việc binh (lính và khí giới) là thứ làm hại người, bất đắc dĩ mà sử dụng đến việc ấy.

Sử Ký, Chủ phụ yển truyện:

Binh giả hung khí dã

Quân binh là hung khí vậy.

Bây giờ người ta nói đồ dùng mà hung thủ dùng để làm hại người gọi là *hung khí*.

Thánh nhân: -người có phẩm cách đạo đức rất cao.

Kinh Dịch, Quê Càn, Văn ngôn:

Thánh nhân tác nhi vạn vật dĩ.

Thánh nhân làm mà vạn vật trông thấy.

Lão Tử, chương 22:

Thị dĩ thánh nhân bảo nhất, vi thiên hạ thối.

Bởi vậy đáng thánh nhân ôm giữ lấy một làm phép tắc cho thiên hạ.

Trong thư tịch của nho gia từ ngữ *thánh nhân* để chỉ *Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Chu Công, Khổng Tử*. Nhà nho sau này dùng từ ngữ *thánh nhân* để đặc biệt tôn xưng Đức Khổng Phu Tử.

-nhà Phật dùng để chỉ Phật Tổ.

-nhà đạo giáo chỉ Thượng Tiên.

-Vua.

--gọi riêng thứ rượu trong ngon.

Thẩm Đức Tiềm, tác giả cuốn Đường

Thi Biệt Tài Tập, viết:

Mạt cú dụng Lão Tử.

Câu cuối của bài thơ dùng ý của Lão Tử.

Đây là chương 31 của Lão Tử, nguyên văn:

Phù giai binh giả bất tưởng chi khí, vật hoặc cố chi, cố hữu đạo giả bất xử. Quân tử cư tắc quý tả, dũng binh chi tắc quý hữu. Binh giả bất tưởng chi khí, phi quân tử chi khí; bất đắc dĩ nhi dụng chi; diêm đạm vi thượng, thắng nhi bất mỹ; nhi mỹ chi giả, thị lạc sát nhân. Phù lục sát nhân giả, tắc bất khả dĩ chi ử thiên hạ hỹ. Cát sự thượng tá, hung sự thượng hữu; thiên tửng cử quân tá, thượng tửng cử quân hữu, ngôn dĩ tang lễ xử chi. Sát nhân chi chúng, dĩ ai bi khấp chi; chiến thắng, dĩ tang lễ xử chi.

Ồi đồ binh tốt là vật chẳng lành, vật hoặc ghét nó, cho nên bậc có đạo không chịu ở đấy. Bậc quân tử ở thì quý trọng bên trái, dùng binh thì quý trọng bên phải. Việc binh là đồ chẳng lành, không phải đồ của bậc quân tử. Chẳng được được mà phải dùng đến thì nên diêm đạm là hơn, được mà không cho là hay. Kê được mà cho là hay ấy là kê vui thích giết người. Ồi kê vui thích giết người thì không thể thỏa ý muốn ở thiên hạ vậy. Việc lành chuộng bên trái, việc dữ chuộng bên phải. Phó tướng ở bên trái, Thượng tướng ở bên phải, nói lấy lễ tang xử đấy. Giết người nhiều, lấy xót thương khóc đấy. Đánh trận được, lấy lễ tang xử đấy.

Tiêu Sĩ Yên thuyết:

Khai nguyên, Thiên Bảo trung, thượng háo biên công, chinh phạt vô thời, thủ thi cái dĩ phụng dã.

/Đường Thi Giám Thường Tập Thành trang 268/

Trong niên hiệu Khai Nguyên (713-741), Thiên Bảo (742-755), ham thích công lao ngoài biên, chiến tranh không có lúc nào, đấy là bài thơ nói mất vậy.

Tôn Tinh thuyết:

Thiên Bảo niên gian, Đường Huyền Tông khinh động can qua, trình uy biên viễn, nhi hựu kỷ kinh thất bại, cấp nhân dân đại lai thâm trọng đích tai nạn. Nhất tông tông nghiêm khốc đích sự thật, hối tự đáo thi nhân hung trung, đồng tha ưu quốc mẫn dân đích tình hoài sản sinh kích liệt đích mâu thuẫn. Tha trầm tử, bi phần, nội tâm đích hô háo khuynh tả nhi xuất, trừ thành giá nhất danh thiên.

/tác phẩm đã dẫn. Các trang 269-270/

Khoảng niên hiệu Thiên Bảo, Đường Huyền Tông gây động chiến tranh, đưa oai đến biên giới xa xôi, mà lại mấy lần thất bại, dù cho nhân dân đeo bao tai nạn nặng nề. Một sự thật tàn khốc nối tiếp nhau dội vào lòng nhà thơ, cùng với sự lo lắng cho quốc gia dân tộc là một sự mâu thuẫn mạnh mẽ trong tình cảm nhà thơ. Nhà thơ suy nghĩ sâu sắc, bi phần, kêu réo ở trong lòng mà tả ra, thành một bài thơ nổi tiếng.

Hồ Văn Dục, trong cuốn Lý Bạch Thi Tuyển, trang 61 viết như sau:

Miêu xuất chiến tranh đích tội ác:

... Tại giá thời Thái Bạch toại hữu Chiến Thành Nam chi tác, bả tha đích nội dung tả xuất, khản tha tả đắc hà đẳng thể thâm nha !

Nói lên tội ác của chiến tranh:

... Tại thời gian này (niên hiệu Khai Nguyên Thiên Bảo) Lý Thái Bạch đã sáng tác bài Chiến Thành Nam nội dung được tả ra, thấy nhà thơ đã viết được sự thâm biết bao !

Huyền Thanh Lữ
(trích LÝ BẠCH Thi Tuyển)

Đừng Chọc Tàn Xương

Thơ Xuân

TRẦN NHÂN TÔNG

và

thời gian nghệ thuật

Trần Văn Tích



Sự miêu tả, trần thuật trong văn học nghệ thuật bao giờ cũng xuất phát từ một điểm nhìn nhất định trong thời gian vật lý. Và nội dung được trần thuật, miêu tả bao giờ cũng diễn ra trong thời gian trần thuật. Sự phối hợp của hai yếu tố thời gian này tạo thành thời gian nghệ thuật, một hiện tượng ước lệ chỉ có trong thế giới nghệ thuật. Khác với thời gian khách quan được đo bằng đồng hồ và theo lịch pháp, thời gian nghệ thuật có thể đảo ngược, quay về quá khứ xa gần, có thể bay vượt tới tương lai xa xôi, có thể dồn nén một thời gian dài thành một chốc lát, có thể kéo dài cái chốc lát thành vô tận. Thời gian nghệ thuật được đo bằng nhiều thước đo khác nhau, bằng sự lặp lại đều đặn của các hiện tượng đời sống được ý thức : sự sống, cái chết, gặp gỡ, chia tay, mùa này, mùa khác v.v... tạo nên nhịp điệu sinh hoạt trong tác phẩm. Cho nên thời gian nghệ thuật gắn liền với tổ chức bên trong của hình tượng nghệ thuật. Khi ngòi bút nghệ sĩ chạy theo diễn biến dồn dập của các sự kiện thì thời gian trôi nhanh :

Chốc đà mười mấy năm trời.

(*Truyện Kiều*, câu 2239)
 khi ngòi bút ngừng lại chậm rãi miêu tả
 chi tiết thì thời gian trôi trôi chảy :

Tận tại đình châm bất ngũ thì.
 (Dồn lại ở một giây phút dừng kim và
 im phắc)

Huyền Quang Lý Đạo Tái (*Xuân nhật
 tức sự*)

Thời gian nghệ thuật thể hiện sự tự cảm thấy của con người trong thế giới : nó phản ánh sự cảm thụ thời gian của ngòi bút trong từng thời kỳ lịch sử, từng giai đoạn phát triển; nó cũng thể hiện sự cảm thụ độc đáo của hồn thơ về phương thức tồn tại của con người trong thế giới. Nó cho thấy đặc điểm tư duy của tác giả.

Tuy nhiên đặc điểm tư duy đó không hoàn toàn giống nhau giữa phương Tây và phương Đông, và như thế ngay từ cách nhìn thời gian vật lý.

Chúng ta biết rằng nền văn minh quanh Địa Trung Hải đã có rất sớm một phép tính thời gian liên tục, với một điểm khởi hành bất dịch, khiến có thể định rõ từng niên điểm trước và sau mốc ra đi nhất định ấy. Nhưng văn minh Đông phương thì khác. Nếu văn minh Hy Lạp, La Mã, Do Thái, Thiên Chúa hay Hồi Giáo minh định các thời đại theo đường thẳng thì Trung Hoa, Việt Nam lại sử dụng một lịch pháp theo vòng tròn, gồm một loạt những chu kỳ thời gian đóng kín, trong đó các vòng lớn là những triều đại, các vòng trung là những đời vua, được phân chia thành những vòng nhỏ là các niên hiệu và các niên hiệu lại được chia cắt thành năm, mùa, tiết, tháng, ngày, giờ. Như vậy, mỗi sự kiện dĩ vãng đều xảy ra trong một cái khung hết sức rõ rệt, vào một thời điểm chính xác, khiến các bộ sử biên niên chữ Hán có một giá trị lịch sử độc đáo mà những nền văn minh khác không biết đến.

Trong y học, hệ thống vòng luân lưu lớn nhỏ cũng chi phối các thay đổi trong cơ thể con người, chúng là một hình ảnh trung thành của các vòng chu chuyển thuộc ngoại giới. Chúng thuộc một thể loại vòng kín, một thứ *closed chain*, như các tác giả thuộc hệ ngôn ngữ Anh-Mỹ mô tả khi nói về Trung y (1), một hình thức *hoàn vô đoan*, nếu muốn dùng chữ của *Nội kinh*, tư liệu kinh điển của y học phương Đông. (2)

(1) G. Sarten.- *Introduction to the History of Sciences*. Vol. III (1,2). Baltimore. 1948. p. 1179.

(2) *Nội kinh*.- Thiên Nguyên kỷ đại luận : Thiên hữu ngũ hành dĩ sinh hàn, thủ, táo, thấp, phong, ngũ khí vận hành như hoàn vô đoan (Trời có năm hành, sinh ra lạnh,

Con người khoa học phương Đông chủ trương sự tồn tại trong cơ thể gắn liền cùng sự trao đổi năng lượng liên tục theo những vòng tuần hoàn có thể là ngắn, có thể là vừa, có thể là dài. Vòng ngắn như vòng chuyển dịch của *vệ khí* mà Trung y mệnh danh là *tiểu hội*, mỗi ngày có hai mươi lăm vòng vệ khí luân lưu trong cơ thể, ở bên ngoài kinh mạch để bảo vệ châu thân, nghĩa là mỗi vòng lối ba mươi phút; hoặc như luận cứ *đại hội* của *vinh vệ* : một ngày một đêm một lần, *vinh* và *vệ* lại đại hội với nhau. *Khí huyết* cũng chuyển dịch liên miên, mang sinh lực đến cho các tạng phủ, đi từ tạng này đến tạng nọ, từ phủ này đến phủ khác, từ tạng nọ qua phủ kia theo một vòng kín và cũng trong một ngày đêm, khí một tạng phủ lại tuần tự vượng lên trong hai giờ (theo lối tính của chúng ta ngày nay vì mỗi giờ ngày xưa bằng hai giờ hiện đại). Chẳng hạn can khí vượng vào giờ Sửu, tâm khí vượng vào giờ Ngọ, thận khí vượng vào giờ Dậu v.v... Điển hình cho loại chu kỳ vừa mà Trung y mô tả là chu kỳ kinh nguyệt. Do nơi nguyệt sự phái nữ mang tính chất vòng kín rất rõ nét nên tiền nhân phương Đông đem ví với mặt trăng. Trăng mỗi tháng tròn một lần, kinh mỗi tháng thấy một kỳ, tháng nào tháng nấy, không hề thay đổi, chẳng bao giờ lỗi hẹn, không tháng nào đơn sai, rất trung thành, rất thủy chung, rất tín nghĩa, cho nên gọi là *nguyệt kinh*, *nguyệt kỳ*, *nguyệt sự*, cũng có khi mệnh danh là *nguyệt tín*, là *tín thủy*. Về vòng dài thì có thể kể những vòng tuần hoàn của thời gian qua lối tính thiên can địa chi của lịch học và qua chủ thuyết *vận khí* với các ý niệm *chủ khí khách khí*, chủ thuyết này chuyên nghiên cứu ảnh hưởng của khí hậu đối với sinh vật, đặc biệt là đối với nhân thể, nhằm mục đích nắm vững qui luật biến hoá của hoàn cảnh tự nhiên, xét đoán sự thay đổi của khí hậu hằng năm và tình hình phát bệnh để đặt vấn đề phòng ngừa chẩn trị thích đáng.



Giống như thời gian tồn tại trong thế giới khách quan, thời gian nghệ thuật là một tập hợp của nhiều hình thức thời gian dị biệt. Các thể loại thời gian này tác động vào nhau, liên hệ với nhau để tạo thành nhịp độ vận động của đời sống hiện thực trong văn chương. Đến với thời gian cuộc đời qua hai bài thơ xuân tuyển lựa sau đây, vua Nhân

nóng, khô, thấp, gió, năm khí vận hành như chiếc vòng không mỗi đầu).

Tông nhà Trần cũng không thể bỏ qua được thời gian nghệ thuật.

Trần Nhân Tông lên ngôi vua năm Kỷ Mão 1279, đến năm Quý Tỵ 1293 thì nhường ngôi cho con và nhận tước vị Thái Thượng Hoàng. Chính dưới triều đại nhà vua, hai lần quân dân Việt Nam đọ sức cùng năm mươi vạn quân Mông Cổ (1285 và 1288), lập nên chiến công lừng lẫy trong quốc sử. Cũng chính nhà vua đã triệu tập hai cuộc họp lớn : hội nghị các tướng lãnh ở Bình Than và hội nghị các bô lão ở Diên Hồng để bàn mưu tính kế, tỏ quyết tâm chống giặc. Ngoài ra, nhà vua còn là người sáng lập dòng Thiền Trúc Lâm, từng đi thuyết pháp nhiều nơi, chu du khắp miền đất nước, vào tận kinh đô nước Chiêm Thành trước khi trở về tu hành ở núi Yên Tử, được người đương thời tôn xưng là Giác Hoàng Điều Ngự.

Riêng trong lĩnh vực thơ văn, Trần Nhân Tông là một nhà thơ có phong cách. Thi ca nhà vua là một tổng thể hài hoà giữa cảm quan thế sự và cảm quan triết học, mang đặc tính lạc quan yêu đời của người lãnh đạo bên cạnh nét rung động tinh tế của người nghệ sĩ. Nhà vua viết tương đối nhiều về mùa xuân : *Xuân Cảnh*, *Xuân Văn*, *Mai*, *Táo Mai* và trong khá nhiều bài thơ nhà vua nhắc đến chủ xuân : *Đề Cổ Châu Hoàng Thôn Tự*, *Động Thiên Hồ Thượng*, *Đăng Báo Đài Sơn*, *Quý Trường Hiến Khanh Xuân Bình*, *Tống Bắc Sứ Lý Trọng Tân*, *Nhị Nguyệt Thập Nhất Nhật Dạ*, *Sơn Phòng Mạn Hứng*, *Thiên Trường Phủ*, *Hoạ Kiều Nguyên Lăng Vận*, *Tống Bắc Sứ Ma Hợp*. Thậm chí khi giảng thuyết về đạo Phật cho môn sinh - chẳng hạn trong *Sứ đệ vấn đáp* - nhà vua cũng đưa cảnh xuân vào lời khai tâm đệ tử.

Sau đây là hai bài thơ xuân vận dụng thời gian nghệ thuật của vị Giác Hoàng Điều Ngự thuở còn ở trên ngôi báu.

Xuân hiểu

***Thụy khởi khái song phi,
Bất tri xuân dĩ qui.***

***Nhất song bạch hồ điệp,
Phách phách sấn hoa phi.***

Buổi sớm mùa xuân

Ngủ dậy mở cánh cửa sổ,
Không ngờ mùa xuân đã về.

Một đôi bướm trắng,
Phần phật cánh bay đến hoa.

Ngô Tất Tố dịch thơ :

*Ngủ dậy mở cửa sổ,
Xuân về vẫn chưa hay.*

*Song-song đôi bướm trắng,
Phách-phách sấn hoa bay.*

Xuân nhật yết Chiêu lăng

Ti hổ thiên môn túc,

Y quan thất phẩm thông.

Bạch đầu quân sĩ tại,

Vãng vãng thuyết Nguyên phong.

Ngày xuân thăm Chiêu Lăng

Thị vệ như hùm gấu túc trực trước
nghìn cửa,

Áo mũ các quan đủ cả bày phẩm.

Người lính già đầu bạc còn đến ngày
nay,

Thường kể lại chuyện đời Nguyên
Phong.

Trong thơ chữ Hán, bài *Xuân Hiểu* của Mạnh Hạo Nhiên là một bài quen thuộc, được nhiều người ái mộ tán thưởng :

Xuân miện bất giác hiểu,

Xử xử văn đề điệu.

Dạ lai phong vũ thanh,

Hoa lạc tri đa thiểu.

Giấc ngủ đêm xuân không biết trời đã
sáng,

Nơi nơi nghe chim hót vang.

Đêm qua sấm sập tiếng gió mưa,

Chẳng hay bao nhiêu hoa đã rụng.

Nhà thơ Trung hoa mô tả cảnh giấc ngủ của con người và của mùa xuân, một giấc ngủ của nhân thân và vũ trụ vừa chấm dứt. Nhưng đại não chưa hoàn toàn hưng phấn và tự nhiên cũng chưa hẳn bước sang mùa. Ba câu thơ sau mô tả ba lớp tâm thức của người ngủ mới tỉnh thức nhưng còn mơ màng, trong đó pha trộn hiện tại (tiếng chim hót chào đón ánh xuân), dĩ vãng (đêm qua mưa gió đầy trời) và tương lai (dự kiến vườn xem hoa rơi nhiều hay ít). (3)

Bài *Xuân Hiểu* của vua Trần vừa sử dụng thời gian vũ trụ chu chuyển, không có điểm bắt đầu, không có Năm Một, vừa vận dụng thời gian nhân thể trực tuyến, với thời điểm nhất định, dấu rằng thời điểm đó chúng ta chỉ có thể ước đoán, vì nó bắt buộc phải nằm trong khoảng đời từ ngày 11 tháng 11 năm Mậu Ngọ là ngày vua sinh ra cho đến ngày 03 tháng 11 năm Mậu Thân là ngày vua băng hà. Bức tranh ghi lại cảnh một buổi sớm mùa xuân bằng vài nét bút. Vừa ngủ dậy, mở cánh cửa sổ nhìn ra ngoài, bỗng thấy mùa xuân đã tới. Hoa đã nở, hai cánh bướm trắng song đôi theo nhau bay.

Thụy khởi khái song phi,

Bất tri xuân dĩ qui.

Theo vòng tuần hoàn của vũ trụ khách quan, mùa xuân lại về. Và nhà vua

(3) Francois Cheng.- *L'écriture poétique chinoise*. Éditions du Seuil. Paris. 1977. p.33.

chợt phát hiện ra điều đó : té ra xuân về rồi kia. Frederick Mote trình bày tính nhị bội của vũ trụ luận Trung Hoa như sau :

[The traditional Chinese] cosmology made necessary two kinds of time. One was cyclic cosmic time, with no beginning point, no Year One. Stages of cosmic 'process' (for example, the generative process of the self-contained cosmos itself) were seen as a set of logical, not chronological, relationships. The cosmic process is one in which all stages are simultaneously present. The other kind of time, however, was the developmental, linear time of human history, in which man's cumulative achievement in devising culture had its beginning point, suggested if not precisely known.(4)

Hai hình thái thời gian đó, thời gian vũ trụ chu chuyển và thời gian nhân thể trực tuyến, tương ứng với hai thái độ của con người đối với thời gian, hai thái độ đối lập thống nhất, tương thừa tương vũ, hổ căn bình hoành, y như quan niệm về *âm* và *dương* trong khoa học tự nhiên và khoa học ứng dụng phương Đông. Quan niệm đó đặt khoảnh khắc ngắn ngủi mà thi nhân đang sống (thuộc phạm vi thời gian nhân thể trực tuyến) song hành nhưng hoà hợp với vòng tròn xoay chuyển liên tục thiên văn (thuộc phạm vi thời gian vũ trụ chu chuyển). Trong một tâm cảnh như vậy, hồn thơ đạt đến độ sâu thẳm nhất thế giới nội tâm.

Động tác mở cửa thuộc thì hiện tại. Tình trạng xuân về gần cùng quá khứ (*dĩ* nghĩa là đã qua). Có sự thay đổi : thay đổi mùa màng, thay đổi thời tiết. Tối hôm qua đi ngủ chưa thấy xuân về. Sáng hôm nay mở cửa thì xuân đã đến. Có sự gắn bó : gắn bó giữa dĩ vãng và hiện tại dưới hình thức ký ức. Trí nhớ nhận thức rằng quá khứ của tối hôm qua chưa phải hoàn toàn trôi chảy mà còn hiện hữu trong sáng hôm nay. Có sự song hành : song hành giữa thời gian vòng tròn ngoại giới (xuân đi rồi xuân lại về) và thời gian đường thẳng châu thân (đại não tuần tự khắc ghi dữ kiện). Các tế bào chất xám nhận thức hiện tượng hoàn vũ *xuân dĩ qui* qua hoài niệm, hồi ức, kinh nghiệm, lịch duyệt khi đối thần kinh số II tiếp thu hình ảnh hai cánh bướm bay vờn trên hoa nở. Nếu thủ dưng thời gian tâm lý đưa vua Trần vào thềm thiên kỳ mới và đến thủ đô một nước nào đó chúng ta

(4) Frederick W. Mote.- *Intellectual Foundations of China*. Alfred A. Knopf. New York. 1971. pp. 27-28.

đang dung thân tỵ nạn thì *xuân* sẽ dĩ *quí* qua những hình ảnh khác hẳn, những thực tượng khác hẳn. Ở nước Đức công kỹ nghệ này chẳng hạn, loài bướm gần như tuyệt giống rồi, làm gì còn đôi *bạch hồ điệp* nào nữa giữa lòng thủ đô Berlin! Ở đây, tính gần bó đối trao giữa *âm* và *duồng*, giữa dĩ vãng và hiện thực khiến mỗi biểu tượng lẻ loi được nhận biết hoặc một phần toàn cảnh được chụp hình có tác động và khả năng đại diện trọn vẹn cho thời khắc, cho chốc lát trong và trên dòng thời gian. Thấy một nhánh cây này chồi mọc mầm là thấy cả mùa xuân, nghe một chiếc lá ngô đồng rụng rơi không tiếng động là nghe cả mùa thu... Chỉ cần thời gian nghệ thuật qua một tích tắc tâm cảnh, qua một sát na hồn thơ đủ để khắc hoạ sắc sảo một hay vài chi tiết tiêu biểu và chân thực.

Tích tắc đó, sát na đó là mỗi dây ràng buộc giữa cái đã qua và cái hiện có, giữa ký ức và tri giác, giữa những mùa xuân đã từng trải và mùa xuân đang trở về. Qua thủ pháp vận dụng thời gian nghệ thuật, hai câu thơ một và hai gần bó chặt chẽ hơn với hai câu thơ ba và bốn :

*Nhất song bạch hồ điệp,
Phách phách sấn hoa phi.*

Vô hình trung cú pháp la liệt đã được vua Trần vận dụng để thể hiện a *paratactic presentation of images*.(5)

Hai dạng thức thời gian, thời gian khép kín của buổi sáng mùa xuân và thời gian đường dài thuộc ký ức hoài niệm vừa tương phản vừa đồng qui trong thi phẩm : quá khứ / hiện tại, chu kỳ / trực tuyến, qua đó nhà thơ thể hiện nét vẽ đối chiếu cái mới (mùa xuân) với cảnh cũ (cánh bướm), đặt trí nhớ song hành cùng cảm thụ. Hai tuần hoàn quan hệ trong thiên nhiên, hai yếu tố lịch học quan trọng về thời gian là vòng ngày-đêm và vòng mùa tiết được trình bày dưới tầm nhìn triết học : cả hai đều mới nhưng cả hai cũng là cũ. Đôi bướm của năm nay tuy vốn là những sinh vật quen thuộc của cảnh sắc Việt Nam nhưng lại chắc chắn không phải là đôi bướm năm cũ. Vị Hoàng Đế thi sĩ thể nghiệm tiến trình vận hành những tuần hoàn vũ trụ : mùa xuân tự lặp lại, nhưng đôi bướm thì mới sinh. Tuy nhiên mùa xuân năm nay dẫu năm tới lại về nhưng không

(5) *Parataxe* : thủ pháp ngữ học sử dụng cách đặt tiếp nhau hay kề nhau những mệnh đề mà không minh thị mối liên hệ giữa chúng bằng những phụ ngữ phối hợp hay phụ thuộc. Ví dụ : "trời mưa, tôi ở nhà" thay vì "tôi ở nhà vì trời mưa".

phải là cùng một mùa xuân đồng nhất. Trong chu kỳ ngày đêm, thơ thường thiên vị đêm hơn ngày vì đêm là giai đoạn âm thịnh, mang biểu tượng suy vi, điêu tàn. Vua Trần Nhân Tông gạt bỏ yếu tố tiêu cực đó. Nhà vua tách lia đêm ra khỏi ngày để mở đầu bài thơ bằng một yếu tố dương tính : rạng đông. Vị lãnh tụ dân tộc, sống cuộc đời lẫm liệt, viết trang sử hào hùng, không thể làm thơ xuân bi lụy. Hoa trong thơ vua không rụng mà đang nở, thơ vua bừng bừng sức sống.

Viếng Chiêu Lăng cũng là dịp để vua Trần Nhân Tông đặt đối nhau thời gian tâm lý và thời gian vật lý. Nghi vệ oai hùng, dọc đường nhà cửa dân chúng trang hoàng nghiêm chỉnh, quần thần hộ giá rất đông, đủ cả áo mũ bày phẩm. Thời gian chu chuyển qui vào thời điểm *yết Chiêu Lăng*. Nhưng *yết Chiêu Lăng* cũng là dịp để ca lời ca bất tuyệt của con người đương thời, hoà chung trong một giọng, tán tụng không dứt những chiến công lừng lẫy :

Bạch đầu quân sĩ tại,

Vãng vãng thuyết Nguyên Phong.

Lời ca ấy, hùng văn ấy như tiếp tục nâng tâm hồn thời Thịnh Trần cất lên, bay vút. Nhắc lại chuyện Nguyên Phong là để gợi đến thời hiện tại. Dùng thủ pháp đảo ngược thời gian vật lý, đem ngày trước đặt sau bây giờ, dĩ vãng được mỹ học thi pháp hình tượng hoá để chuyển biến sang hiện thực. Quá khứ cũng là đương thời.

Chiêu Lăng là lăng vua Trần Thái Tông và Nguyên Phong là niên hiệu thứ ba, kéo dài từ 1251 đến 1258. Bài thơ chắc phải được viết trong hoặc sau kháng chiến bình Mông, như vậy chuyện Nguyên Phong phải xảy ra lối ba thập niên trước đó. Ba mươi năm xây dựng và gìn giữ đất nước đem đặt song hành với những gì còn lưu lại đến hôm nay, qua hình tượng người lính già kể chuyện cũ.

Giá trị thẩm mỹ của bài thơ có tiêu điểm hàm nghĩa qui vào động từ *tại*. Chữ *tại* này tạo cảm quan suy tưởng về một thực thể hiện hữu, tức thời, minh bạch.

Trong Hán văn, *tại* thường được dùng hoặc như một kết từ hoặc như một thành phần thứ yếu trong mệnh đề, biểu thị một mối quan hệ cú pháp. Đó là chữ *tại* trong câu thơ thiên sư Huyền Quang ở đầu bài này hoặc trong các câu sau :

Trắc kiến song thúy điệp,

Sào tại tam châu thụ.

Trương Cửu Linh (*Cảm ngộ*)

Ghé nhìn hai con chim thúy,

Làm tổ trên cây tam châu.

Độc tại dị hưởng vi dị khách.

Vương Duy

(*Cửu nguyệt cửu nhật...*)

Một mình ở nơi làng khác làm người khách lạ.

Thiếp trú tại Hoành đườg.

Thôi Hiệu (*Trường ca hành*)

Thiếp ngụ tại Hoành đường.

Độc bi cô hạc tại nhân quần.

Hoàng Phủ Tăng (*Thu tịch ký*)

Hoài Tố thượng nhân)

Riêng thương con hạc lẻ loi ở giữa bầy người.

Hán gia yên trần tại đông bắc

Cao Thích (*Yên ca hành*)

Khói bụi đời Hán ở đông bắc.

Cảm quân triền miên ý,

Hệ tại hồng la nhu.

Trương Tịch (*Tiết phụ ngâm*)

Cảm vì tình chàng quyến luyến,

(Thiếp) đeo (minh châu) trong áo lụa hồng.

Phu thú biên quan thiếp tại Ngô.

Trần Ngọc Lan (*Ký phu*)

Chàng đi lính thú nơi biên thùy còn thiếp ở nơi đất Ngô.

Mỹ nhân tại thời hoa mãn đườg.

Lý Bạch (*Ký viễn*)

Thuở người đẹp còn ở thì hoa đầy nhà.

Giữ chức năng nối liền hai từ hoặc hai bộ phận câu có quan hệ với nhau, *tại* trong trường hợp này bắt buộc phải đứng giữa câu.

Chữ *tại* của vua Trần có vị trí khác, nó đứng ở cuối câu :

Bạch đầu quân sĩ tại.

Ít nhất là ba thập niên đã qua : thời gian vật lý, thời gian vũ trụ, thời gian khách quan, thời gian chu chuyển. Thời gian đó được so sánh với đối tượng còn lưu lại, người lính già đầu bạc, biểu tượng cho thời gian tâm lý, thời gian nhân thể, thời gian chủ quan, thời gian trực tuyến. Thời điểm này, thời điểm *yết Chiêu Lăng*, người chiến binh mái tóc không còn xanh vẫn cứ mang trên đầu những tháng năm huy hoàng bảo vệ và xây dựng tổ quốc. Hơn ba mươi năm là đây, là hôm nay, là khoảnh khắc này. Quá khứ qua đi nhưng không qua hẳn, quá khứ vẫn còn đó. Cơ thể người chiến sĩ *tại*. Động từ *tại* mang nội hàm ngữ nghĩa triết học thực thể và hiện diện. Chiến tranh tàn khốc là thế, hoà bình gian truân là vậy, nhưng con người trong cuộc vẫn còn, vẫn sống. Đẻ

Vãng vãng thuyết Nguyên Phong,
để bắc nhịp cầu giữa ngày trước và ngày hôm nay.

Thi pháp vận dụng vẫn là *parataxe*. Giữa hai "liên" thơ, liên thứ nhất với hai câu đầu mô tả quang cảnh hiện tại và liên thứ hai với hai câu cuối ghi nhận câu chuyện thời trước, không có thành phần cú pháp kết hợp, không có chủ ngữ nào để nối kết. Mỹ học thi ca khiến suy tư về quá khứ và cảnh trí đang hiện hữu xảy ra vào cùng một thời điểm : thời điểm đó vừa là thời điểm vật lý vừa là thời điểm tâm lý. Thời gian hư cấu và thời gian trần thuật ăn khớp thành một trùng điểm qua đối thoại nội tâm của vị Hoàng Đế thi sĩ. Cho nên chữ *tại* áp triệu lên toàn bài thơ. Nó giữ chức năng thiêng liêng, thần thánh của Động từ, Động từ viết hoa, như Victor Hugo từng khẳng định : *Car le mot, c'est le Verbe, et le Verbe, c'est Dieu*.

Cách đặt *tại* vào cuối câu như thế là một thủ pháp được ưa chuộng trong thơ chữ Hán. Như Nguyễn Chấn trong bài *Cổ hành cung* mà chắc vua Trần đã mượn ý mượn lời :

*Bạch đầu cung nữ tại,
Nhàn tọa thuyết Huyền tông.*

Người cung nữ tóc bạc vẫn còn đây,
Rảnh rỗi ngồi kể chuyện thời Huyền tông.

hoặc như nhiều tác giả khác :

*Các trung đế tử kim hà tại,
Hạ ngoại Trường giang không tự lúu.
Vương Bột (Đẳng vương các)*

Con vua trong gác giờ ở đâu,
Trường giang vẫn chảy bên ngoài hiên.

*Kim niên hoa lạc nhan sắc cải,
Minh niên hoa khai phục thù tại.*

Lưu Hy Di (*Bạch đầu ông vịnh*)
Năm nay hoa rụng nhan sắc đổi,
Sang năm hoa nở người ở đâu?

*Dưỡng công bi thường tại,
Độc bải lệ chiêm cần.*

Mạnh Hạo Nhiên
(*Dữ chú tử đẳng Hiện sơn*)

Bia Dương công hãy còn đây,
Đọc xong, lệ rơi đầm khăn.

*Đản sử Long thành Phi tướng tại,
Bất giao Hồ mã độ Âm san.*

Vương Xương Linh (*Xuất tá*)

Phải chi Phi tướng quân ở Long thành
còn sống,
Thì sẽ không để cho ngựa Hồ vượt qua
Âm sơn.

*Sơn vi cố quốc chu tao tại,
Triều đả không thành tịch mịch hồi.*

Lưu Vũ Tích (*Thạch đầu thành*)
Núi non vẫn còn vây quanh đất cũ,
Sóng triều vẫn lặng lẽ đập vào toà
thành vắng.

*Đồng lai ngoạn nguyệt nhân hà tại,
Phong cảnh y hy tự khứ niên.*

Triệu Hồ (*Giang lâu thứ hoà*)

Người cùng đến đây ngắm trăng giờ ở
đầu,

Phong cảnh nơi này vẫn giống như
năm ngoái.

*Hoa lúu động khẩu ứng trường tại,
Thủy đảo nhân gian định bất hồi.*

Tào Đường (*Thiên thai tống biệt*)

Hoa ở lại cửa động hẳn còn mãi mãi,
Nước đi đến cõi người chắc chẳng trở
về.

*Đào hoa lúu thủy y nhiên tại,
Bất kiến đang thời khuyến tử nhân.*

Tào Đường

(*Tái đáo Thiên thai*)

Hoa đào và nước chảy vẫn giống như
cũ,

Không thấy người chèo rượu thuở bấy
giờ.

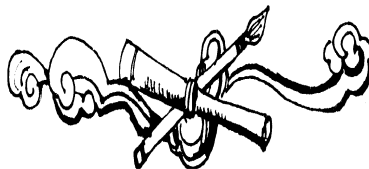
Thế đấy. Tu duy hình tượng trong sáng tác mỹ học luôn luôn kết hợp thể giới tinh thần của nhà thơ với sự vật ngoại giới. Đi sát cuộc đời, thể hiện những cách nhìn nghệ thuật, thi ca phản ánh mạch sống nhưng qua lăng kính tâm trạng bồi hồi, cảm xúc dạt dào của hồn thơ.

Những dòng thơ trích dẫn trên đây với chữ *tại* giữ chức năng động từ đều buồn, chúng như chỉ kể toàn vận rủi với sầu muộn. Đối với vua Trần Nhân Tông, nguồn gốc kích động sáng tạo lại khác. Nếu những nhà thơ đời Đường nhìn thời gian nghệ thuật như một tiến trình tiền định : năm tháng trôi qua không tránh khỏi, xuân tàn, bóng xế, tuổi niên thiếu chấm dứt, cái chết như đang chờ đón hoặc đã đến rồi, thời huy hoàng không còn nữa, người yêu bạn cũ đi mất v.v... thì vua Trần Nhân Tông đưa thời gian nghệ thuật lên mức độ hoành tráng hùng vĩ : người cựa quân nhân bảo vệ tự do còn tồn tại như chứng tích của những ngày tung hoành trận mạc. Thời gian trong thơ nhà vua không mang đặc trưng *fatalité* như thời gian Đường thi, kể cả thời gian Đường thi nơi thượng giới, trong cõi bất diệt vĩnh hằng của các dòng thơ Tào Đường mô tả cảnh bằng lai.

Tâm trạng tâm cảnh nào, thời gian nghệ thuật nấy. Để cho thơ nói lên cái đẹp.

20.12.2000

Trần Văn Tích



Thơ : Ngô Minh Hằng

Xin đem xuân đến cho đời

*Sáng nay thức dậy nhìn năm mới
Có lạ gì đâu, vẫn thế thôi
Nắng vẫn ươm tử, lòng vẫn mới
Ba miền thương nhớ vẫn xa xôi.*

*Lòng ta chùng lại đau nhùng
cắt*

*Sâu đến vô cùng vết cổ hương
Sau một vài giờ rôm rả Tết
Nghĩ về quê mẹ, nghĩ càng
thương.*

*Bảy mươi chín triệu, đêm trừ
tịch*

*Hỏi mấy người vui đón chúa
xuân ?*

*Và có bao người không muốn
biết*

*Hay không hề biết ý xuân ngàn
?*

*Ngoài kia thế giới tung bùng
quá*

*Vui vẻ muôn người chúc tụng
nhau*

*Rượu, tiệc, pháo mừng ngày thế
kỷ*

*Đón xuân xanh đến với hoàn
cầu*

*Chao ôi, bốn biển người vui Tết
Sao vẫn quê tôi cảnh ghen*

ngào ?

Ai phủ đầu buồn lên đất Việt

Ai làm cay đắng nghĩa ca dao ...

*Ai pha độc chất trong nguồn
sống*

*Để giết dần đi những nụ hoa
Ai cướp bình minh, tra nắng*

ngọc

Cho đời bão táp nổi phong ba

*Hỡi Xuân hạnh phúc, Xuân
mong đợi*

Hãy đến hồi sinh đất nước tôi

Đâu bậc Kinh Kha, đâu tráng sĩ

*Xuân đem Xuân hẹn đến cho
đời.*

MÙA XUÂN chuyển tiếp



Vùng Nghệ Tĩnh vốn là nơi đất nghèo sỏi đá, cồn bãi khô cằn, ruộng nương hoa màu không nhiều ! Khí hậu nóng như lửa bỏng vào những cơn nắng hạ; rét cắt ruột với sương muối gió bắc mùa đông. Đã vậy lại còn có một địa danh: "Khe Nước Lạnh" ! thoạt nghe cũng đủ tưởng tượng một nơi thâm sơn cùng cốc, khi ho cò gáy ! dân tình nghèo đói tới mức độ nào ?

Nghe nói vào một ngày đẹp trời, ông Tổ năm đời nhà họ Lê đã già từ "Khe Nước Lạnh" đi về miền xuôi, cụ đã dừng chân nơi một làng trù phú bên tả ngạn sông rộng lớn thuận lợi cho việc thông thương, khiến người dân quanh vùng làm ăn thịnh vượng, đứng với câu "thủy thổ hài hòa - đất lành chim đậu".

Với trí óc quen tranh đấu với cuộc sống cam go nơi vùng sỏi đá và tính cần cù của người dân nghèo. Cụ đã thực hiện câu: "Tiểu phú do cần", cho nên chỉ một thời gian sau Cụ đã gây

nên cơ nghiệp khá vững vàng. Nhớ tới người bạn hay chữ nơi quê xưa, Cụ đón về dạy cho mấy con trai, trẻ nghèo trong làng muốn học, Cụ sẵn sàng đài thọ giấy bút, đài thọ luôn tiền học cho ông Đồ.

Vì biết mình thân phận dân ngụ cư, Cụ rất thận trọng trong cách đối xử với bà con chòm xóm, tháng 3 ngày 8 giáp hạt hoặc gặp khi mùa màng thất thoát, nhà nghèo hết gạo cạn khoai, Cụ giúp đỡ lương thực. Việc làng năng đóng góp mỗi khi tu sửa đình chùa, cứ thế qua một thời gian, dân làng đã bầu Cụ lên làm Tiên Chỉ làng Sen Bình, một địa phận của tỉnh Thanh Hóa.

Đến đời thứ tư thì ánh sáng vẫn minh đã len lỏi vào gia đình Cụ, đã có những người con trai ra tận kinh thành Thăng Long Hà Nội du học, đỗ đạt làm nên danh phận. Nhưng nếp sống hiền hòa của người dân quê Việt Nam đã bị xáo trộn vì tình hình đất nước lâm vào cảnh cốt nhục tương tàn ! Cho đến năm 1975 nước Việt Nam đã nằm trọn trong tay Đảng Cộng Sản khiến lũ cháu chắt Cụ phải nổi trôi theo vận nước, định cư về một tỉnh phía Nam nước Pháp thuộc vùng Périgord Noir.

Périgord Noir là một vùng nổi tiếng với những khu rừng hạt dẻ (Chataigniers), đồi thông thăm thẳm đặc dày. Có con sông Dordogne êm đềm, lặng lẽ uốn lượn quanh vùng, có nhiều lâu đài cổ kính của những hàng quý tộc, vua chúa tự xa xưa, bảy tám trăm năm vẫn bền bỉ, kiên trì nằm soi mình bên dòng nước danh tiếng ấy, như thách đố thời gian "trơ gan cùng tuế nguyệt" ! Thêm tỉnh Sarlat có nhiều di tích lịch sử, kiến trúc giữa vùng đồi núi thiên nhiên, trên đèo cao dưới lưng thấp. Cảnh sinh hoạt của người dân chập chờn ẩn hiện qua những rừng thông, rừng phong bát ngát đã tạo nên một nét đặc thù làng quê thoát tục. Khí hậu lại ôn nhu nên mỗi vụ hè đã lôi cuốn được nhiều du khách, xe du lịch tấp nập về từ Anh, Đức, Ý, Hòa Lan ...



Giữa thế giới thơ mộng ấy, gia đình họ đã dừng chân tại nơi đây. Chọn một khoảng đất khá rộng vùng ngoại ô bên lưng đồi xây cất một ngôi nhà giản dị, tạo dựng vườn tược, cây cảnh theo lối Á Đông: vài gốc Anh Đào trước ngõ, mấy cụm Dã Mai (Forsythia) một loại hoa khi mùa Xuân trở về đã nở sớm hơn các loài hoa khác. Tuy đáng cây

kém về mềm mại của "mai nhà", dáng hoa kém phần đài các, nhưng với những chùm hoa nở chỉ chít, với màu vàng đậm đã quen thuộc ấy thì cứ cho là Hoa Mai đi, mong đánh lừa thị giác để được hưởng chút phong vị của quê hương. Cứ mỗi lần ngắm những bông Anh Đào nở rộ màu hồng phấn mịn ngọt hay những cụm Dã Mai đơm hoa vàng rực rỡ, con người lại thấy tâm tư giao động, nhớ lại những mùa Xuân đậm ấm nơi Quê Cha Đất Tổ.

Trước mái hiên một bụi Trúc ngà, lá xanh lục non đối diện với cây Trúc Đào, đúng là loại Trúc Đào quen thuộc tô điểm các công viên thành phố Sài Gòn thương quý của miền Nam nước Việt với những chùm hoa duyên dáng đỏ tươi, bên cạnh một chậu Quỳnh canh tốt, chủ nhân thường chăm sóc, nâng niu từng chiếc lá. Và trong vườn đủ các loài hoa quen thuộc: Tường Vi, Dạ Hương, Thuộc Dược, Hoàng Cúc, Hồng Nhung... hễ bắt gặp một loài hoa "cổ nhân" nào là chủ nhân sốt sắng đón về, dù chẳng thiếu gì những loài hoa "bản xứ" vừa đẹp vừa rẻ tiền hơn.

Phía sau nhà, một vườn hoa trồng toàn đặc sản Việt Nam thôi thì đủ loại: rau cải, rau thơm, thìa là, cải cúc... một giàn bầu thêm một giàn su-su gân dấy. Nhiều khi đứng giữa vườn rau nhìn về phía thung lũng, chủ nhân có cảm tưởng như đang sống tại ấp Lam Sơn trên Bào Lộc vùng Cao Nguyên nước Việt mà hồi xưa gia đình đã có trại trà làm nơi nghỉ mát, thuở chủ nhân đang còn trong tuổi thiếu niên. Cứ thế với tâm trạng bản khoăn hướng về dĩ vãng. Một loài hoa, một thung lũng mù sương hoặc khi đỉnh đồi vương ánh nắng chiều tà... chút, chút đều gọi cho con người những hình ảnh khó quên tuy đã mười mấy năm xa rời quê hương yêu dấu !



Có một buổi chiều cô bé ra tưới hoa, chợt nhận thấy hai nụ Quỳnh nơi đài hoa màu son đậm đã nứt kè, hé những kè trắng màu lụa bạch. Cô vội chạy vào nhà báo tin. Thế là tối hôm ấy, hàng xóm chung quanh chắc ngạc nhiên thấy trước nhà người Việt Nam đèn bật sáng choang, đêm khuya mà ngoài hàng hiên bóng người còn nhộn nhịp ra vào, họ đâu biết cái gia đình "lắm cảnh" này đang rộn rã đón mấy bông Quỳnh sắp nở.

Giữa một đêm hè, nền trời cao vút, lấp lánh đầy sao, hai bông Quỳnh

đang từ từ hé cánh, hương thơm dịu dịu theo làn gió tỏa ngát cả một bầu trời tĩnh mịch trong đêm khuya. Thình thoảng lại nghe tiếng cô bé reo lên mỗi lần thấy cánh hoa bung nở làm hơi rung nhẹ đài hoa! Cả nhà bàn tán: "Cứ tưởng bên 'nhà mình' hoa Quỳnh mới nở về đêm, chứ ở bên này thì thời gian khác nhau, Quỳnh phải nở ban ngày mới đúng chứ", kỳ quá nhỉ? ai mà biết được ra sao lý huyền nhiệm của đất trời?

Ngắm hai bông Quỳnh nở giữa một đêm hè nơi xứ lạ, con người đã bàng hoàng như gặp lại cố nhân, kỷ niệm chợt hiện về cũng một đêm hè vào tháng Tư năm ấy tại Úc Viên với đồng đội bằng hữu: Thi hào Vũ Hoàng Chương, nhà thơ danh tiếng Hà Thượng Nhân cùng tất cả đoàn viên trong Hội Thơ Quỳnh Dao tụ họp để đón hoa Quỳnh. Trước thềm vườn Úc, giữa cảnh đêm khuya tĩnh lặng chủ khách ngồi quây quanh chậu Quỳnh lắng ngắm những cánh hoa trắng mịn bung nở dần dần, bên những tách trà bốc khói chủ nhân Mộng Tuyết với một giọng miền Nam êm dịu, trầm trầm kể lại sự tích Hoa Quỳnh: Theo truyện cổ Trung Hoa vào một triều đại xa xưa nào đó, có một nàng Công Chúa ngoài sắc đẹp tuyệt vời còn nổi tiếng về "Cầm Kỳ Thi Họa". Nhưng chẳng may nàng bị vua anh loạn ý yêu đương! tuy rất nhiều các Hoàng Tử, vương tôn nước bạn tới cầu hôn nhưng đều bị vua anh từ khước! Với nền luân lý đạo đức, Công Chúa không thể chấp nhận mối tình kỳ quái ấy, tâm tư u uất thành bệnh trọng. Sau khi thác bên mộ nàng bỗng nảy sinh một loài hoa lạ, tỏa hương thơm lan tỏa cả một vùng, người đương thời lấy tên nàng đặt là Quỳnh Hoa.

Tin đồn tới tai vua anh, ông liền tới mộ xem hư thực ra sao? nhưng khi ông tới thì hoa bỗng khép kín tàn lụi! và từ đó hoa Quỳnh chỉ nở về đêm.

Dưới những tàng cây âm u nơi vườn Úc của Nữ sĩ Mộng Tuyết, mọi người đều im lặng lắng nghe... Thình thoảng một cơn gió nhẹ thổi qua hòa với giọng kể chuyện đều đều của chủ nhân, mọi người đều có cảm tưởng những cánh hoa kia như có hồn, rung rinh nở từng cánh từng cánh, như cùng hội nhập chung vui trong bầu không khí tĩnh lặng giữa một đêm thơ đầy mộng ảo.

Đã mấy chục năm trôi qua, thế cuộc thăng trầm, lời cuốn con người theo cơn gió lốc, tan tác đổi thay, sao

hôm nay hoa bỗng hiện về? tuy vòm trời khác lạ nhưng vẫn khóm lá quen quen xanh dòn hình luôi kiếm, vẫn cuốn hoa duyên dáng cong vút nâng đài hoa với một vẻ trang trọng, và nhất là vẫn những cánh hoa trắng trong như ngọc chuốt khe rung rung mỗi lần bung nở như nỗi vui mừng của hoa khi nhận được ra người, một niềm thông cảm giữa hoa xưa người cũ chăng? Cuộc tái ngộ thật bất ngờ mới hay quả đất tròn, tuy cuộc đời đầy nhiễu nhương, nghiệt ngã nhưng cũng vẫn có những giây phút làm mát dịu tâm hồn.



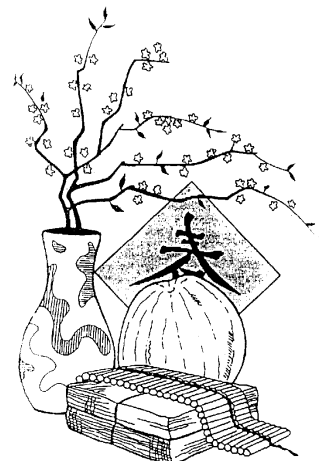
Còn Cô Bé? Cô Bé đang tuổi thơ ngây với nụ cười hồn nhiên tươi thắm bên hoa, mái tóc đen dài buông thả, khuôn mặt trái xoan nhẹ nhàng hiền dịu, những đường nét cổ truyền của phụ nữ phương Đông, con Hồng cháu Lạc. Phải chăng đây vẫn là tinh hoa của Đất Nước Việt Nam muôn đời còn tồn tại? Vẫn tồn tại như cội nguồn của Cô Bé xuất phát từ "Khe Nước Lạnh", trải mấy trăm năm vẫn đang tồn tại trên mảnh đất phi nhiêu vùng Périgord Noir nước Pháp. Có ai ngờ một gốc rễ được bứng khỏi vùng sỏi đá, gặp nơi mưa thuận gió hòa đã trở hoa tươi, kết trái ngọt tồ điểm cho bao nhiêu mùa Xuân đã qua và chắc chắn sẽ còn mãi mãi tô điểm cho những mùa Xuân kế tiếp.

Bất chợt tâm hồn con người bỗng cảm thấy nhẹ nhàng thoải mái vì hình như tự mình đã giải đáp được những thắc mắc mà bấy lâu nay từ khi xa rời Đất Mẹ thường luôn bị ám ảnh, ôm mãi ôm hoài nỗi băn khoăn sầu hận! nướu tiếc những ngày vui sống êm đềm của một thuở đất nước thanh bình.

Giữa miền đất lạ xa xôi, trước vẻ hồn nhiên tươi thắm của Cô Bé dòng họ Lê cội rễ xuất phát từ vùng Thanh Nghệ, miền Trung nước Việt, mới biết cội nhân sinh vẫn hòa hợp cùng đất trời theo bốn mùa luân chuyển. Mùa Xuân vẫn trở về theo ước lệ cổ truyền, ngoài vườn muôn hoa như bưng tỉnh giấc đang đua nở trước ngọn gió Xuân trầm ấm, vẫn những loài hoa quen thuộc thuở nào, vẫn những khóm Cúc vàng trang trọng, những đóa Thược Dược màu đỏ son rực rỡ, những nụ hồng đỏ dịu ngọt ngào, màu ngà đài các... như tô điểm cho mùa Xuân thêm hương vị đậm đà khiến con người cảm nghe mát dịu tâm hồn. •

Nghìn thưởng đất Mẹ

Viết gửi Họa sĩ Vũ Hối
Tác giả Thi phẩm
Nghìn Thưởng Đất Mẹ



*Quà Xuân từ xứ Cờ Hoa
Đã nêu Sắc Tộc còn pha hương
nồng*

*Vừa khi Thế Kỳ xoay vòng
Nét thần khôi tự Con Rồng Châu
Tiên*

*Bút khởi thao thức ba miền
Tiếng thỏ vang vọng nỗi niềm Quê
Cha*

*Giữa nơi sương khói nhạt nhòa
Hòa chung nhịp bước đường xa
đậm gần*

*Đường thời danh sĩ danh nhân
Trong hàng Quốc Tế dự phần Việt
Nam*

*Nước nhà vang dội tiếng vang
Gửi người mây đóa Mai Vàng Quê
Xưa*

*Dẫu nhờ gió cuốn mây đưa
Mà trong tâm sự có thừa tâm giao
- Mỗi kỳ Mai nở xôn xao
Là Xuân hoa gắm về trao tặng
người.*

**Vân-Nương Lê-Ngọc Chấn
Mùa Xuân Thế Kỳ 2000**

Rắn

trong y dược



Từ lâu rắn được xem là hình ảnh của sự hiểm ác khốc liệt. Phật tâm xà, nhưng ngành y dược lại lấy hình con rắn quấn quanh cây gậy và cúi đầu xuống cái ly làm biểu tượng. Theo tương truyền trong truyện thần thoại Hy Lạp, thần Mercure, con của Jupiter, trong chuyến du ngoạn nơi trần thế đã gặp 2 con rắn đang cắn nhau. Thần dùng cây gậy để cản ngăn cuộc đấu này, khi thần đưa cây gậy ra thì 2 con rắn quấn quanh cây gậy. Trong truyện sử còn nói đến vị thần Asklepios đã là người có tài trị bệnh tuyệt vời cùng với cô con gái là Hygeia cũng đã giúp cha mình trong việc chữa bệnh cứu nhân độ thế. Để tôn thờ và ghi nhớ công ơn của vị thần này người Hy Lạp đã tạc pho tượng Asklepios và Hygeia, vị thầy thuốc (Asklepios) cầm cây gậy có con rắn quấn quanh đang cúi đầu xuống ly thuốc mà cô gái (Hygeia) đang cầm. Con rắn thời xa xưa đó được xem là vật linh thiêng biểu tượng sự chữa lành bệnh. Nhiều đền thờ mang tên Asklepios được lập ra trong lúc đó tu sĩ đảm nhận luôn vai trò chữa bệnh, người bệnh đến ngủ tại đó với sự tin tưởng trong giấc mơ gặp thần linh, con rắn trong giấc mơ bò đến đâu liếm đến đó chữa lành bệnh. Sau này Hypocrate là người đã làm cuộc Cách Mạng để tước bỏ giáo quyền tại các đền thờ trị bệnh bằng giấc mơ thần linh này. Các đền thờ dần dần trở thành những bệnh viện xây dựng ở những nơi không khí trong sạch và người bệnh được chữa trị bằng thuốc men và phẫu thuật. Hình ảnh con rắn quấn quanh cây gậy cúi đầu xuống ly thuốc y dược vẫn là biểu tượng của ngành y dược cho đến ngày nay.

Từ xưa con người đã biết lợi dụng tính chất độc với liều lượng và hình thức sử dụng không độc của nọc rắn

để trị bệnh. Có khá nhiều dược chất đã được chế biến từ nọc rắn để làm thuốc.

Các loài rắn dùng để làm thuốc có thể kể đến:

Rắn hổ mang (Naja Naja, Cobra, rắn thường ngẩng đầu cổ, cổ bạnh ra, trên cổ có điểm trắng như hình mặt trăng hay 2 điểm trắng như hình 2 mắt kính. Rắn cạp nong Bungarus fasciatus dài gần 2 thước thân có 24 - 27 khoanh màu đen vàng xen kẽ, khoanh vòng cả qua bụng, lưng có vẩy. Rắn cạp nia Bungarus candidus dài gần 1 thước. Ngoài ra người ta còn dùng rắn ráo (Zamenis mucosus), con này không độc, một loài gần với rắn hổ mang là Zaocys dumnades Cantor thuộc họ Colubridae, rắn Zaocys dumnades được dùng làm thuốc ở Trung Quốc với tên Thanh Xà.

Nọc rắn độc là do các chất men Enzym như proteaza, phosphatidaza. Phần lớn nọc độc là hỗn hợp gồm nhiều loại protein và các men với tính gây độc khác nhau: Loại độc đối với hệ thần kinh, trung tâm hô hấp, độc tổ thần kinh nhóm neurotoxin. Loại độc tác dụng trên máu hay thành mạch máu, gây hoại tử các mô làm tan huyết, rối loạn đông máu, thay đổi động lực tim, sức kháng của thành mạch là nhóm hematoxin. Nọc rắn chứa các hoạt chất có độc tính cao có loại cực độc gây tử vong rất nhanh, có loại chỉ gây hoại tử. Các nọc rắn thường bao gồm cả 2 nhóm độc tố với hàm lượng nghiêng về nhóm này hay nhóm kia.

Nọc rắn vừa có độc tính vừa có dược tính. Một số nước ở vùng nhiệt đới nuôi rắn để lấy nọc. Một con rắn hổ mang có thể được lấy nọc mỗi năm khoảng 6 lần. Cách lấy nọc đơn giản, bằng cách lấy đĩa petri để cho rắn cắn vào miệng một đĩa petri, rồi dùng tay xoa bóp nhẹ vào hai tuyến nọc để nọc chảy vào đĩa.

Nọc rắn được làm đông khô, nọc khô có thể để hàng chục năm vẫn còn dược tính, phải bảo quản nọc theo chế độ thuốc rất độc vì sơ ý có thể gây chết người, để giữ nguyên vẹn hiệu lực nọc khô cần tránh không khí và độ ẩm.

Có một số nước người ta chế biến dược chất từ nọc rắn để làm thuốc giảm đau trong một số bệnh như bệnh khớp, đau dây thần kinh, đau cơ, chỗ đau được thoa loại pommade (salbe) trong thành phần thuốc có nọc rắn hổ mang khô, methyl salicylat, long não, tinh dầu khuynh diệp... Do độc tính của nọc rắn nên thận trọng khi sử dụng lưu ý tránh bôi vào vết thương, vết loét, không nên thoa quá nhiều lần hay nhiều ngày.

Người ta nghiên cứu dùng chất Cobratoxin nọc độc của một loại rắn hổ mang để chữa bệnh trong trường hợp u ác tính và những trường hợp đau dai dẳng, tác dụng làm hết đau và các thương tổn giảm dần có lẽ vì nọc độc gây ra do sự tạo thành chất lysocithin. Người ta cũng nghiên cứu dùng nọc độc của rắn độc họ Crotalinae làm chất hoại tử trên những u ác tính, nọc rắn độc họ Colubridae làm chất độc tổ thần kinh đối với những cơn đau do ung thư. Nhưng nếu dùng liều cao sẽ gây nhiễm độc cấp tính, dùng lâu ngày sẽ gây thoái hóa gan, viêm ống thận.

Trong Đông-Y, rắn còn được ngâm làm rượu thuốc chữa chân tay đau nhức, sưng mõi khớp xương, rắn được ngâm chung với các dược thảo như thiên niên kiện, cầu tích, huyết giác, ngũ gia bì, hà thủ ô đỏ, kế huyết đằng, trần bì, tiểu hồi, rượu, đường. Lưu ý phụ nữ có thai không được dùng rượu này •

TOA THUỐC HIỆU NGHIỆM trị bệnh phong thấp tại "Bệnh Viện Nhân Dân Đông Bắc"

Kim bất hoán	3	đồng/cân
Thục địa	2	"
Sinh cam thảo	nửa	"
Bạch thược	2	"
Chính tảo mã thai	nửa	"
Liên kiều	nửa	"
Thục bán hạ	3	"
Đương qui	2	"
Ngưu tất	2	"
Xuyên cung	nửa	"
Mộc qua	2	"
Tô hoa	nửa	"
Chỉ thúc	nửa	"
Địa cốt bì	4	"

Dùng 3 bát nước đun sôi 8 phút, cách ngày uống 1 thang, uống liên tục 3 thang.

Năm TY bàn về người bắt rắn

● Nguyễn Việt Nữ

Người đi bắt rắn khôn ngoan và khéo léo, khi gặp rắn lớn họ biết sử dụng một cây có nạng sắt, ấn nạng ngay xuống cổ rắn và lấy tay bắt ngay đầu rắn. Rắn kia tuy có thể quấy đuôi, quấn tay, quấn chân hoặc một bộ phận khác của cơ thể người bắt rắn, nhưng không thể nào mổ người ấy được. Bắt rắn như vậy không cực khổ mà cũng không lao nhọc, chỉ vì người ấy biết rõ thủ thuật bắt rắn. Đây là lời Đức Phật dạy trong Kinh “*Người Bắt Rắn*” (Alagaddupamasutta) được dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán đời Đông Tấn vào khoảng năm 397- 398. Thiên Sư Nhất Hạnh dịch ra Quốc Văn năm 1991. Xưa nay ít nghe ai đem rắn để thí dụ cho giáo lý hay chủ thuyết của mình. Như chủ thuyết Mac-Lênin thì người Cộng Sản nhất định cho là con đường duy nhất đem lại thiên đàng cho hạ giới. Trái lại chính Đức Phật thường nhắc nhở rằng giáo pháp của Ngài có thể trở nên nguy hiểm nếu nhận thức không nghiêm túc mà thực hành không chính xác. Mặc dù khi Thành Đạo, Đức Thích Ca giảng pháp thu hút được nhiều vì vua các nước quy y nhưng Ngài không bao giờ cho giáo lý của mình là một chủ thuyết. Vì Ngài cho rằng nếu bám chặt vào chủ thuyết thì ai cũng nhất định cho chủ thuyết của mình là đúng, của người khác là sai, từ đó sinh tranh cãi, gia đình gãy đổ, xã hội có chiến tranh. Cho nên Phật cho giáo pháp của Ngài chỉ là một phương tiện hướng dẫn thực hành. Đức Phật như một lương y mà giáo lý của Ngài là lương dược. Nhưng thuốc men cần biết dùng cho đúng bệnh thì mới chữa lành bệnh tật, nếu không thì cũng có thể nguy hiểm cho tánh mạng bệnh nhân. Có toa thuốc trị đúng bệnh rồi, còn phải chính người bệnh phải biết

thực sự uống thuốc đó, tức là phần thực hành nữa, thì việc chữa bệnh mới mang lại kết quả.

Trong kinh Bách Dụ, có một chuyện ngụ ngôn “Chim Trĩ” rất buồn cười mà cũng rất hay, nói về vấn đề vướng mắc vào ý niệm và ngôn từ. Một chàng ngu nọ bị ốm. Ông thầy thuốc tới thăm mạch, bảo rằng chim trĩ trị được bệnh anh ta. Ông thầy thuốc ra về, chàng ngu cứ lập đi lập lại hai tiếng chim trĩ suốt ngày. Mấy tháng qua rồi mà vẫn chưa lành bệnh. Có người bạn tới thăm, thấy chàng ta cứ lập đi lập lại hai tiếng chim trĩ, lấy làm lạ, bèn hỏi. Anh chàng thuật lại câu nói của ông thầy thuốc. Thương hại, người bạn lấy bút vẽ một con chim trĩ lên giấy, chỉ cho chàng ngu và bảo: “Chim trĩ là cái này này, anh cứ ăn nó đi thì mới lành bệnh, chứ cứ lập đi lập lại mãi hai tiếng chim trĩ thì làm sao lành bệnh được?” Người bạn vừa đi khỏi, chàng ngu bèn bỏ tờ giấy có hình chim trĩ vào miệng, nhai và nuốt. Vẫn chưa lành bệnh, chàng ta thuê thợ vẽ thêm hàng trăm bức tranh chim trĩ nữa để mà nhai và nuốt, nhưng cũng không có hiệu nghiệm gì. Bệnh tình càng lúc càng tăng. Một hôm ông thầy thuốc ghé lại nhà. Thấy tình trạng như thế, ông đem lòng thương hại. Ông đưa chàng ngu ra chợ, mua cho vài con chim trĩ, rồi đưa chàng ta về nhà, bảo người nhà làm thịt chim trĩ và bắt ăn ngay trước mặt mình. Từ đó chàng ngu khỏi bệnh.

Mới nghe câu chuyện, chúng ta ai cũng có cảm tưởng là chàng ngu ngu quá, nhưng nghĩ cho kỹ thì chúng ta cũng không hơn chàng ta bao nhiêu. Chúng ta thiếu thông minh, thiếu khéo léo, lại hay ưa lý thuyết, ưa hý luận, ưa khoe khoang và không thành khẩn bao nhiêu trong công việc đi tìm giải thoát (khỏi bệnh). Chúng ta bị kẹt rất nhiều ở khái niệm và danh từ. Học

hỏi đã vậy mà hành trì cũng vậy. Quán từ bi hay niệm Phật, chúng ta cũng có thể thực tập một cách thiếu thông minh và khôn khéo vì bị vướng mắc vào hình thức thực tập cho nên tuệ giác không dễ dàng phát sinh”.

Trên đây là trích dẫn nguyên văn trong quyển “*Im Lặng Sấm Sét*”, tr. 53, của Thiên Sư Thích Nhất Hạnh, cho nên những chữ gọi như “*chàng ngu*”, “*thiếu thông minh*” v.v... không phải của tác giả bài này.

Cũng trong sách của Thiên Sư thì, việc hiểu lầm và hành lầm giáo lý của Phật đã xảy ra ngay trong thời Đức Phật đang giảng pháp. Tại tu viện Trung Các trong rừng Đại Lâm gần thành phố Vaisali chẳng hạn, trong một mùa an cư kiết hạ đã có mấy thầy tự tử vì đã nghe Phật giảng về vô thường, vô ngã và bất tịnh. Các Thầy này đã trực tiếp nghe Phật giảng mà còn hiểu lầm Phật, hiểu hồ gì nghe gián tiếp, và lại nghe theo kiểu ba chộp ba nhoáng, thiếu thông minh, khéo léo và cẩn trọng. (Là cách nghe qua kinh sách của chúng sinh hiện tại.)

Chính vì có những thầy hiểu lầm Phật như vậy mà Ngài giảng Kinh “*Người Bắt Rắn*”. Phật dùng ví dụ Bắt Rắn để diễn tả sự hiểm nguy của cái học thiếu thông minh và khéo léo. Đầu tiên là sự bất đồng ý kiến với nhau giữa các Khất sĩ về một lời Phật dạy. Khi Khất sĩ Arittha trả lời các Khất sĩ khác rằng: “*Tôi nghĩ rằng Phật không cho sự hưởng thụ dục lạc là chướng ngại cho sự tu tập*”. Các Khất sĩ khác đồng thanh đáp: “*Này sư huynh Arittha, sư huynh đừng nói như thế, đừng có bày báng và vu không đức Thế Tôn. Làm vậy không tốt. Đức Thế Tôn không hề nói như vậy. Dục lạc là chướng ngại cho tu tập. Thế Tôn đã dùng rất nhiều ví dụ để nói với chúng ta điều đó. Sư huynh nên từ bỏ tà kiến ấy đi*”. Tuy được nhiều người xác nhận Phật dạy như vậy, nhưng Arittha vẫn cố thủ tà kiến của mình. Ông cho rằng điều ông nghĩ là sự thật, còn ý kiến của những người khác đều sai lầm.

Nội vụ được trình lên Đức Phật. Khi Phật hỏi, Arittha vẫn thẳng thắn thưa: “*Thế Tôn, con thật sự nghĩ rằng theo tinh thần Thế Tôn dạy, hành dục không phải là chướng ngại cho sự tu tập*”. Đức Thế Tôn quả: “*Thầy Arittha, bằng cách*

nào mà thầy lại cho rằng tôi đã nói pháp như thế? Từ miệng người nào mà thầy lại nghe ra điều đó? Điều mà tôi chưa từng nói, thầy lại cứ một mực bảo là tôi có nói. Nghe các vị Khất sĩ anh em khuyên bảo, đáng lý thầy đã phải theo pháp mà ứng đáp. Bây giờ đây để tôi hỏi các thầy Khất sĩ khác xem sao?” Nói xong, Phật quay lại hỏi các Khất sĩ:

“Quý vị có từng nghe tôi dạy là hành dục không gây chướng ngại gì cho sự tu tập hay không?” Khi tất cả đều đáp “không”, Đức Thế Tôn hỏi tiếp: “Vậy các thầy nghe tôi nói như thế nào?” Các vị Khất sĩ đáp:

“Chúng con đều thường nghe Đức Thế Tôn dạy rằng, dục lạc là chướng ngại cho sự tu tập. Thế Tôn dạy rằng dục lạc là khúc xương trần, là miếng thịt sống, là bó thuốc rom cầm ngược gió, là hổ than hồng, là con rắn độc, là...”

Đức Phật bảo: “Các thầy đã nghe đúng. Còn Khất sĩ Arittha đã hiểu lời tôi một cách đảo ngược, về văn cũng như về nghĩa, và như vậy đã vu khống bầy báng tôi và cũng đã tự làm hại mình. Đây là một vi phạm, một sự lỗi lầm làm cho những bậc trí giả và phạm hạnh mất vui”. Quở xong Arittha, Đức Phật lập lại lời dạy với các Khất sĩ: “Những giáo pháp tôi nói, các thầy phải tìm hiểu nghĩa lý một cách thật tường tận và đúng mức rồi mới nên đem ra hành trì. Nếu chưa tìm hiểu nghĩa lý một cách thật tường tận và đúng mức thì trước hết hãy nên hỏi lại chính tôi hoặc hỏi lại các bậc trí giả và các bậc phạm hạnh đã. Tại sao? Vì có những người thiếu trí tuệ, vì có nhận thức sai lạc về văn và về nghĩa, đã hiểu ngược lại những thể điều đề cập đến trong các thể tài kinh điển như chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tụng, nhân duyên... Những người ấy đã học với chủ ý tranh luận hơn thua mà không học vì mục đích tu tập giải thoát nên bị kẹt vào sự việc mà không tiếp nhận được chân nghĩa của kinh. Họ trải qua nhiều gian nan cực khổ mà rốt cuộc không có lợi ích gì, rốt cùng chỉ thêm mệt mỏi.

Cũng giống như người đi bắt rắn ở vùng hoang dã, thấy rắn lớn liền lấy tay chụp ngay vào mình nó cho nên bị rắn quay đầu lại mổ vào tay, vào chân hay vào bộ phận khác của cơ thể. Bắt rắn như vậy không lợi

ích gì mà lại mang họa vào thân. Lý do là tại người ấy không biết thủ thuật bắt rắn. Người học kinh không thông minh cũng vậy. Vì không biết cách học hỏi nên hiểu nghĩa kinh một cách trái ngược. Những kẻ khôn ngoan sẽ biết khéo léo tiếp nhận văn kinh và nghĩa kinh, do đó không có những kiến giải đảo lộn. Họ không học với mục đích khoe khoang và tranh cãi. Họ học để thực tâm tìm giải thoát”. Giải thoát đây là thoát khỏi sự ràng buộc của tà kiến, của những hành động mê lầm.

ĐỐI PHÓ VỚI SỰ HIỂU LẦM

Dạy Kinh “Người Bắt Rắn” là dạy giáo pháp để Đối Phó Với Sự Hiểu Lầm và để tránh “Hiểu Lầm”; Đức Phật còn đưa thí dụ về “chiếc bè” rất ý nghĩa.

Thời nào cũng có sự hiểu lầm, ở đâu cũng có người hiểu lầm và người bị hiểu lầm. Vì thiếu thông minh, vì thiếu thiện chí mà hiểu lầm, hay có khi người ta còn cố ý hiểu lầm, giả bộ hiểu lầm vì ganh tị hay thù oán. Khi hiểu lầm một người, là mình đã vu oan cho người, dù vô tình hay cố ý. Vậy là người bị hiểu lầm đã bị hàm oan. Vậy hai bên phải xử sự như thế nào? Luôn luôn vai trò xử thế quan trọng phát xuất từ người bị hiểu lầm, bị vu khống; còn người hiểu lầm thì vì họ đã “không hiểu” nên mới “lầm”, còn nói gì đến người hiểu mà “cố ý lầm” thì còn mong gì họ giải oan cho ai?

Ngày trong vấn đề đối phó với sự hiểu lầm, tức là giải oan cho ta, điều dạy thứ 10 trong Mười Điều Tâm Niệm, cũng rất dễ gây sự “hiểu lầm” và đưa đến hành động sai lầm. Đó là câu: “Oan ức không cần biện bạch vì làm như vậy là phạm đức khoan dung và tăng thêm thù oán”. Về tổng quát thì đúng như vậy, vì khi biện bạch để giải oan cho mình thì mình phải chứng minh với người khác là người kia sai, còn mình đúng và mình đã thắng. Mà tâm lý chung của con người là ít khi người ta nhận họ sai, mà lại chịu thua cuộc trước người khác; nên nhiều ít cũng đã để lòng thù hận người mình đã vu oan. Mà Phật thì cũng dạy “thù oán nên cởi chứ không nên buộc thêm vào”.

Nếu áp dụng đúng theo chữ nghĩa như vậy, thì chính Đức Phật phải

bỏ qua vụ Arittha để tỏ lòng tha thứ kẻ lỗi lầm và đừng gây thêm sự bất hòa giữa thầy trò và các Khất sĩ huynh đệ với nhau? Nhưng ta thấy Phật không làm vậy. Ngược lại, Đức Phật chẳng những “minh oan” cho mình mà còn rầy Arittha là “dại dột” và còn phạt chàng Khất sĩ theo luật Tăng Đoàn. Hiển nhiên không phải Đức Phật muốn “thắng” Arittha làm gì vì Ngài là hiện thân của lòng vị tha bao la. Cũng không phải Ngài muốn dùng oai quyền của bậc Thầy không thể để học trò nói sai ý mình. Nhưng tại sao Đức Phật làm trái ngược? Nếu đây là sự “thông minh khéo léo” khi áp dụng giáo pháp của Phật; thì khi nào người bị hàm oan mới không cần biện bạch? Câu chuyện sau đây cho ta câu trả lời rằng: nếu sự giải oan ấy chỉ có lợi cho riêng mình mà hại đến sinh mạng cho nhiều người, phạm đức Từ Bi, thì oan ức đó không nên giải.

Thí dụ: trong một tiền kiếp nào đó của Phật, Ngài là người nghèo khổ phải đi ở mướn cho một nhà giàu nọ. Một hôm xúc lúa cho ngỗng ăn, chợt thấy một con ngỗng trong bầy rĩa lúa ăn rồi nuốt sợi dây chuyền vàng nằm sẵn trong đồng lúa vào bụng. Chiều về chủ nhà la toáng lên là mất của, sục sạo tìm kiếm và quả quyết là người làm công ăn cắp. Thì ra chủ nhà sơ ý làm rớt của trong đồng lúa. Đức Phật bị hàm oan, nhưng thà bị đuổi chứ không biện bạch, vì phận nhà nghèo, lại ở nhà một mình, cho nên dù cất nghĩa mấy hần chủ nhà cũng không tin, mà bấy ngỗng mấy chục con, biết con nào thật sự đã nuốt sợi dây chuyền vàng? Nếu vì mình oan cho mình mà bấy ngỗng phải lần lượt bị giết đi cho tới khi tìm được “tang vật” nằm trong bao tử một con ngỗng nào đó thì tội nghiệp chúng quá. Thôi thà mình chịu hàm oan mà cứu bấy ngỗng được an toàn. Đó là trường hợp thích đáng để áp dụng “oan ức không nên biện bạch”. Kế tiếp là sự áp dụng từ “tha thứ”. Người ta chỉ tha thứ khi người làm lỗi biết hối lỗi và lỗi ấy chỉ làm hại cho mỗi một người bị hàm oan. Còn trường hợp Arittha, sau khi được các thầy khuyên cáo ba lần mà không chịu bỏ quan điểm sai lầm của mình, nên đã bị Tăng Đoàn kết tội ba dật đề (Pacittaya) và khép vào kỷ luật biệt trú.

“Biệt trú” trong luật đạo cũng như biệt giam trong luật đời, là không được tiếp xúc với người khác. Vậy mà trong kinh cũng kể rằng trong thời gian thầy Arittha bị thi hành kỷ luật, đã có một số thầy khác bất chấp, cứ gặng gỏi thầy Arittha, nên các thầy này cũng bị Tăng Đoàn khép luôn vào tội biệt trú. Trong đó có Sư cô Thullanandā, tuy không bị y hình phạt, nhưng đã bị Phật nhắc nhở.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh viết rằng: “*Đọc kinh Người Bất Rắn, ta có cảm tưởng thầy Arittha tuy có hơi cứng đầu nhưng không phải là người quá thiếu thông minh và thầy cũng là một người mà ý kiến cũng như nhân cách có thể ảnh hưởng đến các thầy và các sư cô khác. Vì vậy ta nên bình tâm xem xét để có thể thấy được nguyên do của sự hiểu lầm của thầy Arittha.*”

Hiểu lầm là vì vô minh. “*vì vô minh, tức nhận thức sai lầm, con người nghĩ, nói và làm những điều có thể tạo ra cho bản thân mình và cho những người chung quanh rất nhiều đau khổ. Những đau khổ vì giận dữ, hờn oán, nghi kỵ, ganh ghét, bất mãn... đều do ta thiếu sáng suốt mà sinh ra. Ta sống trong những khổ đau ấy như sống trong một cái nhà đang bốc cháy.*”

Vì vậy, Đức Phật dạy:

“*Ta phải tìm hiểu ngọn nguồn của đau khổ thì ta mới hiểu được bản chất của đau khổ, từ đó ta mới thoát ra khỏi niềm đau khổ ấy.*”

“*Vì dụ có một người kia đến chửi mắng ta. Ta có thể nổi giận và chửi mắng người ấy. Trong trường hợp này ta khổ mà người ấy cũng khổ. Theo đạo lý tình thức (đạo Phật) thì không nên vội nổi giận và chửi mắng người kia. Ta phải bình tâm quán chiếu để thấy được vì sao người kia lại chửi mắng ta, nghĩa là ta đi tìm cội nguồn của sự mắng chửi của người ấy. Do công phu quán chiếu bình tĩnh đó mà ta có thể thấy được những nguyên nhân sâu xa và chẳng chịt nào đã đưa tới thái độ và hành động hôm nay của người ấy. Nếu ta thật sự có lỗi thì ta thấy sự chửi mắng ấy là kết quả tất nhiên của lỗi lầm ta và ta sẽ không nổi giận chửi lại người ấy. Nếu ta không có lỗi lầm gì thì chắc chắn đã có một sự hiểu lầm nơi người ấy. Ta quán chiếu để tìm ra và chứng minh được sự hiểu lầm cho người*”

kia thấy. Làm như vậy, ta tránh được khổ đau cho ta và cũng giải thoát được khổ đau cho người kia.”

Bình tĩnh quán chiếu tìm nguyên nhân sâu xa của sự hiểu lầm, dựa trên “*lý nhân duyên*” hay nói theo đời trần tục là “*không có lửa sao có khói?*” để người bị hàm oan dễ dần tức giận vì thông cảm được với người “*vu oan giá họa*” cho ta. Áp dụng trong trường hợp Arittha, ta thấy được không phải tự nhiên mà thầy này hiểu ngược lời Phật dạy như vậy. Đó là vì Arittha hiểu lầm giữa an lạc và dục lạc.

PHÂN BIỆT DỤC LẠC VÀ AN LẠC

Đức Phật dạy rằng dục lạc làm ta khổ nhưng an lạc lại nuôi dưỡng ta. Có những người hiểu rằng đã tu thì phải khổ hạnh và không nên hưởng an lạc, dù sự an lạc này không chướng ngại gì cho sự tu tập. Ngồi hóng gió mát, ngắm cảnh mặt trời lặn, tắm trong một dòng suối nước nóng, thưởng thức một bát nước trong khi có cơn khát v.v... là những niềm vui không đem tới khổ đau và ràng buộc, nhất là trong khi thưởng thức những niềm vui ấy, ta ý thức rõ rệt rằng vạn vật đều vô thường. Khi được các vua cúng dường cơm ngon, Phật biết là cơm này ngon. Khi trèo lên núi Linh Thứu, nhìn xuống cánh đồng lúa vàng, Đức Phật nói với thầy Ananda: “*Núi Thứu đẹp, thành Vaisali đẹp, phải không Ananda?*” Những chi tiết ấy trong các kinh điển cho thấy Phật có khả năng hưởng niềm vui an lạc và không bao giờ từ chối sự an lạc và cho an lạc là chướng ngại cho sự tu tập. Trái lại, niềm vui và những hạnh phúc lành mạnh ấy, có thể nuôi dưỡng sức khỏe của thân thể và tâm hồn để giúp ta đi xa trên con đường tu tập. Nhưng Phật cũng nói là 5 thứ dục lạc (tiền bạc, sắc dục, danh vọng, ăn ngon và ngủ nhiều) là những chướng ngại cho sự tu tập. Người đứng tuổi, mỗi đêm ngủ năm giờ đồng hồ, mà ngủ thật ngon, thì không có hại, trái lại, nhờ ngủ ngon thì sự học hỏi giáo lý và công phu thiền tập của ta sẽ thành công hơn. Tuy nhiên, nếu để gặng hết thì giờ trong ngày mà ngủ thì đó là một chướng ngại. An lạc trở thành dục lạc. Ăn một bữa cơm thanh đạm

nhưng ngon và bổ, ăn có chánh niệm, tiếp xúc sâu sắc với thức ăn, có hạnh phúc trong khi ăn, điều này không hại mà còn lợi cho sự tiêu hóa, cho tu tập. Trái lại nếu cứ bị ám ảnh bởi thức ăn ngon, để thật nhiều thì giờ mà tìm cầu thức ăn ngon lại là một chướng ngại.

Thầy Arittha chắc hẳn đã từng nghe Phật nói về an lạc và sự vô ích của sự thực tập khổ hạnh và hành xác. Con đường khổ hạnh không phải là con đường đem tới giải thoát, hành hạ xác thân chỉ có thể đem tới ma diệt sắc thân đồng thời làm yếu đi tinh lực và thần lực cần thiết cho sự đạt đạo. Phật đã từng thí nghiệm phương pháp khổ hạnh, đã thấy sự sai lầm của phương pháp này nên đã từ bỏ nó. Phật cũng khuyên môn đệ tránh con đường cực đoan này. Phật dạy nên bảo vệ thân thể, ăn uống bình thường và gìn giữ cho thân thể được khỏe mạnh mà hành đạo. Cũng vì lý do này mà Arittha đã chủ trương chống lại tinh thần chướng khắc khổ của các thầy khác. Các thầy của Tăng đoàn ở Chabbaggiya chưa thuyết phục được thầy Arittha bỏ tà kiến của thầy, có thể vì các thầy chưa hiểu nguyên do của sự hiểu lầm này để phân tích và thuyết phục được cho thầy Arittha rõ về sự khác biệt giữa an lạc và dục lạc mà chỉ dùng luật lệ và giáo điều để thầy từ bỏ ý kiến của thầy, nên tuy bị khép tội mà thầy vẫn chưa thực sự phục tùng. Các thầy và sư cô khác hẳn cũng chưa được phục tùng nên lại tiếp tục thân cận với Arittha, vi phạm luật và cũng bị tội biệt trú. Chính vì thái độ “*hơi cứng đầu*” của thầy Arittha và các vị khác mà một số Khất sĩ thuộc Tăng đoàn Chabbaggiya phải lên tận tu viện Cấp Cô Độc để tường trình với Đức Thế Tôn về các sự kiện đã xảy ra.

Do đó mà Phật Nói Kinh Người Bất Rắn, gồm nghệ thuật đối phó với sự hiểu lầm, mà mọi người chúng ta đều có thể thực hành để tạo một cuộc sống hiểu biết và cảm thông yêu được nhau thì Niết Bàn không cần tìm đâu xa. Nó ở ngay trong cuộc đời này. Đó là về phép xử thế để đối phó với sự hiểu lầm.

Kinh Người Bất Rắn còn ngăn ngừa sự hiểu lầm. Phòng bệnh bao giờ vẫn hơn trị bệnh. Đức Phật giảng

lại về Tai Họa của Dục Lạc và phân biệt Dục Lạc với An Lạc cho cả Tăng đoàn nghe để không ai còn có thể “hiểu lầm”:

“Dục lạc là khúc xương trần không còn dính thịt, liệng cho con chó đói không làm cho con chó bớt đói. Con người không đạt tới hạnh phúc và sự mãn ý bằng những phương tiện dục lạc được. Dục lạc là miếng thịt sống mà con chim cắp trong mỏ nó, nếu nó không chịu buông miếng thịt khi có một con chim lớn hơn tới tranh giành thì có thể mất mạng. Dục lạc vì vậy có thể giết người. Dục lạc là bó thuốc rom cầm ngược gió, có thể làm cháy phồng tay. Dục lạc là hố than hồng mà kẻ khác vì lôi kéo mình đi theo có thể đẩy mình vào cho chết cháy. Dục lạc là con rắn độc, nguy hiểm không chừng. Dục lạc là một giấc mộng, ngắn ngủi không thật. Dục lạc là cây sai trái, bị người ta tới vin cành hái quả làm tan hoang cành lá. Dục lạc là một đồng dao thương có thể đâm lủng thịt da. Dục lạc là một lò sát sinh vì đó là nơi có thể làm ta mất mạng”.

Dục lạc là tai họa, ai cũng biết, vướng vào là mất hết tự do. Phật dạy như thế.

Điều cần nhấn mạnh là dục lạc không phải an lạc. Dục lạc có hại nhưng an lạc lại cần thiết cho sự tu tập và cho sức khỏe thể chất và tinh thần của người hành đạo. Dục lạc gây khổ đau và vướng mắc, trong hiện tại cũng như trong tương lai, cho mình và cho người. An lạc thì trái lại. Người tu phải có khả năng an lạc. Niết Bàn là trạng thái an lạc cao nhất mà người ta có thể đạt tới.

Thầy Ariththa và những vị khác hẳn đã lầm lẫn ranh giới giữa Dục lạc và An lạc nên đã chủ trương ngược lại và do đó đã hiểu sai lời Phật. Chính trong thời đại chúng ta mà cũng có những Phật tử có thái độ sợ hãi đối với an lạc. Họ không dám thưởng thức những gì đẹp đẽ và mẫu nhiệm của sự sống, bởi vì họ nghe dạy rằng vạn vật là vô thường, luôn luôn sinh diệt và chứa chất khổ đau.

Đây lại cũng là một sự hiểu lầm đưa tới phá vỡ cứu cánh của đạo Phật. Vì mục tiêu tối hậu của Phật giáo là trừ diệt khổ đau và kiến tạo an lạc bằng lý vô thường, vô ngã.

Nhưng *“Vì nghe tôi giảng như thế nên nhiều vị sa môn và phạm chí đã vu báng cho tôi là vọng ngôn, là không chân thật. Họ nói: ‘Sa môn Gotama chủ trương thuyết hư vô, tuyên dương chủ nghĩa hoại diệt, trong khi chúng sanh là những thực thể có thật’.* Những điều họ nói, Như Lai có chủ trương đâu?” (Im Lặng Sấm Sét, tr. 91)

Đức Phật đã nói rõ ràng như vậy mà vẫn còn người “lên án” là Ngài giảng dạy đạo lý hư vô và đoạn diệt. Sự thật là giáo lý Đức Phật vì quá thâm sâu nên rất dễ bị hiểu lầm.

Đối phó với sự hiểu lầm này Đức Phật dạy ở phần cuối Kinh Người Bất Rắn.

TINH THẦN PHÁ CHẤP

Kinh Người Bất Rắn, không nhằm mục đích diễn bày cái hại của dục lạc, hay giảng về vô ngã, Niết bàn, Như lai, dù kinh có nói tới những ý niệm ấy. Mục đích chính của kinh là dạy về Tinh Thần Phá Chấp, là phương pháp để đối phó với sự Hiểu Lầm.

Trong kinh, ngoài “thủ thuật bất rắn”, Đức Phật còn đưa ra thí dụ độc đáo về “chiếc bè” để nói lên cái vướng mắc của sự học thiếu thông minh và khéo léo.

Khi đi qua một vùng lũ lụt, một người muốn vượt qua bờ bên kia mà không cầu, không thuyền, bèn kiếm cây đóng chiếc bè làm phương tiện vượt qua. Qua được bờ bên kia rồi, nếu người ấy tiếc công lao đóng bè mà không để lại bè trên bờ để cho người khác sử dụng, lại vác bè trên vai hay đội trên đầu mà đi thì sẽ bị vướng mắc, bị “kẹt” không đi tới đâu hay đi tới vô cùng khổ nhọc, nặng nề. Cũng như một người muốn trèo lên nấc thang thứ 6 là phải biết buông bỏ nấc thang thứ 5.

Phật dạy: *“Tôi đã nhiều lần nói với quý vị về chiếc bè là vì thế. Pháp mà còn phải buông bỏ, hướng là cái không phải pháp”.* Đây là lời tuyên bố vĩ đại, giống tiếng gầm một con sư tử lớn. Lời tuyên bố này được lấy lại trong kinh Kim Cương Gươm Báu Chặt Đứt Phiền Não. Đây là một tiếng hét có khả năng giúp hành giả ngàn đời buông bỏ thái độ cố chấp của mình. Phật dạy Vô thường, Vô ngã, Không, Niết bàn, không phải là một chủ thuyết mà

chỉ là những phương tiện giúp ta thực tập mà thoát khổ đem vui cho mình và cho người. Giáo pháp như chiếc bè, là để sử dụng vượt qua bể khổ chứ không để vác lên vai mà cầu nguyện và ca tụng.

Đạo Phật là đạo mang vui cứu khổ, và hiện diện trên thế gian trên 2.500 năm nhưng có nhiều Phật tử tụng kinh tụng Phật suốt đời mà vẫn than khổ cả đời... Vì thay vì áp dụng Vô Ngã, Vô thường để được an lạc, tinh tấn thì lại chấp vào Vô ngã, Vô thường như một chủ thuyết để rồi sợ hãi, bi quan, thấy mình như tan loãng trong hư vô.

Tiếp nhận những giáo lý của Phật như một chủ thuyết thì bị vướng víu, bị “kẹt” là vì thế. Chủ thuyết là để thỏa mãn trí năng, để tự hào là mình thông hiểu giáo lý và để mà hý luận, tức đàm luận cho vui, như trò giải trí. Vậy giáo pháp được tiếp nhận sai lầm không phải là giáo pháp đích thực, mà đó là phi pháp. Phi pháp không thể là chiếc bè đưa ta sang sông. Kẹt vào chánh pháp mà còn không nên hưởng hồ gì kẹt vào phi pháp. Kinh dạy rằng chánh pháp mà còn phải buông bỏ hưởng hồ gì phi pháp. Cho nên ai để kẹt vào những điều học hỏi, tức chấp vào chủ thuyết thì không thể sang sông, cũng như không buông bỏ nấc thang dưới thì không thể trèo lên cao. Tức người đó đã bị rắn cắn, vì *không biết thủ thuật bất rắn.*

“Không biết” là vô minh, “bị rắn cắn” là đau đớn, chết chóc. Đúng lời Phật dạy rằng nguồn gốc khổ đau không từ vật chất, mà xuất phát từ cái tâm vô minh của con người. Để phá bỏ vô minh, hay phương thuốc chữa bệnh “rắn cắn” là quyết tâm phá chấp.

Nói lý thuyết thì nghe lòng vòng khó hiểu, nhưng đi vào thực hành thì giản dị như vậy: trừ khi một người cố tình vu oan người khác như trò “chụp mũ” với ý đồ chính trị hay để trả thù riêng tư thì không có cách chữa (trường hợp này luật “ác lai ác báo” sẽ được áp dụng); còn tất cả những hiểu lầm, những oan ức thông thường đều có thể đối phó được hữu hiệu bằng sự *không chủ quan cố chấp, mà bình tâm tìm nguyên do của sự hiểu lầm, rồi giải quyết bằng tinh thần phá chấp.*

Chúng ta có thể áp dụng ngay phần này của Kinh “Người Bất Rắn” để xử thế trong những cuộc sống thường ngày của mỗi người, để đời sống được an vui hạnh phúc.

Trước hết, khi nghe có sự hiểu lầm, bị vu oan, ta đừng vội tức giận, mà phải bình tâm tìm nguyên nhân. Vì theo “lý nhân duyên” không có gì tự nhiên mà có cả. Rồi theo “vô ngã”, cái ta không phải là của ta, thì bị nói xấu cũng là lẽ “vô thường”, thì giận làm gì cho hại thân? Phật tử hay các thầy đều rất rành rẽ, nói đi nói lại, tụng niệm *lý nhân duyên, vô ngã, vô thường...* hàng triệu lần, nhưng mà chỉ nói như bệnh nhân “Tham Sân Si” có cái toa “chim trĩ” trên kia. Không hề thực sự thực hành toa thuốc chữa Tam Độc cả. Nên bình thường thì thuộc lòng ron rọt “vô ngã”, “vô thường”, khi đụng chuyện thì lại coi “cái ta” là to nhất, là vĩnh cửu nhất, nên mất cái gì của ta thì ta khổ đau nhức nhối; ai chạm gì đến ta, gia đình ta, là tam bành lục tặc nổi lên. Cho nên Phật dạy ta đừng bám víu vào nghĩa từng chữ, từng câu kinh mà bị mắc “kết”.

Ta phải dùng trí khôn để hiểu và khéo léo thực hành.

Trong vụ Arittha vu khống lời Phật dạy, Phật không thể bỏ qua như khi bị nghi oan “ăn cắp dây chuyền vàng”; vì chuyện hiểu lầm lẫn này có hại cho chính bản thân Arittha, cùng hàng ngàn người trong Tăng đoàn và cả giáo pháp lưu truyền hậu thế. Phật phải “biện bạch” vì lợi ích chung lớn lao đó. Còn Tăng Đoàn không thể tha thứ Arittha vì thầy này không hề hối hận. Hình phạt kỷ luật không phải để trả thù mà là tạo dịp cho người làm lỗi có cơ hội tỉnh tâm quay về đường phải. Đó là kỷ cương phải có để duy trì trật tự cho bất cứ một tập hợp có nhiều người nào.

Người thụ lãnh hình phạt nếu áp dụng luật “Nhân Quả” thì không hận thù người đã phạt mình, vì thật sự không ai phạt mình cả, mà đó là do mình phải lãnh những gì mình gây ra. Nếu áp dụng lời Phật dạy thì người bị tù tội không oán thù ông Tòa hay Biện lý cuộc mà còn cảm ơn họ đã giúp mình dừng bước trước tội lỗi để không bị một nghiệp báo nặng nề hơn về sau.

Khi nghe phúc trình “oan ức”, Phật không vội tin ngay, mà phải hỏi thẳng Arittha. Rồi cũng không tự mình “minh oan” cho mình mà phải hỏi các Khất sĩ cùng nghe lời mình giảng, trước mặt Arittha. Rồi giảng kỹ lại để ai ai cũng thông suốt. Thường qua những giai đoạn như vậy là những hiểu lầm đều được giải tỏa cả. Nhưng con người chúng ta hay áp dụng nửa chừng, không rõ rệt nên thường bị khổ đau dù tu niệm công phu: Hoặc khi nghe ai “nói xấu” mình là tin ngay rồi giận dữ phản ứng. Còn nếu là người bình tĩnh hơn thì không phản ứng, nhưng không hỏi lại để làm sáng tỏ, gây cảm thông nhau, vì e dè, vì áp dụng điều tâm niệm “oan ức không biện bạch”. Nhưng trong lòng đầy phiền não, như có gì ngăn cách, không thể thân với “kẻ ấy” được! Là vì ta nói bỏ qua nhưng thật sự tâm ta còn vướng mắc. Ta không thật thà với chính ta. Ta nói tha thứ nhưng tâm ta trách hờn, cố chấp.

Tóm lại, ta thường nói “tu hành”. Nhưng phần đông chỉ “tu” mà không “hành”.

Câu chuyện sau đây trong kinh Bạch Dụ, dạy ta cái tai hại vô cùng của lòng cố chấp để mọi người thực hành cho được tâm Phá Chấp, thì sự “hiểu lầm” sẽ không tồn tại để chia cách tâm hồn con người với nhau:

“Người lái buôn góa vợ có một đứa con trai và coi nó là lẽ sống của đời mình. Một hôm nọ anh ta đi vắng nhà, kẻ cướp tới đốt xóm đốt làng và bắt đứa con trai anh ta đi theo chúng. Khi trở về nhà, thấy thi hài một em bé cháy đen nằm chết bên căn nhà đã cháy rụi của mình, anh tin ngay là con mình đã chết. Anh khóc lóc thảm thiết rồi làm lễ hỏa thiêu thân xác đứa bé; rồi vì thương con quá, anh ta cất tro vào một túi gấm và đi đâu cũng mang theo bên mình, như lúc nào cũng có con bên cạnh. Mấy tháng sau, đứa con anh ta thoát được tay kẻ cướp và tìm về được vào lúc nửa đêm. Nó gõ cửa đòi vào. Lúc ấy người cha trẻ đang ôm chiếc túi gấm đựng tro và than khóc một mình. Anh ta không chịu đứng dậy mở cửa. Anh tin rằng con anh đã chết thật rồi, và đứa bé đang gõ cửa ngoài kia là con người hàng xóm mất dạy nào đó đang cố tình trêu ghẹo anh. Vì vậy đứa con

thật của anh ta phải thất thểu ra đi và người cha khôn khổ kia mất vĩnh viễn đứa con yêu duy nhất của đời mình.

Do đó Phật dạy: ***“Nếu ta cố chấp vào một chủ nghĩa (hay một định kiến, một tin tưởng) và cho đó là chân lý tuyệt đối, ta sẽ lâm vào tình trạng của người cha trẻ kia. Ta sẽ không mở lòng ta ra để đón nhận chân lý. Ta có cảm tưởng rằng ta không cần đi tìm sự thật nữa, vì ta đã có sự thật rồi. Lúc ấy nếu sự thật có tới gõ cửa tìm ta, ta cũng sẽ từ chối không mở cửa.”***

Phụ chú: vừa chấm dứt bài này, lại nhận được bài “*Con Báo Trong Chén Trà*” của Giới Tử đăng trên tạp chí Phật Giáo Việt Nam số 113 của Thiền sư Mãn Giác, Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam bênh vực bài của Đỗ Mậu đăng trên PG Việt Nam số 112 mà Việt Nữ có viết bài “*Đối Thoại Với Lão Tướng Đỗ Mậu*” trên Diên Đàm Phụ Nữ số 200.

Đỗ Mậu ca ngợi Hồ Chí Minh yêu nước và kêu gọi tuổi trẻ được hưởng hạnh phúc hôm nay phải biết ơn Hồ Chí Minh. Tác giả Giới Tử hẳn học với những người viết chống đối bài báo Đỗ Mậu và cho rằng “*Đỗ Mậu chẳng nói gì quá đáng, chưa nói đủ thì đúng hơn*”. Và ca ngợi HCM suốt đời yêu nước. Giới Tử là một Phật tử. Xin hỏi: Đức Phật dạy không nên chấp vào một chủ thuyết nào như Kinh Người Bất Rắn. Còn Hồ Chí Minh quả quyết chủ thuyết Mác-Lênin là duy nhất đem lại tự do hạnh phúc và cưỡng bức toàn dân phải tuân theo để đất nước tan nát như ngày nay thì Hồ yêu nước gì? Đánh Tây, đánh Mỹ để nô lệ Tàu, Nga, CS cai trị còn đã man hơn Tây hơn Mỹ thì HCM độc lập chỗ nào? Cách Giới Tử viết đây cố chấp, ca tụng Cộng Sản và thóa mạ Quốc Gia, vậy Giới Tử yêu ai?

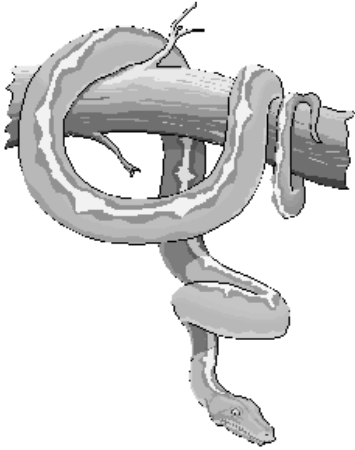
Xuân Tân Tỵ, vào ngưỡng cửa thế kỷ 21



RẢN

trong bông cây cổ thụ

Từ Hùng



Quỳen uy thường đem lại phú quý. Đấng anh hùng, bậc quân tử khi đã nắm được quyền uy thường khó lòng chối từ phú quý. Càng hưởng phú quý lâu năm càng cố bám chặt lấy quyền hành. Nói chi đến hạng phàm phu, những kẻ tiểu nhân: Cờ đến tay họ phát đã đành, mà phần nhiều họ tìm trăm phương ngàn kế, để leo lên nấc thang danh vọng, hầu tận hưởng phú quý. Hơn nữa họ sẵn sàng mang của phụ ẩm, hay tiền bạc thu lượm được do thủ đoạn bất chánh, hoặc làm giàu nhờ tranh đoạt tài sản của thiên hạ, để mua chút quyền tước, hầu tạo ra thêm phú quý, vinh hoa. Vòng chuyển động quyền uy và phú quý cứ xoay tròn, càng lúc càng nhanh, xoáy hút cao lên mãi thành cơn trốt vút tới tận trên mây. Ai đã bị lôi cuốn vào, thật không dễ gì thoát ra được.

Nếu bao nhiêu của cải, kho tàng trong nước đều do một tay lãnh tụ lão luyện, nhiều mưu mô xảo quyết cậy quyền tóm thâu; thì nhà độc tài đó sẽ khuyhyn đảo quốc gia, bóc lột dân chúng tới đâu? Trầm trọng hơn nếu tất cả quyền hành triều chánh đều nằm trong tay một mục già tàn ác, tác yêu tác quái trải qua ba, bốn triều, độc quyền cai trị mấy trăm triệu dân, độc đoán giải quyết mọi việc quân quốc trong một đất nước lớn mệnh mông, thì sự tác hại lan rộng đến tận biên giới

nào. Dù mục già ấy là Tây Thái Hậu, dù mục có tài tranh danh đoạt lợi, dù mục nham hiểm giết hại được mọi người cản trở bước tiến đến quyền lực, kể cả người thân thích ruột rà. Tàn độc đến tiêu diệt cả ân nhân và quý quyết trong cách thức dẹp tan mọi mầm mống chống đối, cũng như bịt miệng hết mọi lời can gián, mục Thái Hậu đã gieo rắc nỗi kinh sợ khắp trong triều ngoài nội ấy, vẫn không thể che giấu nỗi sự dốt nát vì vô học thuở nhỏ, sự tham lam quyền uy, phú quý vì bị chèn ép thuở hàn vi, để mong tránh được những xuẩn động. Những xuẩn động của mục già Từ Hi đã làm sụp đổ triều đại nhà Thanh, làm hại dòng tộc Mãn, nhưng trái lại đã làm lợi cho dân tộc Hán và tạo cơ hội thuận tiện cho Cách Mạng Dân Quốc.

Sau khi hạ độc được Đông Thái Hậu, vị Hoàng Hậu của Hàm Phong hoàng đế, vẫn còn nắm quyền cai quản tam cung lục viện, thưởng hay trách cứ những sai lầm của mục, để giữ gìn Tổ huấn và bảo tồn quốc pháp, do còn nắm trong tay di chiếu của Tiên hoàng, có quyền hạ bệ Tây Thái Hậu, chỉ là Ý-Phi trước khi nhà vua băng hà, Từ Hi đã nắm được hết quyền uy trong cung cấm nhà Thanh. Cách chức được cố-mệnh đại thần Cung thân vương, vị tướng lãnh kỳ cựu nhất trong hàng vương gia, điều khiển quân cơ trải mấy triều, giải quyết mọi việc quân quốc hết sức công minh, được lòng hầu hết triều thần, Tây Thái Hậu đã tóm thâu được mọi thế lực trong triều đình. Rồi bắt chấp cả qui pháp Tổ tiên Thanh triều, đưa Thuần thân vương, cha của đương kim hoàng đế (dù chỉ là cha trên danh nghĩa), vào nắm quân cơ để làm tai mắt.

Nguyên Văn Tôn hoàng đế (Hàm Phong) lúc sanh tiền rất thân thiết với Dịch Hoàn. Hai anh em thường gặp nhau ở chốn thâm cung. Văn Tôn có tâm sự gì đều kể hết cho Hoàn nghe. Việc trọng hệ nhất là Ý-Phi hồi đó đã tỏ ra lẳng lơ quá sức, còn ác độc và không biết an phận thủ thường, Văn Tôn đã đem bàn với Hoàn ý định phế bỏ địa vị phi tử để tránh chuyện ý thể cây quyền sau này. Nhưng Hoàn năm lần, bảy lượt khuyên can mong bảo toàn danh vị cho Từ Hi. Vì chuyện đó Tây thái hậu đã cảm kích ơn nghĩa lắm, nên đưa con trai của Hoàn lên làm vua. Nhưng vợ chồng Dịch Hoàn tới lúc đó lại không thích, có ý muốn giữ con lại. Nhất là bà Phúc Tấn, vốn là em ruột của Tây Thái Hậu, biết rõ tính tình chị mình rất điều ngoa xảo quyết, cho nên nếu đứa con do mình nuôi dưỡng lâu nay, rơi lại vào tay lèo

lái của Từ Hi thì sẽ chịu khổ sở cả đời. Huống hồ cái chết của Đông Thái Hậu để còn bày gương trước mắt. Cho nên khi vua Quang Tự bị bồng lên kiệu khiêng vào cung, bà Phúc Tấn đã khóc lóc thảm thiết, kể lể với mọi người rằng, Tây thái hậu đã giết mất con bà rồi (dù theo dư luận, Quang Tự lại chính là con riêng của Từ Hi) ! Không ngờ lời nói này lại lọt vào tai Tây thái hậu. Từ đó Thái hậu ra mặt ghét gia đình Dịch Hoàn, rồi cũng chẳng ưa gì ông vua nhỏ. Hơn nữa càng lớn vua Quang Tự càng tỏ ra không hợp tính với bà Mẫu hậu. Đến lúc bắt đầu hiểu biết lại tỏ ý chống đối. Thấy vậy, Tây thái hậu lại nghĩ vợ chồng thân vương Dịch Hoàn đã ngầm ngầm dặn bảo con mình, nên lại càng phải đề phòng gắt gao hơn. Bà truyền dụ cho cung môn cấm không cho phép vợ chồng Dịch Hoàn được vào cố cung gặp mặt hoàng đế, chỉ trừ trường hợp có đặc chiếu! Đến khi vua Quang Tự định việc hôn nhân, muốn chọn Cẩn Phi, người đã đẹp, mà tính tình lại nhu hòa thuận thảo, nhưng Thái hậu đã quyết ý chọn cháu gái mình, con của Quế Tường, lập lên làm Hoàng Hậu. Nhưng bà tân hậu này tính tình cũng điều xảo giống y như người cô Thái Hậu, nên nhà vua càng không ưa, một mực chỉ yêu Cẩn Phi. Vì thế hố mâu thuẫn giữa Hoàng Đế và Thái Hậu càng thêm sâu đậm.

Bọn cung nhân, thái giám rồi việc truyền khẩu chuyện yêu ghét của chốn cung đình ra ngoài. Rồi đến các bày tôi, nịnh thần trong triều ngoài nội tham gia, đặt ra không biết bao điều vu khống, để có tin đồn đãi khắp nơi. Tới lúc cần tăng công để tìm dịp gần gũi, hầu được hưởng ơn mưa móc nơi nhân vật quyền thế nhất, họ không ngại dựng lên những chuyện động trời, chúng phao tin: Ở bên ngoài Tây trực môn kinh thành, trong Bạch Vân quán có một vị đạo sĩ danh hiệu Động Nguyên, chẳng những pháp thuật cao siêu, mà còn nhìn được rất xa. Hằng đêm Nguyên đều ra đứng giữa sân rộng, nhìn khắp bốn phương trời, để quan sát thiên tượng, mà đêm nào cũng thấy trên nóc vương phủ Dịch Hoàn, một đám mây lớn phủ kín. Trong đám mây có con rồng vàng lúc ẩn lúc hiện, nhiều khi bay múa trên không trung. Như thế e rằng Dịch Hoàn sẽ là chân mạng Thiên Tử, không phòng không được.

Những người đang ngồi trên tột đỉnh uy quyền, lúc nào cũng lo bảo vệ địa vị mình thêm bền vững, để tiếp tục hưởng thụ phú quý, nên càng lúc càng đa nghi, nhìn đâu cũng thấy kẻ phản loạn. Mọi mầm mống chống đối vừa

nhú lên phải kịp thời dẹp tan ngay. Một tia lửa đe dọa nhỏ dù mới nhen nhúm cũng phải được dập tắt lập tức. Cho nên nghe chuyện hàm hồ này, Tây thái hậu đã không cho là phi lý, mà còn lấy làm ngờ vực lắm. Bà lập tức cho đòi Tổng thái giám Lý Liên Anh truyền gọi tên đạo sĩ Động Nguyên vào cung, để đích thân dò hỏi. Nguyên liền quỳ tâu:

- Bẩm phải! Trên nóc phủ Thân vương quả có mây che, đúng là triệu chúng của chân mạng đế vương. Nay Hoàng thái hậu hỏi tới, kẻ tiểu đạo xin tới vương phủ xem xét tường tận, rồi sẽ phúc chỉ sau!

Tây thái hậu chuẩn tấu, bèn phái thêm mấy tên tiểu thái giám nữa, ăn mặc giả người thường, đến trước cổng phủ Dịch Hoàn chia nhau quan sát. Tối lui, đi vòng quanh tường rào vương phủ từ chiều đến hết đêm, mọi người chỉ thấy mây giăng đầy trời, nhưng chẳng có đám mây nào dừng lại phủ kín mái phủ. Càng không nhận ra đường nét lờ mờ nào của rồng vàng xuất hiện. Nhưng Động Nguyên đã có chủ ý, giả vờ gật gù luôn mấy cái như mới khám phá ra điều chi hệ trọng lắm. Rồi vội vã chạy ngay vào hoàng cung tâu lên Thái Hậu:

- Văn khí chính do mấy nhánh trên ngọn cây bá thụ già trong phủ bốc lên. Nay chỉ cần đốn ngã cây cổ thụ đó, là phá được đất vương nhà họ và tuyệt luôn phong thủy "Chân mạng đế vương", như vậy mới hết lo ngại.

Thái Hậu Từ Hi nghe xong, truyền thưởng cho Nguyên một số tiền rồi cho về. Sau đó bà âm thầm cho bày giá, ngồi trên chiếc xe nhẹ, giảm bớt bọn tùy tùng, tức tốc ra khỏi cung, lẳng lặng kéo vào trong phủ đệ của Dịch Hoàn, khiến hai vợ chồng nhà Thân vương này hoàng hôn bạt vía, vừa khoác vội thêm áo mào, vừa hấp tấp hè nhau chạy ra nghênh tiếp thánh giá. Tây thái hậu trông thấy bộ mặt hốt hải của Vương gia và Phúc Tấn gia chủ, bỗng phá lên cười hồ hồ, rồi thân mật cầm lấy tay vị Phúc Tấn như nắm tay người em gái thuở xưa và nói:

- Bọn chị em mình với nhau, khách khí nghi lễ mà làm gì! Chẳng qua ở trong cung buồn chán quá, bỗng nhớ đến muội, tỳ chỉ định ra thăm huê viên nhà muội một lát, để thường thức cái cảnh u nhã nơi đây vậy mà!

Nghe bà chị dâu quyền nghiêng thiên hạ nói vậy, Thân vương Dịch Hoàn vội sai gia nhân bày tiệc ngay trong vườn hoa thết đãi, để Tây thái hậu vừa nhấp rượu, vừa xem hoa ngắm cảnh. Cây bá thụ già mọc ngay giữa vườn hoa, cành lá xum xuê, che kín cả một vùng đất, ngọn mọc thẳng

đứng vút mãi lên mây xanh. Thái hậu cứ ngắm nghía cây bá thụ, hết ngó lên lại nhìn xuống, miệng luôn tẩm tặc khen lấy khen để:

- Trời! Cây bá thụ này cao lớn quá thế! Tôi hiện đang cho thiết kế và kiến tạo các điện đường trong Di Hòa viên, đảm công trình sư không tìm đâu ra loại cây gỗ to lớn này để dựng cột cái, thật đáng tiếc!

Dịch Hoàn đứng thủ tiếp bên cạnh, tưởng là lời nói thật, vội tâu:

- Nếu vậy, thần nguyện xin dâng cây cổ thụ đó lên lão Phật gia.

Thật là lời nói đáp trúng ý Thái hậu. Bởi vậy đợi khi tiệc tùng vừa xong, bà liền truyền lệnh cho bọn thợ mộc, tiều phu trong phủ nhất tề mang cưa búa ra chặt cành, đốn gốc ngay. Mất cả buổi, cây cổ thụ già đã sáu, bảy trăm năm mới đổ xuống kêu đánh rầm, nằm sóng sượt trên huê viên dài đến mấy chục trượng. Mọi người kể cả Từ Hi thái hậu còn đang đình tai diếc óc vì tiếng rầm long trời lở đất đó, thì bất ngờ trong bỗng cây to già bảy trăm tuổi vừa bị đốn ngã này phóng vọt ra một đàn rắn to bằng bắp vế đến mấy chục con, mắt đỏ ngầu như chung máu, vảy vàng ánh lên như vàng y, xông bừa ra tứ phía, trông khủng khiếp quá chừng! Một con rắn đầu đàn lớn nhất phóng thẳng tới chỗ ngồi của Thái hậu, phùng mang nhe nanh, cất cao cổ chọc tấp xuống đầu bà. Tây thái hậu kinh hãi, giựt mình, hồn vía bay tuốt lên tận thất trùng thiên, chỉ kịp rú lên một tiếng, té ngửa ra sau ghế. Hai người đang đứng cạnh Thái hậu lúc ngất xỉu: Tổng thái giám Lý Liên Anh đã kịp thời nhảy vội vô ôm kín lấy Thái hậu, cố lấy thân che chở, tránh khỏi nanh nhọn của con độc xà, chẳng quản hiểm nguy chết chóc; còn Dịch Hoàn lúc này cũng liềm mạng, tay không xông vào múa tít song quyền, cứ nhe đầu rắn đập đấm lia lịa. Không may, tuy con rắn vàng bị trúng một đấm phải quật đầu xuống không cất cao lên được, nhưng cũng mổ trúng vào tay vương gia và hóa khùng quật ngược được đuôi lên, quần ngang lấy bụng Hoàn luôn mấy vòng như cái vành rế. Rắn càng quấn nhiều càng siết chặt. Thuần thân vương càng thấy ngột hơi như muốn tắt thở, phải thở hắt ra ằng ặc... May thay, lúc đó bọn thợ mộc, phu đốn cây đã dừng tay, nghe tiếng rú la, chạy ủa tới, cùng nhất tề cả bọn xông vào, chia nhau tay búa đập đầu rắn, tay rựa chặt đuôi, mấy tay dao khứa thân rắn và mấy tay nữa cố lôi mấy vòng quấn ra. Mãi khá lâu sau mới giết được độc xà và Dịch Hoàn mới thoát khỏi mấy vòng quấn

siết chặt của rắn, nhưng lòng bàn chân đã bị rắn dớp thêm miếng, nọc độc đã đủ thời gian ngấm vào máu. Hoàn trúng độc cơ hồ muốn té xỉu.

Lúc này Thái Hậu đã được đưa vào hoa sảnh. Gia nhân trong phủ cũng vội đưa Thân vương vào theo. Mở choàng mắt ra, thấy bóng Hoàng thái hậu lưng linh phía trước, Hoàn nghĩ đến tội mình vô tình phải gánh, nghĩ đến tính ác độc bất thường của Từ Hi, vội bò mọp xuống đất, vừa dập đầu lia lịa, vừa tâu lên:

- Nô tãi đáng tội muôn thác. Để lão Phật gia phải một phen kinh hoàng, thật là tội thất chức của nô tãi!

Tây Thái hậu bấy giờ đã tỉnh lại và hoàn hồn rồi. Nhưng cả một đoàn thái giám vẫn còn chạy tung rối lên như chiếc đèn kéo quân chung quanh. Anh lo bóp chân tay, anh thì đấm lưng, anh cẩn thận giựt từng ngón tay, anh trịnh trọng mang nước sâm đến, anh lại vội vã mang bàn đèn vào, rồi người cầm độc tẩu, kẻ hợp ín dâng tiếp lên cho bà hút. Bọn chúng tung tăng, rối rắm như vậy một hồi lâu, khi khói thuốc đã tỏa lan khắp gian sảnh thơm phức, lúc đó Thái hậu mới mở được miệng, ra lệnh hồi cung. Thân vương lại một phen quỳ mọp trước thềm, đưa tiễn Thái hậu ra khỏi cổng phủ. Đợi đoàn tùy tùng đi khuất xa rồi, Dịch Hoàn mới lóp ngóp bò dậy, nương tay vịn của hai gia nhân, lắc lư, khập khểnh bước vào nhà, liền cho gọi gấp viên đại phu thân tín, tài châm cứu nổi tiếng khắp kinh thành, vào ngày trong vương phủ, châm luôn mấy mũi kim vào đùi và trên tay, vừa uống một hơi hai, ba chén thuốc giải độc.

Suốt đêm đó, nọc độc rắn vẫn tiếp tục hoành hành. Hoàn đau đớn nhức nhối không sao chịu nổi. Nhưng qua được ngày hôm sau cơn đau cũng bớt dần. Chỉ còn đầu vầng, mắt hoa, tim đập thành thạch, tinh thần xem ra hết sức mệt mỏi. Viên đại phu tâm phúc của Vương đang hạ thang, hốt thuốc lần thứ nhì, bỗng gia nhân vào báo, Tiêu ngự y do Tây thái hậu sai tới phủ chẩn mạch cho thuốc Vương gia. Dịch Hoàn vội cho bày hương án tạ ơn, rồi để cho quan ngự y bắt mạch. Xong viên ngự y lại không khai phương, chỉ lấy trong đây ra một ít thuốc cho Hoàn uống. Thế rồi từ đó, mỗi ngày viên ngự y đều tới vương phủ chẩn mạch, rồi lại cho uống thuốc chế sẵn, xong ra đi. Nhưng lạ một điều là từ hôm uống thuốc của viên ngự y, bệnh của Hoàn ngày càng nặng thêm...

Trong vương phủ tuy cũng đã nuôi mấy viên nội ngoại y sư đấy, nhưng thấy ngự y trong cung phái tới săn sóc,

còn ai dám tài khôn, dành cho toa hốt thuốc nữa đâu. Đến một hôm Tổng đốc Trục Lệ Lý Thiểu Thuyên đích thân tới vương phủ thăm bệnh. Thân vương vừa thấy mặt Thuyên, bỗng ứa nước mắt than thở:

- Bệnh tôi xem ra không thể khỏi nổi rồi! Tôi chỉ còn một chút liên hệ, lưu lại trung cung, hiện chính là Hoàng Đế của mọi người đó. Tôi mà lỡ mất đi, lòng thực chẳng thể nào quên được. Chỉ mong sao ngài Tổng Đốc để ý hỗ trợ dùm vị Hoàng Thượng đó nhiều hơn cho.

Nói đoạn quay hẳn về phía Thuyên, vòng tay xá một cái thật dài. Thuyên vội vàng hồi lễ và trân trọng thưa:

- Vương gia hãy yên tâm. Đạo thần tử, há lại dám bất trung với đức Hoàng Thượng? Song xem ra bệnh tình của Vương gia đâu có gì gọi là nguy hiểm?

Hai mắt Vương lúc đó nhìn không còn được rõ nữa, chỉ rần thì thảo giọng nói:

- Tôi mong được gặp Hoàng Thượng một lần cuối lắm!

Lý Thiểu Nguyên nghe được, đoán biết ý người đỡ đầu của mình muốn gặp mặt con lắm. Bởi vậy ngay sáng sớm ngày hôm sau. Thuyên vào triều tâu lên:

- Thân vương Dịch Hoàn bệnh nguy, có ý muốn được gặp mặt đức Kim-thượng một lần cuối. Bản tính nổi tiếng chí hiếu, lại biết thân phụ bệnh tình trầm trọng, ý hẳn đức Kim-thượng trong lòng cũng khắc khoải nhớ nhung lo lắng. Vậy ngưỡng mong cầu xin Hoàng thái hậu nghĩ tình cha con nghĩa nặng mà cho gặp mặt nhau một lần.

Từ Hi thái hậu xem xong tờ sớ, lập tức truyền bày xa giá, đem vua Quang Tự cùng tới vương phủ, thăm bệnh Thuần thân vương. Khi phượng giá, long xa tới nơi, giữa lúc Hoàn thần trí mơ hồ nửa tỉnh, nhưng vừa trông thấy mặt vua Quang Tự, Thân vương Dịch Hoàn bỗng tỉnh táo lại ngay, vội tụt xuống chân giường, bò mọp dưới đất dập đầu kiến giá. Thực phụ tử tình thâm! Dù con ruột hay con nuôi. Danh nghĩa đã an bài. Tình thương thực sự theo năm tháng đã thể hiện. Quang Tự hoàng đế tuy tuổi còn nhỏ, nhưng khi thấy cha già bệnh nặng, ốm o gầy mòn mà còn hành đại lễ trước mình, bỗng rưng rưng giọt lệ, vội chạy tới đỡ cha, khiến nội giám hai bên phải bước vào trợ lực, dìu vương đặt nằm lại trên giường. Cha con cứ quấn luyến mãi không rời nhau, cho đến khi lệnh Thái Hậu truyền giá hồi cung. Quang Tự hoàng đế còn sai nội giám đem mười

cần nhân sâm, một ngàn lượng vàng gói về cho cha già trị bệnh.

Trong nha môn viên Tổng đốc thân hữu với Thuần thân vương hồi đó có đãi ngộ một vị Thu-Khải sư gia rất giỏi nghề thuốc. Trong nhà quan Tổng đốc nhiều người đau ốm nặng, đều do một tay lão sư gia này trông coi thuốc thang và trị khỏi hẳn bệnh. Thành thử lần này Tổng đốc liền đưa vị sư gia này tới vương phủ, để mong giúp một tay thuốc thang trị liệu. Nhưng khổ nỗi theo luật lệ Thanh cung thời đó, hễ đã có quan ngự y chữa trị rồi thì thôi, các y sư khác dù thần thông quảng đại tới đâu, y thuật cao minh đến chừng nào, cũng phải tránh ra ngay chẳng dám chần bệch hốt thuốc. Vì thế vị Thu Khải sư gia ở trong vương phủ mấy hôm chẳng có việc gì làm cả, nhưng cũng đã nhìn ra uẩn khúc che giấu bên trong, nhờ đã biết khi trước Thân thân vương mạnh khỏe vạm vỡ, uống thuốc nhà đã thuyên giảm ra sao, mà giờ đây uống mãi thuốc của viên ngự y lại trở nên ốm o gầy mòn, bệnh tình càng ngày càng trầm trọng. Chẳng những cách trị liệu của viên ngự y có vẻ kỳ lạ, kín đáo, mà phương thuốc cho uống hàng ngày cũng không để hở cho ai được biết. Cuối cùng một hôm khi viên ngự y vừa ra về chưa đầy một canh giờ, Thân vương Dịch Hoàn bỗng thổ huyết ra, kiệt sức xuôi tay. Vị Thu Khải sư gia chỉ kịp xác nhận cái chết, lúc được thân quyến vương gia liều vời vào cấp cứu, nhưng tuyệt nhiên không dám hở môi về nguyên nhân cái chết, không còn do nọc rắn nữa!

Ở trong cung, Quang Tự hoàng đế được tin cha từ trần, òa lên khóc lóc thảm thiết. Thái hậu Từ Hi liền sai Lý Liên Anh truyền dụ, khuyên can hoàng đế nên bớt buồn, bảo trọng long thể. Bà còn căn dặn thêm Long Dự hoàng hậu, tùy lúc an ủi khuyên lơn Ngài. Mặt khác bà hạ dụ phủ tuất, mở kho phát ra một vạn lượng để cử hành tang lễ cho Vương gia thật linh đình. Từ đó Từ Hi thái hậu trong lòng mới được yên, không còn lo ngại cựu Thân thân vương lợi dụng tình phụ tử với đương kim Hoàng đế, kết bè lập phái, qui tụ thế lực chốn quân cơ, để mưu triều đoạt vị. Và cũng từ khi ám toán được Dịch Hoàn, không chế được ông vua trẻ, quyền uy càng thêm vững mạnh, Từ Hi đâm ra tín nhiệm tên đạo sĩ Động Nguyên quá đổi. Bà đích thân hạ dụ phong cho Động Nguyên làm Tổng đạo giáo ty, song hành với Chính Ất chân nhân trên núi Long Hồ tỉnh Giang Tây. Bà còn bỏ ra một vạn lượng để giúp lão đạo sĩ này trùng tu Bạch Vân quán, tọa lạc bên ngoài Tây trực môn

thành Bắc Kinh, vốn là một ngôi miếu cũ, vắng vẻ quanh hiu. Biền quán treo ngoài cửa đã rơi rớt từ thuở nào. Các pho tượng Tiên, tượng Thánh thờ bên trong đã đổ ngã xiêu vẹo gần hết. Lúc nhận được tiền thường của Tây thái hậu, Động Nguyên đã dồn hết tâm lực mượn việc trùng tu đạo quán để hư trương thanh thế. Ý vào lệnh truyền của Thái hậu, sai phát tiền kho ra sửa miếu, Nguyên bèn mở cuộc lạc quyền trong hàng vương gia, đại thần. Thế là từ các thượng quan trong triều, đến các Ngài Tổng đốc, Tuần phủ địa phương, xuống tới bọn tiểu lại trong các phủ huyện, ông nào, thầy nào cũng phải lo một số tiền hiếu kính, để mong được y nói tốt cho mình trước mặt Thái Hậu! Chỉ cần dựa vào quyền uy là có thể kiểm ra tiền. Tiền tài sẽ xây dựng được thế lực. Rồi thế lực sẽ chi phối lại quyền hành. Để quyền thế phối hợp nhau tạo ra thêm của cải. Chỉ cần một lần đó thôi mà lão đạo sĩ đã quyền được tới sáu, bảy mươi vạn lượng bạc. Lúc khởi công dọn bỏ cột mục nát, tường xiêu, đắp lại nền cũ, mới thấy ngôi miếu trước đây quá nhỏ hẹp, đất đai vón vện chỉ có hai sào vườn. Nay Nguyên đã nắm trong tay số tiền lớn, dựa thêm quyền uy của Tây thái hậu, vừa đánh tiếng hăm dọa, vừa ngầm cưỡng ép, tự đặt ra giá đất, chỉ chi tiền vài ba chục quan cho tiền mua mỗi mẫu, trưng mua một lúc đến bốn, năm trăm mẫu ở chung quanh, gồm cả nhà cửa, vườn cây, rẫy cải, ao chuôm của quần chúng nghèo địa phương. Lân bang xóm giềng đồn đãi làm ai cũng sợ uy thế của lão đạo sĩ, chỉ tâu lên một lời đã khiến vị Thân vương, cha của đương kim Hoàng đế, tay nắm quân cơ, phải bị rần rần, bệnh hoạn đặng đặc cho đến chết. Cho nên ai cũng phải bấm bụng bán vội cho y, rồi diu dắt nhau tìm xứ khác làm ăn. Mua được đất rộng rồi, Động Nguyên cho phá hết những nếp nhà cũ, thiết kế lại toàn bộ công trình, xây cất lại tòa Bạch Vân quán mới thật đồ sộ vĩ đại. Bên ngoài chính điện, điện các cao ngất, rộng rãi thanh thang. Bên trong viên cảnh, đình đài xây ngang, cất dọc, quanh co suốt nước, ao hồ, nào cây kiểng, nào hoa thảo, phô hương, khoe sắc, xen kẽ xếp đặt rất là ngăn nắp sum xuê. Đứng từ cổng nhìn vào, ai nấy đều tấm tắc khen ngợi, miếu quán quả thật đồ sộ nguy nga.

Đến ngày công trình hoàn mãn. Động Nguyên đạo sĩ trình trọng áo mão vào thẳng nội đình, cung thỉnh Hoàng thái hậu giáng lâm thay đức Thánh mẫu Tiên nương khai quang khánh thành. Tây thái hậu vốn người

tín ngưỡng Phật Giáo, nhưng cũng trọng Lão, kính Tiên, nghe Động đạo sĩ cung kính thỉnh mời, lấy làm khoái thích hân diện lắm. Bà liền hạ dụ chọn ngày rằm thượng nguyên, thánh giá thân lâm đến hành hương Bạch Vân quán. Như vậy thanh thế của lão đạo sĩ trong căn miếu nhỏ nghèo nàn, đã phát huy lớn rộng theo với sự nguy nga đồ sộ của tòa Bạch Vân quán mới. Uy danh của Tổng đạo giáo ty cũng lan rộng khắp bốn phương theo chỉ dụ thân lâm chủ tọa lễ khánh thành của Tây thái hậu, cùng sự hiện diện của đủ mặt các vương công đại thần kéo theo cả đoàn gia quyến.

Nhưng khởi nguyên quyền uy do đâu mà có? nhất là ở trong tay một cô gái nghèo ít học, trú ngụ ở một địa phương hẻo lánh cách biệt quá xa kinh thành, mà gia thế cũng đang đọa thấp dưới tận vực sâu, làm sao ngoi lên đến địa vị bên cạnh Hoàng đế, đang ngồi ngưỡng trên đỉnh ngôi trời, với đầy đủ tam cung lục viện gồm nhiều giai nhân tài sắc vượt trội hơn.

Xuất thân từ một gia đình quá nghèo, có lúc cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, người con gái ấy tuy cũng thuộc dòng dõi Bát kỳ Mãn Thanh, nhưng vì người cha mất chức giám quản thương chánh một cửa khẩu nhỏ đã lâu. Cho đến lúc thân phụ mất, người con gái ấy không chạy đâu ra tiền để chuyển đưa linh cữu về Bắc Kinh chôn cất. May nhờ một công tử trẻ, con nhà phú thương, mê chút hương sắc của nàng, liều bị đòn bọng, lấy đại của cải trong nhà đem chu cấp. An táng cha xong gia đình phải ở lại kinh thành tìm kế sinh nhai. Nhờ bạn bè cũ giúp đỡ, Ngọc Lan, tên cô gái, còn được chiếc áo lành mặc ra đường và chút phần sáp trang điểm đến nhà người thân hỏi cách mưu sinh. Gặp đúng lúc Hiếu Trinh hoàng hậu phụng thừa tổ huấn, sai quan quân, nội giám lục tìm tú nữ Mãn tộc tiến cung, để cầm chân Hoàng đế Hàm Phong đang quá say mê đắm cung nữ người Hán. Mà các khuê nữ, con nhà khá giả, các tiểu thư con quan đều trốn biệt trong nhà, hoặc về quê lánh mặt. Nên họ ủa tới bắt luôn cô thiếu nữ xuân sắc đang thông thả lướt qua ngoài đường, đem tuốt vào cung cấm. Rồi nhờ tiếng hát được lòng vua và thủ thuật phong the giữ được chân vua một thời gian, cô tú nữ được phong làm Ý-Phi. Cuối cùng nhờ sinh con trai, mà được Hoàng đế sủng ái, để bắt đầu gây bè kết cánh, tạo thần thế, dựng uy quyền. Dù theo ngoại sử, Hoàng tử đó do một cung nữ người Hán bị thất sủng đã thai nghén, mà Ý-Phi đã khéo léo che giấu ở khu

Đông âm thâm xứ trong cấm cung, rồi nguy trang thành con đẻ của mình. Rồi khi thắng được cuộc tranh chấp quyền hành, đưa được con mình lên ngôi, tức Đông Trĩ hoàng đế và chiếm được địa vị Thái hậu thù liêm chính chính (buông rèm nghe và giải quyết việc triều chính) uy quyền ngày càng lớn mạnh. Từ Hi bắt đầu tác oai tác ác, lại luôn tìm mưu chước, suy tính thủ đoạn, dẹp tan mọi chướng ngại để có thể hưởng thụ cuộc sống buông thả sa đọa, sẵn sàng giết đuổi cả con ruột, ân nhân, tay chân giúp đỡ bà thu tóm quyền thế tột đỉnh và luôn cả bình phong nương tựa đã che chở bà khỏi mọi chống đối.

Cũng như các bạo chúa và những nhà độc tài xưa nay, Tây thái hậu bám giữ quyền hành rất lâu. Nhưng đời người khó có ai sống tới trăm tuổi. Dù đã tìm trăm phương thuốc, nghìn thức bổ dưỡng để duy trì xuân sắc, Từ Hi cũng tới lúc tuổi già sức yếu, người bà còn luôn cảm thấy khó ở vì bị thuốc phiện hành, bệnh tử nhẹ đã chuyển sang nặng, mà bà vẫn cố cưỡng lại vì vẫn cố bám giữ lấy quyền hành. Thiên hạ nhất là dân Hán và số đông người có thân nhân bị bà bách hại đều mòn mỏi trông chờ ngày bà bị quạ báo, nhưng họ lại mau già hơn và lại lần lượt chết trước bà. Trong khi bà vẫn kiên trì chờ cho mọi kẻ thù phải chết trước bà, kể cả những con cháu do bà đưa lên ngai vàng mà đã cả gan làm nghịch ý bà. Cho tới ngày sắp vào lòng đất, nửa mê nửa tỉnh, bà vẫn gắng gượng sai Long Dụ hoàng hậu qua xem tình trạng hấp hối của vua Quang Tự, đã bị bà giam tại Doanh đài cùng với Cần Phi, vì đã dám nghe theo Khang Hữu Vi thi hành tân chính, mong tước bớt quyền uy Thái hậu và diệt cự đảng. Qua được cơn hôn mê, vừa tỉnh, bà vẫn cố chấp thành kiến, truyền hạ chiếu lập vương tử Phổ Nghi, mới có 3 tuổi, cháu nội của em gái mình, tức Thái phúc tấn Thuần Vương, lên kế vị chú ruột Quang Tự, để mong còn cơ hội tiếp nhiệm quyền nhiếp chính. Mãi đến khi được tin Quang Tự hoàng đế băng hà, Tây thái hậu mới yên tâm, quay mình lại, nằm ngay ngắn trên giường, thở dài một tiếng rồi mê đi, lúc lâu mới tỉnh. Bà còn ráng chỉ phối việc tang lễ chôn cất vua Quang Tự, hỏi han nghi thức chính vị cho tân Hoàng đế Phổ Nghi. Dần dần thấy khó thở, bà mới chịu giao trọng-nhiệm nhiếp chính cho Thuần vương Tải Phong với sự kiểm soát bằng ý chỉ của Long Dụ hoàng hậu. Tây thái hậu còn muốn ra chỉ dụ nữa, nhưng đàm đã kéo ào lên cổ, khiến bà nghẹt thở, đầu

lưỡi cũng tự nhiên cứng lại. Nên lời nói đã trở thành ò ề, không còn nghe rõ nữa. Khiến bà tức tối trong lòng lắm, chỉ thấy hai tay bà nắm lại, rồi cứ mặt giường mà nện xuống thình thình. Tình trạng đó kéo dài rất lâu, mọi người bỗng thấy Thái hậu co giò, uốn ngực, tung bỗng người lên khỏi mặt giường, đôi mắt trợn trừng, trông đáng sợ vô cùng đáng sợ. Long Dụ hoàng hậu đã hợp lực với bọn Thái giám bốn người cố ôm giữ lấy bà, vậy mà Tây thái hậu vẫn nhảy cồm lên được. Bà lắc bên này, bà nẩy bên kia, bà tung người lên, bà vịn mình xuống, chẳng khác nào đang bị hàng chục oan hồn uống tử vây bầu vào đòi mạng, nhìn lâu càng giống con khi già vẩy vũng, cựa quậy mong thoát khỏi cuộn dây trói chặt, khi nhát dao đồ tể bổ xuống. Bà giãy giụa một lúc lâu như có muốn ngàn con giò đang đục khoét trong ngực, hàng vạn con rít đục đang cấu xé ruột gan bà, đau đớn thật khủng khiếp không thể chịu nổi, nằm không yên mà ngồi lên cũng không được, chỉ muốn đấm đập, tung nẩy. Nhưng phải có quá nhiều người trì kéo, đè chặt nên bà khó bề cựa quậy nổi, càng lúc càng hết sức kiệt lực, đành duỗi thẳng đôi chân ra, từ từ im lặng. Mà chỉ được ít phút, khi đám người hầu mới một hơi lỏng tay ôm, bà lại quặn người lên, để rồi đập cái thân hình già cỗi xuống giường liên tiếp mấy lần nữa như con trùng bị rớt vào bãi vôi. Tới lúc hoàn toàn kiệt lực, bà mới chịu xuôi tay nhắm nghiền đôi mắt, để thu hết tàn lực duỗi chân tổng nốt cái hõn đầy thủ đoạn nham hiểm ra khỏi cái xác xanh mét đang từ từ biến màu tím đen do nghiệt căn của nha phiến !

Một kiếp người lừng lẫy, uy quyền nghiêng trời lệch đất, phú quý vinh hoa tột đỉnh, khuynh đảo nội chính trải mấy triều, xác người lóat dưới chân đi, rớt cuộc kết liễu bằng sự dần vật kinh dị, rồi đây sẽ kéo theo sự suy tàn của một dòng tộc và sự sụp đổ của một triều đại !

Lòng tham quyền thế, tiền của, giàu sang tiềm ẩn bên trong con người, cũng đâu có khác chi độc trùng, độc xà tìm những khe hở, lỗ mọt và bọng cây để đào hang làm tổ. Cây càng to, càng sống lâu, cổ thụ, bọng cây càng lớn, hang ổ càng rộng, càng nhiều ngóc ngách, đàn rắn càng lớn mạnh, càng sinh sôi nảy nở. Chỉ khi nào cây to bị đốn ngã, rắn độc ẩn núp trong đó mới bị đập chết. Nhưng vẫn còn nhiều con rắn trong đàn lẫn lách thoát ra tứ phía, chạy tìm những hang ổ, bọng cây mới để ẩn núp. •

Dậu Ngọ Mão Tý **Dậu** Ngọ Mão Tý **Dậu**
 Vậy ngày 1-3-1932 là ngày **Tân Dậu** và ngày 30-4-1932 cũng là ngày **Tân Dậu** (mục #4).

- Kể từ ngày **30-4** ta đếm tới ngày 11 tháng 5 thấy thêm **11** bước. Vậy trên các vòng **Can** và **Chi** ta đếm thêm **11** bước kể từ chữ **Tân Dậu** :

30/4 1/5 2/5 3/5 4/5 5/5 6/5 7/5 8/5 9/5 10/5 11/5 .
 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11

Tân Nhâm Quý Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân **Nhâm**
 Dậu Tuất Hợi Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi **Thân**

Kết quả : Ngày 11-5-1932 là ngày Nhâm Thân.

2/ Tìm tên âm lịch ngày 6-9-1946 .

- Lấy số **46** chia cho 4 được **11** còn dư **2** (giống năm 1902), ta chọn vòng số dư 2 tức vòng có 4 chữ **Mùi**, Thìn, Sửu, Tuất. Việc đếm bước bắt đầu bằng hai chữ **Quý Mùi**

- Đếm trên vòng **Can** thêm **11** bước kể từ chữ **Quý** và đếm trên vòng **Dư** cũng thêm **11** bước kể từ chữ **Mùi** :

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11
 Quý Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý Giáp
 Mùi Thìn Sửu Tuất Mùi Thìn Sửu Tuất Mùi Thìn Sửu Tuất

Vậy ngày 1-3-1946 và ngày 28-8-1946 cũng là ngày

Giáp Tuất (mục #4).

- Kể từ ngày 28-8 đếm tới ngày 6-9 theo vòng Can và vòng Chi ta sẽ được :

28/8 29/8 30/8 31/8 1/9 2/9 3/9 4/9 5/9 6/9
 Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý
 Tuất Hợi Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi

Kết quả ngày 6-9-1946 là ngày Quý Mùi.

3/ Tìm tên âm lịch ngày 26-2-1972 .

Với thí dụ này ta không tìm ngày 1-3-1972 mà tìm ngày 1-3-1971 bởi vì ngày 26-2-1972 ở trước ngày 1-3-1972 . Việc tính luôn luôn kể từ ngày 1-3 trở đi của mỗi năm.

- Lấy số 71 chia cho 4 được 17 còn dư 3. Ta chọn vòng dư 3 (có 4 chữ Tý, Dậu, Ngọ, Mão) và bắt đầu bằng 2 chữ Mậu Tý để đếm thêm 17 bước:

1 2 3 16 17
 Mậu Kỷ Canh Tân Giáp Ất
 Tý Dậu Ngọ Mão Tý Dậu

Như thế, ngày 1-3-1971 là ngày Ất Dậu . Ta cũng biết ngày 24-2-1972 là ngày Ất Dậu (mục #4) nên :

24/2 25/2 26/2

Ất Bính Đinh
 Dậu Tuất Hợi

Kết quả ngày 26-2-1972 là ngày Đinh Hợi .

4/ Tìm tên ngày 31-10-2000 .

- Vì số 2000 lớn hơn 1980 nên lấy 2000 trừ đi 80 thành 1920. Vậy ta lấy số 20 chia cho 4 được 5 còn dư 0. Ta chọn vòng dư 0 (có 4 chữ Dậu, Ngọ Mão, Tý). Bắt đầu đếm từ 2 chữ Quý Dậu như năm 1900 (mục #2).

1 2 3 4 5
 Quý Giáp Ất Bính Đinh Mậu
 Dậu Ngọ Mão Tý Dậu Ngọ

Ngày 1-3-1920 hay 1-3-2000 hoặc 27-10-2000 cùng là ngày Mậu Ngọ (mục #4) .

- Ta dùng vòng Can và vòng Chi đếm từ ngày 27-10 tới ngày 31-10 :

27/10 28/10 29/10 30/10 31/10

Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm
 Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất

Kết quả ngày 31-10-2000 là ngày Nhâm Tuất.

(Vu Lan Canh Thìn)

Đêm xuân sang

Viết cho "Giác Mộng Phù Sinh" (*)



*Nàng là ai mà giống như "người ấy"
 Nặng nợ phong ba, "chẳng mấy yên lành ?"
 Như Quỳnh Hoa, tình đầu nát tan tàn...
 Mà năm tháng hương tình còn quanh quẩn...*

*Tình đẹp để đã để đời dấu ấn...
 Dấu muốn quên mà chẳng thể nào quên...
 Dấu có là Tu Sĩ hay Vĩ Nhân,
 Thì tình ấy vẫn nằm trong sâu thẳm !*

*Ói! Viết làm sao một thời mộng đắm
 Một tình yêu cao đẹp và trắng trong ?
 Nụ hôn đầu đời... rung cảm mệnh mỏng...
 Dấu hóa đá tình vẫn còn ứa lệ !*

*Dấu biết rằng đời phù du trần thế,
 Mà con tìm có chịu nằm yên đâu ?
 Vướng vào yêu là vướng phải lưới sầu...
 Mà nhân thế... Mấy ai người chẳng vướng ???*

*Thiên kỷ mới ghi nổi sầu tâm tưởng,
 Để cho đời, cho cuộc thế mai sau,
 Để vấn vương "thao thức cuộc tình mau" (*)
 Cho thi sĩ viết thơ tình thốn thức ...*

*Đêm Xuân sang nghe thơ về... tình giấc,
 "Giác mộng phù sinh" (*) ... như thức như mơ...
 Nghe đâu đây tiếng sóng lẫn gió bờ...
 Hồn thơ thán... ngó Xuân về trước ngõ ...*

● **Trần Kim Lan**

(*) Thơ của Tuy Anh
 trong "Khúc Hát Tiêu Dao"

Vận mệnh chúng ta trong năm RẮN VÀNG TÂN TÝ (24.01.2001 - 11.02.2002)



Ngô Quốc Phong

Thường thường khi năm hết Tết đến, trong thời gian chuẩn bị đón mừng năm mới, hầu như ai trong chúng ta cũng thắc mắc là năm mới thuận lợi nhiều ít thế nào cho mình về những phương diện khác nhau: công danh sự nghiệp, tiền bạc, gia đạo, sức khỏe v.v... Theo nhu cầu riêng của từng cá nhân, người thì cần phú, người cần quý, có người cầu danh vọng, người cầu gia đạo an vui hạnh phúc..., nhưng chắc chắn ai trong chúng ta cũng ý thức được rằng sức khỏe là vàng, và đều mong ước có sức khỏe tốt, không bị đau yếu bệnh hoạn. Người giàu nứt đố đổ vách mà cứ ra vào nhà thương như đi chợ, nay mổ, mai xẻ, người thì quyền cao chức trọng mà năm ngày thì lại ba tật, ăn không ngon ngủ chẳng yên, thì giàu sang quyền quý chắc chắn không phải là nguồn hạnh phúc chính yếu. Khi phải chọn lựa một trong hai điều sau đây: giàu có nhưng quanh năm đau yếu quặt quẹo, và nghèo nhưng khung kiện vô bệnh tật, thì chắc chắn chúng ta sẽ không do dự mà chọn ngay điều thứ hai. Tại sao? Lê dễ hiểu là ai cũng biết ngọc ngà châu báu không mua được sức khỏe, trong khi một người khỏe mạnh có thể cần cù làm việc để tạo phú quý cho mình được.

Như vậy, thắc mắc thông thường của chúng ta là năm mới Tân Tý có ảnh hưởng tới sức khỏe, và vận mệnh của chúng ta như thế nào. Căn cứ vào sự tương sinh, tương hòa, tương khắc của ngũ hành, tức là ngũ tạng trong cơ thể con người (Tâm=Hỏa, Can=Mộc, Tì=Thổ, Phế=Kim, Thận=Thủy), và Âm-Dương tiêu trưởng (được trình bày nhiều lần trong những bài giải luận

trước đây trên tạp chí này), ta có thể phân tích như sau:

Vi Tân Tý, là Bạch Lạp-Kim (âm), nên sẽ gây ảnh hưởng thuận lợi hoặc bất thuận lợi cho các hành khác như thế nào? Ta cùng nhau duyệt qua từng hành khác nhau ở những đoạn dưới đây

1. Kim mệnh: Những người mệnh Kim lại gặp năm Kim là ở thế tương hòa, và cho ta thấy chủ đề của người mệnh Kim trong năm nay (năm Âm Kim) là tăng gia, bành trướng, phát triển về những phương diện khác nhau như công danh sự nghiệp, kế hoạch, toan tính, gia đình thêm người do cưới hỏi, sinh nở, nhận con nuôi/con đỡ đầu, thêm người đến ở chung nhà, thêm cộng sự viên hoặc thêm cổ đông chung góp vốn làm ăn. Nói một cách khác, cái gì có sẵn nay nở rộng, phát triển hơn lên. Có thể có những vui mừng mới, sinh ý hưng long, vượng khí gia tăng. Tuy nhiên, nên chú trọng tới sức khỏe, vì sẽ có thể có những phiền phức từ nhẹ tới mức nghiêm trọng tại bộ phận tiêu hóa gồm lá lách, bao tử, nhẹ có thể là bệnh tiểu đường mới phát, lở loét bao tử. Cũng cần chú ý tới gan và mật, từ đó phát sinh ra những bệnh nhẹ như mụn ngứa sài lác ngoài da, viêm gan loại A sùng/nguyệt đường dẫn mật, sạn túi mật, và ở mức nguy hiểm như viêm gan loại B/C/D, ung thư gan, mật.

Những người bệnh Dương Kim được ảnh hưởng thuận lợi hơn người Âm Kim, và là những người sinh trong những năm tính từ 1924 đến nay: Giáp-Tý (1924 & 1984), Nhâm-Thân (1932 & 1992), Canh-Thìn (1940), Giáp-Ngo (1954), Nhâm-Dần (1962), Canh-Tuất (1970). Tuổi Âm Kim được ít ảnh hưởng thuận lợi hơn từ Bạch-Lạp-Kim Âm của năm Tân-Tý gồm Ất-Sửu (1925 & 1985), Quý-Dậu (1933 & 1993), Tân-Tý (1941), Ất-Mùi (1955), Quý-Mão (1963), và Tân-Hợi (1971). Vì ở thế tương hòa với hành của năm nay, nên những người mệnh Kim có thể vui trong ý nghĩ là năm nay sẽ có những dễ dàng, nhẹ nhàng, thuận lợi cho sự khuếch trương, gia tăng, phát triển về những lãnh vực khác nhau: tình cảm, sự nghiệp, gia đình, con cái, lợi tức đầu tư, hay nói một cách nôm na là thêm người thêm của, thêm phần khởi trong năm nay. Ngoài ra, nếu có muốn biết thêm chi tiết là lợi cho những ai trong gia đình, tốt về phương diện gì v.v..., thì ta lại cần phải biết niên hạn của mỗi tuổi đóng tại cung số nào, với những cát tinh phù trợ nhiều/ít về phương diện gì, hoặc các hung tinh thuộc loại nào phá cách tốt và gây những thiệt hại gì, những ngôi sao đóng tại chính cung và tử tam

phương chiếu về lành/dữ ra sao. Vì vậy nên chỉ khi nào có thêm những dữ kiện cần thiết là tháng, ngày, giờ sinh và nơi sinh, ta mới có thể biết được những chi tiết tỉ mỉ, và lúc đó sự chính xác cũng tăng lên rất nhiều.

2. Thủy mệnh: Những người mệnh Thủy gặp năm Kim (Kim sinh Thủy, và Thủy được sinh nhập) là thấy rõ ràng chủ đề của mình trong năm mới Tân-Tý là sự sinh sôi nảy nở, tăng cường, tiến triển. Công danh tiền bạc thăng tiến và vững chắc hơn nhờ may mắn có quý nhân phù trợ, nhiều điều nhẹ nhàng dễ chịu hơn về tài lộc. Những kế hoạch toan tính mới sẽ gặp may lành suông sẽ dễ để đạt thắng lợi. Tuy sức khỏe tổng quát là tốt, nhưng ta cũng nên thận trọng, đặc biệt tới những rắc rối có liên quan đến tim và động mạch (cardio-vascular), và bệnh về ruột non (tiểu tràng).

Được ảnh hưởng thuận lợi về phương diện Ngũ hành từ Âm Kim của năm nay là những tuổi Âm Thủy, tính từ năm 1924 đến năm 2000 gồm: Đinh-Sửu (1937 & 1997), Ất-Dậu (1945), Quý-Tý (1953), Đinh-Mùi (1967), Ất-Mão (1975), và Quý-Hợi (1983 & 1923).

Thế nhưng những tuổi Dương Thủy được nhiều ảnh hưởng thuận lợi hơn từ Âm Kim của năm nay gồm: Bính-Tý (1936 & 1996), Giáp-Thân (1944), Nhâm-Thìn (1952), Bính-Ngo (1966), Giáp-Dần (1974), và Nhâm-Tuất (1982 & 1922).

Vì không có những chi tiết cần thiết khác là tháng, ngày, giờ sinh và nơi sinh của những tuổi trên, nên khó mà khẳng định được rõ ràng điều tốt hay thuận lợi thuộc khía cạnh nào và ứng cho những ai trong gia đình. Tuy nhiên, những người mệnh Thủy, nhất là Dương Thủy, sẽ cảm thấy vui thích vì được sinh nhập từ Âm Kim của năm nay, nghĩa là được làm cho vượng mệnh, và những thuận lợi hoặc may lành trong năm mới có thể là sức khỏe tốt hơn, gia đạo an bình, hạnh phúc, công danh thăng tiến, tiền bạc hanh thông tích tụ, tùy theo niên hạn đi tới cung số nào, được những sao tốt làm lợi về những phương diện gì trong niên hạn. Vì được sinh nhập, nghĩa là có lợi về ngũ hành, những người mệnh Thủy sẽ được thêm ít nhiều phần thuận lợi, và giảm bớt phần nào những bất lợi trong năm mới Tân-Tý (2001).

Mặc dầu được hưởng lợi từ Âm Kim của Rắn Vàng Tân-Tý, những người mệnh Thủy, nhất là Dương Thủy, vẫn phải lưu tâm đề phòng những rắc rối, khó chịu do bệnh hoạn gây ra trong năm 2001. Đáng lo ngại nhiều là:

- Những trục trặc liên quan đến tim và động mạch, ruột non, gan, mật nhẹ hay nặng tùy theo từng lá số cá nhân.

- Về đường tình cảm có nét không được như ý, trục trặc, chậm trễ.
- Bị trách oán, than phiền, thị phi, cò bót công môn, thua kiện tranh chấp.
- Phiền lụy, rắc rối về xe cộ, gồm cả đưng xe.
- Tại nhà ở hay nơi làm việc có nét úng thủy: nhiều nước ứ đọng trong nhà hoặc do mái dột, lụt lội, hoặc do ống cống, ống nước bị vỡ. Nếu không bị úng thủy thì bị mối mọt xông.

3. Thổ mệnh: Vì Thổ sinh Kim nên người mệnh Thổ năm nay bị sinh xuất nghĩa là bị thiệt thòi, tiêu hao, suy nhược. Vì chủ đề là "suy vi, hao tán" nên người mệnh Thổ cần gia tăng sự thận trọng trong mọi công việc, mọi dự tính, ngõ hầu giảm thiểu được những khiếm khuyết, thiệt thòi, hao hụt. Cần lưu tâm nhiều đến sức khỏe, nhất là đến bộ phận tiêu hóa, và những trục trặc, rắc rối từ tụy tạng (lá lách), gan, mật và bao tử.

Những người Dương Thổ chịu ảnh hưởng bất lợi nhiều hơn những người Âm Thổ, và gồm những tuổi: Canh-Ngọ (1930 & 1990), Mậu-Dần (1938), Bính-Tuất (1946), Canh-Tý (1960), Mậu-Thân (1968), Bính-Thìn (1976). Âm Thổ chịu ảnh hưởng bất lợi nhẹ hơn gồm những tuổi: Tân-Mùi (1931-1991), Kỷ-Mão (1939), Đinh-Hợi (1947), Tân-Sửu (1961), Kỷ-Dậu (1969), Đinh-Tý (1977). Những nét suy hao, thiệt thòi của những người mệnh Thổ trong năm Tân-Tý được hiểu là ứng về những phương diện sau:

- Gia đình phân tán, chia phối vì bất hòa hoặc vì công việc làm ăn, hay con cái đi học, đi làm xa.
- Sức khỏe suy yếu, bệnh tật do bộ phận tiêu hóa, nhất là tụy tạng (lá lách=pancreas), bao tử, từ mức chữa được như viêm lá lách, bệnh tiểu đường nhẹ, viêm/loét bao tử..., cho đến mức nguy cơ hơn như tiểu đường mức nặng dễ gây stroke trên não, ung thư lá lách, ung thư hay ung thư bao tử.
- Về đường công danh sự nghiệp có nét trắc trở, bất ổn, nhiều lo âu về mức đầu tư hoặc tài chính, tiền bạc thất thoát: kiếm vào thì ít, tiêu ra thì nhiều. Về họa: bị lợi dụng bòn rút, bị lừa gạt, nếu không cũng bị hiểu lầm là dối trá, lừa gạt người, tai nạn xe cộ có thương tích, giải phẫu. Tóm lại, sự tốt có tới cũng ít hơn mức kỳ vọng, mà điều xấu thì lại xấu hơn mức tiên liệu.

4. Hòa mệnh: Kim vượng thì Hòa tù, nghĩa là do Âm Kim của năm Tân-Tý nên những người tuổi Hòa, nhất là Dương Hòa, sẽ bị những ảnh hưởng không mấy thuận lợi là suy nhược về sức khỏe, mệt mỏi tinh thần, lo âu trong mọi công việc, kế hoạch, toan tính, vì sẽ có những trở ngại, chậm trễ.

Những tuổi Âm Hòa bị ảnh hưởng bất lợi ít hơn Dương Hòa, gồm: Đinh-Mão (1927 & 1987), Ất-Hợi (1935 & 1995), Kỷ-Sửu (1949), Đinh-Dậu (1957), Ất-Tý (1965) và Kỷ-Mùi (1979). Còn Dương Hòa thì gồm: Bính-Dần (1926 & 1986), Giáp Tuất (1934 & 1994), Mậu-Tý (1948), Bính-Thân (1956), Giáp-Thìn (1964) và Mậu-Ngọ (1978).

Về đường công danh, tiền bạc, những tuổi kể trên đều có một nét bất lợi giống nhau là suy giảm, chậm trễ, trở ngại. Điều nên nhớ là Dương Hòa bị nhiều bất lợi hơn Âm Hòa. Nỗ lực tối đa đổ ra rồi chỉ nhận được phần đền bù đạm bạc, ít ỏi. Tiền bạc vào khó, ra dễ, thu ít hơn chi. Nếu mức thu hoạch có khả quan, thì cũng vẫn còn ít hơn muốn và nỗ lực, công sức đổ ra.

Về bệnh họa, cần lưu tâm đến:

- Bệnh liên quan đến tim và hệ thống máu huyết, ruột non, từ mức nhẹ, như tức ngực, bệnh về van tim (valvular disease), viêm ruột non, đến mức nguy hiểm tới tính mạng, như viêm tim, tim không chịu làm việc/đập (heart failure), lồng hoặc ung thư ruột non.
- Bộ phận hô hấp, nhất là phổi và ruột già (colon), từ mức rắc rối nhỏ như bị dị ứng về hô hấp, bị cảm phổi, ho lâu khỏi, bị tiêu chày, có bướu (polyps) lành trong ruột, tới mức nghiêm trọng như ung thư phổi, sung cứng phổi, ung thư ruột già.
- Gan và mật có thể gây phiền nhiễu, rắc rối, từ những bệnh nhẹ tới bệnh cần cấp cứu.
- Họa về thị phi, khẩu thiệt, tranh chấp trong/ngoài gia đình, bị lợi dụng, lừa gạt (tiền bạc, tình cảm).
- Họa về lửa điện, súng đạn, giải phẫu, té ngã, tai nạn dọc đường.

5. Mộc mệnh: Hành bị nhiều thiệt thòi, bất lợi hơn cả vì Âm Kim của Rắn Vàng Tân-Tý là hành Mộc, mà Dương Mộc chịu nhiều thiệt thòi hơn Âm Mộc. Sự bất lợi vì bị khắc nhập thường cũng là sự suy nhược về sức khỏe, thiệt thòi về công danh, sự nghiệp có nét suy thoái có thể tới mức bế tắc, vì vậy tiền bạc cũng túng hụt, nhiều lo âu buồn phiền, gia đạo mất an bình, giao dịch ít hanh thông thắng lợi, bệnh họa dễ tới, có thân nhân gần đau nặng hay bị giải phẫu, trong dòng họ có tang chế. Cần thận trọng về mọi phương diện để cố gắng giảm thiểu phần nào nét không vui, và mức tổn thất, rủi ro, mất mát có thể là trầm trọng.

Về bệnh, từ:

- Bộ phận tiêu hóa, nhất là gan và mật. Nhẹ là bị mẩn ngứa ngoài da, viêm gan loại A, sung mật, nghẹt ống dẫn mật, sạn túi mật... nghĩa là những bệnh thuộc loại chữa được. Nặng có thể gây tử vong là viêm gan loại B, C, D, cirrhosis, ung thư gan.

- Tim & động mạch (cardio-vascular), ruột non, dễ gây rắc rối từ mức nhẹ tới nghiêm trọng, tùy từng lá số tử-vi cá nhân.

- Tuổi ngũ tuần, nữ giới có thể bị phiền lụy về bộ phận sinh sản, nam giới cần lưu tâm đến nhiếp hộ tuyến (prostate). Về họa, rất cần đề phòng:

- Vạ miệng có thể trở thành khâu nghiệp, sinh thù oán, tranh chấp, thua kiện.

- Chấn động cơ thể gồm té ngã nặng, bị vật gì rơi, bay, đổ dè vào người gây thương tích nghiêm trọng, bị hành hung, va chạm xe cộ, giải phẫu.

- Liên quan tới cò bót công môn, giam cầm bắt giữ vì vi phạm luật về rượu.

Nên nhớ Âm Mộc bị nhẹ hơn Dương Mộc, gồm: Kỷ-Tý (1929 & 1989), Quý-Mùi (1943), Tân-Mão (1951), Kỷ-Hợi (1959), Quý-Sửu (1973) và Tân-Dậu (1981 & 1921).

Dương Mộc gồm những tuổi Mậu-Thìn (1928 & 1988), Nhâm-Ngọ (1942), Canh-Dần (1950), Mậu-Tuất (1958), Nhâm-Tý (1972, và Canh-Thân (1980 & 1920).

Ngoài ra, nếu luận về khía cạnh thiên khắc, địa xung, ta thấy Rắn Vàng Tân-Tý còn gây nhiều bất lợi cho tuổi Ất-Hợi, vì tuổi này và năm Tân-Tý, khắc nhau cả Can lẫn Chi: Tân khắc Ất, và Hợi khắc Tý (nghĩa là bị thiên khắc, địa xung). Do đó, tuổi Ất-Hợi càng nên nhớ đến phần bất lợi này mà mình phải gánh chịu để gia tăng sự thận trọng trong những kế hoạch, toan tính trừ liệu, khả dĩ chống đỡ được phần nào những bất lợi, khó khăn về mọi mặt.

Vì chỉ lấy hành Kim của năm nay để suy luận với ngũ hành của bản mệnh chúng ta, qua luật tương sinh/ tương khắc về ngũ hành, Âm-Dương tương trợ về sức thu hút và xua đẩy của chúng, ngũ tạng tương trợ cho ngũ hành trong cơ thể con người, nên người viết không thể luận tỉ mỉ vào những trường hợp cá nhân về vận mệnh của từng tuổi. Để có thể đi vào chi tiết mong muốn, nhà nghiên cứu âm dương lý số nào cũng phải cần đến **năm yếu tố căn bản**, đánh dấu sự "vào đời" hay "nhập thế" của một cá nhân. Đó là *năm, tháng, ngày, giờ sinh và nơi sinh*.

Chúng tôi, toàn thể văn phòng Tử Vi & Địa Lý Phong Thủy Dương Trạch, xin kính chúc quý vị độc giả, thân hữu, thân chủ, học viên cũ/mới và bảo quyến :

**Một năm Tân-Tý
khang an, vạn phúc,
lộc thọ song toàn**

NGÔ QUỐC PHONG
14515 Cardinal Creek Ct
Houston, Texas 77062
(281) 488-7550

Năm Ty nói chuyện Rắn



(từ 24-01-2001 đến 11-01-2002)

(Trích dẫn tác phẩm *Tim Hiểu Tử Vi Đẩu Số Và Địa Lý* của Gs Nguyễn-Phú-Thứ)

Hàng năm có một con vật cầm tinh, sau năm **Canh Thìn 2000** thật đặc biệt chấm dứt **23-01-2001**, thì quý bà con đồng hương mình lại sửa soạn đón mừng năm **Tân Ty** sắp đến, từ **24-01-2001** đến **11-02-2002**, năm nay thuộc **Âm** tức là năm **Nàng Bạch Xà** xuất hiện, căn cứ theo **ngũ hành**, thì năm **Tân Ty** thuộc mạng **Bạch Lạp Kim**, có nghĩa là **Vàng trong đèn cày trắng** (quý bà con ở **Miền Bắc** gọi là: "**Vàng trong nền trắng**"), tức mạng **Kim**, chữ **Tân** là **Can** tức **Trời** hay **Dương** cũng thuộc mạng **Kim** và chữ **Ty** là **Chi** tức **Đất** hay **Âm** thuộc mạng **Hỏa**. Do vậy, nếu chúng ta tính theo luật **thuận hợp** hay **khắc kỵ** của **ngũ hành**, thì mạng **Hỏa** khắc mạng **Kim** (**Hỏa** được khắc xuất, **Kim** bị khắc nhập), cho nên **Chi** tức **Đất** hay **Âm** khắc **Can** tức **Trời** hay **Dương**. Vì vậy, năm nay hoặc là người có tuổi này tổng quát xem như thăng trầm bất thường, cuộc sống bất an, long đong, lận đận, dù có cố gắng cũng khó thành đạt như ý.

Căn cứ theo **Niên Lịch Cổ Truyền Á Đông** xuất hiện được minh định quảng bá từ năm **61** của đời **Hoàng Đế** bên **Tàu**, bắt đầu năm **2637** trước **Công Nguyên**, cho nên chúng ta lấy $2637 + 2001 = 4638$, rồi đem chia cho **60** năm, thì có kết quả **Vận Niên Lục Giáp** thứ **78** bắt đầu từ năm **1984** đến năm **2043**. Do vậy, năm **Tân Ty 2001** này là năm thứ **18** của **Vận Niên Lục Giáp 78**.

Trong dân gian người ta thường nói: "**Vẽ Rồng Vẽ Rắn**" là để chỉ những nét vẽ tự ý, muốn vẽ thế nào cũng được, vẽ không cần kiểu mẫu, không khác con **rắn** bò chạy quanh. Lời nói cũng vậy, nếu ai nói ngụy biện, thêm bớt, không có căn cứ, thì người ta cũng cho người đó là: "**Nói Rồng nói Rắn**".

Khi nói đến loài **rắn**, ngoài chữ **Ty** ra, còn có tên khác nữa. Đó là **Xà** cũng có ý nghĩa là **rắn**, ví như loài **Bạch Hoa Xà** = Rắn Mái Gầm; **Mãng Xà** = Rắn lớn có bông hoa; **Xà bì** = Da rắn; **Dẫn xà nhập huyết** = Đem rắn vào hang (ý nghĩa rước đũa dữ về nhà, chỉ mạch máu cho nó); **Hoa xà thêm túc** = Vẽ rắn thêm chân (ý nghĩa tự mình đặt để, thêm bớt chuyện); **Chạy đàng xà** = Chạy vòng quanh, vòng lộn như rắn bò.

Ngoài ra, chữ **xà** cũng chỉ lớn hay to con nữa, cho nên chúng ta lại thấy **cá xà** là để chỉ con **cá mập**.

Trở lại chữ **Ty** cũng chỉ rắn. Đó là **Ty** là một con vật đứng hàng thứ 6 của 12 con vật trong **Thập Nhị Địa Chi** và trong tiếng Pháp thường dùng là **le serpent** n.m = Con Rắn; **Giờ Ty** = là giờ **từ 9 giờ sáng đến 11 giờ trưa** và **Tháng Ty** = là **tháng tư** của năm **âm lịch**.

Rắn là loại trùng độc, mình dài không có chân hay uốn xương sống mà bò, khó khiến dạy. Ví như những họ hàng nhà rắn độc sau đây:

Rắn hổ = là thứ rắn độc lớn con.

Rắn hổ đất = là thứ rắn hổ độc có màu đen sẫm như **màu đất**, cho nên có tên **rắn hổ đất** để phân biệt các rắn hổ khác.

Rắn hổ ba khoang = cũng là thứ rắn hổ màu đất, nhưng nó có ba khoang.

Rắn hổ ngựa = là thứ rắn hổ, nhưng nó chạy mau như **ngựa**, thường ở trong bụi rậm hay rượt người ta, cho nên có tên **rắn hổ ngựa**.

Rắn hổ mây = là thứ rắn có vảy lớn, màu đen trắng lẫn lộn, giống da trái mây, cho nên mới có tên **rắn hổ mây**.

Rắn hổ hành = là thứ rắn có vảy màu hơi xanh; nó rất hôi hành, cho nên mới có tên **rắn hổ hành**, loại rắn này ban đêm thường đến những chuồng **Gà Vịt** cận kề nhà để bắt ăn.

Rắn hổ chuối = là thứ rắn có vảy màu xám.

Rắn hổ mang = là thứ rắn độc hay ở khe suối, khi gặp người hay thú vật khác, nó phùng mang ngẩng đầu cao phóng tới, cho nên mới có tên **rắn hổ mang**. Loại rắn này thường thấy nhiều ở nước **Ấn Độ** v.v...

Ngoài những loại **rắn hổ** vừa kể trên, chúng ta còn có thấy những loại rắn khác nữa như sau đây:

Rắn mái gầm = là thứ rắn độc, mình nó giẹp và có hoa, cho nên người xưa thường gọi là **Bạch Hoa Xà**.

Rắn râu = là thứ rắn độc nhỏ con, thường ở dưới nước.

Rắn nẹp nia = là thứ rắn độc lớn con.

Rắn vảy tên = là thứ rắn rất độc nhỏ con, đầu nó có góc giống như vảy tên.

Rắn trung = là thứ rắn mình tròn nhỏ con, có 2 đầu đuôi giống nhau, người ta nói đầu xanh, đầu tử, nghĩa là đầu cắn chết, đầu cắn không chết. Những người thường đi bắt rắn họ mới biết rõ cái đầu nào đầu tử, để khi bắt loại rắn này họ tránh.

Rắn lục = là thứ rắn nhỏ con, có màu xanh lá cây, nó thường sống ẩn núp chẹn trong lá cây.

Rắn mỏ vọ = là thứ rắn có đầu lớn mà nhọn.

Rắn chào hoạp = là thứ rắn mình rắn, miệng rộng.

Rắn nước = là thứ rắn nhỏ con, sống trầm dưới nước, nhưng nó hiền bởi vì loại rắn này không có nọc độc làm chết người.

Rắn lải, rắn ráo, rắn bông súng, rắn roi = các thứ rắn này thường nhỏ con mà không độc.

Rắn liu điu (*) = là thứ rắn nhỏ con không độc

(*) Khi viết đến **Rắn liu điu** tôi lại nhớ đến trong văn học sử Việt-Nam, có Cụ **Lê-Quý-Đôn** (1726 - 1784) đã sáng tác bài thơ **thất ngôn bát cú** nói về **Rắn** thật đặc biệt như sau: Được biết cụ **Lê-Quý-Đôn**, thuở nhỏ rất lười biếng lại khó dạy, với cái tên là cậu bé **Lê-Danh-Phước**. Một hôm, cậu bé **Phước**, bị người Cha quở phạt, bắt làm bài thơ **thất ngôn bát cú** ứng khẩu để tạ tội, với điều kiện mỗi câu phải

có tên một loại **Rắn**. Cậu bé **Phượng** vâng lời đọc ngay như sau:

Chẳng phải **liu diu** cũng giống nhà,
Rắn đầu biếng học lẽ không tha
Thẹn đèn **hổ** lửa đau lòng Mẹ
Nay thét **mai gầm** (*) rất cổ Cha.
Ráo mép chỉ quen lời dối trá
Lần lưng chẳng khỏi vết năm ba. (**)
Từ nay Trâu Lỗ xin siêng học,
Kèo **hổ** mang danh tiếng thế gia.

CÚ C CHỮ: Các chữ có gạch dưới đều là **loại rắn**.

(*) **Rắn mai gầm** cũng có người gọi **mai rầm**.

(**) Câu này để chỉ các **loại rắn** có khoang, ví như **rắn hổ ba khoang** vừa kể vừa qua. Ngoài ra, chữ **lần** cũng chỉ con **thằn lằn** cũng là loài **rắn**.

Hơn nữa, trong Ca dao, Tục ngữ và Thành ngữ cũng có viết về **rắn**, xin trích dẫn như sau:

Rắn có chân, **Rắn** biết,
Ngọc ẩn đá, ngọc hay,
Anh cùng em mới gặp nhau đây,
Biết thời, biết mặt nào hay trong lòng ...
(Ca dao)

Rắn đến nhà không đánh thời quái ...
(Tục ngữ)

Mắt như mắt **Rắn ráo**.
Nói **Rắn** nói **Rồng** hay Vẽ **Rắn** vẽ **Rồng**.
Nhu **Rắn** mất đầu.
Công **Rắn** cần **Gà** nhà.
Rắn con ham nuốt **Cá Voi**.
Rắn đổ nọc cho **Lươn**.
Oai oái như **Rắn** bắt **Nhái**...
(Thành Ngữ)

Ngoài ra, trong **lịch sử Việt-Nam** cũng có nói đến **Rắn**, xin trích dẫn truyền thuyết như sau:

... Lĩnh phục dịch của **Nguyễn-Trãi**, khi lập vườn ở Côn Sơn cho **Nguyễn-Trãi**, thì phá một ổ **rắn** và giết hết rắn con, riêng rắn mẹ nhờ bò chạy nhanh, chỉ bị thương. Sau đó, rắn mẹ bò lên trần nhà nhìn **Nguyễn-Trãi** đọc sách và nhỏ xuống một giọt máu, nhưng nó thấm qua ba trang sách, nhằm ám chỉ là ba đời. Về sau, con rắn này nhờ cắn tu và nó hiện thân là **Thị Lộ**, trở thành tì thiếp của **Nguyễn Trãi**, chờ báo oán.

Được tóm lược như sau: Năm **Nhâm Tuất** (1442), vua **Lê Thái Tôn** (con vua **Lê Lợi**), đi tuần du phương đông, duyệt võ ở Chí Linh. **Nguyễn-Trãi**, lúc bấy giờ đã về hưu tại Côn Sơn, bèn ra nghinh tiếp nhà vua. Vua **Lê Thái Tôn** thấy **Thị Lộ** là tì thiếp của **Nguyễn Trãi**, có nhan sắc lộng lẫy, lại có tài văn chương, bèn phong chức **Lễ Nghi Học Sĩ**, để rồi ngày đêm phải hầu nhà vua. Đến khi đông tuần, xa giá về tới trại vải Lê Chi Viên, thuộc xã Đại Lại, huyện Gia Định, nay là Gia Bình, thành linh nhà vua nhuốm bệnh, lên cơn sốt dữ dội. **Thị Lộ** hầu hạ thuốc thang suốt đêm, đến sáng, vua

băng hà. Các quan hoảng hốt, vội vã đưa về kinh. Nửa đêm, về cung mới làm lễ phát tang. Triều thần buộc tội **Thị Lộ** âm mưu giết nhà vua, đem **Thị Lộ** thả trôi sông. Thảm trạng này xảy ra đúng lúc trong võ quan theo phe **Lê Sát**, sinh lòng đố kỵ, vì thấy ngày trước **Nguyễn Trãi** được vua **Lê Thái Tổ** trọng dụng, nhân cơ hội này, cáo buộc **Nguyễn Trãi** chủ mưu giết vua. Thế rồi, các quan **Thừa Chỉ Nhập Nội Hành Khiển** đại thần **Nguyễn Trãi** với án tru di **tam tộc**, giống như một giọt máu **rắn** trước kia bị thấm **ba trang sách** vậy.

Cái oan án này, mãi đến 22 năm sau mới được vua **Lê Thánh Tôn** xét lại. Vua thấy có nhiều mơ hồ, oan ức cho một vị khai quốc công thần, liền truyền lệnh hủy bỏ bản án trước kia, truy phục chức cho **Nguyễn Trãi**, tìm kiếm con cháu **Nguyễn Trãi** cho làm quan và cấp tư điền để lo việc tế tự...

Khi nói đến **rắn**, thường nói đến người bị rắn cắn vì có nọc độc mà chết hay rắn báo thù như đã dẫn, ngoài ra rắn còn có **ngọc rắn** rất quý dùng để chữa trị người bị rắn độc cắn, chỉ cần lấy ngọc rắn để nơi rắn cắn cho nó hút hết nọc độc, đến khi nào thấy máu hồng chảy ra thì mới thôi, nhưng muốn tìm được ngọc rắn thì vô cùng khó khăn, bởi vì có những con rắn tu hiền, mới có ngọc. Một khi con rắn có ngọc, nó luôn luôn ngậm trong miệng, chỉ khi nào ăn nó mới nhả ngọc ra, cho nên theo kinh nghiệm của người tiều phu thường đi tìm ngọc rắn, phải đặt miếng mồi ví như con gà cột chặt vào cái rổ lật ngửa, rồi đặt cái rổ lên trên thau nước cũng cột chặt để cả 3 dính liền nhau, làm thế nào cho thau đựng nước không bị lật đổ. Xong rồi, cứ việc ngồi rình, đừng để rắn có ngọc trông thấy, con rắn thấy con miếng mồi con Gà thế nào cũng đến quán cho con Gà mềm mình, thì con rắn mới nhả viên ngọc ra thì nó lọt vào rổ, rồi cuối cùng xuống thau nước. Khi đó, mới vác gậy đánh đuổi con rắn, để con rắn tháo chạy để lại viên ngọc rắn quý giá... (Trích lược Sđd **Việt-Nam Gấm Hoa** của Học-Già **Hường Giang Thái-Văn-Kiểm**).

Khi nói về con **Rắn**, không thể dừng nơi nọc rắn hay rắn báo thù một cách đơn giản như đã dẫn, bởi vì loài này có nhiều cách nữa, mà chúng ta không thể ngờ được, người ta cũng kể lại rằng: Khi bắt **rắn hổ** để ăn thịt, phải chặt rồi bằm nát đầu nó, mới đem chôn dưới đất, nếu không thì sẽ bị con **rắn nước** tha cái đầu rắn hổ để cận kề chúng ta mà cắn trả thù... Khi nói ăn thịt rắn, có người cho rằng ăn nó như thịt **Gà**, nếu nấu cháo với đậu xanh ăn sẽ làm thân thể chúng ta mát, máu rắn uống sống với rượu sẽ trị bệnh bổ thận rất tốt, nhưng khi ăn rắn hổ, nên cẩn thận vì bị mắc xương hay bị đập phải xương nó sẽ làm độc. Rắn nó đa dụng mặc dù nó rất độc, cho nên muốn sử dụng nó phải cẩn thận và rắn còn đem ngâm rượu cũng là phương pháp trị bệnh nữa. Đặc biệt, chúng ta thấy hình nó biểu tượng trong ngành **y dược**, trong khi đó các tiệm kim hoàn lại thực hiện những món đồ trang sức như cà rá, đôi bông ... với hình rắn nữa.

Ngoài ra, những chuyện rắn kể trên, chúng ta còn nghe những truyền thuyết xa xưa nói đến rắn trả ơn, xin trích dẫn sơ lược như sau:

Ngày xưa, có người thợ săn tên **Công Dã Tràng**, thường vào rừng săn thú sống qua ngày, người thợ săn này thấy cặp rắn

ở trong hang sống rất tương đắc. Riêng rắn đực rất hiền, ít phá hoại loài người, xem như rắn tu, đến ngày rắn cái lột da, thì rắn đực luôn luôn túc trực sẵn sóc nào mang mồi về hang cho rắn cái ăn và cắn bắt cứ con vật nào đến hang để ăn rắn cái, trái lại, khi rắn đực lột da, thì rắn cái không những không tìm mồi mang về cho rắn đực ăn, mà còn rong chơi đi tìm rắn đực khác để tư tình, cho nên **Công Dã Tràng** mới giương cung bắn chết rắn cái. Con rắn đực ở trong hang lo lắng cho rắn cái, nên cố gắng bò ra khỏi hang để đi tìm rắn cái trong khi bụng đói, sức lại yếu vì bị lột da, đến được vài chục thước thì thấy rắn cái chết vì mũi tên của **Công Dã Tràng**, cho nên rắn đực dù còn sức yếu, bụng đói cũng cố gắng vượt đường xa đến nhà **Công Dã Tràng** để báo thù cho vợ, nên núp trên mái nhà **Công Dã Tràng** và rắn đực lại nghe **Công Dã Tràng** tối hôm đó kể chuyện con rắn cái bất nghĩa, bội bạc cho vợ biết đầu đuôi, làm cho rắn đực biết ơn vô cùng thay vì oán hận, rắn đực mang ngọc tặng cho người thợ săn **Công Dã Tràng**...

Để tạm kết thúc bài này, tôi xin trích dẫn thời gian những năm con **Rắn** vừa qua và **mạng** như thế nào? để quý bà con đồng hương xem mình có phải sanh đúng năm con **Rắn** hay không như dưới đây:

Ất Ty : sanh từ 04-02-1905 đến 24-01-1906
Đinh Ty : sanh từ 23-01-1917 đến 10-02-1918
Kỷ Ty : sanh từ 10-02-1929 đến 29-01-1930
Tân Ty : sanh từ 27-01-1941 đến 14-02-1942
Quý Ty : sanh từ 14-02-1953 đến 02-02-1954
Ất Ty : sanh từ 02-02-1965 đến 20-01-1966
Đinh Ty : sanh từ 18-02-1977 đến 06-02-1978
Kỷ Ty : sanh từ 06-02-1989 đến 26-01-1990
Tân Ty : sanh từ 24-01-2001 đến 11-01-2002

Căn cứ theo thời gian các năm **Rắn** kể trên, chúng ta thấy cứ **60 năm**, thì **can** của năm **Rắn** trở lại đúng y chang, bởi vì thời gian **Vận Niên Lục Giáp** là **60 năm**.

Về mạng các năm **Rắn**, xin trích dẫn như sau:

Mạng Kim thuộc các năm **Tân Ty** : 1941 - 2001 - 2061.
Mạng Mộc thuộc các năm **Kỷ Ty** : 1929 - 1989 - 2049.
Mạng Thủy thuộc các năm **Quý Ty** : 1953 - 2013 - 2073.
Mạng Hỏa thuộc các năm **Ất Ty** : 1905 - 1965 - 2025.
Mạng Thổ thuộc các năm **Đinh Ty** : 1917 - 1977 - 2037.

Và kính chúc tất cả quý bà con đồng hương bước sang năm mới **Tân Ty 2001** được **An Khang, Thịnh Đạt** mọi nhà.

Nguyễn-Phú-Thú
 Lyon (Pháp Quốc)



Bốn Mùa

Thơ: Đan Hà

Xuân
 thướt tha
 của ngàn hoa
 đơm cánh mai vàng
 đang đong đưa trước gió
 hương quê phảng phất thơm tho
 nghe thương nhớ thẩn thờ niềm xa
 Hạ
 nồng nàn
 hương cốm mới
 những khi mùa tới
 nắng mưa trải ruộng đồng
 sáo diều bay lượn từng không
 gọi lên thương nhớ ngập lòng tiếng ru
 Thu
 ngả màu
 xanh xám tối
 buồn nghe điệu vợi
 khi bóng thu vàng bay
 mang theo đi những tàn phai
 để ta thương nhớ thêm dài mệnh mong
 Đông
 đưa về
 mưa tuyết trắng
 hơi lạnh ngập tràn
 bóng tối phủ không gian
 ánh chiều vội vã khuất ngàn
 khiến lòng vẫn nhớ chứa chan bốn mùa
 XUÂN
 HẠ
 THU
 ĐÔNG

DUYÊN KỶ NGỘ



Lời tác giả: Những tình tiết dàn dựng trong bài này là do người viết sáng tạo để cho cốt truyện thêm phần linh động và cũng để độc giả hình dung được bối cảnh, chủ không phải là sử liệu. Những nội dung vẫn là ý chính của câu chuyện vua Lê Thánh Tông đi du xuân chùa Ngọc Hồ gặp tiên nữ cùng xuống hạ thổ để rồi có Vọng Tiên Lâu sống mãi trong làng văn học nước ta.

Vua Lê Thánh Tông (1460-1497) tên thật Lê Tư Thành hiệu Thiên Nam Động Chủ, sinh năm Nhâm Tuất ngày 20 tháng 7 năm 1442, mất ngày 30 tháng 1 năm Đinh Tỵ (1497), nhà vua ở ngôi được 37 năm, Ngài là vị vua thứ năm của triều Lê và là con của vua Lê Thái Tông vị vua thứ hai (1433-1442), thân mẫu là bà Quang Thục Thái Hậu húy là Ngô Thị Ngọc Dao.

Lê Thái Tông là một đấng minh vương văn võ song toàn. Tháng 2 năm Tân Mão (1471), Ngài đem quân đi đánh Chiêm Thành và chiếm được một vùng đất đai rộng lớn từ Qui Nhơn trở ra.

Ngài còn đặt ra lệ xướng danh và khắc bia tiến sĩ để tưởng lệ các sĩ phu trong nước, đồng thời sai Ngô Sĩ Liên biên soạn bộ Đại Việt Sử Ký Toàn Thư.

Nhà vua còn có tài văn thơ thích ngâm vịnh xướng họa, chính Ngài đã lập hội Tao Đàn Nhị Thập Bát Tú, Ngài làm Tao Đàn Nguyên Sứ. Nhưng nổi

bật khiến người đời nhắc nhở lại chính là chuyện xây lầu Vọng Tiên Lâu.

Vào mùa xuân năm Nhâm Dần (1482) nhà vua cảm thấy trong lòng xốn xang vì qua một đêm thường trăng ở vườn ngự uyển, đêm ấy có một con chim vàng oanh bay đến vườn Thượng hót líu lo khiến Ngài ngây ngất cho đến khi bóng chim khuất vào màu trắng lặn.

Từ đêm hôm ấy nhà vua lười biếng ngâm vịnh thường ngày Ngài chỉ muốn ngồi một mình dưới bóng cây hải đường, lắng lẽ mơ màng tiếng chim hòa vào màu hoa sắc nhớ. Đã hơn tuần rồi mà chẳng thấy tăm hơi vàng oanh trở lại, làm cho lòng Ngài thần thờ, cứ chấp buông tiếng thở dài tan vào màn sương khuya.

Cho đến một đêm, nhà vua nằm mơ, sáng thức dậy Ngài quyết định đi du xuân viếng chùa Ngọc Hồ. Khi đoàn ngự giá đã đến gần cổng chùa, vua hạ lệnh cho tất cả quan quân hãy lui bước về phía sau. Nhà vua một mình thanh thần tản bộ, vừa bước vừa ngắm cảnh, bỗng Ngài chợt nghe có giọng của một cô gái ngâm thơ thật trầm bổng, tha thiết :

*Đến đây mến cảnh mến thầy
Tuy vui với đạo chẳng khuấy lòng người*

Ngài thoát nhìn lên, chợt thấy một nàng thiếu nữ vóc dáng ngọc ngà, tuyệt xinh. Vốn đã nghe dân ở huyện Thọ Xương đồn đãi rằng chùa Ngọc Hồ thường có tiên giáng thế nên Ngài cảm thấy vui vội bước lại gần ân cần thăm hỏi:

- Nàng ở đâu mà xuất khẩu thành thơ trác tuyệt đến thế ? Có thể cùng ta xướng họa được chăng ?

Cô gái e thẹn, đôi má ửng hồng, cung kính thi lễ, rồi bẩm:

- Hoàng Thượng đã hạ cố ban ân tiện thiệp nào dám chối từ, vậy xin Ngài phán lời châu ngọc.

Đã là cây đại bút đứng đầu của hai mươi tám vì sao, quen xướng họa với bề tôi ở triều đình, Lê Thánh Tông rất ưng ý khi nghe người đẹp đáp lời. Ngài ung dung nói với nàng rằng:

- Xin nàng hãy tùy nghi xướng đề trước.

Cô gái nhấp nháy đôi mắt liền thưa:

- Xin Đại Vương cứ lấy hai câu thơ của tiện thiếp vừa ngâm để làm đề tài.

Nghe lời nói dịu dàng dễ yêu, nhà vua liền cất giọng ứng ngay:

*Ngắm sự trần duyên khéo nức cười
Tuy vui lòng đạo chẳng khuấy người*

*Chày kinh mấy khắc tan niềm tục
Hồn bướm ba canh lẩn sự đời
Bể thâm muôn tằm mong tăt cạn
Sông ân ngàn trượng để khơi với
Nào nào cục lạc là đầu tá
Cục lạc là dây chín rồ mồi*

Lắng nghe xong bài thơ, cô gái cúi đầu lễ phép thưa:

- Lời thơ của Hoàng Thượng khó có ai sánh nổi. Duy tiện thiếp chỉ xin Ngài tha thứ cho tôi dám mạo muội góp chút mùi vị vào thơ để cho hương sắc thêm phần thơm ngát.

Nhà vua gật đầu đồng ý. Cô gái nhẹ nhàng thêm bớt vài chữ như sau:

*Ngắm sự trần duyên khéo nức cười
Tuy vui lòng đạo chùa khuấy người
Gió xuân đưa kệ tan niềm tục
Hồn bướm mơ tiên lẩn sự đời
Bể khổ muôn tằm mong tăt cạn
Sông ân ngàn trượng để khơi với
Nào nào cục lạc là đầu tá
Cục lạc là dây chín rồ mồi*

Nhà vua nghe cô gái sửa thơ mình, Người tò lòng khâm phục, bởi ý tứ thật cần trọng thanh thoát. Ngài biết chắc rằng mình khó sánh nổi với nàng.

Ngài cảm nhận đây chính là giai nhân tài sắc vẹn toàn, trong lòng ước ao nếu được cùng nàng xướng họa thì không có gì quý hóa cho bằng. Nghĩ như vậy nên Ngài có ý muốn mời nàng về triều. Khi nghe nhà vua ngỏ ý. Nàng liền gật đầu nhận lời ngay mà chẳng tỏ ra chút gì e thẹn.

Nhà vua hơn hờ vội truyền cho người về triều đưa kiệu hoa đến rước nàng ngay.

Trên đường trở về vừa gần đến hoàng cung thì lính khiêng kiệu bỗng thấy kiệu nhẹ tênh. Họ vội vã bấm trình với nhà vua. Ngài thân hành đến mở tấm màn che thì chẳng thấy người ngọc đâu nữa cả. Nhà vua biết đó là tiên nữ giả dạng để thử tài Ngài. Đã hiểu vậy mà sau đó Người luôn canh cánh nhớ thương.

Vì quá quý yêu nàng tiên nữ tài sắc nên nhà vua cho xây ở phía ngoài cửa Đại Hưng một cái lầu cao, đặt tên là Vọng Tiên Lâu (lầu trông tiên).

Thường nhà vua sau khi bãi triều hay những đêm trăng thanh gió mát Ngài không quên leo lên vọng lầu nhìn về hướng chùa Ngọc Hồ nghe tiếng

chuông đại hồng từ xa vọng lại, cứ mỗi lần như vậy lòng Ngài xao xuyên bởi hồi ngộ như hai mảnh hồn thơ đang quỵện tử vào nhau. Ngài như nghe rõ từng tiếng nói, giọng ngâm lời vàng ngọc góp vào thơ để mấy ai trên đời chóng quên, huống chi Ngài là một thi vương nguyên súy của Tao Đàn Nhị Thập Bát Tú - ôi hai mươi tám vì sao, mà sao cứ thiếu, một "vì sao!". Tuy thế, nhưng việc triều chính Ngài không bao giờ xao lãng luôn lo mở mang bờ cõi, gìn giữ trị an và thương yêu dân vô bờ bến.

Ngày nay di tích của Đại Hưng, Vọng Tiên Lâu đã chìm vào lòng thời gian, các triều đại đã lần lượt đi qua, duy chỉ còn lưu lại trong sách và lòng người yêu chuộng văn thơ thì không bao giờ quên nhắc nhở.

Theo như trong sách và lời truyền của dân gian thì Vọng Tiên Lâu, nay là khu Ngã Năm (Hàng Bông, Tràng Thị, Điện Biên Phủ, Nguyễn Thái Học và Cửa Nam) thuộc quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Cũng theo sách báo cho biết chùa Ngọc Hồ còn tồn tại ở số 128 phố Nguyễn Khuyến, Hà Nội. Ngôi cổ tự này được xây dựng từ thời nhà Lý và đã qua nhiều lần trùng tu. Đất phố Nguyễn Khuyến thời xưa thuộc làng Văn Mạc và làng Thanh Ngô, tổng Hữu Nghiêm huyện Thọ Xương. Thời Pháp thuộc phố xá mở ra mỗi ngày thêm nhiều, phố Sinh Từ bao gồm cả hai phần đất của hai làng nói trên.

Hiện nay chùa nằm co cụm dưới những ngôi nhà cao tầng, dù được nhà nước đương thời xếp vào danh mục Di Tích Lịch Sử - Văn Hóa. Nhưng diện tích đã bị thu hẹp do các cá nhân và những cơ sở công cộng lấn chiếm, để rồi trông vách lỗ tường long rêu phong cỏ mọc, ôi thật xót xa:

*Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương (1)*

Nhưng âm vang thì luôn mãi tỏa ngời như đầu đó còn in dấu chân của vua Lê Thánh Tông và tiên nữ với - *Gió xuân đưa kệ tan niềm tục, Hồn bướm mở tiên lẫn sự đời*, hay tiếng chuông đang ngân trong ký ức Vọng Tiên Lâu.

(Đón Xuân 2001 - Bergen Nauy)

(1) Thơ Bà Huyện Thanh Quan•

LỄ hội tháng Hai

*Tôi nắm tay em
trong biển người bát ngát
Ước mơ hồn bướm trắng
Thao thức về đây
Trong hội mùa muôn sắc vui vầy*

*Xin cho em vài giờ
quên mình
Nếp học trò ngoan ngoan
Ngẩn ngơ nhìn các bóng hồng lãng đãng
Say sưa theo nàng công chúa kiêu sa
Đôi cánh tỏ mềm
run rẩy điệu hoan ca
Em đâu thấy
tử thần mang lưỡi hái*

*Cả thành phố
giờ ngập tràn hoa trái
Rượu tràn ly uớt đắm không gian
Cho em say trong muôn sắc huy hoàng
Trong mộng寐, em ngỡ mình là bướm*

*Xé rách hồn hoang
Trắng mềm lão đảo
Đã đến giờ em gọi lại tên tôi
Ánh đầu ngày sau rặng tím xa xôi
Soi rõ mặt bên này bờ ảo mộng*

*Mặt nạ ngậy ngô
Mim cười nhìn giông bão
Lặng chìm đi trong nước mát bao la
Thôi thế em,
trông lại rõ hồn ta
Cho ảo ảnh về tro tàn cát bụi ...*

*Tro tàn, cát bụi,
Phấn hương thừa ...
Đật dờ ... phiêu lãng ...
Hãy ngủ đi, trong gió rét mùa đông*



11.2000

● Thanh Nguyên (Seligenstadt)



Sân khấu lộng gió

● Phạm Thăng
(Mùa Đông ở Calgary)

Cầu Mỹ Thuận đã làm xong, xe cộ qua lại tuyến đường Miền Tây không còn lo chuyện trở đò, kẹ Bắc... Nhưng đó là dân buôn bán, còn giới học sinh và thanh thiếu niên tuổi đời vừa lớn, sống ở miền sông Tiền, sông Hậu sẽ không còn tâm trạng nôn nao chờ dịp mua trái cây đặc sản ở bến Bắc đem về làm quà bà con và bạn bè, không còn cảnh tút tút nói cười kéo nhau đi ăn ốc len, ốc gạo... các tín đồ đi hành hương vùng Bảy Núi không còn dịp trải lòng bố thí đến những người tàn tật đui mù đeo theo bên xe, các du khách có tâm hồn văn nghệ không còn dịp thấy cảnh lão già mù tay nắn nốt lục huyền cầm, đôi mắt mất ánh sáng, đang rón hơi hát bài vọng cổ...

Tôi đã lớn ở miền này, đã lên Sài Gòn sống đời du học sinh, mỗi năm qua lại các bến Bắc Vàm Cống, Cao Lãnh, Mỹ Thuận mấy trăm lần... Đã sống, đã chứng kiến sinh hoạt của bến Bắc, có thể nói hơi thở, mùi vị... của chúng nó đã len vào hồn tôi tự thuở nào rồi... Tôi thương mến dòng Cửu Long, tôi mến yêu bến Bắc, tôi đã viết về dòng sông thân yêu đang bị nạn chặn nước, xẻ dòng trên đầu nguồn, và hôm nay thương mến bến Bắc sắp bị lùi vào lãng quên, hết bến Bắc Mỹ Thuận sẽ đến bắc Cần Thơ rồi ... bắc Cao Lãnh ! Tôi xin viết lại vài "chuyện" liên quan đến chúng nó, những kỷ niệm mà không ai nhắc sẽ bị thời gian chôn vùi, để tặng các bạn cùng tâm trạng như tôi.

Nghe tiếng động cơ đến gần sau lưng, ông Năm bước sát vô lẽ. Chiếc xe lam ba bánh chạy chậm lại, anh lái xe ló đầu kêu :

- Lên xe đi cho mau ông Năm ơi. Sao hôm nay hồng chờ tui?

Ông Năm đưa tay ra dấu chào, trả lời:

- Cám ơn chú Hai. Hôm nay tôi muốn đi bộ để thở không khí mát mẻ buổi sáng. Cũng gần tới cầu Bắc rồi. Ngày mai tôi chờ xe chú.

Chiếc xe lam từ từ lướt qua để lại một đám khói xám khét lẹt mùi xăng pha dầu. Ông Năm mỉm cười bước ra khỏi lề, tay giơ cao sọt cần câu đang cầm trên tay vướng vào tàu lá chuối còn ướt sương đêm. Mùi khói xe bay tản mạn đã hết, để lại không khí thật trong lành quyện mùi rom rạ với mùi thơm bông cau, bông bưởi của các vườn cây dọc theo hai bên đường làm ông Năm khoan khoái hít luôn mấy hơi dài. Chỉ còn độ bốn trăm thước là đến bắc Vàm Cống. Ông Năm nghĩ thầm: khoảng đường này còn im lìm như chưa tỉnh giấc mặc đầu giờ này đã hơn sáu giờ sáng... nhưng mình qua cái cua queo trước mặt là thấy ì xèo rồi đây!

Ông Năm quen thuộc đoạn đường này lắm mặc dầu ông mới về tạm ở chơi với gia đình bà chị hơn một tháng nay. Ông ngán không khí ngột ngạt đây âm thanh ồn ào của thủ đô Sài Gòn nên về đây để hưởng lại không khí êm ả của đồng quê mà suốt thời thơ ấu ông đã sống. Mùa này là mùa xoài của tháng hai nhiều nắng, ông đã sống lại thời trẻ thơ của ông khi đứng dựa gốc xoài để chờ xoài chín cây

rụng xuống mỗi lúc giông mưa, ông đã theo đám cháu đi tát đĩa bắt cá, đã ăn cá lóc nướng trui giữa đồng trong đêm khuya... Ông không bỏ qua thứ thú vui mộc mạc nào của đồng quê nhưng sau đó ông Năm mê nhứt là đi câu cá ngoài cầu bắc Vàm Cống.

Không phải ông thêm những con cá vồ, cá leo thân trắng bóng láng có cái lườn nhiều mỡ béo ngậy hay con cá cóc đuôi vàng, cá he đuôi đỏ, vẩy bạc lấp lánh dưới ánh mặt trời khi ông giơ cao cần câu để hả hê nhìn thành quả của mình, vì ông và gia đình người chị đầu ăn cá bao nhiêu, nhưng cái thú câu cá đã hấp dẫn ông hơn tuần nay. Ông mê dòng sông Tiền Giang khi chảy ngang Cao Lãnh lớn rộng hơn nơi khác mà hồi nhỏ ông thấy nó mênh mông không thấy bờ. Ông mê những giề lục bình màu xanh cảm thạch, có giề lại điểm thêm vài chùm hoa tím nhạt trôi lang thang trên mặt sông. Ông thích mùi gió sông lồng lộng của buổi bình minh nơi đây. Gió sông trong lành không pha chút mùi ô nhiễm nào. Bắc Vàm Cống cũng nằm trên trục lộ giao thông nối liền miền Tây với thủ đô Sài Gòn nhưng vì con đường Kiến Văn lúc này còn nhiều đoạn quá xấu, xe chở hành khách thích sử dụng đường Mỹ Thuận hơn nên giới buôn bán dọc theo Cầu Bắc còn lèo tèo, xe chở khách hoặc xe hơi nhà quá ít nên mỗi chuyến Bắc cách nhau gần hai tiếng đồng hồ. Khoảng thời gian này quang cảnh không nhộn nhịp, người lên kẻ xuống không đông đảo nên vắng tiếng rao hàng chào mời. Nhứt là vào giờ sáng sớm này, ông Năm mê cảnh buổi sáng khi mặt trời sắp ló dạng nơi phía xa tạo cho chân trời cả một màu hồng cam rực rỡ.

Ánh hồng soi xuống mặt sông mênh mông. Vào lúc bình minh êm ả ít ghe tàu xuôi ngược mới thấy dòng Cửu Long đã to rộng càng mênh mông thêm. Vì vậy được ngồi trên chiếc cầu Bắc nằm gic ra khỏi bờ sông, tay cầm cần câu nhưng tâm trí ông Năm đã sống với thiên nhiên cho thỏa nên nhiều lúc cá cắn câu ông cũng không biết, ông đâu phải vì ham được cá! Nghĩ đến đây ông Năm chợt nhớ đến cụ già ngồi câu cá tại bến Bắc như ông vì ngày nào ra đến đây đã thấy có cụ già ngồi đó rồi. Ngày đầu ông Năm cúi chào để làm quen nhưng cụ già chỉ chào lại rồi lơ đãng nhìn mặt sông và

đồng người xuôi ngược trên bến đò. Suốt buổi sáng, đầu gối đó nhưng cụ già không có dịp cho ông Năm bắt chuyện. Xế trưa khi mặt trời lên quá đỉnh đầu, cụ già xếp càn, xách giỏ ra về, gương mặt bình thản không buồn vui vì có hay không con cá nào trong giỏ. Hôm sau cũng vậy, ông cụ chỉ gật đầu chào ông Năm rồi ngồi vào chỗ quen thuộc, cạnh hai trụ sắt phía trong để trừu mến nhìn quang cảnh bến Bắc. Mỗi khi có chuyến Bắc sắp khởi hành hay rời bến, hành khách phải xuống xe đi theo, quang cảnh lúc đó nhộn nhịp với âm thanh chào hàng của các em bé bán bánh, trái cây, tiếng kêu réo trẻ nhỏ... cụ già nhìn chăm chú hai luồng người xuôi ngược đó như tìm người quen để khi những tà áo dài màu sắc của các cô gái thành thị chen lẫn với những áo quần mộc mạc của nông dân đã xuống hết chiếc Bắc hoặc lên hết trên bến xa, cụ mới quay lại với càn câu để lại hân hoan nhìn dòng người xuôi ngược của chuyến đò sau.

Suốt mấy ngày đều như vậy. Cụ già trừu mến nhìn kẻ lên người xuống. Ông Năm tự nhủ: "Chắc ông cụ chờ người quen... ủa, chờ người quen sao không ngồi trong quán nước cho khỏi nắng lại ngồi đây cầm càn câu ... xa lác xa lơ?"

Nhắc đến cá, ông Năm lại thắc mắc vì mấy ngày qua ông thấy cụ già khi được cá nhỏ đều thả trở lại, ông ngạc nhiên nghĩ: tại sao cụ già là dân quê đi câu cá cho gia đình lại không bắt cá lớn, cá nhỏ như mấy người khác, chỉ chọn vài con lớn thôi? Thắc mắc đó được ông tìm hiểu ngày hôm qua khi buổi trưa ra về, ông hỏi anh xe lam quen, anh nói:

- Ô, ông Hai câu cá đó hả? Ông cụ không còn vợ con, ở đây với vợ chồng đứa cháu. Nghe đâu ông đủ ăn đủ mặc, đâu cần gì cá tôm nhưng ông ngày nào cũng ra cầu Bắc ngồi đó... Mà ông ngồi câu có một chỗ cầu Bắc cả hai ba năm rồi đó nghen. Có nhiều lần ông cho tui cá nữa, nhưng thường thường ông đem cá cho má con thằng Mót ăn xin tại cầu Bắc.

Ông Năm nghe vậy, "chịu" cụ già lắm, ông quyết tìm cách làm quen.

Chiếc bắc Cao Lãnh còn nằm tại bến. Cầu sắt lên xuống nối liền bờ và mặt bằng của cầu Bắc nổi trên mặt nước giờ này lác đác vài người dân có ghe nhỏ hoặc đò chèo đậu tạm lên

xuống. Hơi sương trên mặt sông mờ ảo, hàng cây bên kia bờ sông ẩn hiện như bức tranh thủy mặc. Cụ già đã ngồi nơi chỗ quen thuộc rồi. Ông Năm xách càn câu đến ngồi bên cạnh, chào:

- Chào bác, bác ra sớm quá, không lạnh sao bác?

- Chào ông bạn, như mọi hôm thôi, trời mát không lạnh lắm.

- Bác có con nào chưa?

Ông cụ cười hề hề nói:

- Tôi vừa thả càn thì có cá ăn liền, chắc suốt đêm nó đói bụng nên kiếm ăn sớm... mà cá nhỏ nên tui thả lại rồi.

Như đúng vào chuyện muốn hỏi, ông Năm cười nói:

- Bác đi câu mà không phải cá nào cũng lấy, bác câu cá mà có tâm hồn nghệ sĩ vị tha.

Cụ già trở mắt nhìn, hỏi lại:

- Ủa sao ông bạn biết tôi là nghệ sĩ?

Không chờ trả lời, cụ già bỗng thẩn thờ nói giọng trầm trầm:

- Đúng y vậy. Tôi ngồi câu tại đây không phải tìm cách bắt cá cho nhiều vì nhà tôi ít người, nếu hôm nào có cá tôi đều cho má con thằng Mót hết. Tội nghiệp mẹ con nó đi xin ăn khi được tôi cho cá, mừng lắm.

- Tôi sẽ bắt chước bác, có cá nhỏ sẽ thả lại vì tôi thích ra đây để nhìn sông Cửu Long và khí trời nơi đây trong lành quá phải không bác.

Cụ già gật gù như đồng ý. Cụ quay nhìn lên bờ nơi đang có một số khách đứng chờ. Ông nói nhẹ giọng như đang trở về dĩ vãng:

- Phải, ở đây không khí trong lành hơn các bến Bắc khác... Tôi không cần có cá, tôi chỉ muốn sống lại quang cảnh nơi đây ... nơi tôi đã sống một quãng đời. Tôi thích nhìn kẻ lên người xuống mà hồng lè ngồi chờ và nhìn... vậy thì cầm càn câu để tiêu khiển luôn.

Ông Năm không ngờ vừa nhắc đến tâm hồn nghệ sĩ thì được cụ già chịu gọi chuyện mà dường như cụ muốn nhắc về dĩ vãng nên gọi thêm:

- Đúng y như tôi đoán, ngày xưa bác là nghệ sĩ?

- Phải. Tôi không dám nhận là một nghệ sĩ nhưng suốt đời tôi sống bằng nghề hát bội. Tôi là một kép hát bội và sau đó trở thành ông Nhung. Chắc ông bạn biết ông Nhung, người chỉ dẫn dạy dỗ đào kép của đoàn hát mà ngày nay

người ta gọi là thầy tuồng hay đạo diễn gì gì đó.

Cụ già ngừng nói, lấy thuốc lá ra vắn một điếu lớn, hít vào hơi dài, phả khói cho bay vào gió. Cụ nhìn mấy giề lục bình giang hồ trôi trên mặt sông. Phía xa vài chiếc ghe buồm bọc gió. Nắng vàng của buổi bình minh loang loáng mặt sông.

Ông Năm cảm thấy cụ già như muốn kể nỗi lòng cho người hiểu cụ nên ngồi xích lại gần để nghe cụ tâm sự:

- Khi còn trai trẻ, tôi say mê điệu múa, giọng hát của đào kép nên bỏ nhà theo một gánh hát bội. Từ lúc xin vô làm quân lính tiểu tốt chỉ có chạy cờ hiệu hoặc la hét trợ chiến cho hai tướng đánh nhau ngoài sân khấu cho đến khi tôi thành một kép hát có hạng, tôi phải trải qua bốn năm theo gánh hát, phải dang nắng dầm mưa theo ghe, phải đêm đêm ngồi sau tấm màn để học hỏi cái hay, cái giỏi của đàn anh, học những điệu múa, điệu tấu, cái phùng mang trợn mắt, nhai râu... cực khổ lắm... Nhưng nghề nghệ sĩ giang hồ không giàu bao giờ, nhứt là giới hát bội. Tôi là kép chánh nhưng gánh hát nhỏ quá, không dám đi hát xa, năm tôi 35 tuổi có vợ và đứa con trai nhỏ, tôi gia nhập gánh hát bội ở Sa Đéc. Đó là gánh hát của mấy vị túc nho, người cầm đầu là cụ Giáo Hành nên gọi là Gánh Bàu Hành. Gánh Bàu Hành hát đúng truyền thống nên được mời hát tại nhiều đình miếu quen thuộc. Sau mấy tháng có lễ Kỳ Yên, đoàn hát xuống chiếc ghe chài to lớn đi lưu diễn tại chợ tỉnh lý hay các quận huyện trù phú. Thời gian này dân chúng say mê hát bội vì chỉ có hát bội là nguồn giải trí cho mọi nơi nhưng đến thời gian khoảng trước năm 1930, từ bên Tây đưa qua loại xi-nê đen trắng và phong trào âm nhạc, kịch nghệ Âu Tây được giới thanh niên hâm mộ nồng nhiệt. Trong Nam có nhiều công tử con đại điền chủ hoặc các ông nhà giàu theo trào lưu mới và biết sự hâm mộ của dân chúng nên qui tụ đào kép để lập gánh hát mà dân chúng gọi là hát Cải Lương. Việc dễ làm nhứt là họ tìm đào kép các đoàn hát bội đang sống ngoài về tập dượt uốn nắn theo điệu cải cách, pha giọng Hồ Quảng, hát hò đủ giọng Xàng Xè, Bình Bán, Kim Tiền, Giang Tô... để thành lập gánh. Các đoàn cải lương lại mua thêm mũ

áo, xiêm y, có vẽ thêm phong cảnh màu mè nên được dân chúng thành thị đua nhau đi xem làm các gánh hát bội chỉ còn lưu diễn để sống eo uột trong làng mạc xa xôi. Những đoàn hát lớn còn gọi là đại ban như đoàn Phước Long Ban đóng đô thường trực tại rạp Thành Xương, gần bên đình Cầu Quan, đường Yersin, gánh Tân Hưng của cô Hai Nhỏ diễn thường trực tại rạp Phú Nhuận, ban hát của Cô Ba Ngoạn diễn quanh năm tại rạp Chợ Đũi, gánh của Thầy Chánh hát đêm ngày tại rạp Palikao trong Chợ Lớn... Vài đại ban danh tiếng có ông Nhung giỏi, có đào kép tài nghệ nổi tiếng vẫn sống được ở thủ đô, các đoàn hát nhỏ không dễ gì chen lên được. Tại các tỉnh có các gánh Bầu Cờ, Bầu Tiên ở Cần Thơ, gánh Bầu Giáo tại Châu Đốc, gánh Bầu Tùng ở Mỹ Tho v.v...

Cụ già ngừng nói để hít hơi thuốc, thừa dịp đó ng Năm hỏi:

- Hồi nhỏ tôi thường được bạn bè giỡn hớt nói với nhau: "đi coi hát đoàn Bầu Bòn." Có đoàn Bầu Bòn không hả bác?

Cụ già nhìn ra sông, cười hề hề:

- Đúng vậy, lúc đó có gánh Bầu Bòn chớ. Gánh Bầu Bòn ở Cần Thơ danh tiếng lắm.

- Sao lại là Bầu Bòn? Họ gọi để đùa hả?

- Đâu phải. Đó là tên của ông chủ lập gánh. Ai có tiền lập gánh cũng muốn có tên cho kêu như Đại Đồng Ban, Tấn Thành Ban, Đồng Ấu Ban v.v... nhưng nếu cô đào, ông kép hát nổi danh lập gánh thì lấy tên của mình cho thiên hạ dễ nhớ, nên có gánh tên: gánh Cô Ba Ngoạn, gánh Hề Ty, gánh Bầu Tồn, gánh Bầu Thắng của kép Hai Thắng. Còn nhiều lắm tôi không nhớ hết chỉ biết là sau đó vì theo trào lưu cũng như vì sự sống của đào kép, nhiều đoàn phải thay đổi lối trình diễn pha trộn cách hát của mấy nhóm hát Tiều, Hồ Quảng từ bên Tàu sang trình diễn tại Chợ Lớn để đáp ứng lòng ham muốn của dân chúng đang chịu sự đổi thay này. Họ hết thích giọng hát đơn điệu, phong cảnh chỉ độc như cái màn thêu rờng phụng xanh đỏ có kim tuyến lấp lánh của hát bội rồi, nhưng gánh Bầu Hành quyết không chuyển nghề.

Như hồi này tôi có kể, đoàn Bầu Hành do ông giáo Hành và nhiều vị túc nho lâu thông sử sách lại có học, trong đó có ông Hương sư Thơm làm

cố vấn. Bấy giờ dân ta chịu dưới ách nô lệ quân Pháp, gặp lúc Vua Thành Thái và Duy Tân bị đày ở hải đảo bên trời Tây, thấy vua Khải Định quá lệ thuộc Pháp cai trị, nhưng phong trào Duy Tân yêu nước đã thấm vào lòng dân chúng và dân chúng hướng về triều đình như để nhớ tiếc thời vua chúa ngày xưa nên các chuyện tích của hát bội đáp ứng lòng nuôi tiếc đó. Hơn trăm năm nay, hát bội là một nghệ thuật có nguồn gốc dân tộc đã theo đà Nam tiến từ miền Trung, nơi có cung đình, mà vào bển rể trên đất miền Nam, rồi lại nhờ Tả Quân Lê văn Duyệt lúc làm Tổng trấn Gia Định là người say mê hát bội tận tình nâng đỡ nên khắp Lục Tỉnh ai ai cũng say mê thưởng thức. Người dân học sách thánh hiền biết trung với Vua, hiếu thuận với cha mẹ, anh em, nghĩa tin với bạn bè mà các pho tuồng cổ của hát bội nói lên những điều đó. Ng bạn có biết không, gánh hát bội nào cũng thờ ông Tổ hát bội đó là nhớ ơn nguồn gốc, mà buổi trình diễn nào mở màn đều phải ra mắt vua quan bằng "lễ khấu bái" và khi chấm dứt buổi diễn mỗi đêm thì đoạn kết rất có hậu, có màn kết cuộc là "lễ tôn vương". Và lại nhờ dân chúng lớn tuổi, đa số đều thuộc lòng tuồng tích hát bội đâu là sử của thời Đông Châu hay đời Thương, đời Đường, họ đều nhớ tên Chung Vô Diệm, Phần Lê Huệ, Thoại Ba công chúa, Đào Tam Xuân, Tiết Nhơn Quý, Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu, Dự Nhượng đá long bào, Thần nữ dung Ngũ linh kỳ v.v... mà như là tuồng San Hậu.

Ông Năm nghe cụ nói đến đâu thấy rõ ràng đến đó, ông không ngờ cụ già câu cá này hiểu nhiều như vậy, chỉ biết gật gù:

- Dạ phải, dạ phải...

Cụ già hào hứng kể tiếp: Tôi còn nhớ có lần ông Bầu Hành mời các bạn già chung đoàn để bàn về chuyện sống còn của gánh. Trong buổi bàn cãi sôi nổi đó, các cụ nhà nho đều đồng quyết định nên bảo tồn gánh hát, đầu chỉ còn đi diễn các làng mạc xa xôi và hàng năm chỉ diễn cho vài đình làng quen biết. Tôi còn nhớ như trước mắt, lần đó ông Hương Sư nói giọng run run vì xúc động:

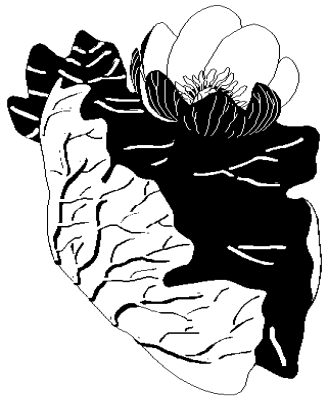
"Chúng ta đều biết sự thay đổi mới sẽ làm đa số dân chúng thích nhưng nên nhớ chúng ta lập gánh để phục vụ

một nghệ thuật truyền thống. Chúng ta hát tại đình cốt để cúng Thần, trước là dâng lên Ngài cái hay cái đẹp của vở hát sau là nhắc nhở dân chúng phần nào sự Trung Hiếu, Lễ Nghĩa. Các vở tuồng cải lương cũng có tiết hạnh, lễ giáo nhưng dân chúng đã quá quen thuộc với hát bội, mình thay thế sao đành... Hát bội không cần cảnh trí rườm rà, xảo thuật màu mè, hát bội chỉ lấy tượng trưng làm gốc, nên có người làm là hát bội vì tưởng là hát ra bội tịch. Hát bội từ lâu đã có tánh cách ước định và tượng trưng mà người đi xem đều thuộc nằm lòng như: tùy theo cốt chuyện lúc đó, nếu thấy trên sân khấu có kê cái rương lớn, trên để cái ghế đầu thì biết đó là non cao chớn chớ hay đang trên mặt thành lũy uy nghi. Thấy anh kép hát mặc áo giáp, sau lưng có giắt sáu cây cờ lệnh, tay vung vẩy cây roi có cột nhiều chùm vải đỏ đi vòng vòng sân khấu, ngâm nga bài hát khách... biết đó là viên tướng cỡi ngựa ô đang ra mặt trận. Có lúc đang đi, anh ta đứng lại, giơ cao roi run run, một tay che ngang mày, khán giả biết viên tướng đang gò cương ngựa để quan sát quân địch. Một ông lão cầm cây gươm đi trước, phía sau có cô đào nhỏ cũng cầm cây gươm, vừa đi vòng vòng sân khấu vừa bơi bơi, biết là hai cha con đang ngồi thuyền lướt sóng. Bấy giờ nếu chúng ta theo trào lưu ca múa có tiếng nói thì con cháu ta sau này đâu còn thấy cảnh ông quan già, tay vén râu, tay kia cầm chung gỗ, ngả đầu ra sau để biết ông uống rượu?... chỉ cần giơ cánh tay lên che mặt, kéo qua một chút là biết ông đang chạm lụy khi đau lòng. Cải lương rất nhiều tiếng la hét cười than, trái lại hát bội ít tiếng nói chỉ cần điệu bộ nhưng nếu có nhiều người chê hát bội thô sơ là họ lầm

(Còn tiếp)



Máu đỏ, tình người



Ân tình

- *Kính dâng hương hồn:*
- *thân phụ dạy cho con tình người,*
- *nhạc phụ đã chỉ cho con về y đạo và dẫn giải cho con nghề thầy thuốc,*
- *nhạc mẫu đã trao truyền cho con tình thương.*
- *Cám ơn Mẹ đã nuôi nấng và bảo bọc cho con thành người hôm nay.*
- *Ánh Ngân, em bao nhiêu ngày đêm mòn mỏi gánh vác gia đình để tôi hoàn thành cái nghiệp đã mang vào thân.*

"Ấy là TÌNH nặng, ấy là ÂN sâu"
(*Kiều, câu số 1966*)

● Tôn Thất Hứa

Từ năm 1991 cho đến năm 1996 tôi đã tham gia nhiều lần công tác thiện nguyện để giải phẫu cho các bệnh nhân tật nguyên bẩm sinh hay do tai nạn gây nên; huấn luyện bằng những phương tiện, máy móc và thuốc men sẵn có ngay tại địa phương đồng thời chỉ dẫn những phương pháp đơn giản nhất để nâng cao khả năng chẩn

bệnh và chữa bệnh hữu hiệu cho y tá và đồng nghiệp tại các quốc gia thuộc khối Đông Nam Á và Phi Châu do các cơ quan các chính phủ tại Âu Châu, các hội từ thiện phi chính phủ (NGO) và Bộ Giáo Dục Đức chịu trách nhiệm. Các cơ quan hay hội đoàn nêu trên phải lo liệu tất cả thủ tục hành chánh như liên lạc với chính phủ liên hệ để xin chiếu khán, xin giấy cho phép được làm việc tại các bệnh viện của cơ quan y tế địa phương...

Thành viên của đoàn thiện nguyện thuộc khối y tế gồm nhiều ngành chuyên khoa khác nhau và kết hợp từ nhiều quốc gia của Á, Âu, Mỹ và Phi Châu. Tôi chưa gặp lần nào các đồng nghiệp từ Úc hay Tân Tây Lan. Chúng tôi làm việc không nhận thù lao và thường tham gia công tác trong thời gian nghỉ hè hàng năm của mình.

Tháng 2.1997, thật bất ngờ và vui sướng khi tôi nhận được thư của tổ chức Association for Overseas Medical Service - Medical Mission Institute (Association des services médicaux d'Outremer - Institut Missionnaire Médical - Verein für aertzlichen Dienst in Uerbersee - Missionsaerztliches Institut) yêu cầu tôi thực hiện một chuyến công tác huấn luyện tại chỗ cho các nước chậm tiến kéo dài 3 tháng: Phi Châu, Ấn Độ và Nam Mỹ. Những điểm chính của chương trình làm việc là khám bệnh ngoại chẩn, chuẩn bị bệnh trước khi đưa lên bàn mổ, săn sóc sau khi mổ (có hay không có thở hỗ trợ), chú trọng nhất là phần cấp cứu và hồi sinh (Emergency+Intensive and Critical Care Medicine-Notfall-+Intensivmedizin), giải quyết các bệnh mổ cấp cứu... Tổ chức này đã cung cấp cho tôi rất đầy đủ tài liệu cần thiết để tìm hiểu ngôn ngữ thông dụng của từng quốc gia, tín ngưỡng của dân tộc, phong tục và tập quán của địa phương. Tôi có 3 tuần lễ suy nghĩ để chọn một nơi...

Thật khó quyết định, vì mỗi nơi đều có cái quyến rũ riêng của nó, một vùng trời xa lạ so với những nơi tôi đã được đặt chân tới.

Nam Mỹ thì ngay phút đầu tiên tôi đã bị loại ra khỏi vòng lựa chọn vì tôi không sử dụng được tiếng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, là 2 ngôn ngữ chính tại các quốc gia trước đây đã chịu ảnh hưởng mạnh mẽ trong dòng lịch sử. Nam Mỹ kích thích tôi nhiều nhất vì tôi rất mê đá bóng. Ba Tây, Á Căn Đình hiện tại là những đội bóng

mạnh của thế giới, đã nhiều lần vô địch thế giới. Tôi thích nhất lối đá bóng linh động của cầu thủ Ba Tây, lúc nào cũng xông xáo theo đường banh làm cho người xem tưởng như số cầu thủ nhiều hơn 11 người. Tôi cũng thích lối giao bóng nhanh nhẹn và rất điệu nghệ của đội bóng tròn Ý và Pháp. Thắng hay thua vẫn là kết quả của cuộc tranh giải. Nhưng tôi lại không đồng ý với lối chơi chỉ để tranh thắng của Đức. Huấn luyện viên đội bóng quốc gia Đức trước đây đã đá kích lối chơi cho đẹp mà chỉ bằng lòng tranh tài để mà thắng. Ông luôn luôn chủ trương, người cầu thủ không phải là một diễn viên trên sân khấu hay nghệ sĩ kịch ảnh, không chấp nhận suốt 90 phút tranh tài là thời gian để trình diễn tài nghệ. Tôi cũng không thích lối chơi mà các cầu thủ đứng trơ như các cột trụ đồng, chỉ dùng cặp chân để đưa bóng qua lại, nhồi đối thủ cho mệt dữ... rồi thừa cơ xông lên. Các quốc gia trước đây như Péru, Uruguay cũng đã làm mưa làm gió trên sân cỏ và để lại nhiều kỷ niệm ước mơ trong ký ức ấu thơ của tôi.

Phi Châu, tôi chỉ biết qua sách vở. Phi Châu rộng lớn, man rợ, rừng núi hoang vu và nhiều mới lạ nhất là các loại muông thú sư tử, cọp beo hươu cao cổ, lạc đà... mà chúng ta không thể tìm đâu ra được cả. Phi Châu cũng là nguồn gốc của nhiều loại bệnh độc đáo. Tôi cũng có một ham muốn mà biết rằng không thể thực hiện được vì một ý nghĩ rất ngộ nghĩnh là biết đâu vô tình tôi bắt gặp được con khi truyền bệnh Aids rồi... để danh lại với núi non! Phi Châu là món mồi ngon của Anh, Bỉ, Pháp, Tây Ban Nha trước đây. Các đế quốc đã để lại vết giày thực dân trên vùng đất bao la, trù phú, hoang dại này. Tại đây, các nước thuộc địa cũ phần nhiều vẫn dùng ngôn ngữ của mẫu quốc để làm phương tiện giao dịch hàng ngày...

Đẹp tất cả mộng mơ, tôi nghĩ đến thân tôi trong lớp tuổi xế chiều... Tôi chọn Ấn Độ. Khi chọn Ấn Độ, tôi cũng có mặc cảm với chính mình. Tôi sinh ra trong một gia đình theo đạo Phật. Tổ tiên đã có nhiều vị xuất gia mà cho đến bây giờ tôi vẫn chưa có duyên nợ với Phật Tổ. Tôi muốn đến xứ Phật để học đạo. Địa phương công tác cũng gay cấn và làm tôi bận tâm không ít, vì tôi không muốn đến một nơi mà trước đó có nhiều đoàn y tế đã đến làm việc. Tôi chỉ muốn phục vụ tại một địa điểm

mà người bản xứ sẽ thật sự cần đến sự giúp đỡ từ bên ngoài.

Bệnh viện Thiên Chúa Giáo St. Thomas Hospital and Leprosy Center, Chettupattu trong tiểu bang Tamil Nadu, miền nam xứ Ấn Độ là mục tiêu tôi chọn. Tôi đến phi trường Madras lúc gần nửa đêm vào tháng 11, nhưng thời tiết còn rất nóng, nồng độ ẩm cũng khá cao chẳng thua chi Sài Gòn (Madras cũng nằm trên vĩ tuyến +12° với Nha Trang). Tôi đứng lạng lạng trong nhóm người lạ và chờ đợi người đến đón. Khổ thay, họ đứng trước mặt tôi, tôi đã trình diện với họ, nhưng nhất định họ muốn đón một người Đức da trắng, tóc vàng, mắt xanh và mũi lõ...! Cuối cùng họ cũng chịu nhận tôi khi hành khách chẳng còn một ai...

Rồi chúng tôi trở về. Vừa ra khỏi phi trường thì thấy bò đi dập diu, hàng hàng lớp lớp đi nghênh ngang ngay cả trên mặt đường. Bò đang tìm nơi nghỉ đêm. Tổng số bò trên toàn xứ Ấn phỏng chừng 200 triệu con. Khoảng đường từ phi trường Madras đến Cheput chỉ có 150 cây số, nhưng chúng tôi phải mất gần 4 tiếng đồng hồ mới đến được địa điểm chỉ định. Lý do, một phần vì đường xá quá gồ ghề, chưa kể là thiên hạ chờ về khuya ra ngồi hai bên lề đường để thưởng thức cái thú "thứ nhút quận công, thứ nhì ì... đồng". Còn lái xe thì khỏi bàn tới vì hình như cái xứ ni không có luật đi đường, mạnh ai cứ chạy, tài xế cứ ấn còi chát tai trong đêm khuya để qua mặt hay lấn đường nhau. Hơn nữa xe hơi chạy bên trái mà tôi cứ sợ 2 xe đang chạy ngược chiều như sắp tông vào nhau làm tôi không thể nào nhắm mắt được.

Ấn Độ, ơi Ấn Độ! Nhưng Ấn Độ có một chiều dài lịch sử cần nói đến. Qua sự lãnh đạo tài ba và khéo léo của Thánh Gandhi, Ấn Độ đã giành lại độc lập sau 40 năm thống trị của nước Anh. Hiện tại Ấn Độ đang lâm vào một tình trạng xáo trộn kinh khủng đặc biệt là khủng hoảng chính trị, kinh tế và xã hội. Kể từ năm 1947 chính phủ do Ông Nehru lãnh đạo đã bắt đầu ban bố một chính sách dân chủ rộng lớn. Triều đại Nehru chấm dứt vào năm 1991 sau vụ thảm sát đẫm máu Rajiv Gandhi, con trai của Bà Indira Gandhi. Thật ra trong thời gian qua đã có nhiều vị Thủ Tướng đã bị Quốc Hội Ấn bất tín nhiệm sau một nhiệm kỳ ngắn hạn hay bị ám sát do những phần tử đối lập cuồng tín chủ trương. Kể từ ngày rời khỏi ách đô hộ Anh, Ấn Độ đã có 13 lần đầu phiếu

toàn quốc mà chỉ nội trong vòng 3 năm sau cùng đã có 3 chính phủ khác nhau được thành hình. Từ năm 1950 Ấn Độ là một nước dân chủ độc lập trong khối Liên Hiệp Anh được chia ra 25 tiểu bang và 7 lãnh thổ với rất nhiều dị biệt về văn hóa và tôn giáo. Các tiểu bang được điều hành bởi một chính quyền của tiểu bang. Các Thống Đốc (Gouverneur) lãnh thổ do Thủ Tướng Chính Phủ Trung Ương chỉ định. Để giản dị hóa vấn đề hành chánh, chính quyền được chia ra 5 khối: Đông-Tây-Nam-Bắc và khối Trung Ương. Về chính trị có 46 đảng phái, 3 đảng hiện đang có uy tín nhất là Congress Party, National Hindu (BJP) và Cộng Sản. Đảng Cộng Sản Ấn Độ hiện có nhiều uy tín tại miền Tây Bengal và vùng Kerala. Hiện nay Đảng Congress Party có thể đứng lên thay thế Đảng National Hindu (BJP) để nắm chính quyền nhưng nội bộ đảng phân hoá nặng nề. Trong tình thế chính trị rối ren hiện tại, một người có thể thu lại quyền lực của đảng National Hindu để cài tổ lại một chính phủ mạnh là Sonia Gandhi, quả phụ của Rajiv Gandhi. Tuy nhiên bà Sonia lại bị chống đối dữ dội vì bà là một người gốc Ý mặc dù bà đã có quốc tịch Ấn trên 20 năm, hơn nữa bà là một người Công giáo.

Theo thống kê 1997, Ấn Độ có diện tích 3.287. 593 kilô mét vuông (đứng vào hàng thứ 7 của thế giới, 13 lần lớn hơn Việt-Nam), khoảng cách Nam - Bắc 3.200 cây số, Đông - Tây 2.750 cây số. Những thành phố lớn (tính bằng số 1.000.000 dân) Bombay 14.5; Calcutta 12.0; Dehli 10.1; Madras 5.7 và 20 thành phố lớn khác có trên 1 triệu dân. Vào năm 1947 đã có đến 98% dân Ấn bị nạn mù chữ. Hiện tại theo thống kê có 35% đàn ông và 13% đàn bà biết đọc và biết viết. Tiếng nói và chữ viết cũng là một vấn đề nan giải: 1.672 tiếng mẹ đẻ (gồm những tiếng địa phương và tiếng lóng) khác nhau, 18 thứ tiếng được thông dụng chính (languages officially) bao gồm (số người sử dụng được tính bằng triệu): Hindi 135, Telugu 39, Bengali 35, Marathi 34, Tamil 31, Urdu 24, Gujarati 21, Kannada 19, Malayalam 17, Oriya 16, Punjabi 11, Assamesisch 7, và Kaschmiri 2. Ngoài tiếng Anh, thứ tiếng của thuộc địa mẫu quốc ngẫu nhiên được hoan hỉ đón nhận là một ngôn ngữ thông dụng chính để giao dịch trong một quốc gia quá nhiều phân hóa, nhiều địa phương tính, Ấn đang cố tìm cho được một tiếng nói

chung cho quốc gia. 50% dân Ấn nói được tiếng Hindi, vào ngày 26 tháng Giêng 1965 tiếng Hindi được chọn là ngôn ngữ hành chính của quốc gia. Theo mong muốn của Thánh Gandhis thì quốc gia Ấn Độ phải có một thứ tiếng chung, tiếng Anh chỉ một ngôn ngữ giao thời mà thôi. Ngôn ngữ mới dự trù cho cả nước Ấn Độ sẽ do 2 thứ tiếng Hindi và Urdu kết hợp lại với nhau là 2 thứ tiếng được sử dụng nhiều tại miền Bắc dùng để nói. Còn chữ viết thì lấy từ tiếng Hindi hay Urdu. Nếu sự kết hợp ngôn ngữ này được thành công thì sẽ truyền bá xuống miền Nam để thay thế lần lần thổ âm địa phương. Than ôi, sự mong muốn của người lãnh đạo tối cao, người đã giành lại độc lập cho quốc gia Ấn Độ cho đến thế kỷ thứ 21 này vẫn không thể thực hiện được. Người ngoại quốc đến du lịch nơi đây được lợi điểm trong vấn đề giao dịch bằng Anh ngữ (chỉ tại các tỉnh lớn, tài xế taxi, khách sạn...)

Năm 1900 chỉ có 250 triệu dân, đầu năm 1967 đã lên tới 500 triệu và theo đà đó thì năm 2000 dân số Ấn Độ lên 1 tỷ người (1/6 dân số thế giới). Chỉ từ trong khoảng 1951 - 1961 dân số Ấn gia tăng 70 triệu có nghĩa 10 lần dân của nước Áo. Vào năm 1900 tuổi thọ trung bình của người Ấn chỉ có 24 tuổi, hiện nay phỏng chừng 43, 75% dân số trẻ hơn 35 tuổi và chỉ có 8% trên 55 tuổi. 200 triệu dân Ấn có cuộc sống vô cùng nghèo nàn và cơ cực. 75% dân số sống nhờ chăn nuôi, trồng trọt và chài lưới, có những gia súc, thú rừng và cây cối đặc biệt. Quan trọng nhất là hệ thống giao thông, với 60.000 cây số đường rầy xe lửa Ấn Độ đứng đầu tại Á châu và thứ ba trên thế giới với 7.000 ga xe lửa, 11.000 đầu tàu (3/4 đầu tàu chạy bằng than, số còn lại bằng Diesel hay điện) có 8.000.000 hành khách mỗi ngày. Năng xuất quốc gia khoảng 100 tỷ Đức Mã / năm.

82% dân Ấn có đạo Hindus, 12% đạo Hồi, 2,3% Thiên Chúa Giáo, 1,9% đạo Sikhs, 0,8% Phật Giáo, phần còn lại là những tôn giáo nhỏ khác như Jainas 0.46%, Parsen 0.37%...

Cuối cùng, tôi cũng xin nói thêm vài hàng về St. Thomas Hospital & Leprosy Center, nơi tôi đến làm việc thiện nguyện. Bệnh viện Cheput là một trong những trung tâm y tế được sự tài trợ của Medical Mission Institute Wuerzburg - Missionsaerztliches Institut Wuerzburg, Cộng Hòa Liên Bang Đức tài trợ. Cha Christoph Becker, người đã sáng lập ra học viện

từ thiện này vào năm 1922 sau khi hoàn thành sứ mạng của Hội Đồng Giám Mục giao phó từ miền bắc Ấn Độ về. Vào đầu năm 1960, bác sĩ F. Hemerijcks một chuyên gia bệnh Cùi người Bỉ kêu gọi sự giúp đỡ cho chương trình chống bệnh nan y đang bành trướng mạnh tại tiểu bang Tamil Nadu thì sự hỗ trợ được đáp ứng tức thời và ngày 16.05.1960 bệnh viện Chetput dưới sự điều khiển của nữ bác sĩ người Đức M. Asschoff được thành lập, có 230 giường với các khoa Nội, Giải Phẫu, Nhi, Bài Lao và chống Cùi. Năm 1975 bệnh viện được xem là một trung tâm y tế kiểu mẫu để chăm lo sức khỏe cho 350.000 dân của vùng phụ cận Chetput. 34.000 người bị bệnh cùi đã được đăng ký. Trong khuôn viên rộng rãi của bệnh viện, còn có một ngôi Thánh Đường để chăm lo tâm linh cho bệnh nhân.

Ngay sáng hôm sau tôi được giới thiệu với các đồng nghiệp. Người mà tôi chú ý nhất là Dr. C.K. Job nguyên Giáo Sư Đại Học Y Khoa Tulane, New Orleans, Head of the Pathology Research Department of the National Hansen's Disease Center in Carville / USA. Ông ta, sau khi về hưu đã tình nguyện làm việc không lương để giúp đồng bào ruột thịt bị bệnh cùi. Ngôn ngữ được sử dụng trong tất cả buổi họp mặt như đã trình bày trên là Anh ngữ, vì đây là một nhóm người từ nhiều quốc gia khác nhau. Mỗi tuần chỉ mở định kỳ 2 ngày, những ngày còn lại để khám ngoại chẩn. Mở cấp cứu vẫn được mở hàng ngày. Khu giải phẫu có 3 tay mổ: một là nội trú, một vừa có cấp bằng chuyên khoa giải phẫu và vị lớn tuổi nhất là một Y sĩ Thiếu tướng không quân hồi hưu đến làm việc cho qua thì giờ. Ông ta là một phẫu thuật viên có hạng và có nhiều khả năng điều hành. Phải nói mở cấp cứu cũng nhiều như mở định kỳ, vì dân nghèo chỉ treo lên bàn mổ trong đường cùng thể tận, họ lấy tiền đâu ra mà mua thuốc men??? Những ngày khám ngoại chẩn có 4 bác sĩ, vừa khám vừa cho thuốc miễn phí từ 400-450 bệnh nhân đủ mọi thứ bệnh và luân phiên nhau mổ. Người dân nghèo không có tiền đi khám tại các bệnh viện chính phủ hay phòng mạch tư nhân vì họ phải trả tiền khám và mua thuốc. Bệnh nhân đến từ những vùng xa xôi bằng xe đò, hoặc chuyên chở bằng xe bò hay vượt đường xa bằng cặp giò khăng khiu. Hàng tháng chúng tôi có tổ chức

khoảng 20-25 lần đi khám bệnh cộng đồng (outclinics under the trees).

Phung là một bệnh được nói đến nhiều nhất ở vùng nam Ấn Độ thuộc tiểu bang Tamil Nadu. Ở Việt Nam người ta chia ra nhiều thứ bệnh: phung, cùi và hủi. Tôi không biết người ta dựa trên tiêu chuẩn lâm sàng hay cách phát bệnh nào để phân loại. Tại trung tâm săn sóc, chữa trị và chống bệnh cùi St. Thomas Hospital & Leprosy Center, tôi thật sự sợ phải bị lây bệnh vì đi đâu cũng gặp, trong công việc hàng ngày tại bệnh viện, trên công lộ đầy người chen chúc. Họ đến với tôi rất vồn vã, họ nắm tay tôi cũng vì tính tò mò đối với khách lạ, cũng có thể họ nghĩ tôi có một phép màu nhiệm nào để đem họ ra khỏi nỗi buồn của tâm linh và nỗi đau của thể xác. Chúng tôi vẫn cắt tay cưa chân cùi bị nhiễm trùng... Tay chân khăng khiu vì thiếu ăn, áo quần rách rưới và những vết thương đang còn rỉ máu làm tôi sợ. Qua sách vở thì bệnh phung lây từ máu của người bệnh qua vết thương ở da của người lành cho nên có lúc tôi đã có ý bỏ chạy khi họ vồn vã kéo tay hay ôm chân tôi, nhưng lương tâm chức nghiệp đã giữ tôi nán lại với họ.

Cái sợ ám ảnh tôi hàng ngày cho nên tôi đã gặp bác sĩ C.K. Job để thỉnh ý. Sau khi giảng bài cho tôi và kết luận: người Ấn di cư sang Mỹ, Anh và các quốc gia khác tại Âu hay Á thì không thấy mang bệnh phung cùi vì tại các nơi định cư mới họ tắm rửa hàng ngày vấn đề vệ sinh chung và cá nhân được đảm bảo. Dân Ấn không có vệ sinh tối thiểu cho nên không chặn đứng được sự lan tràn của con bệnh nan y. Bác sĩ C.K. Job đã sống trong nghề 40 năm tặng cho tôi một cuốn sách nói về bệnh phung cùi hủi làm cho nỗi lo lắng đè nặng trong tim tôi giảm hẳn, mang cho tôi niềm tin. Từ đó tôi an tâm làm việc hăng hái hơn.

Ăn hận nghề nghiệp trong tâm tư tôi càng nặng nề hơn khi tôi đi theo một số y tá Đức và Ấn làm việc thường trực tại bệnh viện của hội "Verein fuer aertzlichen Dienst in Uebersee - Missionsaerztliches Institut". Vào những lúc nghỉ giải lao, từ 16 giờ thì họ mất dạng cho đến tối mịt mới về ăn cơm, có khi bỏ cả buổi cầu kinh ban chiều. Sau này tôi mới biết, họ đến nhà những người bị cùi để săn sóc sức khỏe, họ đến những nhà tạm trú tập thể của những bệnh nhân không có gia đình hay bị gia đình bỏ rơi đút cơm cho người bị cụt tay thay áo giặt quần cho

những người bị tàn tật. Nhìn thấy họ ham công việc mà tôi cảm thấy ngưỡng với lương tâm.

Ngoài bệnh viện, hội còn có một căn nhà chung để giải thích và chăm sóc bài vở cho trẻ con. Nơi đây thì những y tá Ấn Độ chịu trách nhiệm. Dân chúng chung quanh vùng sống chật hẹp, thiếu ánh sáng đèn điện cho nên nơi tập trung các trẻ con có chỗ để làm bài tập, có thầy giáo chỉ bày thêm bài vở...

Số lượng bệnh nhân phung cùi đang trên đường đi xuống, năm 1992 trên thế giới theo thống kê cho biết có 11 triệu người bị cùi, vào năm 1998 chỉ còn có 800.000. Bệnh có khả năng chữa trị lành nếu được chăm sóc và uống thuốc đầy đủ. Thống kê còn cho biết, tại vùng tôi đang công tác ở miền nam Ấn, tại tiểu bang Tamil Nadu này có đến những 6% dân chúng bị bệnh phung cùi. Tôi cũng biết Mẹ Theresa đã giúp ích rất nhiều cho người dân nghèo Ấn. Nay Bà đã mất, nhưng con cháu của Bà chắc chắn còn phải nhọc nhằn hơn nữa để cứu giúp dân nghèo khổ ở xứ này. Thế giới đã khâm phục Bà và Bà rất xứng đáng nhận Giải thưởng Nobel!

Bệnh thì đủ loại, phần nhiều là bị nhiễm trùng. Có lần tôi đã gặp một người mà chân bị nhiễm trùng cả tháng vì dẫm cùi trong rừng đạ phải mảnh gỗ vụn, không có thuốc để trị. Chân bị sưng phù lên, chỉ biết lấy tay bóp cẳng chân nặn mủ chảy như vắt sữa bò, mùi thối xông lên tận trời xanh mà không cần gây mê!

Một bà chừng 60 tuổi bị té gãy xương đùi. Đồng con, nhà nghèo cho nên bà chỉ biết nằm vạ trên giường ngày này qua tháng khác không thuốc men, rồi chết dần chết mòn vì sưng phổi thật thảm thương. Thùng bao tử do bệnh loét dạ dày không có thuốc chữa trị, vỡ ruột thừa viêm xày ra như cơm bữa. Trẻ con cũng như người lớn đi chân không. Người làm việc đồng áng, nhân công xây cất nhà cửa cũng không có mang giày vớ để bảo vệ cho đôi chân. Cho nên chúng tôi trở thành là những chuyên viên mổ xẻ gấp đinh hay tìm mảnh gỗ vụn đã đạ nhằm ở bàn chân hay chích vào cẳng tay... Chúng tôi không ai có học chuyên khoa Tai Mũi Họng nhưng lại trở thành những tay tổ moi đậu phụng, đậu xanh, hòn bi chai vì trẻ con thích nhét vào mũi...

(Còn tiếp)

Hãy đọc lại truyện

LINH NGHIỆM

• Thanh Phong

*Gửi quý vị Đại Biểu
Đại Hội IX ĐCSVN*

Có thể là trong quý vị đại biểu, vài người còn nhớ, hồi tháng 7 năm 1992, ở đất Thăng Long ngàn năm văn vật, nơi quý vị sắp đến họp Đại Hội IX, đã xảy ra một sự kiện văn học làm xôn xao dư luận nước ta. Mà chuyện động trời đó gây nên bởi một truyện rất ngắn và hay, đăng trên báo Văn Nghệ số 27, nhan đề "**Linh Nghiệm**" của nhà văn Trần Huy Quang. Truyện chỉ chừng 2000 từ thôi, nhưng nó làm người đọc giật mình nghĩ đến tình cảnh của đất nước và dân tộc trong nhiều thập niên qua. Nó đặt ra những vấn đề lớn mà mỗi người tâm huyết đối với đất nước và dân tộc đều phải suy nghĩ. Chính vì thế, hôm nay, tôi muốn thưa chuyện cùng quý vị về cái truyện ngắn đó.

Ngay cái tên **Hình**, nhân vật chính, và câu mở đầu truyện ngắn: "**Hình** là con trai thứ ba trong một gia đình nông dân không nghèo nhưng cũng không giàu có gì lắm", đã gợi cho bạn đọc tình ý nghĩ đến ông Hồ Chí Minh. Ông cũng là con trai thứ ba trong nhà, sau ông anh Nguyễn Sinh Khiêm và bà chị Nguyễn Thị Thanh. Gia cảnh của ông cũng na ná như vậy. Đến câu thứ hai: "**Cha** anh ta có đỗ đạt, đã từng làm quan, nhưng tính khí thất thường, lòng đầy ham hố nên quan trên không mặn mà gì nên đã bỏ quan, khi đi dạy ở chốn kinh kỳ, khi ngồi bốc thuốc ở vùng sơn cước". Có thể là trong quý vị ít người biết sự thật về cụ thân sinh ông Hồ, vì những người viết sử của đảng đã tung ra nhiều huyền thoại về tinh thần cách mạng chống Pháp, chống Triều đình của cụ, về việc cụ đã treo ấn từ quan, nên chính nhà văn cũng bị "tung hỏa mù" mới dùng chữ "đã bỏ quan". Nhưng đó chỉ là tiểu

tiết, còn đại thể thì khớp với thực tế. Cụ Nguyễn Sinh Sắc, sau đổi tên là Sinh Huy, thân sinh ông Hồ, hồi năm 1901 đỗ Phó Bảng, năm 1906 được bổ làm Thừa Biện Bộ Lễ, ba năm sau lại được bổ làm Tri huyện Bình Khê ở tỉnh Bình Định. Khi làm Tri huyện, cụ đã lạm quyền đánh chết người nên bị phạt trăm trượng, giáng bốn cấp và giải về Huế. Chuyện này có ghi rõ trong Tờ Trình của Bộ Hình ngày 19 tháng 8 năm Duy Tân thứ tư (tức là ngày 22.9.1910). Về sau cụ Sắc khi đi dạy, khi bốc thuốc, hệt như bố của **Hình** vậy. Những câu sau, nhà văn mô tả tính tình của nhân vật chính: "**Hình** thừa hưởng ở dòng họ và khí chất của vùng chôn nhau cắt rốn cái nét cơ bản cần cho kẻ có hoài bão tham chính là tính đa mưu túc kế, lòng dạ thật không bao giờ lộ ra mặt, bạn bè cùng lứa không ai dám kết thân làm bằng hữu. **Hình** sáng dạ, lại có chí, học đâu biết đó, hai mươi tuổi làm thơ chữ Hán, đọc Rút-xô, Mông-tét-ski-ơ... bằng nguyên bản nhưng **Hình** chán học, chỉ nhằm nhằm một dạ xuất ngoại". Phác họa sắc sảo của nhà văn gợi lên những đường nét độc đáo của ông Hồ. "**Hình** ngược cái nhìn mong đợi lên bầu trời, hoài vọng bóng dáng một con tàu, tìm kiếm một phép thần thông...". "**Tháng** ngày như sợi chỉ căng mà lòng khao khát làm trai hải hồ, khắc khoải mong một phút được quỳ dưới chân bậc Chí Thánh và nói: "**Ồn** Người, Người là nguồn ánh sáng dẫn dắt chúng con... **Lũ** chúng sinh con khao khát được gặp Người...". Đọc những dòng này, chắc quý vị nhớ lại là chàng Nguyễn Sinh Cung, tức Nguyễn Tất Thành, tức ông Hồ sau này, hồi đầu những năm 20 của thế kỷ trước, trong một bài đăng trên tờ Sự Thật (27.1.1924), đã tôn vinh Lênin cũng với giọng văn hệt như thế: "**Khi** còn sống, Người là cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay. Người là ngôi sao dẫn đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội". Nhà văn kể tiếp: "**Thế** rồi như sự linh nghiệm của lời nguyện cầu, một đêm giông tố bão bùng... **Hình** đã lên chín tầng Thánh địa để được gặp **đấng** Chí Linh". Cũng như thế, năm 1923, ông Hồ đã đặt chân lên Miền Đất Hứa của ông là nước Nga Xô-viết những mong được gặp **đấng** Chí Thánh cộng

sản. Truyện kể rằng **Hình** không gặp được **đấng** Chí Thánh, mà gặp, "**một** cô gái tóc vàng" (hình tượng hay biết bao !), "**sứ** giả của **đấng** Lập Đạo... trao cho **Hình** đạo thư quý giá... rồi biến mất giữa bao la" ... "**Hai** tay đỡ cuốn sách trước trán, **Hình** vẫn quỳ và thành kính đặt lên đó một cái hôn, rồi anh run run dở ra đọc". Đạo thư đó dạy anh làm thế nào để "**có** được thiên hạ". "**Hình** áp cuốn đạo thư vào ngực tức tức. "**Trời** ơi, bảo bối, bảo bối..." **Hình** sung sướng hét toáng lên. Tiếng anh vang rất to trong đêm" ... "**Anh** sung sướng và cảm động đến mức nước mắt giàn giụa. Ôi chúng sinh nhọc nhằn và tâm tối của ta, bảo bối này sẽ soi sáng đường chúng ta đi...". **Hắn** quý vị còn nhớ, chính ông Hồ đã kể lại trong một bài viết, là hồi đầu thập niên 20, lần đầu tiên đọc "**Luận** cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa" của Lênin, ông không hiểu hết, chỉ nắm được điểm chính, nhưng... : "**Tôi** vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "**Hồi** đồng bào đang bị đọa đày đau khổ! đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!". Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba". Ông Hồ đã nói: "**Chủ** nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái cẩm nang thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản".

Truyện kể rằng: Có được bảo bối trong tay, **Hình** lên đường "đi về phía Nam" tìm đến vườn hoa và làm đúng như lời chỉ giáo trong "đạo thư": anh "**khom** người xuống, đi chậm từng bước một, mắt nhìn xuống đất để "**tìm** cái này" ... "**Tìm** cái này" là tìm cái gì, anh không hiểu nhưng không dám nghi ngờ lời vàng ngọc của **đấng** Tiên tri" ... "**Anh** như bị thôi miên, không biết mình đang tìm cái gì, nhưng anh cúi lom khom, mắt dán xuống đất và từng bước một chậm rãi" ... Ai hỏi anh, anh chỉ buột miệng trả lời: "**Tìm** cái này" ... Thế là "**một** nhóm học sinh

cấp ba, mấy đứa con trai vốn hiếu kỳ", tiếp đến "dân lang thang thất nghiệp, dân nhà quê bỏ ra thành phố kiếm cơm, đang đói rách hy vọng vớ được một chút may mắn", rồi đến "dân xích-lô, ba-gác, dân ăn xin, trẻ mồ côi bán báo, dăm cô điếm, dăm bụi đời móc túi" ... đã đi theo Hình. Cứ thế, "số người hy vọng có một chút no ấm bỏ lê trên vườn hoa để tìm vật báu... đông như một đàn kiến". "Hình chợt nhận ra tiếng ồn của đám đông và anh ngạc nhiên đứng lên nhìn họ, hóa ra thiên hạ đã bu lại xung quanh mình". Anh đã có được thiên hạ !

Truyện kể tiếp: "Cái đám đông ấy cứ như dòng nước trong lòng sông, trôi đi chứ không cạn. Người đến trước, thất vọng ra về trước, người đến sau, thất vọng ra về sau. "Tìm cái này" là cái gì không ai biết - nhưng cứ hy vọng có chút no ấm mờ mờ phía trước cũng đã hấp dẫn để họ trở thành một dòng nước". Rồi nhà văn đột ngột kết thúc:

"Trưa.

Rồi chiều.

Và... vẫn còn đám đông xúm xít giữa vườn hoa Mùa Xuân".

Đoạn kết thật xót xa! Ngay cái tên vườn hoa trong truyện cũng có tính biểu tượng sâu sắc. Chẳng phải là quý vị vẫn thường tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản là Mùa Xuân Nhân Loại đấy ư ? Và đúng là nhiều người dân Việt Nam, một số ít tự nguyện còn tuyệt đại đa số thì bị bắt buộc, đã đi theo ông Hồ và đảng cộng sản hàng mấy chục năm trời để mong có được "chủ nghĩa xã hội" và tới Mùa Xuân Nhân Loại, thế mà nào có ai biết được mặt mũi, hình dong "chủ nghĩa xã hội" là cái chi chi, chính ngay ông Hồ và các lãnh tụ khác của đảng ông cũng không biết. Có khác gì "thiên hạ" đi theo Hình "để tìm cái này" mà chẳng một ai biết là cái gì cả, nên hết lớp người này đến lớp người khác đã thất vọng ê chề.

Tuy nhiên, hậu quả việc làm vô văn của chàng Hình không lớn lắm: anh ta làm mất thì giờ của nhiều người và gây thất vọng cho họ. Của đáng tội, anh không hề dùng "bạo lực" để bắt buộc ai làm theo mình cả. Cái xấu của

việc Hình làm không thể nào sánh được với cái nguy hại tày đình, khủng khiếp mà ông Hồ Chí Minh và đảng của ông đã gây ra cho dân tộc Việt Nam trong rất nhiều thập niên.

Xin quý vị cứ nghĩ lại mà xem! Ông Hồ và đảng của ông đã đi theo chủ nghĩa Marx-Lenin, lợi dụng việc giải phóng dân tộc để cướp chính quyền vào tay mình, rồi bắt dân ta "tiến lên chủ nghĩa xã hội", mà chính ông Hồ và các lãnh tụ khác của đảng cũng không ai biết "chủ nghĩa xã hội" đó là cái gì. Dù vậy, ông Hồ và đảng ông cứ dùng "chuyên chính vô sản", tức là dùng quyền độc tài của đảng cộng sản kẻ dao vào cổ mỗi người bắt phải theo, không theo thì "chuyên chính", tức là cho công an bao vây, theo dõi, bắt bớ, tù đày, quản chế, thậm chí có khi còn thủ tiêu bí mật hay lập tòa án phi pháp để bắn bỏ. Quý vị hãy khách quan xét xem có đúng như vậy không ?

Tuân theo "cẩm nang Marx-Lenin", ông Hồ và đảng của ông đã bắt dân chúng "làm cách mạng vô sản", bắt "đấu tranh giai cấp" để giải quyết vấn đề "ai thắng ai ở miền Bắc nước ta. Cụ thể là "làm cải cách ruộng đất" gây ra biết bao bạo hành, biết bao đau thương cho người dân vô tội, làm đảo lộn cả đạo đức truyền thống khi bắt con cháu "đấu tố" cha mẹ và ông bà, vợ chồng, anh em, bà con "đấu tố" lẫn nhau. (Lố bịch nhất là hiện nay lại xuất những tên "bồi bút", "sử gia", "nhà báo", "nhà văn" được đảng bật đèn xanh cho "tiết lộ những phát hiện đầy cảm động" rằng ông Hồ không tán thành làm cải cách ruộng đất, không tán thành bắn bà địa chủ kháng chiến Nguyễn Thị Năm, không tán thành tỳ lệ 5% địa chủ, không tán thành chính sách đối với các tổ chức "cũ" của đảng, ông đã khóc lóc tại cuộc họp nhân dân thủ đô khi đảng nhận những sai lầm trong cải cách ruộng đất, v.v... và v.v... Làm như tưởng ông chưa từng làm Chủ tịch đảng cộng sản, Chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, chưa từng "huấn thị" cho cán bộ, đảng viên, cho các "anh đội", "chị đội" về cải cách ruộng đất !). Tiếp đó, đảng lại bắt nông dân "làm hợp tác hóa

nông nghiệp", có nơi còn bắt dân chuyển xóm làng từ đồng bằng lên đồi núi để lấy đất sản xuất làm xáo trộn cả cuộc sống an bình của người dân. Ở thành thị thì bắt dân làm "hợp tác hóa thợ thủ công và tiểu thương", thậm chí bắt thợ hớt tóc, dân chửi xe đạp, dân bán hàng rong đều phải tập trung lại một chỗ trong những "tập đoàn", "hợp tác". Vẫn chưa đủ, còn bắt "cải tạo xã hội chủ nghĩa công thương nghiệp tư doanh" để tước đoạt tài sản của những người tạo ra của cải xã hội. Vừa phá hoại nền kinh tế đất nước, đảng cộng sản lại vừa triệt hạ nền văn hóa truyền thống của dân tộc bằng việc tự ý loại bỏ văn hóa cổ truyền bị đảng quy là thực dân, phong kiến, tư sản, bằng việc xáo quyết triệt tiêu các tôn giáo truyền thống, việc "cải tạo trí thức" bắt họ theo ý thức hệ "Marx-Lenin", việc cưỡng ép văn học, nghệ thuật phải cúi đầu sáng tác theo lệnh đảng và dựng lên một nền giáo dục nhồi sọ, ngu dân... Người dân bị đảng tước đoạt mọi quyền tự do, dân chủ mà đảng đã hứa hẹn khi chưa cướp được chính quyền. Cả nước bị đặt dưới một nền "đảng trị" độc tài, nền "cảnh sát trị" cực kỳ khắc nghiệt với chế độ đăng ký hộ khẩu, chế độ tem phiếu, chế độ thị trường cấp chưa từng thấy trong lịch sử nước nhà. Dưới chế độ "mới", cuộc sống của người dân thật vô cùng bi đát. Những điều vừa nói là sự thật, quý vị đều đã biết rõ, nếu bản thân không "được" ném trái như người dân thường thấp cổ bé họng. Đó là chưa nói đến biết bao vụ khủng bố đảng đã tiến hành với người dân, như vụ đàn áp đẫm máu nông dân Quỳnh Lưu nổi dậy vì bất bình những bạo hành của cuộc cải cách ruộng đất, vụ án "Nhân Văn - Giai Phẩm" để trấn áp những giáo sư, văn nghệ sĩ, trí thức thềm khát tự do, vụ án "Xét Lại - Chống Đảng" để trừng trị những cán bộ đảng viên của đảng không đồng quan điểm với nhóm cầm quyền... Dưới lưỡi gươm "chuyên chính vô sản" của đảng, biết bao sinh mạng đã ngã xuống, biết bao số phận bị giày xéo, biết bao gia đình tan nát, tinh thần tự cường, tự tại của lớp sĩ phu Bắc Hà bị đánh gục. Hơn thế nữa, cả một nền đạo đức truyền thống của dân tộc bị suy đồi, cả một nền văn hóa, văn học, nghệ thuật bị

thui chột. Thế mà đảng của quý vị cứ khăng khăng nói là "sự lựa chọn của Bác Hồ là duy nhất đúng đắn" ! Hoặc có khi còn nói điều là "nhân dân Việt Nam đã chọn con đường xã hội chủ nghĩa" ! Làm như tưởng dân ta có được cái quyền ấy !

Thế vẫn chưa đủ, nắp dưới khẩu hiệu "đấu tranh thống nhất đất nước", ông Hồ và đảng của ông còn tiến hành một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn vô cùng ác liệt trong hàng chục năm để chiếm đoạt miền Nam. Hàng triệu người dân ở cả hai phía đã ngã xuống trên chiến trường, hàng chục triệu người khác bị thương tật suốt đời, bao nhiêu tang tóc đau thương mà toàn dân tộc đã phải gánh chịu trong hàng chục năm ròng. Chỉ riêng cái mìn đồ "Tổng Tấn Công" hồi Tết Mậu Thân (1968) với câu thơ giục giã "Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!" của ông Hồ (mà báo đảng ngợi ca là: tiếng kèn xung trận) đã làm cho hàng chục ngàn người của cả hai phía phải bỏ mạng oan uổng.

Đến khi chiếm được miền Nam, đảng đã lập lại mọi bước đi của "chuyên chính vô sản" trên miền Bắc. Lần này thì đảng công nhiên gọi tên thật của nó, chứ không còn che giấu dưới cái tên "chuyên chính dân chủ nhân dân" nữa. Từ việc bắt tập trung hàng mấy chục vạn người đã sống và làm việc dưới chế độ "cũ" nhốt vào các trại tù rải trên khắp đất nước, đến việc "đánh tư sản mại bản", việc "cải tạo công thương nghiệp", việc "hợp tác hóa nông dân, thợ thủ công, tiểu thương, diêm dân, ngư dân", cho đến việc đẩy ả dân đi các "khu kinh tế mới", việc triệt tiêu giáo hội các tôn giáo truyền thống, việc cướp đoạt sản phẩm lao động của nông dân... Bao nhiêu đau thương, bao nhiêu tan nát do những việc này gây ra. Đảng càng "tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội", càng đẩy cả nước ta vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng, toàn diện, và toàn dân tộc phải chịu cảnh điêu linh đến cùng cực chưa từng thấy. Mấy triệu người phải liều chết chạy khỏi cái "thiên đường xã hội chủ nghĩa"! Trên đường vượt biên, hàng chục vạn sinh mệnh của con dân Việt

Nam đã bị chết thảm trong rừng sâu hay dưới đáy biển! Kết quả nổi bật nhất của mấy chục năm dưới quyền cai trị của đảng ông Hồ là Việt Nam ta bị xếp vào hàng những nước nghèo khổ nhất thế giới. Ngày nay, chế độ nước ta do bọn cường hào ác bá mang "thẻ đỏ" làm chủ, nạn tham nhũng, nạn thất nghiệp, nạn đói nghèo hoành hành làm khốn đốn người dân lao động.

Chính vì thế, kẻ viết bài này thiết tha đề nghị với quý vị Đại biểu Đại Hội IX của đảng sắp họp: thay vì nghe cái báo cáo chính trị đầy hoang tưởng và láo toét của ông Tổng Phiêu, Đại hội của quý vị nên để thì giờ đọc lại một lần nữa truyện ngắn "**Linh Nghiệm**", và trên cơ sở nhận thức mới, hãy bàn và quyết định những biện pháp cứu nguy dân tộc và đất nước.

Lẽ nào sau những "bài học lịch sử" đầy nước mắt và xương máu của cả dân tộc trong hàng chục năm trời, mà giờ đây quý vị vẫn còn giữ tay biểu quyết hòa theo tập đoàn cầm quyền đang làm ra vẻ mộng du cứ ra rả thốt lên những điều mê sảng chỉ cốt để bảo vệ cái "ghế quyền lực" của họ? Toàn nhân loại đã bước vào thế kỷ 21, cả thế giới đã đổi thay, chủ nghĩa Marx-Lenin đã bị thực tiễn đào thải, chủ nghĩa xã hội đã sụp đổ tan tành, vài nơi chỉ còn lại cái "chủ nghĩa giả cây" mà thôi. Thế thì lẽ nào quý vị cứ hòa theo tập đoàn thống trị mà hô hoài: "kiên trì theo chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh", "kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa bất di bất dịch" ? Quý vị đã biết rồi đấy, cả nước phì cười khi nghe ông Tổng Phiêu phùng mang trộn mắt tuyên bố "đanh thép": dù 10 năm, 50 năm hay 100

năm nữa thì ông ta và đảng của ông vẫn cứ kiên quyết đi tới "chủ nghĩa xã hội" !

Chuẩn bị cho Đại Hội lần này, trong đảng của quý vị có một số đảng viên đầu óc tỉnh táo hơn đã đề nghị Đại Hội đảng vứt bỏ "chủ nghĩa Marx-Lenin" ra khỏi cơ sở tư tưởng của đảng và ném vào sọt rác cái mục tiêu "chủ nghĩa xã hội" đi. Mong rằng quý vị hãy sáng suốt và dũng cảm ủng hộ những đề nghị đó. Và một khi đã ủng hộ những đề nghị đó, thì quý vị không còn lý do gì để duy trì "chuyên chính vô sản", "nguyên tắc tập trung dân chủ" và "độc quyền lãnh đạo của đảng cộng sản", tức là điều 4 Hiến Pháp hiện hành nữa. Và quý vị hãy ra quyết định về việc dân chủ hóa nước nhà, trước nhất là thực hiện nghiêm chỉnh các quyền tự do, dân chủ, các quyền công dân, quyền con người đã được long trọng ghi trong Hiến Pháp, ra quyết định về những biện pháp hữu hiệu chống nạn tham nhũng, nạn cường hào ác bá mới, nhất là trong cán bộ của đảng. Làm được bấy nhiêu việc thiết thực đó, Đại Hội đảng của quý vị sẽ xứng đáng được ghi vào lịch sử nước nhà như một Đại Hội Dân Chủ Hóa Đất Nước. Còn nếu không thì Đại Hội của quý vị chỉ là nơi tán phét để cho bọn tham quyền cố vị đấu đá nhau, tranh giành địa vị chứ chẳng ích gì cho nước, cho dân. Mong rằng nhiều người trong quý vị hãy còn có lương tâm, còn có lòng yêu nước, thương dân. Xin hãy tỏ rõ lòng can đảm ngay tại Đại Hội IX này.

(Đầu năm 2001)

Trịnh Quang Khánh

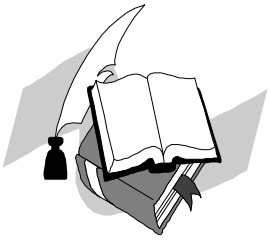
Địa chỉ mới : Glatzerstr.3. 22045 Hamburg
Tel : 040/ 656 836 69

♥

◆ ♣

Nhận coi chữ ký, chỉ tay, bói bài
Lớp vẽ mỹ thuật
Lớp vũ dân tộc cổ điển và thời trang

Điện thoại về : Trịnh Quang Khánh sau 16 giờ.



TÔI CÓ DUYÊN VỚI PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

• THỊ CHƠN NGÔ NGỌC DIỆP

Người học Phật chúng ta ai cũng đều *chứng nghiệm* được rằng việc tu học tại xứ người quả thật không đơn giản. Trước tiên vì bối cảnh của quốc độ mình đang trú, sau cùng nhưng lại có ảnh hưởng lớn nhất là cuộc sống của bản thân và chính gia đình mình. Tuy nhiên theo tôi, chúng ta cứ *nhìn* hay là *quán* những *khúc mắc* đó như là một phương tiện trong ý nghĩa của *tỳ duyên bất biến để học, tu và hành Đạo*. Ngoài ra chúng ta cũng đừng quên câu thứ 4 trong mười điều của Luận Bảo Vương Tam Muội có ghi rõ là: *xây dựng đạo hạnh thì dùng cầu không bị ma chướng, vì không bị ma chướng thì chí nguyện không kiên cường*.

*

Khi người dân bản xứ nghĩ lễ, thì người Phật Tử Việt Nam chúng ta nhân cơ hội đó tổ chức những khóa tu học, huân tu, những khóa chuyên tu và huấn luyện cho Đoàn sinh, Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử v.v...

Trong khoảng thời gian nghỉ lễ Giáng Sinh và Tết tây từ 23 đến 31.12.2000, Chùa Viên Giác tại Đức có tổ chức khóa huân tu *lạy Ngũ Bách Danh Đức Quan Thế Âm Bồ Tát và chuyên trì chú Đại Bi* do Thầy Hạnh Tấn, Phó trụ trì Chùa Viên Giác tại Đức Quốc, chủ trì. Dù khóa huân tu này dành cho chúng đã thọ Bồ Tát Giới, nhưng Phật Tử khắp nơi đến Chùa tham dự khá đông.

Tu sinh nhỏ nhất là bé Vi Vi pháp danh Nguyên Thanh, 11 tuổi, con gái út của Anh Quảng Niệm và Chị Nguyên Quế, một gia đình Phật Tử thuần thành. Đạo hữu lớn tuổi nhất là Bác Viên Tuyết, Bác năm nay cũng đã 71 tuổi rồi.

Bên cạnh trì chú Đại Bi, việc lạy 500 danh hiệu Đức Quan Thế Âm Bồ Tát được chia ra làm 4 thời: sau phần công phu khuya, buổi sáng, buổi chiều và buổi tối.

Riêng cá nhân tôi cũng cố gắng thu xếp công việc và thì giờ để tham dự được 2 ngày.

Hôm đầu tiên lạy 500 lạy. Thân thể tôi rã rời ! Qua ngày thứ hai. Tôi bị *run* chân và *mỏi* đầu gối . Có lúc tôi không đứng lên, quỳ xuống để lạy được nữa. Khi mỏi quá, tôi quỳ mọp trên hai đầu gối rồi xụp người xuống lạy. Liếc nhìn qua bên phía Ưu Bà Di, tôi thấy Bác Viên Tuyết, người lớn tuổi nhất trong chúng huân tu, dù Bác không đứng lên lạy xuống được, nhưng Bác cũng vẫn quỳ thẳng để lạy. Trong thâm tâm, tôi cảm thấy *ngại* làm sao! Nên không quỳ lạy nữa, mà đứng thẳng lên lạy. Rồi thì cũng khỏe re! Thế mới thấy sự *quyết tâm, dụng tỳ hay giải đãi* trong việc lập chí tu học xuất phát từ chính nơi tâm của mình, chứ không thể *mong cầu* ở bên ngoài mà có.

Trong lúc nghỉ giải lao, tôi xuống lầu và đi ngang qua sân khấu dưới hội trường. Thấy trên các ghế đặt bên đầu ghế bố của anh Quảng Niệm có để 2 quyển sách với tựa đề "**Hình nh Sinh Hoạt 10 Năm Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức**". Cuốn sách này đã do Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam - Chùa Viên Giác xuất bản năm 1988.

Không có anh Quảng Niệm ở đó, tôi tạm mượn một cuốn cho cháu Tâm Thảo đọc để biết về lịch sử xây dựng ngôi Chùa Viên Giác và sinh hoạt của Phật Tử tại Đức từ 1978 đến 1988. Cháu mới sang Đức hồi cuối tháng 10 năm ngoái để đoàn tụ với mẹ tại

Hannover. Nay cháu là một Đoàn sinh của Gia Đình Phật Tử Tâm Minh thuộc Chùa Viên Giác, Hannover. Tôi đưa cuốn sách cho cháu Tâm Thảo và nói:

- Con cầm cuốn sách này đọc để biết về công đức của Sư Ông cũng như của Phật Tử khắp nơi trong việc xây dựng ngôi Chùa Viên Giác này nghe con !

Cháu Tâm Thảo lúc đó đang ngồi nơi bàn học của cháu Vi Vi. Cháu Vi Vi rất tinh tấn trong việc học đạo cũng như học chữ. Bên cạnh việc tụng kinh, trì chú lạy Phật, cháu Vi Vi còn tranh thủ trong những lúc nghỉ giải lao để làm bài tập của nhà trường cho trong dịp nghỉ lễ. Cháu Vi Vi là đứa trẻ ngoan, giỏi và phúc hậu. Cháu luôn được quý Sư Bà, Sư Cô ở Âu Châu yêu mến.

Cháu Vi Vi nói với tôi:

- Bác Thị Chơn ơi, trong đó cũng có hình của Bác nữa đó!

- Vậy hả con? Tôi hỏi thế.

Nói xong tôi tìm một quyển khác và ra phía ngoài đốt diều thuốc hút để đọc lại cuốn sách này. Tôi vào ngay chương Sư Phụ viết về "Hệ Thống Tổ Chức Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức". Đến trang 26 mục 8 nói về nhân sự, tôi đọc mà lòng triu xuống. Sư Phụ viết như sau:

"... *Người thứ 3 mà tôi mang ơn khá nặng. Đó là Phật Tử Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp, một Kỹ sư; vừa là một Phật Tử khá thuần thành. Thị Chơn là người đệ tử đầu tiên của tôi và đã quy y vào mùa Vu Lan năm 1978 với 2 Phật Tử khác. Thị Minh, anh Châu là những nhân tố lúc ban đầu. Thị Chơn và những Đạo Hữu sau này là những người tiếp nối bước đường hành đạo của tôi tại đây. Suốt 10 năm trường, Thị Chơn luôn luôn có mặt bên cạnh tôi, tình nghĩa Thầy trò còn sâu đậm hơn xưa nữa. Không một bước chân nào của tôi mà không mang theo hình bóng của Thị Chơn sau đó. Như là bóng với hình, Thị Chơn đều có mặt bên cạnh tôi để lo cho tôi. Ôn ấy có lẽ đến đời nào tôi cũng không bao giờ quên được*".

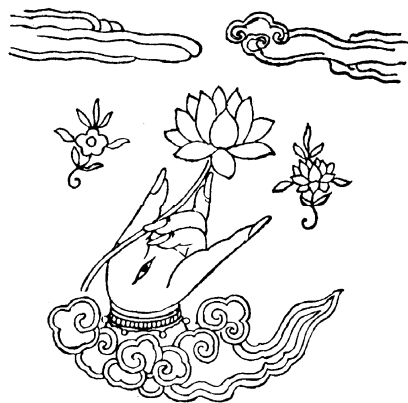
Đọc đến đây tôi gấp sách lại. Trong lòng dâng tràn những kỷ niệm đẹp bên Thầy, bên tất cả các Đạo Hữu

khác trong mọi Phật sự ở thời điểm đó ! Lúc đó tôi chỉ biết phát tâm nguyện: "Con nguyện phần còn lại cuộc đời này của con, con dù sống trong hoàn cảnh nào đi nữa, con cũng không bao giờ quên được công ơn Thầy đã dẫn dắt, đã đưa con trở về với Ánh Đạo Vàng, trở về cội nguồn muôn thuở mà bấy lâu nay con vẫn mãi mê lầm lạc, xa lìa. Con nguyện học hỏi nơi Thầy và sống vì Đạo vì Đời cũng như Thầy vậy. Bởi vì con không bao giờ quên được, thứ nhất là 2 câu trong bài sám mà đạo đó Thầy rất thích tụng trong thời công phu khuya là: ... *Hử không dù có chuyển đi, nguyện con muôn kiếp chẳng hề lung lay...*, ý đã để nhắc nhở và khuyến tấn con; thứ nhì là Pháp Tụ "Hạnh Đức" mà Thầy đã đặt cho con trong quyển "**Tình Đời Nghĩa Đạo**", một truyện tiểu thuyết do chính Thầy viết, và Thầy đã *muộn* con để làm nhân vật chính cho cốt truyện".

Ngày đầu tiên gặp Sư Phụ chính là ngày chuyển đổi cuộc đời của tôi. Sư Phụ cùng với Sư Ông Minh Tâm sang Đức nói chuyện với anh chị em Sinh viên Việt Nam tại Câu lạc bộ của Sinh viên ngoại quốc thuộc Trường Cao Đẳng Đại Học Kỹ Thuật Hannover. Quý Thầy đã trình bày về tình trạng đàn áp nhân quyền và nhất là đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất của nhà cầm quyền CSVN. Lúc đó tôi là thành viên Ban Chấp Hành Hội Sinh Viên Việt Nam tại Hannover. Chúng tôi đã tổ chức buổi gặp gỡ đó. Sau phần trình bày của Quý Thầy, chúng tôi cũng có đóng góp một buổi văn nghệ nho nhỏ mang chủ đề "Quê Hương và Dân Tộc".

Khi nhìn hai bộ áo nâu sòng của Sư Phụ và Sư Ông, trong tôi có một sự chấn động mãnh liệt. Đây chính là cái *duyên*. Nhưng cái nhân có lẽ bắt đầu từ quyển "**Phép lạ của sự tinh thức - cảm nang tu thiền của những người ham chuộng hoạt động**" của Thầy Nhất Hạnh. Quyển sách gối đầu, tôi đã mang từ Việt Nam sang Đức năm 1969. Và sau này còn 2 quyển nữa đã theo tôi cho đến khi *duyên chín mùi* để gặp Sư Phụ tôi là: "**Nẻo Về Cửa Ý**" và "**Duy Thức Học**" cũng của Thầy Nhất Hạnh viết và biên soạn.

Nhưng tôi quả quyết rằng cái *duyên chính* để dẫn dắt tôi đến Phật Giáo là một sự kiện xảy ra ở Đà Nẵng. Từ 1961 đến 1966 là khoảng thời gian đẹp nhất trong tuổi thiếu niên của tôi. Tôi chỉ biết học vì *không thi đậu thì đi lính*, cho đến khi ra khỏi nước du học. Ở Đà Nẵng, tôi là một Đoàn sinh của Hướng Đạo Việt Nam. Về Phật Giáo tôi không biết gì hết. Dù Mẹ tôi đã quy y Tam Bảo rồi với Pháp danh Diệu Nhụy.



Vào một cuối tuần, Thiếu Đội của tôi, lúc đó tôi là Đội Phó, đi cắm trại trong khuôn viên của một ngôi Chùa. Chiều hôm đó mưa to, gió lớn, chúng tôi phải xin vị Trụ trì vào Chùa tá túc. Chúng tôi ngồi vòng tròn trong một góc. Lúc đó có một Sư Chú đang công phu chiều. Các bạn khác suy nghĩ gì thì tôi không biết, riêng tôi chăm chú lắng nghe Sư Chú tụng kinh. Đến đoạn Sư Chú tụng một bài "*Đệ tử kính lạy Đức Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, mười phương chư Phật...*". Bài sám này cũng chính là bài tụng của Gia Đình Phật Tử Việt Nam trong buổi lễ Phật. Tôi nghe qua một lần và thuộc lâu luôn. Không hiểu tại sao ? Tuy nhiên, hằng đêm tôi đều tụng bài này rồi mới đi ngủ. Từ khi còn sống ở Việt Nam cho đến sau này ở Đức trước khi gặp Sư Phụ. Những khi tinh thần không được ổn định, bất an thì tôi mang quyển "**Phép Lạ Của Sự Tinh Thức**" ra đọc hầu tìm được chút gì an lạc để định hướng cho cuộc sống của mình.

Nghe Sư Phụ có ý định về Hannover để đi học tại Trường Đại Học Sư Phạm, lòng tôi hân hoan chi

lạ. Thế là Thầy trò từ kiếp nào đã gặp lại nhau.

Lúc tôi chưa tìm được việc làm, tôi phụ giúp Thầy trong mọi Phật sự.

Nhờ Phật độ nên tôi có một chỗ làm trong hãng Continental tại Hannover, một hãng chế tạo vỏ xe hơi và các mặt hàng cao-su nổi tiếng trên thế giới. Cường vị của tôi lúc đó là Kỹ sư nghiên cứu và chế tạo phụộc nhún bằng hơi (air spring) cho các loại xe hơi và đường sắt. Cái phụộc nhún bằng hơi của xe lửa ICE, loại xe lửa tối tân và chạy nhanh nhất của Đức, cũng do nhóm chúng tôi chế tạo và sản xuất. Trách nhiệm của tôi lúc đó là lo về khâu nghiên cứu, chế tạo và quản lý máy sản xuất các mặt hàng này. Giờ làm việc tùy tôi quyết định, miễn sao việc nghiên cứu và chế tạo có kết quả và đúng hạn cho khách hàng là được. Nên tôi có rất nhiều thì giờ để gần gũi Sư Phụ, một phần giúp cho Người, một phần là nghe Sư Phụ giảng đạo và học hỏi cung cách sống của Người.

Sư Phụ đã cho tôi rất nhiều kinh sách để tham cứu. Toàn là kinh sách Đại Thừa cao đẳng. Sư Phụ có một quyển, thì tôi cũng có một quyển, phòng khi thất lạc. Số kinh sách này tôi đã gửi lại Thư Viện của Chùa cho mọi người đến nghiên cứu.

Tóm lại, cuộc sống của tôi dạo đó rất thú vị. Ngoài việc hãng, tôi đến với Sư Phụ để học Phật và làm việc Phật sự. Vì gần gũi Sư Phụ thường xuyên, nên tôi học được rất nhiều nơi Sư Phụ.

Năm 80, Niệm Phật Đường dọn về đường Eichelkampstr. 35, bên hông đối diện Chùa hiện nay phía bên kia đường. Tôi đã thọ Bồ Tát Giới năm 81, trường chay, tu Thiền theo phương pháp *quán số tức*. Kể từ năm đó trở về sau này, văn phòng của tôi trong hãng, học tủ bên trái là hồ sơ nghiên cứu của hãng. Còn phía bên phải của bàn giấy toàn là giấy tờ của Chùa, như chữ trang trí layout báo Viên Giác v.v... Mọi liên lạc với chính quyền, cơ quan tư nhân, tôi cũng giải quyết ngay trong hãng!

Đầu tháng 9.81, trong lúc tôi xuống cầu thang để đến phòng thí nghiệm, tôi kiệt sức và quy xuống lúc nào không biết. Tôi được một bạn đồng nghiệp đỡ dậy và chở về nhà...

Sáng hôm sau tôi điện thoại báo cho Sư Phụ biết tôi phải đi Bác sĩ nên không đến Chùa được.

Bác sĩ lấy máu để thử nghiệm. Tôi được Bác sĩ ký giấy cho nghỉ bệnh một tuần.

Chiều ngày hôm sau, tôi đi chợ gần nhà. Vừa về đến nhà thì thấy có một xe Cảnh Sát và một xe nhà thương bít bùng đậu ở trước nhà. Họ chặn tôi lại và hỏi giấy tờ. Sau khi xem xong, một ông mặc đồ trắng nói với tôi:

- Rất tiếc xin lỗi ông, chúng tôi là nhân viên của Bộ Y Tế được lệnh tới đây để đưa ông vào bệnh viện ngay lập tức vì ông bị tình nghi là có chứng bệnh đau gan truyền nhiễm nặng. Nếu ông không chịu đi theo chúng tôi thì chúng tôi sẽ nhờ Cảnh Sát áp tải ông. Vậy mời ông vào nhà thu xếp hành lý và theo chúng tôi ngay.

Tôi vào báo cho vợ tôi biết rồi thu xếp hành lý. Tôi chỉ mang theo những dụng cụ vệ sinh cá nhân và 2 bộ đồ ngủ, tất cả thứ này tôi dồn vào một cái túi ny-long đi chợ. Còn tất cả kính sách tôi mang theo để đọc được cần thận xếp vào trong một cái va-li nhỏ loại du lịch.

Xong họ *hộ tống* tôi ra xe bít bùng. Tôi ngồi trong xe chung quanh toàn bằng nhôm để tránh nhiễm độc. Tôi được chở thẳng vào nhà thương ở Gehrden, cách chỗ cư ngụ của tôi khoảng 30 km, và biệt lập trong một khu trên đồi. Họ đưa vào một phòng biệt lập. Chỉ có một mình tôi và không một ai được tiếp xúc cả, trừ bác sĩ và các cô y tá. Mỗi lần tiếp xúc tôi để khám bệnh v.v... họ đều đeo khăn trắng bít miệng và xử dụng bao tay bằng cao-su !

Nhà thương thì thử nghiệm tôi đủ các kiểu. Phương pháp cuối cùng là họ đã chọc kim vào gan của tôi để lấy ra một chút gan để thí nghiệm. Kết quả là gan của tôi không hề bị nhiễm độc, vi trùng hay bị một chứng nào khác. Họ cũng chịu thua luôn! Nhưng tôi chưa được phép xuất viện. Cũng nhờ vậy mà Chùa, quý Đạo Hữu, gia đình và tư gia của tôi không bị Sở Y Tế đến *sát trùng* hoặc mời đi khám nghiệm sức khỏe.

Dù y khoa cho biết là gan của tôi vẫn còn hoạt động tốt, nhưng hễ mỗi

lần đọc kinh sách và Thiên thì trong người nóng ran, như bị ai châm lửa đốt ở bên trong vậy. Tôi cho đó là bị *nội hỏa* chứ chưa đến độ *tẩu hỏa nhập ma* đâu !

Nếu tôi không làm thì ba tuần sau khi vào viện, Sư Phụ ở Mỹ về. Nghĩa là còn hai tuần nữa mới cử hành Lễ Vu Lan. Sư Phụ, Bác Ba, anh Trâm đã đến bệnh viện thăm tôi. Mọi người chỉ được đứng bên ngoài cửa kính và nói qua chỗ nói chuyện, chứ không được phép vào tận phòng thăm tôi. Vì lúc đó tôi được trị bệnh như một người *tù biệt lập* vậy, vì sợ lây người khác.

Nhân đây tôi cũng xin ghi chút ít về Bác Ba, gọi là chút lòng kính mến đối với một người đã qua đời và cũng đã đóng góp nhiều tâm và sức cho Chùa Viên Giác trong giai đoạn phôi thai. Bác Ba có Pháp danh là Diệu Niên, sau này xuất gia có Pháp tự là Hạnh Niệm. Bác có 3 người con trai: 2 ở Mỹ và 1 ở Thụy Sĩ, tất cả đều lập gia đình và thú tự là Tiến Sĩ, Cử Nhân và Kỹ Sư. Lúc Niệm Phật Đường dọn về địa điểm mới thì Cô cũng chính là người đến Chùa làm công quả đầu tiên. Đạo đó Cô là người lo lắng cho Sư Phụ, cho Chùa nhiều nhất và cũng là người bị Sư Phụ la nhiều nhất. Vì sự lo lắng của Cô nhiều lúc hơi quá đáng, nhưng Cô không hề than phiền với Sư Phụ điều này, mà chỉ biết than thở với tôi. Trước năm 1983, khi Cha Mẹ và các em tôi chưa sang Đức đoàn tụ gia đình với tôi, thì tôi xem Cô như một người Mẹ vậy, Cô lo cho tôi như một người con. Sau giờ công phu khuya, Cô làm đồ ăn chay cho tôi mang đến hàng ăn. Vì đạo đó mỗi ngày tôi đều đến Chùa để công phu khuya với Sư Phụ. Tôi dùng điểm tâm với Sư Phụ và Cô Diệu Niên rồi mới lái xe đến hàng làm việc.

Mỗi cuối tuần tôi đến chỗ Sư Phụ đi làm lễ tại các địa phương, thì Cô chuẩn bị đầy đủ phần ăn cho hai Thầy trò đem theo dọc đường để ăn lót dạ.

Cho nên khi Cô qua đời, tôi xin Cha Mẹ tôi và các anh em con của Cô cho phép tôi được chít một vành khăn tang để tưởng nhớ đến một người tôi kính yêu, dù không phải là Mẹ sanh của tôi, nhưng tôi kính Người như chính Mẹ ruột của tôi vậy: người Mẹ

của tôi trong ngôi Chùa Viên Giác...

Trong lần thăm viếng nói trên, Sư Phụ cầm một quyển sách quơ quơ ngoài cửa kính và cho biết là đã mang từ Mỹ về và muốn tặng tôi. Tôi chấp tay xá để tỏ lòng biết ơn. Sư Phụ đưa cuốn sách cho một nữ y tá mang vào cho tôi rồi mọi người từ biệt.

Tôi cầm cuốn sách trên tay, ngồi trên giường trong thể bán già. Ngay lúc đọc dòng chữ "*Lá Thư Tịnh Độ*" do Ngài Ấn Quang Đại Sư viết, tự nhiên trong thân thể tôi như có một luồng gió mát len lỏi vào. Tôi thông thả lật từ trang đọc tiếp. Càng đọc đến đâu thì tôi cảm thấy người nhẹ nhõm, khoan khoái hẳn ra. Tôi thầm nói: đích thị rồi, đích thị rồi... Đây mới chính là chìa khóa của ngõ mà mình bấy lâu mong tìm. Thế là tôi ngưng thực tập thiền mà bắt đầu niệm Phật *Nam Mô A Di Đà Phật*. Sáu chữ *Nam Mô A Di Đà Phật* được tôi gắn liền với hơi thở: hít vào 4 câu, thở ra 6 câu. Phương pháp này là *Tùy tức niệm Phật*, sau này khi đi sâu vào Pháp Môn Tịnh Độ thì tôi mới liễu ngộ, còn lúc đó tôi chưa biết gì về pháp môn này. Tôi chỉ biết phương pháp kết hợp *quán số tức* với *lục tự A Di Đà* mà thôi. Tôi cũng chẳng hiểu tại sao, cái gì tôi làm mà có con số nếu đem cộng lại thì vẫn là số 10. Nên khi đi, đứng, nằm, ngồi - lúc nào tôi không suy nghĩ, nói chuyện - thì cứ y như vậy mà thở và niệm, kể cả trong lúc lái xe.

Kể từ lúc tôi đọc quyển "*Lá Thư Tịnh Độ*" xong, tôi cứ y thế mà niệm Phật. Động tác nào tôi cũng đưa vào câu niệm Phật. Và tôi cảm thấy được an trú trọn vẹn trong câu niệm Phật.

Sau khi xuất viện tôi có thuật lại cho Sư Phụ biết chuyện này và Người cho phép đăng mỗi kỳ báo một bài trong "*Lá Thư Tịnh Độ*" của Ngài Ấn Quang Đại Sư hầu gieo duyên cho những ai có căn cơ với pháp môn này.

Nhờ "*Lá Thư Tịnh Độ*" mà tôi không còn bị *nội hỏa* nữa. Tôi ăn uống bình thường trở lại và sức khỏe có phần hồi phục. Hồ sơ bệnh án thì không thấy ghi một chứng bệnh gì cả...

(Còn tiếp)

MỘT CHUYẾN ĐI LẠC

(Tiếp theo VG 118)

Trạm kế tiếp sau thành phố Raleigh thuộc bang North Carolina đúng ra phải là thành phố Washington DC, nơi tôi chẳng dự định đến mà cũng do vì lời thúc đẩy của anh Hùng, một Phật tử mua vé máy bay cho tôi ở Los Angeles. Anh nói: "Thầy cứ đến Washington DC đi, ở đó có chùa Giác Hoàng và Hòa Thượng sẽ mời thầy ở lại để nói chuyện cho quý Phật tử về Ấn Độ vì sang năm Hòa Thượng sẽ hưởng dẫn quý vị ấy đi chiêm bái đất Phật. Nghe anh đốc thúc dăm ba lần tôi cũng xuôi tai nên đánh liều mà mua vé. Đầu đó vé in xong xuôi và tôi đã chuẩn bị là sau thành phố Raleigh sẽ đi Washington DC. Đến khi bắt điện thoại và liên lạc tôi mới bật ngửa ra là không phải ai cũng giống như anh Hùng nghĩ: nhiệt tâm, ân cần, có lòng và đạo tình.

"Chùa đây không có chỗ ở, và cũng không có người ra phi trường đón đâu!" Đúng thật là đi không coi ngày nên mới xảy ra cảnh tiến thoái lưỡng nan như vậy. Vé máy bay thì đã có sẵn trong tay, nhưng nơi ở và người muốn giúp lại không. Thôi thì cứ coi như thiếu nhân duyên với chùa ấy. Lọc cuốn số điện thoại mang theo, tôi dò một ngôi chùa khác và đánh liều nhờ người ra phi trường đón giúp. Chùa của Thầy Minh Tuyên đây rồi! một vị Thầy mà trước đây tôi có duyên hướng dẫn thầy sang chiêm bái đất Phật. Thầy đi vắng và chỉ có sư cô Luân Liên ở chùa. Nghe tôi muốn đến thăm chùa và ở lại, cô dù chưa quen biết và gặp mặt cũng nhiệt tình tìm gọi Phật tử giúp đón tôi tại phi trường. An tâm tôi đáp chuyến bay đến phi trường Baltimore (một phi trường không xa Washington DC và Virginia bao xa) ngày hôm sau và được một anh Phật tử ra đón.

Sau khoảng hai giờ xe, tôi đến được chùa Phật Bảo, nơi sư cô Luân Liên một đệ tử của Thầy Minh

Tuyên đang ở đây. Nói là ngôi chùa chứ thật ra đây là một ngôi nhà nhỏ được trang trí và sửa lại để có nơi thờ phượng và lễ bái hàng ngày cho người Phật tử. Sư cô ân cần tiếp đãi và tìm cách sắp xếp chỗ nghỉ cho tôi dù rằng trên chiếc gác nhỏ bé không có được mấy chỗ để kê vài chiếc giường. Tôi cũng được biết là hiện cũng có một phái đoàn Tây Tạng 8 người đang trên đường đến chùa để làm lễ và vận động. Thời gian đầu khoảng một tiếng sau, quả thật phái đoàn ấy đến. Đang loay hoay không biết tính sao vì chỗ nghỉ quá chật, bỗng một Phật tử của chùa tình cờ đến. May quá sau một hồi bàn tính, tôi là người được phân chia về nhà Phật tử ấy nghỉ lại cùng với một anh Tây Tạng thông dịch và người tài xế xe.

Quả thật ở đời cái gì cũng có cái duyên của nó, cũng như duyên của tôi được đưa về và sống nơi nhà của người Phật tử này. Chồng tên Thiện Viên, vợ Ngọc Xuân là hai Phật tử thuần thành và nhiệt tâm với đạo. Nhiệt tâm ở đây là ngoài thời gian đi chùa, lễ Phật, hai vị còn in ấn kinh sách, băng thuyết giảng của quý Thầy ở khắp mọi nơi trên thế giới để phổ biến cho các Phật tử quanh vùng. Gặp những ngôi chùa khó khăn, nghèo khổ ở Việt Nam, hai vị còn đăng báo kêu gọi sự phát tâm cúng dường của Phật tử các nơi và đem tiền về tận nơi mà giúp các chùa. Biết tôi hiện đang làm những công việc khó làm là xây dựng một Trung Tâm Phật Giáo tại Ấn Độ, hai vị đã không quản ngại khó khăn kêu gọi khắp nơi trong các bạn hữu quen biết, mời họ đến nhà cúng dường và nghe pháp. Trong suốt một tuần ở nhà hai Phật tử ấy, tấm đạo tình và lòng nhiệt tâm của hai vị đối với đạo làm tôi rất cảm kích. Quả thật nếu có một dịp nào để nhớ tưởng đến tiểu bang Virginia có nhiều Phật tử hiền lành và đầy lòng mộ đạo, tôi không quên được hai Phật tử Thiện Viên, Ngọc Xuân cũng như Sư cô Luân Liên nhiều đạo tình.

Cũng ở nơi đây tôi có dịp đi thăm các chùa quanh vùng, chùa Hoa Nghiêm, chùa Pháp Vương với T.T Vân Đàm rất dễ mến. Thầy đã gây cho tôi một ấn tượng sâu đậm khi gặp Thầy lần đầu và bày tỏ những công việc mà tôi hiện đang làm bên Ấn Độ. Thầy tỏ vẻ tán thán, ân cần

khuyến lơn và nhấn nhủ. Trên những chặng đường làm việc với bao gian nan khó khăn tại BDDT, ít ra cũng có những bậc Thầy biết cảm thông và chia sẻ. Tôi ở với Thầy một đêm trước khi Thầy đưa tiễn tôi ra phi trường vào sáng hôm sau. Chỉ một đêm có duyên hạnh ngộ cùng thầy mà tôi cũng đã hiểu và học được nhiều từ nơi Thầy, một bậc Thầy khả kính và có nhiều đức tu trì.

Thành phố kế tiếp là Chicago nơi tôi đến viếng thăm chùa Quang Minh do Đại Đức Minh Chí trụ trì. ĐĐ là một vị Thầy trẻ khoảng cùng lứa tuổi với tôi và sau nhiều năm tu học với Hoà Thượng Đức Niệm, ĐĐ được H.T cử về vùng Chicago để trông coi ngôi chùa này. Ngôi chùa tọa lạc ngay giữa khu phố nên tương đối không lớn lắm nếu nhìn từ bên ngoài, nhưng khi vào trong ta mới thấy nó không đến nỗi là một nơi nhỏ hẹp. Do mối thân tình là ĐĐ cùng với một số Phật tử sẽ hành hương sang đất Phật năm nay và nhờ tôi hướng dẫn, nên việc tôi đến cũng là một cái duyên gặp gỡ để bàn thảo và chia sẻ những kinh nghiệm. Tại đây tôi cũng được dịp đi thăm chùa của Sư cô Trí Hân và cả hai vị đều cũng đã nhiệt tâm kêu gọi quý Phật tử địa phương đóng góp cho công trình xây dựng TTTHVG tại Ấn Độ. Thành quả không nhiều lắm vì không có một sự tổ chức nào trước đó, tuy nhiên cái tình của quý Thầy Cô đó làm tôi cảm nhận sâu xa hơn hết.

Minneapolis là thủ phủ trong tiểu bang Minnesota và cũng là thành phố mà tôi ghé hờ sau khi các Phật tử (có duyên hành hương trong đoàn năm 99) mời tôi lại thăm chùa Phật Ấn và có nhã ý vận động ít nhiều cho công trình tôi đang xây dựng. Từ phi trường tôi được đồng đạo Phật tử ra đón rước, trong đó có cả anh Thọ, chị Chi, bác Huyền và Yến là những vị quen biết trong chuyến hành hương và tôi được đưa về nghỉ ở chùa sau khi dùng cơm tại nhà hàng Vina của bác Huyền. Qua buổi lễ Phật định kỳ của quý Phật tử vào dịp cuối tuần hôm đó, tôi có dịp trình bày và chia sẻ những kinh nghiệm tu học của mình tại Ấn Độ và sau đó ban tổ chức cũng lên tiếng vận động Phật tử góp tay vào với những công việc mà chúng tôi đang làm.

Trạm kế tiếp mà tôi hướng đến là Canada với thành phố Montreal, nơi tôi có biết đạo hữu Huỳnh Ngọc Liên và vị này đã giúp tay kêu gọi trong mấy năm qua. Lần đó đạo hữu Ngọc Liên có dịp đi Ấn Độ với một nhóm Phật tử Việt Nam thân Tây Tạng. Các Phật tử lần ấy đi chủ yếu là viếng thăm các chùa viện Tây Tạng và đánh lễ các bậc Thầy này, thế nên dù là cùng người Việt Nam với nhau và gặp gỡ trong một môi trường tu viện của Phật giáo (nơi tôi đang theo học truyền thống Tây Tạng tại Tu viện Sera), các vị người Việt Nam ấy vẫn có thái độ thờ ơ và chối từ khéo lời mời dùng cơm trưa tại căn phòng thất của tôi. Chỉ có đạo hữu Ngọc Liên và một hai vị Phật tử khác là đến căn phòng thất của tôi sau đó với một nỗi e dè và sợ người trưởng nhóm biết được.

Lần này gặp đạo hữu Liên tại nhà, đạo hữu ấy mừng ra mặt và khẩn khoản mời tôi lại nhà lần nữa vào dịp cuối tuần để nói chuyện với một số Phật tử mà đạo hữu quen biết và mời lại. Cảm cái tình sâu và sự nhiệt tình ấy nên vào cuối tuần ấy, tôi lại đến dùng cơm và nói chuyện. Các buổi gặp gỡ công cộng khác tại chùa Quán Âm, chùa Từ Ân ở Ottawa cũng có một số Phật tử khiêm tốn đến và ủng hộ. Thấy tình trạng có vẻ "xìu lơ", tôi đáp chuyến bay sớm trở về New Jersey và nghỉ lại nhà của anh chị Huê.

Tôi quen biết anh chị Huê là qua cô Tú, biết cô Tú là qua cô Quảng Thiện rồi biết cô Quảng Thiện là qua Sư cô Liên Tường. Một sợi dây dài ngoằn ngoèo quen biết và có duyên gặp gỡ nhau bắt nguồn từ một mối duy nhất, đó là tất cả mọi người đều là con Phật và đều đang muốn làm việc Phật sự để tạo phước, mang lại sự lợi ích cho đạo và đời. Anh chị Huê bận rộn lắm vì phải trông coi tiệm nail với số lượng khách khá đông mỗi ngày. Tuy nhiên anh chị lại cũng rất nhiệt tình chở tôi đi đây đó thăm các chùa, đi chơi và mua sắm nữa. Đời sống anh chị thì lại bình dân, giản dị nên trong thời gian sống tại nhà, tôi cảm thấy thoải mái như chính nhà của gia đình tôi tại Đan Mạch. Cảm ơn anh chị nhiều và cảm ơn cái nhân duyên hạnh ngộ cùng thời gian sống tốt đẹp và lý tưởng vừa qua tại nhà anh chị.

Trong thời gian khoảng hai tuần tại New Jersey và New York, tôi cũng có dịp đi Massachusetts để viếng thăm chùa của Thầy Thiện Huệ, một bậc Thầy rất có tài và hoạt kê mà tôi có duyên biết Thầy khoảng 5 năm về trước trong một lần viếng thăm Canada. Trong buổi lễ vía Đức Quán Âm hôm đó, Thầy kêu gọi quý Phật tử phát tâm và đáng ngạc nhiên thay số tiền Phật tử góp hôm đó đã lên hơn bốn ngàn.

Khoảng một tuần sau ngày đến New Jersey, tôi dời đến nhà cô Quảng Thiện tại New York để ở và nhờ cô giúp vận động trong khu vực. Nhớ lại lần ấy duyên gặp và đến với cô Quảng Thiện cũng thật là tình cờ sau một lần ở tại nhà Sư cô Tường, New Delhi, và nói chuyện với cô về chuyến đi vận động vòng quanh thế giới của tôi cho việc xây dựng công trình Viên Giác đang bị bế tắc vì thiếu tài chánh. Sư cô có nhã ý giới thiệu đến cô Quảng Thiện, một Phật tử rất thuần thành và thường hay phát đại tâm trong các việc Phật sự. Tôi hơi có vẻ e dè vì vốn không quen biết, tuy nhiên qua lòng nhiệt thành của Sư cô và sự trao đổi với cô Quảng Thiện sau đó, cô ấy đã đồng ý giúp tôi trong việc phổ biến các tin tức và vận động.

Đến New York, tôi ở lại nhà cô đúng một tuần trong sự chiếu cố đặc biệt; ăn uống thì được cô và người phụ việc lo lắng chu đáo, đi đứng thì được cô chở đi nơi này nơi kia nói giúp, vận động giúp hoặc mời nhiều bạn hữu đến nhà để cúng dường, ngoài ra cô còn không quên những chương trình ngoạn cảnh khi đưa tôi đi thăm tượng Nữ thần Tự Do và trụ sở của Liên Hiệp Quốc. Thế đó là sự gặp gỡ và tương giao xa lạ nhưng lại đượm trong một cái tình rất gần, đó là tình đạo, tình của người con Phật cùng hướng về giáo lý của Ngài và con đường giải thoát.

Thấm thoát mà chuyến đi của tôi cũng đã hơn 5 tháng và tôi phải trở về để kết thúc một cuộc hành trình đầy bụi bặm của sương gió và sự gian nan lao nhọc. Trước khi về Ấn, tôi ghé tạt ngang Âu Châu để viếng thăm Thầy và chùa Viên Giác cũng như vài chùa khác như chùa Khánh Anh tại Pháp, chùa Linh Sơn, Anh Quốc. Rồi sau cùng chuyến đi kết thúc sau buổi gặp gỡ và nói chuyện với các Phật tử tại Chi Hội ở

Aschaffenburg. Tổng kết phần tài chánh cúng dường của các Phật tử gồm nhiều phần khác nhau lên đến 160.000 Mỹ kim. Một số tiền không nhỏ nhưng cũng không lớn so với một công trình mang nhiều ý nghĩa tại đất Phật.

Thế đấy là chuyến đi đầu của tôi trong cuộc đời và cũng chắc có lẽ là lần cuối. Dĩ nhiên chưa chắc hẳn là tôi phải sợ chuyến đi vừa qua và chối từ những chuyến đi tương tự, nhưng ở đây đôi lúc tôi thấy cái ý nghĩa và giá trị thật sự của chuyến đi mang nhiều nét vô vị. Vô vị nhất là tôi phải làm những công việc kêu gọi, quỳên góp, những việc mà tôi thường hay né tránh và là những việc mà đã có quá nhiều Hội đoàn, Tổ chức và Chùa Viện thường hay làm. Đành rằng tất cả những công việc kia cũng là việc Phật sự, làm cho Đạo Pháp và cho chúng sanh nhưng phải chăng trong cuộc sống của một người tu, cũng còn có rất nhiều việc khác làm cho Đạo Pháp và chúng sanh nhưng lý tưởng hơn, cao cả hơn và tràn đầy ý nghĩa hơn; đó là sự tự quay trở về để làm công việc Phật với chính mình. Ở công việc này thông thường không có sự ganh đua, không bị người ta chỉ trích, gièm pha và bị tấn công ở mọi chiều. Thấy ai đóng cửa chuyên sự tu hành thì dù người có tâm xấu và ác đi nữa cũng quên thói hung hăng mà dịu xuống; còn xông xáo đi làm việc Phật sự nọ kia, hoàng pháp thuyết giảng, xây chùa tạo tượng, rộng đường làm việc nhân nghĩa thì có mấy người vui và cũng không ít kẻ ganh ghét tìm phương gia hại. Thế nên đôi lúc tự nghĩ, mạng sống con người giới hạn mong manh, công việc dù là việc thiện cũng không bao giờ cùng; thế nên không làm thì mang tiếng thiếu trách nhiệm và né tránh thiện sự, như bằng đã dấn thân làm phải biết tới lúc đủ và cần phải ngưng. Được vậy thì trên dưới trong ngoài đều dung thông, và lý tưởng sống của một người tu trước sau không bị hoàn cảnh và thời gian chi phối xoay chiều. Thật đúng là: "tất cả bài học trên thế gian này, nếu biết học thì đều là những bài học giá trị soi sáng cho các cuộc hành trình dài phía trước."

Viết tại Bồ Đề Đạo Tràng,
tháng 12 năm 2000.

3.2.1930 - 3.2.2001, Cộng Sản Việt Nam đã làm được gì cho dân tộc trong 71 năm thành lập

Thế giới đã bước qua một năm nữa của thiên niên kỷ mới, với nhiều hứa hẹn của một nền văn minh hòa bình và phát triển. Tuy nhiên chúng ta, những người dân Việt nhìn về viễn cảnh đó mà có những mối ưu tư, lo lắng cho hiện tình đất nước, cho cơ đồ tương lai của dân tộc.

Trước tiên chúng ta thử đặt câu hỏi, tại sao đất nước Việt Nam với một dân tộc cần cù lao động, với nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng phong phú..., với sự lãnh đạo "thông minh, sáng suốt" của Đảng Cộng Sản Việt Nam trong suốt 26 năm qua vẫn phải chìm ngập trong nghèo đói và lạc hậu, họ không tạo được những yếu tố và điều kiện thích hợp để phát triển đất nước ?

Trong xu hướng mở cửa và cải tổ, hiện nay chính quyền Hà Nội đưa ra những chủ điểm "dân chủ hóa" và phát triển kinh tế, nhưng mục đích duy nhất chỉ nhằm vào nhu cầu duy trì sự cai trị độc tài cho chế độ hơn là cho sự phát triển thật sự của đất nước.

Trước đây vào ngày 3.2.1930, sau khi thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam, những người Cộng Sản tin rằng họ mang một sứ mạng do lịch sử trao cho, họ quyết chí bằng mọi giá phải trung thành với chủ nghĩa Mác-Lê, họ tuyệt đối tin tưởng vào lời ông Marx nói giai cấp vô sản có sứ mạng lịch sử "đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản" và xây dựng một "thiên đường trên trái đất" gọi là chủ nghĩa Cộng Sản.

Từ những ý niệm đó mà CSVN đã truyền bá học thuyết Mác-Lê cho mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội, họ xem chủ nghĩa Mác-Lê như đỉnh cao của trí tuệ loài người. Một khi chủ nghĩa của họ đã là đỉnh cao thì mọi thứ khác đều chỉ có thể là... đỉnh thấp (sọt). Mọi quan điểm khác với các tín điều của người CS họ đều chống báng và không chấp nhận chúng dù chúng hiển hiện trên thực tế.

Từ ngày thành lập đến nay, Đảng Cộng Sản đã gây biết bao đau thương, thảm hại cho dân tộc, điển hình là các vụ "cải cách ruộng đất" trong giai đoạn 1953-1955 ở miền Bắc, vụ đàn áp văn nghệ sĩ dưới tên gọi "Nhân Văn Giai Phẩm" trong giai đoạn 1956-1957, vụ "xét lại chống Đảng" trong

những năm cuối của thập niên 60, ngày nay Đảng vẫn tiếp tục đàn áp những người khác chính kiến, những người không công nhận học thuyết Mác-Lê là một chân lý tuyệt đối với tên gọi là "Đập tan diễn biến hòa bình".

Lý luận của CSVN bám chặt vào hai chữ "biện chứng" nhưng vì ranh giới giữa "biện chứng" và "ngụy biện chứng" vô cùng mong manh nên sự ngụy biện của CSVN vẫn được nhiều người tin là "biện chứng". Điển hình là sau khi đàn anh Liên Xô và khối Cộng Sản Đông Âu bị tan rã, CSVN đã thay đổi chiến thuật bằng cách đổi mới, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và thừa nhận rằng Chủ nghĩa Tư Bản làm kinh tế hay thật, làm cho dân giàu nước mạnh, Chủ nghĩa Cộng Sản cũng phải học hỏi nhưng lại "biện chứng" rằng về lâu về dài Chủ nghĩa Xã Hội sẽ thắng Chủ nghĩa Tư Bản đó là điều tất yếu của lịch sử. Các lãnh tụ CSVN luôn thốt ra những lời "... mục tiêu của Đảng là làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh, dẹp bỏ quá khứ, xóa bỏ hận thù mà cùng nhau hướng về tương lai". Bởi vậy, tín đồ của họ cho rằng thành quả của họ nằm ở tương lai nên thường bất chấp hiện tại; nói cách khác là bất chấp thực tế. Họ tin rằng Đảng CS lãnh đạo không bao giờ sai và chủ nghĩa Mác-Lê là vô địch. Vì thế họ sẵn sàng ra tay trừng trị những người khác chính kiến với mục đích duy nhất là gìn giữ chính quyền, họ suy luận rất đơn giản, hễ còn nắm chính quyền thì làm gì cũng được, bởi vì chỉ có họ - những người trong Đảng CS lãnh đạo, ai đối lập, khác chính kiến là kẻ thù của CS.

Lô-gích của họ là:

1/ Không nắm được chính quyền thì không thể xây dựng được CNXH (xây dựng cho gia đình của bọn lãnh đạo được béo bở) nói cách khác chính quyền trong tay Đảng CS là điều kiện cần để xây dựng thiên đường hạnh phúc.

2/ Muốn xây dựng ngôi nhà XHCN thì phải diệt hết các loại cỏ dại sâu mọt... có thể làm đổ ngôi nhà. Nghĩa là sự vững chắc tuyệt đối của chính quyền XHCN là điều kiện đủ để xây dựng CNXH.

Minh chứng rõ rệt cho vấn đề trên là sau lời tuyên bố của Tổng Thống Mỹ, ông Clinton, trước khi già biệt dân chúng Việt Nam: "... xu thế tiến đến tự do là điều không thể thay đổi tại Việt Nam". Sau đó Trung Tướng Lê Văn

Dùng, Tham Mưu Trưởng quân đội CSVN đã viết trên một trang của tờ Quân Đội Nhân Dân báo động về những âm mưu chống đối nhà nước "... ngày nay các thế lực thù nghịch đang tích cực phá hoại XHCN và vai trò lãnh đạo của Đảng CSVN"; Tướng Dũng đe dọa rằng Quân đội Nhân dân Việt Nam sẽ "đập tan kế hoạch diễn biến hòa bình". Cũng như lời phát biểu của ông Lê Khả Phiêu, Tổng Bí Thư đảng CSVN trong cuộc họp báo với Tổng Thống Clinton, ông Phiêu đã gạt bỏ lời kêu gọi của TT Clinton là cần phải có sự cởi mở về chính trị tại Việt Nam. Và ông Phiêu cũng nhắc lại mục tiêu của Đảng là tiến đến một nền kinh tế theo phương hướng XHCN và bác bỏ những lời kêu gọi đổi mới kinh tế của Clinton.

Trở lại lô-gích trên, có thể thấy một tuyên ngôn bất thành văn dẫn dắt các hành động CS là: chính quyền hay là chết. Cuộc chiến tranh kéo dài đằng đẵng trước đây là làm nhiều người tin rằng Đảng CS tranh đấu cho một dân tộc Việt Nam giàu mạnh, phú cường; nhưng ngày nay đã lộ rõ bản chất thật sự của Đảng CSVN, họ chỉ đấu tranh cho sự thống trị của họ mà thôi. Một người dân bình thường nói lên những quan điểm, những ý kiến trái với họ thì họ cho là kẻ thù, là phản bội Tổ Quốc mặc dù trong Hiến Pháp của họ ghi rành rành là mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, được tự do ngôn luận, tự do báo chí. Sau khi "giải phóng" miền Nam, CSVN đã bỏ tù cả trăm ngàn người "ngụy quân, ngụy quyền", họ làm cho cả triệu người phải bỏ nước ra đi chịu làm mồi cho cá mập và hải tặc... những sự kiện chưa từng có trong lịch sử Việt Nam.

Trong những năm gần đây đã có 2 cuộc xuống đường long trời lở đất của nhân dân để quật ngã chế độ độc tài đảng trị và gia đình trị. Năm 1998 chế độ độc tài gia đình trị Suharto ở Indonesien, năm 2000 chế độ độc tài đảng trị Milosevic ở Nam Tư. Liệu khi nào sẽ đến lượt Đảng CSVN ? Đã thành lập được 71 năm, thiết nghĩ đã là một thời gian quá dài của những người CS đã gây hại cho dân tộc, hiện nay họ đang sống vất vơ vất vưởng, họ đang nằm dưới vòng quay tiến hóa của lịch sử, nếu không chịu thức tỉnh sẽ bị đào thải vì bánh xe dân chủ thời đại đang quay, nó sẽ nghiền nát những chế độ độc tài như nó đã làm trong thập niên qua.

● Nguyễn Minh Tuyên
Kassel

TIN thế giới

● Người Quan Sát

Nhân loại trải qua năm 2000 trong lo âu sợ sệt về ngày tận thế nhưng đã không xảy ra. Tuy nhiên tai trời ách nước đã xảy ra dồn dập làm cho bao nhiêu người chết, bao nhiêu công trình xây dựng từ nhiều đời đã bị hủy diệt, như lụt ở Miền Tây Đồng Bằng Sông Cửu Long Nam Việt Nam; ở Pháp: đất chùi ở Ý, Tây Ban Nha; sóng thần và bão lụt ở Mỹ, núi lửa phun ở Mê Tây Cơ v.v... và v.v...

● EL SALVADOR (Trung Mỹ)

Vừa mới bước sang năm 2001, một trận động đất dữ dội, chỉ có 50 giây mà đã hủy hoại một phần của thành phố, cả ngàn người chết, hàng ngàn người bị chôn vùi dưới những căn nhà bị sụp đổ và hàng ngàn người bị thương. Chính quyền El Salvador phải kêu gọi quốc tế cứu trợ.



Nhà cửa bị chôn vùi dưới đất

● NGA

• Tàu ngầm nguyên tử Nowomoskowsk

Ngày 27.12.2000, tàu ngầm nguyên tử "Nowomoskowsk" từ dưới đáy biển đã thành công khi phóng một hỏa tiễn liên lục địa tại biển Barentssee. Theo lời phát ngôn viên Bộ Hải Quân Nga thì việc phóng hỏa tiễn này là một cuộc thực tập quân sự mà mục tiêu của hỏa tiễn là bán đảo Kamtschatka của Nga ở Viễn Đông.

Quý độc giả còn nhớ, cũng tại biển Barentssee này, mùa hè năm rồi (22.8.2000) tàu ngầm nguyên tử "Kursk" cũng thực tập phóng một hỏa tiễn với mục tiêu tương tự nhưng bị nổ tại dàn phóng làm 118 người chết, cho đến nay chưa rõ xác được !

Chính quyền Nga lúc đó đổ thừa là tàu "Kursk" đụng phải tàu ngầm của Mỹ, bị Mỹ phá hoại. Nhưng thật ra thì tàu bị nổ vì cố kỹ thuật chứ không ai phá hoại cả. Lần này tàu "Nowomowkowsk" đã thành công nên không đổ thừa cho ai cả !

• Boris Zelzin

Để tránh trường hợp sẽ xảy ra cho cựu Tổng Thống Boris Zelzin như cựu Tướng Pinochet, nên người con đỡ đầu đang tiếp nối sự nghiệp của Zelzin là Tổng Thống Putin đã đệ trình Quốc Hội Nga một nghị quyết xin miễn truy tố bố già Zelzin và gia đình trong suốt cuộc đời còn lại của Zelzin.

Ngày 25.11.2000, Quốc Hội Nga đã biểu quyết chấp thuận đề nghị của Putin. Vậy là từ nay không ai có quyền đụng chạm đến gia đình của Zelzin mặc dù trong thời gian 8 năm cầm quyền ngồi tại điện Cẩm Linh, ông và gia đình ông có móc ngoặc, tham ô bao nhiêu đi nữa thì vẫn sống yên như bàn thạch ! Chuyện khó tin nhưng là sự thật mà sự thật này chỉ xảy ra trong các nước Cộng Sản hay hậu Cộng Sản mà thôi ! Thường thì học trò hay bất chúc theo thầy. Rồi đây không chừng một ngày nào đó nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam lại cho ban hành một quyết định miễn truy tố những đảng viên cao cấp trong Ban Chấp Hành Bộ Chính Trị như Putin đã làm cho Zelzin. Hãy chờ xem.

● PUTIN THĂM BA TƯ (IRAN)

Cuối tháng 12.2000, Tổng Thống Nga, ông Putin, đã chính thức thăm viếng Ba Tư. Cùng đi trong phái đoàn có Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Nga. Trong cuộc viếng thăm này, Putin đã hứa viện trợ cho Ba Tư một số vũ khí trị giá gần nửa tỷ Đức Mã. Theo lời tuyên bố trước báo chí, Putin nói ông muốn cung cấp vũ khí (không phải vũ khí nguyên tử) cho Ba Tư để quân bình cán cân quân sự tại vùng Trung Đông. Theo người ta hiểu ngầm ý ông muốn nói là ông cung cấp vũ khí cho Ba Tư để đủ khả năng đương đầu với Do Thái, mà đằng sau Do Thái là Chú Sam khổng lồ (Mỹ).

Hiện giờ ai cũng biết là những phần tử quá khích Palestine hàng ngày ném đá, tấn công dân Do Thái đều do Ba Tư đứng đằng sau hỗ trợ, xúi giục tạo nên tình trạng bất an tại vùng thánh địa này.

● DO THÁI - PALESTINE

Chùng nào chấm dứt máu đổ, thịt rơi giữa Do Thái và Palestine ? Câu hỏi này khó trả lời. Vì bên nào cũng có những phần tử quốc gia cực đoan. Khi nào những phần tử này muốn như vậy, thì máu sẽ vẫn còn chảy và người vẫn còn bị giết một cách dã man.

Ông Barak, Thủ Tướng Do Thái, vừa từ chức vào giữa tháng 12.2000 vì ông thuộc nhóm ôn hòa, muốn thực hiện hòa bình để tránh sự chết chóc và thiệt hại về tài sản của dân nên ông đã bỏ ba đi hết Mỹ đến Ai Cập, Jordan v.v... để tìm kiếm một công thức khả thi hầu chấm dứt cuộc xung đột, sống chung hòa bình giữa Do Thái - Palestine.

Nhưng ước vọng ông không thành, vì những phần tử quốc gia quá khích trong Quốc Hội Do Thái không chấp thuận cho ông nhượng bộ nhường bất cứ một tấc đất nào cho Palestine. Mặc dù đất đó không thuộc quyền sở hữu chủ của Do Thái mà do Do Thái dùng quân đội chiếm hữu. Cuối cùng không chịu được áp lực trong Quốc Hội nên ông Barak từ chức. Theo báo chí, thì ông Barak là vị Thủ Tướng có tinh thần ôn hòa cởi mở nhất trong những vị Thủ Tướng Do Thái tiền nhiệm.

Vào ngày 06.02.2001 có bầu cử lại, dù ai được đắc cử ra làm Thủ Tướng thì chắc chắn con chim hòa bình còn ở mãi tận chân trời xa chưa ló dạng khi mà những người Do Thái hay Palestine chưa cởi bỏ cái áo quốc gia quá khích cực đoan !

● TẶNG VIỆN CHO QUÂN LỰC DO THÁI

• **Hoa Thịnh Đốn:** Chính quyền Mỹ tuyên bố là sẽ tặng viện trợ về quân sự cho Do Thái từ nay đến năm 2008 là 2,8 tỷ đô-la. Ngoài ra Mỹ cũng hứa là cung cấp chiến đấu cơ loại tối tân nhất cho Không lực Do Thái để thay thế loại cũ đang dùng.

Kế hoạch viện trợ quân sự này nhằm đối phó lại với việc Nga hứa cung cấp vũ khí cho Ba Tư.

● BẮC HÀN

Chủ Tịch Đảng CS kiêm Chủ Tịch Nhà nước, ông Kim Nhật Thành II đã bí mật sang thăm viếng Trung Quốc trong 6 ngày. Tại Bắc Kinh, Kim Nhật Thành đã gặp Chủ Tịch Nhà nước Jiang Zemin và Thủ Tướng Zhu Rongji. Trong cuộc hội đàm, hai bên đã đề cập đến sự "Đổi Mới" về kinh tế cũng như sự trợ giúp về nạn đói đang xảy ra tại Bắc Hàn.

Sau đó Kim đi thăm Schanghai và Shenzhen, hai thành phố kiểu mẫu của Trung Quốc đang áp dụng mô hình "Đổi Mới" mà Kim dự trù sẽ dùng làm mẫu mực cho Bình Nhưỡng.

Theo Thông Tấn Xã KCNA của Bắc Hàn, thì Bắc Hàn vừa mới ký một thỏa ước về trao đổi ngoại giao với Hòa Lan. Trong năm rồi Bắc Hàn đã bang giao với Anh Quốc, Canada, Ý, Úc và 8/15 quốc gia trong Khối Cộng Đồng Âu Châu đã song phương nhìn nhận Bắc Hàn.

Riêng nước Đức thì còn đang thương thuyết về việc bình thường hóa quan hệ với Bắc Hàn.

● TRUNG QUỐC

• **Bắc Kinh:** Ngày 29 tháng Chạp, trong khi dân chúng đang hân hoan chuẩn bị đón giao thừa thì tại Thiên An Môn, năm (5) thành viên của Pháp Luân Công đã tự thiêu

để phản đối nhà cầm quyền Cộng Sản. Theo Thông Tấn Xã nhà nước Xinhua loan báo thì có một bà chết, 3 bà khác và một ông được cứu thoát nhưng bị cháy rất trầm trọng.

Pháp Luân Công hiện bị nhà cầm quyền CS triệt để cấm hoạt động. Nhưng trở trêu thay, càng cấm phái này càng có nhiều người tham gia. Theo phát ngôn viên của phái này cho biết, hiện giờ ở Trung Quốc và Hồng Kông-Macao có khoảng trên 200 triệu hội viên. Trong số này có cả Đảng viên, Tướng, Tá và Cán bộ cấp cao. Bị cấm hoạt động công khai, họ hoạt động "chui" vậy.

• Xe lửa tốc độ cao (Transrapid)

Trong cuộc viếng thăm Đức vào giữa tháng 01.2001, Đại diện nhà cầm quyền Trung Quốc đã ký một giao kèo với Đại diện hai đại công ty Thyssen Krupp / Siemens để hai đại công ty này xây dựng một đường xe lửa với tốc độ cao nối liền từ phi trường Pudong đến thành phố Thượng Hải. Khoảng cách 30 cây số (dự trù thời gian di chuyển dưới 10 phút).

Đây là lần xây dựng đầu tiên để thử nghiệm, sau đó nếu mọi việc tiến triển tốt đẹp, hai đại công ty này sẽ xây thêm đoạn đường từ Thượng Hải đến Bắc Kinh. Khoảng 1.300 cây số.

● PHI LUẬT TÂN

Ông Astrada, một tài tử điện ảnh đã được dân chúng Phi bầu làm Tổng Thống. Nhưng chưa được một nhiệm kỳ ông bị dân chúng xuống đường biểu tình đòi ông phải từ chức vì tham nhũng.

Theo lời buộc tội của Biện Lý Cuộc, thì Astrada đã hối mại quyền thế, tham nhũng số tiền lên đến hàng trăm triệu Mỹ kim. Hiện giờ ông đang bị điều tra. Đồng tiền làm cho con người mất hết sự tự chủ. Khi còn là một tài tử điện ảnh ông luôn luôn hô hào chống tham nhũng. Nhưng khi nắm được quyền lực trong tay, ông cũng đi theo vết chân dính đô-la của những người tiền nhiệm !

Bà Gloria Arroya được tạm thời đảm nhiệm chức vụ Tổng Thống. Trong buổi lễ nhậm chức đơn sơ, bà đã hứa rất nhiều, nào là sẽ chống nghèo đói, cải tổ nền kinh tế và nhất là trong sạch hóa nội các của bà. Cuối cùng bà xin dân chúng hợp tác với bà để đưa nước Phi trên con đường phục hưng kinh tế, làm cho dân giàu nước mạnh. Người dân gật đầu và chờ xem việc làm của bà trong tương lai có đúng với lời bà hứa không, rồi sẽ có quyết định.

● CONGO

Ông Laurent Kaliba, Tổng Thống nước Cộng Hòa Dân Chủ Congo đã bị ám sát chết. Cách đây hai năm, ông được dân chúng ủng hộ bầu ông làm Tổng Thống, ông được xem như là một anh hùng dân tộc. Nhưng ngòi vào ghế Tổng Thống chưa được bao lâu, ông đã áp dụng chính sách gia đình trị như cựu Tổng Thống Suharto xứ Nam Dương. Tha hồ tham nhũng, cướp đoạt tài nguyên thiên nhiên của đất nước làm của riêng. Congo là một quốc gia có nhiều khoáng chất như mỏ vàng, bạc, uranium ... Trong một thời

gian ngắn mà những người trong gia đình ông đã trở thành những ông hoàng bà chúa, trong khi dân chúng thì đói rã ruột đưa bộ xương cách trí ra...

Trong một cuộc họp đặc biệt của Quốc Hội ngày 24.01.2001, những Dân biểu gia nô đã bầu con của Kaliba là Joseph Kaliba lên làm Tổng Thống thay thế ông cha. Rồi đây chuyện gì sẽ xảy ra cho quốc gia Congo này ? Chưa ai biết được, nhưng có một điều chắc chắn là nếu ông con đi theo con đường của ông cha thì Kaliba con sẽ lãnh hậu quả như ông cha vậy. Lịch sử sẽ không dung tha cho những tên lãnh đạo độc tài, phi nhân tham nhũng. Hãy chờ xem.

● ẤN ĐỘ

Ngày 24.01.2001, một trận động đất dữ dội mà cường độ rung chuyển lên đến 7,9 đã xảy ra tại tiểu bang Gujarat, gần biên giới Pakistan làm hơn 25 ngàn người chết, mấy chục ngàn người bị thương, hàng trăm ngàn người không còn nhà cửa. Nặng nhất là tại thành phố Bhuj, trên 90% nhà cửa bị sụp đổ.

Theo lời ông Bộ Trưởng Nội Vụ thì công việc ưu tiên bậc nhất là huy động quân đội đào tìm những người còn sống sót trong những đống gạch vụn.

Chính quyền Gujarat kêu gọi quốc tế cứu giúp về lương thực và thuốc men. Những phái đoàn chuyên môn của Mỹ, Canada, Na-Uy, Thụy Điển, Đức đã đến nơi động đất để cùng với chính quyền địa phương tìm kiếm những người còn sống sót.

Năm 1950, cũng đã xảy ra một trận động đất làm chết 1.500 người. Người ta tự hỏi, trận động đất dữ dội lần này có phải do ảnh hưởng của những cuộc thử bom nguyên tử ngầm ở dưới đất cách đây hơn một năm của Ấn Độ và Pakistan không ? Chỉ có những khoa học gia mới trả lời được mà thôi.

● NAM TỬ

Cựu Tổng Thống Slobodan Milosevic, cựu Tổng Thống Serbien Milan Mulitonovic và cựu Tổng Thống Bosnien-Serbien Radovan Karadzic sẽ bị dẫn độ qua Tòa Án Quốc Tế tại Den Haag (Hòa Lan) để xét xử về tội phạm chiến tranh hay được xét xử ở trong nước. Đó là đề tài đang được thảo luận giữa bà Del Ponte, Ủy viên Liên Hiệp Quốc, và Tổng Thống Kostunica.

Theo lời bà Del Ponte (người Thụy Sĩ) thì những người vi phạm trầm trọng nhân quyền nêu trên phải được đem ra xử tại Tòa Án Quốc Tế về tội phạm chiến tranh để làm gương cho kẻ khác. Ngược lại, ông Kostunica thì muốn xử những tội phạm nêu trên tại Nam Tử.

Tòa Án Quốc Tế đã tổng lệnh bắt Milosevic, dựa vào lệnh này chính quyền Kostunica ra lệnh tịch thu tất cả tài sản nổi chìm của Milosevic và cho cảnh sát canh giữ ông ta 24/24 giờ. Cái nhân mà ông Milosevic đã gieo thì ông ta phải gặt cái quả như vậy. Đó là luật NHÂN QU của nhà Phật.

• Plavsic ra tòa

Bà Biljana Plavsic, cựu nữ Tổng Thống Bosnien-Serbien, người kế vị Radovan Karadzic, đã tự ra trình diện trước Tòa Án Quốc Tế Den Haag để trình bày về sự vô tội của bà. Theo cáo trạng của Ủy viên Liên Hiệp Quốc, bà Plavsic đã tiếp tay với Karadzic trong cuộc chiến tranh diệt chủng, vi phạm nhân quyền, vi phạm quốc tế công pháp và hiệp định Genève về chiến tranh.

● ÂU CHÂU

Cộng Đồng Âu Châu họp thượng đỉnh tại Nice (Pháp) dự trù từ 7 đến 8.12.2000 để thảo luận về việc cải tổ, mở rộng cũng như bổ sung Đại Biểu cho Hội Đồng Bộ Trưởng.

Trong năm 2000, Pháp làm Chủ Tịch, do đó Tổng Thống Pháp, ông Jacques Chirac, tìm mọi cách để giành lấy nhiều quyền lợi về cho nước Pháp bất kể sự bất mãn, chống đối của những nước khác. Nhất là Đức, từ khi thống nhất có một dân số cao nhất trong Cộng Đồng, đóng tiền nhiều nhất nhưng có số Đại Biểu (ghế) trong Hội Đồng Bộ Trưởng cũng bằng 3 nước Anh, Pháp và Ý. Do đó hội nghị tưởng như đã bị bế tắc. Mới đầu dự trù có 2 ngày, sau đó phải kéo dài đến 4 ngày mới xong.

Bảng phân chia số Đại Biểu (ghế) trong Hội Đồng Bộ Trưởng như sau:

15 Quốc Gia	Số Đại Biểu (ghế)	Dân số/triệu	Tính % trên dân số	Tính % trên dân số sau khi thu nhận thêm 12 QG nữa
Đức	29 (10 cũ)	82,0 triệu	21,8%	18,7 %
Anh	29 (10 ")	59,2	15,8	13,5
Pháp	29 (10 ")	59,0	15,7	13,4
Ý	29 (10 ")	57,6	15,3	13,1
Tây Ban Nha	27 (8 ")	39,4	10,5	9,0
Hòa Lan	13 (5 ")	15,8	4,2	3,6
Hy Lạp	12 (5 ")	10,5	2,8	2,4
Bỉ	12 (5 ")	10,2	2,7	2,3
Bồ Đào Nha	12 (5 ")	10,0	2,7	2,3
Thụy Điển	10 (4 ")	08,9	2,4	2,0
Áo	10 (4 ")	08,1	2,2	1,8
Đan Mạch	7 (3 ")	05,3	1,4	1,2
Phần Lan	7 (3 ")	05,2	1,4	1,2
Ái Nhĩ Lan	7 (3 ")	0 3,7	1,0	0,8
Lục Xâm Bảo	4 (2 ")	00,4	0,1	0,1

Sắp gia nhập (2003)

Ba Lan	27	38,7	8,8
Tschechien	12	10,3	2,4
Hung Gia Lợi	12	10,1	2,3
Slowenien	04	02,0	0,5
Estland	04	01,4	0,3
Zypern	04	00,8	0,2
Malta	03	00,4	0,1

Đang xin gia nhập

Lô Ma Ni (Rumanie)	15	22,5	04,7
Bảo Gia Lợi (Bungarie)	10	08,2	01,7
Slowakei	07	05,4	01,1
Litauen	07	03,7	00,8
Lettland	04	02,4	00,5

Pháp kết hợp với một vài nước khác, bằng mọi cách không muốn Đức có nhiều ảnh hưởng trong Cộng Đồng. Nhìn vào bảng phân chia số Đại Biểu (ghế) trong Hội Đồng Bộ Trưởng thì thấy rõ.

Chẳng hạn như Tây Ban Nha dân số không bằng phân nửa dân số Đức mà được 27 ghế, chỉ ít hơn Đức có 2 ghế mà thôi. Tại sao không căn cứ vào số dân của mỗi nước để đề cử Dân Biểu ? Thí dụ: Cứ mỗi 2 hay 3 triệu dân thì được cử 1 Đại Biểu, làm như vậy có phải dễ dàng không ? Tuy nhiên, muốn tránh việc lấy thịt đè người có nghĩa là lấy số đông áp đảo thiểu số nên mới có sự phân chia bất quy tắc như trên chẳng ?

Trong tương lai mọi quyết định sẽ như sau:

1/- Về bỏ phiếu: Mọi quyết định phải được 73,4% phiếu của Hội Đồng Bộ Trưởng chấp thuận hay không chấp thuận.

2/- Về dân số: Nếu có cuộc trưng cầu dân ý thì ít nhất phải được 62% dân số trong Cộng Đồng bỏ phiếu chấp thuận hay không chấp thuận.

3/- Về Quốc gia Hội viên: Hiện giờ Cộng Đồng có 15 quốc gia hội viên, mọi quyết định phải có trên bán phần tức là 8/15 bỏ phiếu chấp thuận mới có giá trị.

12 quốc gia sắp và đang xin gia nhập không có Thổ Nhĩ Kỳ (Turkei) mặc dầu nước này đã nhiều lần làm đơn xin gia nhập nhưng vẫn bị bác đơn, không hội đủ điều kiện vì đã và đang vi phạm trầm trọng nhân quyền.



TT Pháp, ông Chirac (phải) có thuyết phục Thủ Tướng Đức, ông Schröder, chấp thuận việc phân chia bất quy tắc số Đại Biểu trong Hội Đồng Bộ Trưởng gây bất lợi cho Đức.

● **ĐỨC**

Những ngày gần đây, dân chúng Đức hoang mang và lo sợ vì ngày nào báo chí và truyền hình cũng loan báo và lặp đi lặp lại vấn đề được coi là "Thời sự nóng bỏng" :

1/- Bò bị bệnh BSE, còn theo tiếng Việt thì tạm gọi là "Bò Liệt".

2/- Đạn của quân đội trong khối NATO dùng trong cuộc chiến ở Kosovo vừa qua có chất phóng xạ với số thứ tự 92. Đó là chất URAN gây ra bệnh ung thư.

I- TRƯỚC HẾT XIN NÓI VỀ BỆNH "BÒ LIỆT"

Sở dĩ người viết gọi là "**Bò Liệt**" mà không gọi là "**Bò Diên**", vì khi bò bị bệnh nó không có hung dữ, không tấn công ai cả; trái lại nó đứng rung rẩy, có chứng động kinh chuột rút các bắp thịt, đứng không vững và cuối cùng thì nằm liệt bất tỉnh (Koma) nên gọi là "**Bò Liệt**".

Vậy BSE là gì ?

Là chữ tắt của ba chữ Bovine Spongiforme Enzephalopathie, còn tiếng Đức: schwammartiger Hirnzerfall des Rindes (Tạm dịch: óc của con bò bệnh bị hủy biến như bọt biển).

*** BSE được phát hiện từ lúc nào ?**

Từ năm 1986 tại Anh qua những con bò bệnh.

*** Tại Đức BSE được phát hiện từ lúc nào ?**

Ngày 22.11.2000, BSE được phát hiện do sáng kiến của một anh hàng thịt (đồ tể) tại tiểu bang Schleswig-Holstein khi ông ta tự mình đem óc một con bò đi thử.

*** Tại sao những con bò bệnh BSE phải thiêu đốt mà không chôn để làm phân ?**

Tại vì chỉ có thiêu đốt với nhiệt độ trên 1.000 độ C mới hủy diệt được vi trùng gây bệnh BSE (Prionen).

Đã và đang có biện pháp gì để bảo vệ cho bò không bệnh BSE. Chẳng hạn như cấm cho bò ăn bột gia súc ?

Cho tới bây giờ không ai quả quyết 100% là bột gia súc (a) gây ra bệnh BSE. Tuy nhiên từ khi nước Anh cấm tuyệt đối không cho bò ăn bột gia súc thì số bò bị bệnh BSE đã giảm đi rất nhiều. Thường thường thì bò mẹ bị bệnh BSE truyền sang cho bò con (con bê).

(a) Bột gia súc (Tiermehl) được chế tạo bằng xương, đồ lòng (ruột, gan, phèo, phổi v.v...) của các loại súc vật như trâu, bò, v.v...).

*** Thịt bò làm dồi có bảo đảm an toàn không ?**

Những chuyên viên cho biết là không bảo đảm 100%. Tuy nhiên thịt không có xương như thịt bắp (cơ), thịt bò con (bê) thì không có gì phải sợ.

*** Những con bò thả ăn cỏ ngoài đồng hay loại bò rừng có bệnh BSE không ?**

Cho đến bây giờ chưa phát hiện loại bò này có bệnh BSE. Những đàn bò hàng chục ngàn con thả đi mênh mông qua những cánh đồng cỏ bát ngát ở Mỹ, ở Á Căn Đình, ở Úc không có con nào bị bệnh cả.

Những tiểu bang nào của Đức có bò bệnh BSE ?

Tiểu bang	Số bò bệnh BSE	Số bò thử nghiệm	Số bò bị thiêu vì nghi có BSE
-Schleswig-Holstein	2 con	6000 con	217 con
-Mecklenb. Vorpommern	1 -	4000 -	1 -
-Niedersachsen	2 -	11.313 -	273 -
-Berlin	0	40 -	10 -
-Hessen	0	2.700 -	2 -

-Baden-Württemberg	1 -	15.000 -	0
-Bayern	8 -	17.260 -	chưa có con số

Khi tờ báo này đến tay quý độc giả, sẽ có nhiều bò bị bệnh BSE nữa rải rác trong các tiểu bang khác vì phần lớn các bò ở trại chăn nuôi đều phải bị thử nghiệm.

• BSE đã và đang gây ảnh hưởng đến xã hội Đức như thế nào ?

a/ Về phía chính quyền: Một Bộ Trưởng Y Tế và một Bộ Trưởng Nông Nghiệp Liên Bang từ chức vì thiếu tinh thần trách nhiệm, không có biện pháp phòng ngừa cũng như bảo vệ người tiêu thụ.

b/ Về phía người chăn nuôi: Trại nào có bò bệnh hay bị nghi là có bệnh đều bị niêm phong cô lập, không được bán, chờ ngày đem đi thiêu đốt. Mặc dù mỗi con bò được bồi thường 1.000 Đức Mã nhưng chủ trại phải mất một thời gian từ 2 năm trở lên mới nuôi lại đàn bò khác. Do đó họ bị thiệt hại rất to lớn.

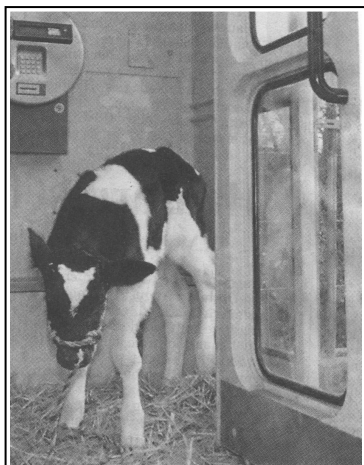
c/ Về phía người tiêu thụ: Sợ không dám ăn thịt bò, nên số lượng thịt bò bán ra thị trường bị giảm đi trên dưới 70%. Thay vì ăn thịt bò, họ ăn thịt gà Tây hay gà Ta để được yên lòng !

d/ Về phía kỹ nghệ thịt và sản xuất dôi: Chủ tịch Công đoàn Kỹ nghệ thịt, ông Franz Josef Möllenberg, cho biết là có rất nhiều cơ sở rút ngắn giờ làm việc của công nhân. Nặng nhất là những lò sát sinh và cơ sở chế biến dôi. Mức độ sản xuất giảm trên 50%. Do đó nhân công đã và sẽ bị sa thải hàng loạt, số còn lại phải rút ngắn giờ làm việc (Kurzarbeit)

e/ Mức độ thiệt hại: Toàn nước Đức có khoảng 400 ngàn con bò bị chôn đến lò thiêu đốt. Tiền bồi thường độ 400 triệu Đức Mã, chưa kể phí tổn chuyên chở và thiêu đốt cũng chừng 350 triệu Đức Mã nữa. Số tiền này Cộng Đồng Âu Châu (EU) gánh chịu 60%, còn lại do quỹ của chính quyền liên bang đài thọ.

Những sự thiệt hại không chỉ ngừng tại đây mà nó còn lan rộng qua các lãnh vực khác như Bộ Lao Động phải gánh thêm một số người thất nghiệp, các loại thịt (trừ thị bò) sẽ lên giá vì cung ít hơn cầu v.v... và v.v....

Hy vọng một ngày không xa, Liên Minh cầm quyền Xanh-Đỏ sẽ tìm mọi cách để ổn định lại việc chăn nuôi bò và nhất là đời sống của người dân.



Con bê này trong đêm 31.01.2001 bị chủ đem bỏ vào phòng điện thoại công cộng, phía ngoài dán một miếng giấy viết: "Xin giúp đỡ tôi ! Tôi tên Max và bị chủ tôi tống ra khỏi chuồng bởi vì đời sống tôi không còn giá trị nữa! Xin đừng trao tôi vào tay chính quyền tôi sẽ bị giết chết!". Sáng ngày cảnh

sát đem con bê giao cho một chủ trại săn sóc.

Cảnh tượng này nói lên sự phẫn nộ của các chủ trại chăn nuôi đối với chính quyền về việc ra lệnh cho giết hàng trăm ngàn con bò.

II.- ĐẠN CÓ CHẤT URAN ?

Đạn được của Khối NATO dùng trong cuộc chiến ở Kosovo có chất Uran phát ra phóng xạ ? Tại sao đến bây giờ mới phát giác ra việc này ? Tại vì các cấp lãnh đạo thiếu tinh thần trách nhiệm chăng ?

Trong tháng vừa qua, có một cựu quân nhân đã phục vụ trong đoàn quân viễn chinh Đức tại Kosovo, khi giải ngũ, trở về đời sống dân sự bị bệnh ung thư. Trước đây cũng có một cựu quân nhân đã chết cũng bị bệnh ung thư. Do đó, báo chí mới đặt nghi vấn là tại sao hai cựu quân nhân đã phục vụ ở Kosovo khi trở về đều bị bệnh ung thư ?

Từ nghi vấn này mà chính quyền Đức mới cho chuyên viên đến Kosovo đo mức độ phóng xạ tại những hố bom, hố đạn đại bác nổ, những bức tường bị hỏa tiễn phá hủy v.v... và lấy đất đem về phòng thí nghiệm thử. Bộ Quốc Phòng Mỹ cũng cho chuyên viên đến Kosovo làm công việc thử nghiệm này.

Sau khi có kết quả, Bộ Trưởng Quốc Phòng Đức, ông Scharping, cũng như phía Mỹ và Khối NATO cho biết là bom đạn hiện đang dùng không có chất Uran phát ra phóng xạ, gây bệnh ung thư.

Trong khi đi tìm phóng xạ trong bom đạn, các chuyên viên mới khám phá ra một điều bất ngờ là những dàn Radar lớn đều có phát ra tia phóng xạ, tuy không gây bệnh ung thư nhất thời vì mức độ phóng xạ thấp, nhưng người nào phục vụ tại những dàn Radar to lớn nhiều năm sẽ có khả năng bị bệnh ung thư.

Hãy chờ xem biện pháp đối phó của những người có trách nhiệm. Nhưng trước mắt là những người làm việc tại dàn Radar phải được thường xuyên luân chuyển.

CẤM DÙNG HANDY KHI LÁI XE

Kể từ ngày 01.02.2001, những tài xế đang lái xe cấm không được dùng Handy để nói chuyện.

Nếu Cảnh Sát bắt được sẽ bị phạt như thế nào ?

Từ 01.02.2001 đến 31.03.2001, nếu Cảnh Sát bắt được chỉ bị cảnh cáo bằng miệng. Kể từ 01.04 trở về sau sẽ bị phạt 60 Đức Mã.

Lúc nào tôi được phép dùng Handy ?

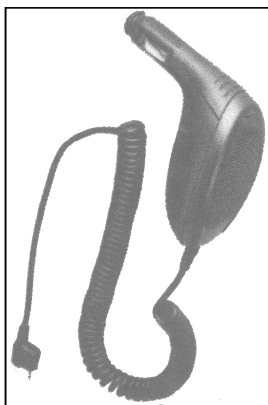
Khi bị kẹt xe ngừng lại hay ngừng xe bên lề đường.

Có trường hợp ngoại lệ không ?

Có. Khi Handy được gắn chặt vào xe bằng một bộ phận đặc biệt được gọi là: Freisprecheinrichtung - giá rất đắt độ 800 Đức Mã hoặc mua một "Headsets" rất đơn giản, một đầu dây cắm vào Handy, đầu dây kia có một "Mikrofon" và một cái kẹp để kẹp vào đầu, giá có 40 Đức Mã dùng được cho tất cả mọi loại Handy.

Nói tóm lại, người đang lái xe hoàn toàn không được dùng tay để sử dụng Handy vì có thể gây ra tai nạn cho chính mình mà còn liên lụy đến người khác.

Riêng người lái xe Moto hay đi xe đạp mà sử dụng Handy, kể từ 01.04.2001, nếu bị Cảnh Sát bắt được bị phạt 30 Đức Mã.



"Freisprecheinrichtung"



Bộ "Headsets"

● ĐÚNG NHÌ VỀ XUẤT CẢNG

Trong năm 1999, Đức đã xuất cảng một số lượng hàng hóa trị giá 1.120 tỷ Đức Mã, đúng vào hàng thứ nhì trên thế giới. Đúng nhất là Mỹ, thứ ba là Nhật, thứ tư là Pháp, thứ năm là Anh.

"Made in Germany" được thế giới thích dùng vì bảo đảm về phẩm chất nhưng giá thành cao vì tiền nhân công cao.

● ĐẢNG NDP SẼ BỊ CẤM HOẠT ĐỘNG ?

Thượng Viện vừa chuyển toàn bộ hồ sơ gồm có trên 50 thùng đựng những tài liệu, vũ khí, chứng minh v.v... lên Tòa Án Hiến Pháp Liên Bang để xin Tòa cấm đảng này hoạt động vì là đảng cực đoan, hủ khuynh quá khích, phá rối trị an, xách động quần chúng bạo động, đánh đập người ngoại quốc v.v... Cuộc cứu xét có thể kéo dài từ 1 đến 2 năm.

Vừa qua, Cơ quan Bảo vệ Hiến Pháp lo lắng vì có nhiều phần tử Đức Quốc Xã (Neonazis) còn trẻ hay còn vị thành niên nhưng được trang bị vũ khí và nhiều loại chất nổ v.v... đám này phần nhiều là hội viên hay cảm tình viên của đảng NDP.

Hãy chờ xem quyết định của Tòa Án Tối Cao Hiến Pháp Liên Bang.

● TRUNG ĐÔNG

Hiệp ước Quân sự tại Vịnh Ba Tư

Mười năm sau cuộc chiến tại Vịnh Ba Tư chống Irak đưa quân chiếm Kuwait tháng 8.1990, một Hiệp Ước Quân Sự vừa được ký kết để bảo vệ vùng Trung Đông nhiều dầu hỏa này, gồm có 6 quốc gia là: Bahrain, Saudi Arabien, Kuwait, Katar, Oman và Liên Đoàn Rập Emirate.

Theo nhận định của những nước Liên Minh Quân Sự dưới sự lãnh đạo của Mỹ trong cuộc chiến chống IRAK (không có Đức) thì hiện giờ Irak đang nằm dưới sự kiểm soát của Liên Minh và Saddam Hussein không còn là người gây nguy hiểm cho những quốc gia trong vùng. Hơn nữa Hiệp Ước Quân Sự này có khả năng đương đầu với Hussein nếu ông ta nổi cơn điên lên một lần nữa trước khi đi châu

Allah ! Do đó theo phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Mỹ cho biết việc trừng phạt Irak sẽ được cứu xét lại trong một tương lai gần.

● MỸ

Thưa qua, thưa lại, cuối cùng Tòa Án Tối Cao đã xử cho Ông Bush được dọn vào tòa Nhà Trắng ở 4 năm. Buổi lễ nhậm chức được tổ chức thật là long trọng. Người đến thì vui cười; người đi thì buồn bã. Có trên cả chục ngàn người phần nhiều là người da đen biểu tình phản đối việc đắc cử của ông Bush.

Có lẽ chỉ có nước Mỹ mới có sự bầu cử treo cẳng ngỡ ngàng như vậy. Ông Gore hơn ông Bush gần một triệu phiếu mà lại thất cử. Vì bầu theo lối cử tri đoàn.

Rồi đây trong 4 năm cầm quyền, ông Bush phải làm thế nào để lòi cuốn hơn phân nửa cử tri đã chống ông bỏ phiếu cho ông Gore đứng về phía ông, ủng hộ ông.

Riêng cựu Tổng Thống Clinton, một ngày trước khi bàn giao chức vụ ông đã tự viết một bản thú nhận là đã khai không đúng sự thật tức là lừa dối trong vụ tình ái lằng nhằng với cô Lewinsky. Nhờ bản thú nhận này mà Biện Lý Cuộc đã cho đình chỉ vĩnh viễn việc truy tố ông. Tuy nhiên, trong 5 năm ông không được hành nghề luật sư và bị phạt 25.000 đô-la (50.000 Đức Mã).

● VIỆT NAM

Độc Tài - Độc Quyền - Cửa Quyền - Tham Nhũng - Xã Hội Bão Hoại

Chu kỳ này nằm trong hệ thống cai trị đất nước của Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay. Nguyên nhân chính phát xuất từ chế độ độc tài - đảng trị đưa đến hậu quả cuối cùng là xã hội bão hoại, suy đồi, nghèo đói v.v...

Nếu ai đó chịu khó đọc bất cứ một tờ báo nào của chính nhà nước CS viết, cũng thấy dưới cái XHCN được cho là ưu việt của họ nào là cán bộ hối mại quyền thế, tham nhũng bị đưa ra tòa, xi-ke ma-túy, gái mại dâm, trộm cướp, buôn bán gái vị thành niên v.v... và v.v...

Lê Khả Phiêu, Chủ Tịch Đảng CS đã từng nói: "**Độc tài kèm hãm sự phát triển xã hội**". Đúng vậy ! Tuy nhiên ông biết nói, nhưng không dám cởi bỏ cái áo độc tài để thực hiện Tự Do - Dân Chủ hầu theo kịp nhịp tiến của nhân loại chỉ vì đặc quyền đặc lợi đang nằm trong tay các cấp lãnh đạo đảng quá nhiều. Nhưng dù muốn dù không, theo trào lưu dân chủ hóa của thế kỷ sẽ lần lượt đào thải các chế độ độc tài còn sót lại trên quả địa cầu này trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên không có chuyện "**Bất chiến tự nhiên thành**" hay "**Nằm hạ mệnh chờ sung rụng**" mà phải đấu tranh để từng bước đẩy chế độ độc tài lạc hậu này vào cuối đường hầm rồi đóng nắp hầm lại chôn vùi nó vĩnh viễn với thời gian.

Hiện tại ở Việt Nam, những Tôn Giáo, Tổ Chức hay cá nhân đã và đang đấu tranh liên tục đòi nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam phải từ bỏ chế độ độc tài đảng trị, thực hiện Tự Do - Dân Chủ cho đất nước.

Trong mấy tháng gần đây Linh mục Tadêô Nguyễn Văn Lý và giáo dân thuộc giáo xứ Nguyệt Biều đã anh dũng

đứng lên kêu gọi nhà cầm quyền CSVN phải thực hiện Tự Do - Dân Chủ trong đó có sự Tự Do cho tất cả các Tôn Giáo. Nhưng nhà cầm quyền CS vẫn nhắm mắt làm ngơ, không đáp ứng nguyện vọng chính đáng của người dân, trái lại họ dùng công an tay sai khủng bố, đàn áp. Do đó, Linh mục Lý đã cho phổ biến Lời Kêu Gọi số 1, số 2, số 3 và sẽ tiếp tục số 4, 5, 6, 7, v.v... cho đến khi nào các Tôn Giáo được thật sự Tự Do hành hoạt mới thôi.

Cuộc đấu tranh đòi Tự Do - Dân Chủ cho đất nước trong đó có Tự Do Tôn Giáo là một cuộc đấu tranh chung của mọi người dân Việt, không phân biệt Tôn Giáo, Tín Ngưỡng, Kinh, Thượng, Bắc, Trung, Nam v.v... do đó chúng tôi đăng nguyên văn "Lời Kêu Gọi số 3" của Linh mục Lý để chúng ta tích cực ủng hộ việc làm đáng kính phục của Linh mục.

LỜI KÊU GỌI SỐ 3 CHÚNG TA PHẢI TỰ TẠO TỰ DO TÔN GIÁO THẬT SỰ CHO CHÍNH MÌNH

1-Xét rằng: Tự bản chất, tất cả mọi quyền bình đẳng tài toàn trị xưa nay trong lịch sử, **không bao giờ tự ý nói lung tung** cho bất cứ cá nhân hay tổ chức nào mà họ thấy vì sự nói lung tung ấy có thể tạo nên mối đe dọa cho quyền lực bất chính của họ.

2- Xét rằng: Nếu tất cả các Tôn Giáo tại Việt Nam hôm nay chỉ biết khoanh tay ngồi đợi các điều luật, các qui định nào đó của Nhà nước CS vô thần VN may ra tạo nên cho mình một vài cơ hội nhỏ để tổ chức đời sống Tôn Giáo và phát triển Tôn Giáo theo những đòi hỏi chính đáng của Tôn Giáo mình, thì **không bao giờ có các điều luật và các qui định thuận lợi cho mình cả.**

3-Xét rằng: Nếu tất cả các Tôn Giáo tại Việt Nam hôm nay chỉ muốn tổ chức đời sống Tôn Giáo và phát triển Tôn Giáo của mình trong khuôn khổ luật pháp của một chế độ độc tài toàn trị, thì Tôn Giáo ấy sẽ tự mình cam lòng cúi đầu khuất phục một thứ quyền lực độc đoán phi lý, và Tôn Giáo ấy **đã tự làm mất đi hoặc tự làm lu mờ đi bản chất ánh sáng tự do, uy dũng, giải thoát, soi đường của chính Tôn Giáo mình** trong một thời gian lâu dài hoặc nhanh chóng tùy thời gian mình đã cam phận chịu khuất phục nhiều hay ít.

4-Xét rằng: Trong một thời đại mà đang có một quyền lực độc đoán toàn trị khổng lồ trên toàn bộ dân chúng của cả một Đất Nước, thì các Tôn Giáo là những lực lượng chính yếu, thậm chí là duy nhất nữa, đáng lẽ ra **phải là chỗ dựa nâng đỡ mọi tâm hồn khao khát công bằng, tự do**, để ít nữa là mọi người dân còn tìm gặp một niềm **nâng đỡ cho tinh thần vô úy bất khuất** mà đáng lẽ mọi người có văn hóa, có lương tri ngay chính tự nhiên ai ai cũng phải có.

5-Xét rằng: Nếu các Tôn Giáo tại Việt Nam **không biết tự mình khẳng định giá trị siêu việt và cứu độ** của mình trước lịch sử, trước Dân Tộc, trước cộng đồng nhân loại, thì sớm muộn gì, Tôn Giáo ấy cũng đánh mất bản chất của chính mình, làm nản lòng mọi tâm hồn thiện chí muốn hướng về Tôn Giáo ấy như là Ánh Sáng soi đường, sẽ bị coi khinh và cuối cùng sẽ bị đào thải trong lịch sử.

6-Xét rằng: Thời gian chờ đợi, nhẫn nại, tích lũy tiềm lực,... bao giờ cũng có giới hạn nào đó mà thôi. Nếu kéo dài kiếp cam phận nô lệ quá đáng, thì hoặc là Tôn Giáo nào đó sẽ **mất hết cơ hội quý hiếm**, hoặc là **thực chất sức lực cũng quá cạn kiệt, rệu rã rồi.**

7-Xét rằng: Quyền tự do là một quyền thiêng liêng quý giá nhất Đấng Tạo Hóa đã ban tặng cho con người gắn liền với thân phận con người, bản chất con người (x. TN Nhân Quyền của LHQ ngày 10.12.1948, đ. 1); và việc con người tự do biết cách để tự mình xác lập lại quyền tự do vô cùng cao cả ấy là một **hạnh phúc lớn lao và là một niềm vinh dự vô bờ cho chính mình và cho tổ chức mình.**

Nay với tư cách là người **đã liên tục đấu tranh cho Tự Do Tôn Giáo tại Việt Nam trong suốt 25 năm qua** dưới rất nhiều hình thức, cụ thể nhất là gần đây với Bản Tuyên Ngôn 10 điểm đòi Tự Do Tôn Giáo tại Việt Nam ngày 24.11.1994; bản Kỷ niệm 6 năm Tuyên Ngôn ấy ngày 24.11.2000; Lời Kêu Gọi cuối năm 2000 ngày 03.12.2000 "**CHÚNG TÔI CẦN CÓ TỰ DO TÔN GIÁO THẬT SỰ TẠI VIỆT NAM**" và Lời Kêu Gọi số 2 ngày 08.12.2000 cùng với Lời Giải Thích đầy đủ ngày 12.12.2000 trên mạng Thông Tin Toàn Cầu Internet.

Tôi xin tiếp tục kêu gọi :

Điều 1: Kính xin mọi Tôn Giáo tại Việt Nam hôm nay noi gương bắt chước **Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất** (cũng còn gọi là **Tăng Đoàn**) tổ chức Phật Học Viện tại **Tổ Đình Từ Hiếu**, thôn Thượng II, xã Thủy Xuân, Thành phố Huế. Từ 1975, Tổ Đình Từ Hiếu tự tổ chức một Phật Học Viện **hoàn toàn độc lập**: các Tu sĩ đến Chùa tu học không cần xin phép. Nếu bị kiểm tra hộ khẩu đuổi về nhà, thì về nhà rồi trở lại Chùa tu học tiếp; tổ chức **Giới Đàn Tỳ Kheo** để các Tu sĩ thọ Đại Đức không hề xin phép, hoặc báo cáo với chính quyền CSVN; tính tuổi hạ của các Tỳ Kheo để **Tấn Phong Thượng Tọa và Hòa Thượng** không hề xin phép, báo cáo với quyền lực trần gian nào cả. Ban Giáo Thọ, Giám Học của Phật Học Viện Từ Hiếu cho rằng: việc tu luyện là việc thiêng liêng riêng tư của từng cá nhân với Đức Phật, với Phật Pháp, với Chư Tăng, với Giáo Hội... mà thôi, không liên quan gì đến các quyền lực trần gian hết. Các Cao Tăng ở đây cho rằng: ngồi thờ (ý nói ngồi tập thiền) mà cũng phải xin phép sao? Làm Thơ (ý nói cô đọng tâm nguyện thành kinh, thành thơ) mà phải xin phép thì còn cảm hứng đâu nữa? Khi xin cho được "phép nghiệt ngã" như thế, thì liệu còn hồn thơ, chất thiền nữa không?

TIN PHẬT SỰ

Các Thiền Viện, các Đại Chứng Viện, các Học Viện, các Tu Viện... không thể tổ chức được như thế sao? Cùng sống trong một hoàn cảnh như nhau, mà người khác làm được điều mình không làm được thì chúng tỏ cái uy dũng của mình, cái tinh thần vô úy, vô cầu, vô thủ của mình rõ ràng là không bằng người. **Can đảm và khiêm tốn bắt chước cái tốt cũng là cái Dũng của Bạc Đại Giác, Đại Trí vậy.**

Điều 2: Bao lâu chưa có Tự Do Tôn Giáo Thực Sự tại Việt Nam, kính xin mọi Tu sĩ, mọi Tăng Ni, mọi Linh mục... không cần cầu cạnh để được đi tu học nước ngoài hay bất cứ một ân huệ nào tương tự. Vì thà không đi tu học đâu cả mà rèn luyện cho mình được bản chất độc lập an nhiên tự tại, hơn là đi học xứ người được vài kiến thức khoa học mà đánh mất cái phẩm chất "Vô Cầu Tự Phẩm Cao" của mình. **Cái "được" nhỏ nhoi trước mắt không thể bù lại cái "mất" quá to lớn**, có đi lụy lâu dài trong lịch sử, không sao tẩy xóa nổi.

Điều 3: Kính xin các Giáo Hội, các Tu Viện, Học Viện... lập các hồ sơ về các tài sản đã bị chính quyền CSVN trưng thu, tịch thu, buộc phải trao nhượng không thỏa đáng, để hoặc tự mình làm các thủ tục đòi chính quyền CSVN hoàn trả lại theo lẽ công bằng tự nhiên được quốc tế công nhận; hoặc có thể nhờ chúng tôi lên tiếng buộc chính quyền CSVN phải hoàn trả lại. **Không một quyền lực nào trên trần gian hôm nay có quyền tước đoạt tài sản chính đáng của người khác, của tổ chức chính đáng khác, rồi tìm cách hoán chuyển một cách tinh vi các quyền lợi vào tay một thiểu số có chức có quyền cả.** Hãy nhìn xem: nếu các cán bộ của Nhà Nước CSVN hôm nay sống "mình vì mọi người", "chí công vô tư" ... như họ vẫn nhai đi nhai lại đến độ quá nhàm rỗng tuếch, thì liệu với đồng lương ít ỏi của họ, làm sao họ có một đời sống nhanh chóng giàu sang như thế? Ai ai cũng thấy rõ: khi người CSVN tiến hành cuộc đấu tranh giai cấp để tiêu diệt giai cấp tư sản, thì họ **đã tạo nên một giai cấp "tư sản mới" có luật pháp che chắn hẳn hoi.** Điều này mọi người dân Việt Nam hôm nay đều thấy rõ.

Điều 4: Trong khi tôi quá nóng lòng muốn làm sao cho các Giáo Hội được sớm có Tự Do thật sự, tôi đã thẳng thắn phân tích các vấn đề, có thể tôi không đủ thời giờ để cân nhắc, tìm các từ diễn đạt thích hợp; hoặc có những cơn bệnh quá nan y buộc lòng phải dùng đến con dao giải phẫu thực tâm không ai muốn; hoặc trong ngôn ngữ đấu tranh, cũng cần có giọng văn mạnh mẽ, mà bất đắc dĩ có làm va chạm thương tổn đến nột số Chúc Sác nào đó trong Giáo Hội nào đó, thì tôi **thật lòng kính xin mọi người thành tâm thiện chí bỏ qua các thiếu sót không thể tránh khỏi của tôi**, vì như tôi đã khẳng định nhiều lần, thực sự tôi chỉ là một Linh mục nhỏ bé mà thôi.

Kêu gọi tại Nguyệt Biều - Huế, ngày 20.12.2000, trước ngưỡng cửa Thế Kỷ XXI và ngàn năm thứ ba.
Linh mục Tadêô Nguyễn Văn Lý

Theo chương trình Lễ Phật định kỳ hằng năm, năm nay Chi Hội Phật Tử VNTN tại Karlsruhe đã tổ chức Thọ Bát Quan Trai và Lễ Cầu An vào hai ngày 25 và 26.11.2000. Dưới sự hướng dẫn của Thượng Tọa Viên Giác cùng có sự tham dự của Thầy Hạnh Vân, Ni Sư Thích Nữ Như Viên, Chú Hạnh Định, các vị đại diện cho Hội Phật Tử như ĐH Diệu Đông (Hội Phó Ngoại Vụ), ĐH Thiện Mãn (Thư Ký), cùng đại diện của 9 Chi Hội bạn.

Số giới tử về tham dự tu Bát Quan Trai tổng cộng 77 vị, và số đồng hương Phật Tử đến tham dự khóa Lễ Cầu An lên đến hơn 100 vị.

Chương trình Tu Học năm nay, ngoài thời giảng của Thượng Tọa Viên Giác, hai ngày Thọ Bát nhằm vào 30 và mồng một nên Thầy cho phép đổi giờ tụng kinh A Di Đà sang tụng Kinh Sám Hối và tối thứ bảy cho huân tu Chú Đại Bi và Niệm Phật, sau đó Thầy làm chủ lễ Tụng Giới cho 39 Đạo Hữu đã thọ Bồ Tát Giới. Sáng ngày chủ nhật, Thầy Viên Giác đã truyền giới cho 14 vị xin Quy Y Tam Bảo, trong đó có một người Đức.

Sinh hoạt Phật sự đóng góp trong kỳ này có 2 việc đáng lưu ý là:

- **Việc thứ nhất** : kêu gọi đóng góp Cứu Trợ Nạn Lụt ở Miền Nam Việt Nam. Số tịnh tài thu được là: 2.711 DM (Gồm: 1.724 DM tiền đóng góp trực tiếp của các Phật Tử và 987 DM thu được từ Quầy Hàng Tình Thương). Số tiền này được gửi về Chùa Viên Giác để chuyển về Việt Nam.

- **Việc thứ hai** : là lời kêu gọi sự hỗ trợ tạo dựng ngôi Niệm Phật Đường tại Reutlingen dưới sự trụ trì của Ni Sư Như-Viên.

Buổi lễ Thọ Bát Quan Trai và Cầu An được chấm dứt vào lúc 14 giờ ngày 26.11.2000.

THÔNG BÁO TỪ TRUNG TÂM TU HỌC VIÊN GIÁC-ẤN ĐỘ

Cho đến nay việc xây dựng Trung Tâm Tu Học Viên Giác vẫn tiến hành khả quan nhờ vào số tịnh tài cúng dường của các Phật tử khắp nơi trên thế giới qua chuyến đi vận động 6 tháng vừa qua của tôi. Công việc xây cất nay đã xong đến mái của tầng hai cũng là tầng sau cùng. Các giai đoạn kế tiếp sẽ là xây cất bồn chứa nước trên sân thượng, xây lan can xung quanh sân thượng và ba tầng mái cong (tầng trệt, tầng một và tầng hai) bao bọc chung quanh building chính của Trung Tâm Viên Giác.

Ngoài khu vực building chính, hai phần khác cũng sẽ hoàn thành trong 2 tháng tới, đó là chùa Một Cột và cổng Tam Quan. Hai phần này cũng có thể nói là hai phần đặc

biệt mang đầy đủ dáng dấp đường nét của kiến trúc nghệ thuật Á Đông qua Chùa Một Cột với 4 mái cong vút, các đường nét chạm trổ, các hoa văn và nhiều góc cạnh được tô điểm sáng tạo. Cổng Tam Quan cũng mang một kiến trúc đặc thù của nền văn hóa Việt Nam qua sự phối hợp mái cong của các cổng tam quan kinh thành Huế và các chùa ở Trung Nam. Tất cả công việc này do anh Đồng, Kỹ sư, hướng dẫn nhóm thợ 6 người khác từ Việt Nam, thuộc Công ty Xây dựng Hòa Bình, Sài Gòn sang đảm nhận thực hiện.

Những phần vụ khác đang được thực hiện là phần trang trí nội thất bên trong tòa building 4 tầng (hầm, trệt, lầu một và hai). Hiện tại đang có các thợ ống nước (địa phương và Calcutta), thợ máy lạnh (từ Delhi lên làm), thợ điện, thợ làm trần giả, đồ mộc, đồ nhôm và nhóm thợ trang trí nội thất khác từ Calcutta xuống thực hiện.

Nay nói đến số ngân khoản mà chúng tôi quyên được trong thời gian qua sau thời gian 4 tháng (từ tháng 9 đến 12) chỉ dùng cũng đã sắp cạn. Hiện đang cố gắng cầm chừng khoảng trên dưới một tháng nữa thì chắc phải chịu cột tay mà ngó trông chờ sự tiếp viện. Thầy Hạnh Tấn thì tháng ba mới bắt đầu khởi hành chuyến công du thứ hai cho việc vận động và tháng tư mới ít nhiều có thêm phần tài chánh. Vậy kính mong quý vị tiếp tục phát tâm hơn nữa trong các Phật sự còn lại để việc xây dựng Trung Tâm được liên tục và sớm hoàn mãn. Một lần nữa chúng tôi tha thiết kêu gọi thêm sự đóng góp cúng dường của chư thiện nam tín nữ xa gần cho việc trang trí nội thất và các phân pháp cụ, vật dụng trong các điện thờ và Trung tâm Viên Giác.

- Bộ chuông mõ: 3.000 US\$
- Sàn gỗ chánh điện: 7.500 US\$.
- Bàn thờ Tam thế Phật và thờ Tổ: 12.000 US\$
- Tam thế Phật trong chánh điện, mỗi tượng 5.000 US\$
- Thập bát La Hán (18 tượng) trong chánh điện: 13.000 US\$
- Tràng Phan, Bảo Cái trong Phật điện: 3.000 US\$
- Các loại đèn trang trí trong chánh điện và Tổ đường: 1.000 US\$
- Cổng Tam Quan: 10.000 US\$
- Chùa Một Cột: 30.000 US\$
- Màn cửa TTVG: 50 màn cửa, mỗi cái 800 US\$.

Tại Âu châu, xin liên lạc:

Chùa Viên Giác. Karlsruher Str. 6
30519 Hannover - Germany.
Tel: 0511-879630/ Fax: 8790963
Email: hanhtan@yahoo.com

Tại Hoa Kỳ, xin liên lạc:

Bắc Cali:

Đồng Từ
3819 Muir Place Ct., San Jose CA 95121

Tel: (408) 270-0158. Email: am16@mindspring.com

Nam Cali:

1/ Nguyễn Vinh

3013 Colorado Ave., Santa Monica CA 90404

Tel: (310) 828-6113. Email: vinhrose9@aol.com

2) Thanh Hiền

1009 S. Plymouth Bl, LA, CA 90019

Tel: (323) 936-054. Email: thanhhien@aol.com

3) Lê Mỹ Hạnh

8241 Monique way Cypress, CA 90630.

Tel: 909-396 2522. Email: hanhml@aol.com

Houston:

Diệu Thức. Tel: (713) 436-3050

Email: quynh_chau@teamhealth.com

New York:

Quảng Thiện

147-17 21st Ave. White Stone, NY 11357

Tel: (917) 335-2005. Email: quangthien@aol.com

THÔNG BÁO

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Thụy Điển đã tìm được địa điểm tổ chức Khóa Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 13. Thượng Tọa Thích Tâm Huệ đã chính thức thông báo về Giáo Hội Trung Ương để kịp thời loan tin đến các Giáo Hội và bà con Phật tử xa gần :

Địa điểm: *Trường Katrinelundsgymnasiet
Skaneg 14 - 41140 Goteborg - Sweden*
Tel: (031) 708 25 34

Thời gian: *Từ 23/07/2001 - 02/08/2001*

Goteborg là thành phố thú nhì của Thụy Điển rất thuận tiện cho các đường giao thông bằng máy bay, xe lửa hay xe nhà từ phía Bắc xuống hay phía Nam lên. Vậy từ bây giờ, các học viên trong hạn tuổi đi làm có thể ghi tên lấy ngày nghỉ hè mà không sợ gặp trục trặc thay đổi như năm vừa qua. Mọi chi tiết khác sẽ được thông báo sau.

Chùa Viên Giác sẽ tổ chức xe Bus đi tham dự khóa tu học này. Quý vị nào muốn tham gia xin ghi tên tại Văn Phòng, **ĐT: 0511 - 87 96 30**

THÔNG BÁO

THÀNH QUẢ 11 NĂM LÀM VIỆC THIỆN NGUYỆN

Năm Tân Tỵ đến, mở đầu thế kỷ 21, Hội Bạn Của Thương Phế Binh VNCH xin tường trình cùng quý độc giả

khắp nơi về thành quả của những việc làm thiện nguyện từ ngày bắt đầu hoạt động đến nay :

- 13.029 Phế Binh được nhận tiền giúp đỡ (từ 300F đến 500F);
- 136 xe lăn và 42 xe lắc đã được cấp phát cho Phế Binh;
- Trợ giúp tiền cho 50 cô nhi quả phụ của tử sĩ;
- Cấp 10 học bổng cho con em Phế Binh từ cấp 1 đến Đại Học;
- Bảo trợ 4 lớp học Tình Thương;
- Đào 17 giếng nước Tình Thương tại các vùng thiếu nguồn nước sạch;
- 9 lần phát quà Tết Nguyên Đán (mỗi lần khoảng 120 người) thuộc các đối tượng: người già cô đơn, người tàn phế và trẻ mồ côi;
- 8 lần phát quà Trung Thu cho trẻ em nghèo, mồ côi (mỗi lần khoảng 70 em).

Thành quả đạt được kể trên là nhờ vào sự yểm trợ tích cực và thường xuyên của những tấm lòng nhân ái khắp nơi ở hải ngoại.

Nhân dịp Năm Mới Tân Tỵ, Hội Bạn Của Thương Phế Binh VNCH xin chân thành cảm tạ và xin kính chúc quý vị Lãnh Đạo Tinh Thần các Tôn Giáo, các Hội Đoàn, các Cơ quan Truyền Thông Báo Chí và các Ân Nhân Năm Mới an khang, hạnh phúc, vạn sự như ý.

Hội Bạn của TPB/VNCH
C/o M. Nguyễn Quang Hạnh
9, Allée Delacroix. 95500 GONESSE - FRANCE

THÔNG BÁO

Giáo Hội Công Giáo Cộng Đoàn Công Giáo Giuse Bremen

Bremen, ngày 12.01.2001

Kính gửi :

Quý Thầy, Quý Vị trong Ban Biên Tập báo Viên Giác,

Để góp tay xoa dịu phần nào những mất mát và đau khổ của đồng bào tại Miền Nam Việt Nam sau cơn lũ lụt vừa qua, chúng con Cộng Đoàn Công Giáo Bremen có tổ chức một đêm văn nghệ tại Bremen lấy chủ đề là Đêm Văn Nghệ Yêu. Tổng số tiền thu được sau khi trừ các chi phí là 3.000,00 DM (Ba Ngàn Đức Mã). Chúng con xin gửi đến Quý Thầy, Quý Vị 1.000,00 DM (Một Ngàn Đức Mã, qua phiếu chuyển tiền ngày 11.01.2001, qua ngân hàng Sparda-Bank Hannover e.G, người chuyển là Nguyễn Duy Kiên), bản tin sinh hoạt trong Đêm Văn Nghệ Yêu và danh sách những tấm lòng yêu đóng góp để xin Quý Thầy, Quý Vị chuyển về giúp đỡ tại quê nhà và đăng báo bản tin cùng danh sách những người đã đóng góp. Phần còn lại 2.000,00 DM (Hai Ngàn Đức Mã) chúng con chuyển đến Quý Cha qua báo Dân Chúa Châu Âu để chuyển về Việt Nam.

Kính chúc Quý Thầy, Quý Vị khang an mạnh trên con đường phục vụ và dẫn dắt chúng sinh.

Kính Thư
Thay mặt Cộng Đoàn Công Giáo Bremen
Nguyễn Duy Kiên (Ký tên)



ĐÊM VĂN NGHỆ "YÊU" NGÀY 25.12.2000 TẠI BREMEN

Trời bỗng nhiên đổ tuyết thật nhiều vào ngay những ngày trước lễ Giáng Sinh và nhiệt độ xuống thấp dưới 0 độ, lại cận kề ngày tổ chức Đêm Văn Nghệ "YÊU" như một nhắc nhở đến những sự không may mắn của đồng bào tại Việt Nam sau cơn lũ lụt: Sống trong cái cơn "lạnh" bị bỏ rơi của chính những người đang mang danh đại diện cho mình. Cái lạnh vì thời tiết có thể che lấp được, nhưng cái cảm giác "lạnh" bị lãng quên hay bị bỏ rơi của chính những người đồng loại thật không thể lấp che vì nó nằm trong tâm trí và xoáy sâu tận hồn. Trong niềm vui đón mừng Chúa Giáng Sinh, Cộng Đoàn Công Giáo tại Bremen cũng không quên đến những cơn lạnh của Chúa Giêsu trong đêm Chúa ra đời và qua hình hài tha nhân đang sống cảnh màn trời chiếu đất tại quê nhà. Đêm Văn Nghệ "YÊU" tại Bremen được tổ chức trong ý nghĩa ấy. Mong muốn xoa dịu phần nào những cơn lạnh của đồng bào không may mắn tại chính quê hương mình.

Lòng trong những tài năng ca hát karaoke nổi tiếng "tại Bremen" và những vùng phụ cận qua nhiều nhạc phẩm đã được chính các ca sĩ chọn lọc, là những bản hợp ca được tất cả mọi người họa nhịp như: Bên Em Đang Có Ta, Một Ngày Việt Nam hay Con Tim Đã Vui Trở Lại, đã làm rung động tâm hồn những người tham dự. Những đóa hồng "Yêu" được các em mang đến tận nơi... bán, để trao cho người mình yêu thích hay những ngọn đuốc nhỏ (Wunderkerzen) được thắp lên khi đồng ca "Bên em đang có ta thốt thiết kêu van lương tâm thế gian..." như nhịp đập của những trái tim xa quê hương nhưng cùng một nhịp đập của trứng trăm con, đồng một bào. Không khí sinh hoạt của đêm văn nghệ đã mang một sắc thái thật gần gũi, gia đình.

Rất nhiều tấm lòng yêu đã đóng góp công, sức để có được một đêm vui ý nghĩa. Chén bún mọc được quây quần ăn dưới ánh nến lung linh, nồi cháo lòng được nấu với tất cả tâm hồn bên cạnh là những món nhậu, ly bia uống để thấy rằng mình vẫn còn hạnh phúc hơn biết bao nhiêu đồng bào đang vất vả dưới gió mưa tại quê nhà. Nước miếng bánh chưng rất ngon mang nặng lòng nhớ xuân đất nước, đồ nhậu khô, quít, chè thưng, túi đựng bằng vải đã được làm và biểu không cho Cộng Đoàn để bán ủng hộ lũ lụt như những dấu chỉ của tình người.

Đặc biệt Cha xứ thuộc giáo xứ St. Paulus Schomaker không những đã khuyến khích, dâng Thánh Lễ Giáng Sinh cầu nguyện trước giờ văn nghệ, cho mượn hội trường để tổ

chức, mà còn đích thân đi xin chữ ký qua lời kêu gọi của Cha Nguyễn Văn Lý tại Nguyệt Biều, để kêu gọi trả tự do lại cho các tôn giáo tại Việt Nam. Thêm một lần nữa người Việt Nam chúng con mang ơn Cha.

Kết quả đạt được thật an ủi dù rằng thời tiết như đã nói ở trên lạnh và đầy tuyết, sau khi trừ mọi phí tổn còn lại 3.000,00 DM được Ban Đại Diện Cộng Đoàn quyết định như sau: 2.000 DM (Hai Ngàn Đức Mã) được gửi đến Quý Cha báo Dân Chúa và 1.000,00 DM (Một Ngàn Đức Mã) đến Quý Thầy và Ban Biên Tập báo Viên Giác nhờ chuyển đến đồng bào lũ lụt tại Việt Nam.

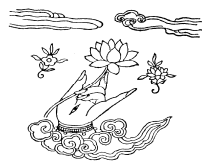
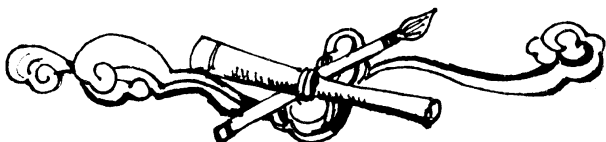
Đêm văn nghệ qua đã lâu nhưng âm hưởng một đêm Giáng Sinh thật ý nghĩa vẫn còn sống trong lòng của rất nhiều người đã tham dự. Chắc chắn trong khi tổ chức không tránh khỏi những sơ sót xin quý vị vì yêu mà tha thứ.

(Bản tin của T.C.M)



DANH SÁCH CỬU TRỢ NẠN NHÂN BẢO LỤT TẠI BREMEN

Bé Quỳnh Nguyễn (Bremen) 0,50DM. Thành Asia Shop (") 100DM. Nương (Chị Ba) (") 50DM. Minh Chính (Cuxhaven) 20DM. Trần Văn Các (Bremen) 20DM. Ấn danh 50DM. Trinh Hung (Oldenburg) 50DM. Bé Mến (Bremen) 1,50DM. Cao Minh Trung (") 10DM. Trần Châu Phi (") 10DM. Nguyễn Ngọc Chi (") 5DM. Phan Văn Ly (Rotenburg) 10DM. Chung & Nga 20DM. Phạm Công Thái Thanh (Bremen) 10DM. Ka Linh (") 10DM. Thùy Linh (") 20DM. Nguyễn Ngô Thúy Diễm (") 100DM. Kha Hữu Thanh (") 20DM. Tâm (") 20DM. Ấn danh 20DM. Tien (Detmold) 10DM. Hoa (") 10DM. Fong Sa Yuk (X Clan) 6,50DM. Ấn danh (Oldenburg) 100DM. Lương Liêm 20DM. Hương, Martin (Bremen) 20DM. Võ Thành Trung (Trier/Süd) 10DM. Quốc Nguyên Ngô (Bremen) 20DM. Gia đình L.T.Y (Künz Talacker) 50DM. Gđ. Nguyễn Văn Nghi (Bremen) 50DM. Gđ. Ông Bà T. (") 100DM Gđ. Phạm Khắc Nhân (Wallenhorst) 50DM. Gđ. Ấn danh (Hannover) 100DM. Ấn danh (") 10DM. Nguyễn Văn Hai (Cuxhaven) 10DM. Song La (Bremen) 10DM. Ấn danh (") 10DM. Danh Danh Ninh (") 5DM. Nguyễn Chí Đông (") 20DM. Đỗ Văn Viện 20DM. Hoàng Hương 10DM. Hoàng Thanh Hà (Bremen) 10DM. Bình Như (Bassum) 20DM. Tony Hóa 100DM. Người Norden (Norden) 100DM. Hoàng Tiến Hưng (Bremen) 10DM. Ấn danh (Ha..) 60DM. Hoa Đông (Cuxhaven) 10DM. Thúy Tiến 16DM. Jüngling (Bremen) 20DM. Lê Ngọc Hùng (Bremerhaven) 20DM. Nguyễn Văn Hy (không ghi tiền).



Phân ưu - cáo phó cảm tạ - khắp báo

KÍNH CẢN TRI ÂN

NAM MÔ TIẾP DẪN ĐẠO SƯ A DI ĐÀ PHẬT

Kính bạch Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni.

Con, Tỳ Kheo Ni Thích Nữ Hạnh Giác, xin thay mặt Hiếu đồ và Hiếu quyến của **Ni Sư Thích Nữ Trí Hạnh** xin thành kính hướng về đánh lễ tri ân Chư Tôn Đức hiện diện trong thời gian tang lễ và nhân ngày lễ trà tỳ của Ni Sư chúng con:

- Hòa Thượng Bổn Sư, Thượng Huyền Hạ Vi, Hội Trưởng Hội Phật Giáo Linh Sơn Thế Giới cùng Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni chùa Linh Sơn, Paris (Pháp Quốc),
- Thượng Tọa Dhammaratana - Đại Đức Thích Trí Liên, Đại Đức Thích Trí Lai, Đại Đức Thích Linh Đạt, Đại Đức Thích Linh Trí, Sư Cô Thích Nữ Trí Nhựt, Sư Cô Thích Nữ Trí Tánh, Sư Cô Thích Nữ Trí Căn, Sư Cô Thích Nữ Minh Hạnh, Ni Cô Thích Nữ Linh Minh,
- Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt, Chùa Thiện Minh (Pháp Quốc),
- Thượng Tọa Thích Quảng Bình - Đại Đức Thích Hạnh Tấn, Chùa Viên Giác (Đức Quốc),
- Thượng Tọa Thích Minh Đức, Đại Đức Thích Huyền Hạnh, chùa Phước Bình, Bordeaux (Pháp Quốc),
- Thượng Tọa Thích Quảng Hiền, chùa Trí Thủ, Bern (Thụy Sĩ),
- Thượng Tọa Thích Nguyên Nhơn (Việt Nam),
Sư Bà Thích Nữ Như Tuấn, chùa Phổ Đà, Marseille - Chùa Phổ Hiền, Strasbourg (Pháp Quốc),
- Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm, chùa Bảo Quang (Đức Quốc),
- Ni Sư Thích Nữ Trí Hải, chùa Hoa Nghiêm, Grenoble - Chùa Từ Ân, Bonneville (Pháp Quốc),
- Sư Cô Thích Nữ Như Minh, Sư Cô Thích Nữ Diệu Duyên, Sư Cô Thích Nữ Đàm Hoa, Sư Cô Thích Nữ Đàm Thỉnh (Thụy Sĩ),
- Sư Cô Thích Nữ Trí Minh, chùa Linh Sơn, Mulhouse (Pháp Quốc),
- Sư Cô Thích Nữ Đàm Minh, chùa Hoa Nghiêm, Grenoble (Pháp Quốc),
- Sư Cô Thích Nữ Viên Diệu, chùa Đức Viên, San José (Mỹ Quốc).

Chư Tôn Đức thuộc nhiều hệ phái, Giáo Hội Phật Giáo tại các quốc gia Mỹ, Canada, Pháp, Na-uy, Đức, Ấn Độ, Việt-Nam, Úc đã niệm tinh đồng đạo tổ chức lễ cầu nguyện tại địa phương.

Chư Tôn Đức đã gửi điện thư, tịnh tài phúng viếng chia buồn cùng Hiếu đồ, Hiếu quyến chúng con.

Hiếu đồ, Hiếu quyến và Phật tử chùa Linh Phong chúng con cũng xin thành tâm tri niệm ân đức của Chư Tôn Đức đã từ bi hướng dẫn, giúp đỡ chúng con trong suốt thời gian tang lễ, và đã gia tâm cầu nguyện cho Giác Linh Ni Sư chúng con được cao đăng Phật quốc.

Trước sự ra đi đột ngột của Nghiệp Sư chúng con, và vì đơn chiếc chúng con chắc hẳn đã không tránh khỏi thất niệm, thiếu lễ trong việc tiếp đón quý Ngài, hoặc thiếu sót trong việc thông báo, cảm tạ.

Chúng con xin thành tâm sám hối với Chư Tôn Đức, kính mong quý Ngài từ bi hoan hỷ thứ lỗi cho.

Ngưỡng nguyện Hồng Ân Tam Bảo gia hộ Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni được phước trí vô biên, vạn sự kiết tường, hóa duyên vô ngại, Phật sự viên thành như nguyện.

Nam Mô Chúng Minh Sư Bồ Tát Ma Ha Tát
TM. Hiếu đồ và Hiếu quyến của Ni Sư Thích Nữ Trí Hạnh.
Tỳ Kheo Ni Thích Nữ Hạnh Giác, cẩn bái.

PHÂN ƯU

*Một cánh hoa rơi,
Một trời mất mát
Sắc nhạt, hương phai
Lòng người tan tác
Than ôi,*

BÁC SĨ HOÀNG THỊ NGỌC QUỲNH

"người thơ áo trắng"
ở Bruxelles, Belgique

*đã về cõi hư vô
ngày 13.01.2001.*

*48 tuổi trần,
tro bụi xác thân
gởi vào lòng đất.*

*Còn lại trong chúng tôi
những tiếc thương chất ngất,
những kỷ niệm khôn nguôi
những giao tình chân thật.*

*Thôi đành,
xin giữ lại hành trang nặng nề nơi miền trần thế
để người ra đi được thành thoi trên cõi vĩnh hằng.*

Chân thành phân ưu cùng Bà Hồ Thị Phụng,
cháu Quỳnh Giao và tang quyến.

***Vũ Ký, Phù Vân, Tôn Thất Hứa**

PHÂN ƯU

Được tin buồn, Nhạc Mẫu anh Thiện-Anh Lê Minh-Kiệt, cựu Chi Hội Phó Nội Vụ Chi Hội Phật Tử VNTN Freiburg là

CỤ BÀ ÂU CẨM

đã từ trần ngày 29.12.2000, nhằm ngày mùng 4 tháng 12 năm Canh Thìn. Thượng thọ 81 tuổi.

Chi Hội Phật Tử VNTN Freiburg xin thành kính chia buồn với Đạo Hữu Thiện-Anh cùng tang quyến và nguyện cầu cho Hương Hồn Cụ Bà sớm siêu thoát.

NGUYỄN CẦU

Mẹ ơi! Hỡi Mẹ... Hỡi Mẹ ơi...

Đau đớn lòng con

lạnh Đát Trời

Quan tài ôm kín thân Hiền Mẫu

Khói mờ đi ảnh - lệ con rơi...

Kính dâng, chân thành kính cầu nguyện Hương Linh Nghĩa Mẫu của G/đ chúng con sớm được siêu thăng miền Lạc Quốc

BÀ NGUYỄN THỊ BÔNG PHÁP DANH DIỆU HOA

Tạ thế ngày 03.01.2001, nhằm ngày mùng 9 tháng 12 năm Canh Thìn, tại Metz-Borny (Pháp). Thượng thọ 83 tuổi.

- Các Gđ. Nghĩa Tử: Thiện-Chánh, Thiện-Độ, Diệu-Vân (Schramberg - Đức Quốc).

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng con / chúng tôi vô cùng buồn đau báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần, Chồng, Cha, Ông Nội, ông Ngoại chúng tôi / Chúng con là :

CỤ SVSQ/TVBQGVN TRẦN NGỌC BẢO, K.13

Sinh ngày : 01.09.1931 tại Hà Nội, đã mệnh chung lúc 14 giờ 30 ngày 03.01.2001 nhằm ngày mùng 9 tháng Chạp năm Canh Thìn tại Đức.

Tang lễ được cử hành vào ngày 08.01.2001 lúc 10 giờ tại nghĩa trang thành phố Bochum - Đức.

TANG GIA ĐỒNG TRI ÂN VÀ CẢM TẠ:

- Đại Đức Thích Hạnh Từ, Thích Hạnh Hòa chùa Viên Giác, Hannover.
- Liên Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN tại Âu Châu.
- Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN tại Đức.
- Hội Người Việt Tỵ Nam Cộng Sản Dorsten.
- Đoàn Thanh Niên Sinh Viên Bochum
- Cùng quý Bác, Cô, Anh Chị và các Bạn Hữu ở Bochum, Oberhausen, Essen, Krefeld, Frankfurt, Offenbach, Mannheim, Köln, Düsseldorf đã tặng kinh hộ niệm, cầu nguyện, phúng điếu, vòng hoa, gửi thiệp, điện thoại chia

buồn và đưa tiễn linh cữu Chồng, Cha, Ông Nội, Ông Ngoại chúng tôi / chúng con đến nơi an nghỉ cuối cùng.
Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ sót xin quý chú liệt vị niệm tình tha thứ

TANG GIA ĐỒNG KÍNH BÁI

- Quả phụ Trần Ngọc Bảo, nhũ danh Nguyễn Thị Thúy Phương, Pd Lê-Mỹ.
- Dưỡng Nam: Trần Văn Phi, Pd Minh-Vân; Vợ: Nguyễn Thị Cẩm-Vân, Pd Trí-Đài.
- Trưởng Nam: Trần Hữu Cương; Vợ: Nguyễn Khắc Bảo-Châu.
- Trưởng Nữ: Đặng Thùy-Trang; Chồng: Lê Trạc Thiện.
- Thứ Nam: Trần Hữu Luân.
- Thứ Nữ: Đặng Anh Thư; Chồng: Đỗ Hải.
- Thứ Nữ: Trần Ngọc Phương Quỳnh; Chồng: Đặng Xuân Thiên.
- Thứ Nữ: Trần Ngọc Bảo Hà.
- Cháu đích tôn: Trần Vĩnh Khang.
- Cháu Nội: Trần Phúc Duyên, Pd Trí Pháp; Trần Minh Duyên, Pd Trí Bảo; Trần Ngọc Duyên, Pd Trí Tôn.
- Cháu Ngoại: Lê Minh Khanh; Lê Kevin John; Đặng Trà Mi; Đặng Thảo Mi.

PHÂN ƯU

Được tin buồn,

CỤ SVSQ/TVBQGVN TRẦN NGỌC BẢO, K.13

đã mệnh chung lúc 14 giờ 30 ngày 03.01.2001 nhằm ngày mùng 9 tháng Chạp năm Canh Thìn tại Bochum / Đức. Hưởng thọ 70 tuổi.

Chúng tôi thành tâm phân ưu cùng chị Bảo và tang quyến. Nguyên cầu Hương Linh anh Bảo sớm vãng sanh về Miền Cực Lạc.

- Liên Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN tại Âu Châu.
- Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN tại Đức.

PHÂN ƯU

Được tin buồn, Thân Mẫu của anh Lê Minh Thành :

BÀ QUẢ PHỤ LÊ TẠO NHŨ DANH HUỠNH THỊ PHIẾN

Tạ thế ngày 4.12.2000 (9.11 năm Canh Thìn) tại Vô Cảnh, Vĩnh Trung, Nha Trang - Việt Nam. Hưởng thọ 68 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng tang quyến. Nguyên cầu Hương Linh Cụ Bà sớm siêu sinh Tịnh Độ.

- Gđ. Nguyễn Thành Đông
- Gđ. Hoàng Khánh Toàn
- cùng các thân hữu vùng phụ cận.

PHÂN ƯU

Được tin buồn, Nhạc Phụ của ĐH Nguyễn Văn Nhiệm, ngụ tại Spaichingen, Đức Quốc :

CỤ ÔNG HUỠNH VĂN TRỪ

Đã mệnh chung vào ngày 13 tháng 9 năm Canh Thìn tại Đất Đỏ, Bà-Rịa - Việt Nam. Thượng thọ 85 tuổi.

Chi Hội chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng gia đình Đạo Hữu và tăng quyến. Xin ngưỡng nguyện Chư Phật, thầy tâm gia hộ linh hồn Cụ Ông sớm được siêu sanh Tịnh Độ.

-Chi Hội PTVNTN Tuttlingen-Rottweil & VPC

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi đau đớn báo tin

CỤ BÀ NGUYỄN THỊ CHÁT

Đã tạ thế ngày 02.01.2001 nhằm ngày mùng 8 tháng 12 năm Canh Thìn, tại Thị xã Hưng Yên. Thượng thọ 82 tuổi.

Chúng tôi chân thành cảm tạ quý thân bằng quyến thuộc và bạn hữu đã đến chia buồn, phúng điếu và tiễn đưa linh cữu đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, không tránh khỏi nhiều điều thiếu sót, kính mong quý vị niệm tình tha thứ.

- Trưởng Nam: Lê Quang Yên, Đức Quốc
- Vợ, con, cháu, chất Phạm Thị Diệp, Việt Nam
- Con gái và gia đình Lê Thị Thái, Việt Nam
- Con trai và gia đình Lê Quang Thông, Việt Nam
- Con trai và gia đình Lê Quang Vân, Việt Nam.

PHÂN ƯU

Được tin Thân Phụ của Cô Phó Thư Ký Chi Hội PTVNTN Freiburg là

CỤ ÔNG ỤNG A CẦU PHÁP DANH THIÊN HUỆ

Tạ thế ngày 14 tháng 12 năm 2000

Chi Hội Phật Tử VNTN Freiburg & VPC xin chia buồn cùng Cô Phó Thư Ký Chi Hội và tang quyến.

CÁO PHÓ

Chúng tôi đau buồn báo tin cùng thân nhân và quý hữu của gia đình chúng tôi là Chồng, Cha và Ông của chúng tôi:

CỤ HÀ NGỌC DỪ

Đã tạ thế tại Krefeld, Cộng Hòa Liên Bang Đức, vào ngày 27.01.2001, tức ngày 04 tháng Giêng năm Tân Tỵ.

Thượng thọ 89 tuổi.

- Vợ: Bà Quả Phụ Hà Ngọc Dừ, Nhũ danh Khúc Thị Kỳ (CHLB Đức),

- Trưởng Nam: Hà Ngọc Minh, Vợ và các con (CHLB Đức)
 - Thụ Nữ: Hà Ngọc Diễm, các con và rể (CHLB Đức),
 - Thụ Nam: Hà Ngọc Giao, Vợ và con (Hoa Kỳ),
 - Thụ Nam: Hà Ngọc Anh, Vợ và các con (Việt Nam)
 - Thụ Nam: Hà Ngọc Dũng, Vợ và các con (Úc Châu).
- Cùng toàn gia họ Hà và họ Khúc khắp báo

KHẮP BÁO

Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam - Xứ Bộ Đức Quốc vô cùng đau buồn kính khắp báo đến quý Tổ chức, Đảng phái, Hội đoàn, Đoàn thể cùng bạn bè thân hữu gần xa:

CHIẾN HỮU THI SĨ HOÀNG DỤC HÀ NGỌC DƯ

Cựu Xứ Bộ Trưởng Xứ Bộ Đức Quốc của chúng tôi vừa tạ thế vào lúc 2 giờ sáng ngày thứ Bảy 27 tháng 1 năm 2001 (mùng 4 tháng Giêng năm Tân Ty).

Thượng thọ 89 tuổi.

Lễ an táng sẽ được cử hành vào lúc 10 giờ ngày 6 tháng 2 năm 2001 tại nghĩa trang thành phố Krefeld (Góc đường Heideck và Lehmheide)

Kính khắp báo

MTQGTNGPVN - Xứ Bộ Đức Quốc.

Nguyễn Thanh Văn, Xứ Bộ Trưởng (Ký tên và đóng dấu)

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Chúng tôi đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu gần xa: Chồng, Anh, Cha và Ông của chúng tôi là

ỤNG A CẦU PHÁP DANH THIỆN HUỆ

Đã từ trần tại Karlsruhe - Đức Quốc, ngày 14.01.2001 nhằm ngày 20 tháng Chạp năm Canh Thìn. Hưởng thọ 60 tuổi.

Tro cốt đã chuyển về chùa Viên Giác vào ngày 22.01.2001 và sẽ được an táng tại Hannover.

Chúng con thành tâm đánh lễ và tri ân :

- Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm, Sư cô Minh Hiếu chùa Bảo Quang Ni Tự ở Hamburg đã cầu nguyện, chia buồn và hướng dẫn tang lễ, chủ lễ cầu siêu và thiêu tại nghĩa trang Baden-Baden.

Đồng thời chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Ban Hộ Niệm, Hộ Trì Chi Hội Phật Tử Karlsruhe,
- Chi Hội Phật Tử Freiburg,

- Cùng quý bằng hữu, Thông gia quyến thuộc gần xa, gọi điện thoại, thăm viếng, giúp đỡ, phúng điếu, chia buồn và đưa tiễn Chồng, Cha và Ông của chúng tôi về nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, không tránh khỏi nhiều điều sơ suất, kính mong quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng kính bái

- Vợ: Văn Thị Bay

- Em vợ: Văn Thị Kim Liên

- Trưởng Nữ: Lê Thị Kim Dung, Chồng và các con,

VIÊN GIÁC 121 THÁNG 2 NĂM 2001

- Thụ Nữ: Phan Thị Ngọc Thanh, Chồng và các con,
- Trưởng Nam: [] ng A Dương và Vợ,
- Thụ Nam: [] ng A Bửu, [] ng A Sáng, [] ng A Phúc, [] ng A Hiếu.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Chúng tôi đau buồn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và các bạn hữu: Cha, Ông của chúng tôi là :

ÔNG GIUSE ĐÀO VĂN TỨC

Đã mệnh chung ngày 24.11.2000 tại Köln (Đức Quốc). Hưởng thọ 79 tuổi.

Tang lễ đã được cử hành vào lúc 11 giờ 00 ngày 05.12.2000 tại Köln.

Chúng tôi chân thành cảm tạ:

- Linh Mục Philippino Lê Đạo Luận
- Cơ Sở VIDI (Dortmund) và VKIP (Stuttgart)
- Hội Người Việt tại Köln
- Hội Các Bà Mẹ Công Giáo Köln / Troisdorf
- Nhóm Thân Hữu Köln/Bonn
- Cộng Đoàn Công Giáo Köln
- Quý Cụ, quý Bác, quý Anh Chị Em bằng hữu xa gần đã đọc kinh cầu nguyện, gửi thiệp, điện thoại phân ưu, phúng điếu cũng như đã bỏ thì giờ quý báu tiễn đưa Linh cữu Cha, Ông chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, nếu có điều sơ sót kính mong Quý Vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng cảm tạ và thành kính ghi ơn

Thay mặt Chị các Em và các Cháu :

Giuse Đào Văn Bất

CHIA BUỒN

Được tin buồn

ÔNG LUÔNG TÔN

Đã mãn phần ngày 16.01.2001 tại Việt Nam.

Hưởng thọ 71 tuổi

Chúng tôi chân thành chia buồn cùng gia đình họ LUÔNG và nguyện cầu Hương linh Ông sớm về cõi Phật.

- Gia đình Vũ Ngọc Tuấn

PHÂN ƯU

Được tin Thân Phụ ông Nguyễn Văn Bút

Cụ Ông Pero Đào Văn Giai

Đã từ trần ngày 20.01.2001 lúc 18 giờ tại Việt Nam.

Thượng thọ 91 tuổi.

Chúng tôi phân ưu cùng gia đình Ông Bà Nguyễn Văn Bút và nguyện cầu hương hồn Cụ Ông Pero sớm về miền vinh cửu.

Ngày 27.01.2001 lúc 15 giờ gia đình Ông Bà Nguyễn Văn Bút đã làm lễ tại tư gia ở Reutlingen (Đức Quốc) cầu nguyện cho Cụ Pero Đào Văn Giai.

- Gia đình Vũ Ngọc Tuấn

Những điều cần ghi lại sau một chuyến đi

Thích Như Điển

Mỗi năm như thế, tôi có rất nhiều chuyến đi. Lúc đi xa, lúc đi gần và hầu như quanh năm suốt tháng từ mấy chục năm nay tôi chưa dừng nghỉ. Có nhiều người bảo rằng: Đời tu như của tôi thật quá sung sướng. Vì lẽ có biết bao nhiêu người muốn đi mà có đi được đâu. Không lý do này thì cũng bị lý do khác làm cản trở. Còn tôi? một người xuất gia, tại sao có nhiều nhân duyên như thế?

Nói cho cùng cũng không ngoài hai chữ "nhân duyên". Có nhiều khi tôi nghĩ là mình không nên đi, không cần phải đi; nhưng cuối cùng bắt buộc phải đi. Ví dụ như chuyến đi kỳ này là một. Chuyến đi được bắt đầu từ ngày 22 tháng 12 năm 2000 cho đến ngày 9 tháng 1 năm 2001, qua các nước Singapore, Mã Lai và Úc Châu. Tôi sẽ lần lượt kể lại những diễn biến trong gần 20 ngày qua để làm quà xuân tặng cho quý độc giả Viên Giác vậy.



Thuyết giảng tại chùa Liên Trì Các

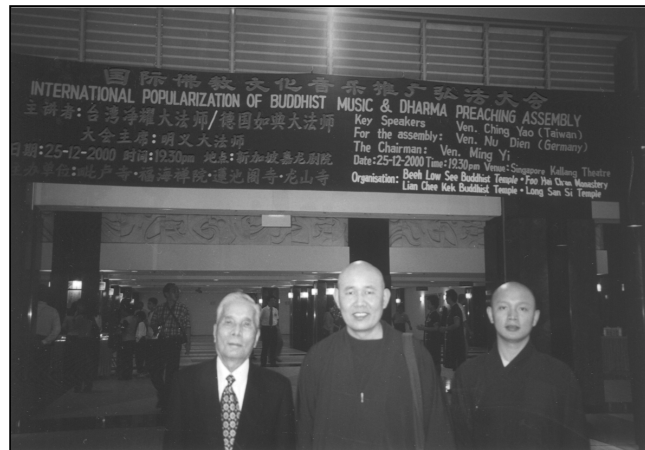
Tôi đến Singapore ngày 23 tháng 12 năm 2000 và ở tại Chùa Tỳ Lô, qua lời mời của Pháp Sư Huệ Hùng, đến đây để thuyết trình về Phật Giáo Âu Mỹ cho những người Phật Tử Singapore nghe. Cả ngày 23 tôi được nghỉ ngơi và đã cùng với Hạnh Bảo cũng như thân phụ của Hạnh Bảo đi thăm một vài đồng hương Việt Nam đang sinh sống tại đây.



Phật Tử Singapore tại chùa Liên Trì Các đang lắng nghe thuyết giảng.

Đến ngày 24 tháng 12 có một buổi giảng không định trước tại chùa Liên Trì Các. Ban đầu tôi dự định nói tiếng Anh; nhưng thiếu người thông dịch. Do vậy tôi mở đầu một ít tiếng Phổ Thông và sau đó Hạnh Bảo tiếp tục dịch cho tôi từ tiếng Việt, để tôi có nhiều thì giờ hơn khi nói chuyện. Hôm đó có độ khoảng 100 người nghe và đa phần là những người lớn tuổi. Tôi đã kể về sự sinh hoạt của Phật Giáo tại Á Châu và Âu Châu. Sau khi xong những người Phật Tử Singapore tạ lễ thật cung kính.

Đến ngày 25 tháng 12, là ngày lễ Giáng Sinh; nhưng tại đây chẳng thấy một dấu hiệu gì trang trọng để đón mừng Chúa ra đời cả, không như Việt Nam hay Nhật Bản, mặc dầu số lượng tín đồ Thiên Chúa Giáo ở đây không đông; nhưng ngày Giáng Sinh mọi người đã ủa ra đường để nô nức tham dự ngày lễ này. Chiều hôm ấy Thầy Huệ Hùng đã tổ chức một buổi nhạc hội và diễn thuyết tại nhà hát lớn của trung tâm Singapore. Có độ 2.000 người đến dự. Tôi đã gặp Pháp sư Tịnh Diệu và một số quý vị giáo sư âm nhạc đến từ Đài Loan; trong đó có người nói được tiếng Nhật.



Cùng với thân sinh của Hạnh Bảo trước nói thuyết trình.

Đêm diễn thuyết hôm đó có Pháp sư Tịnh Diệu và tôi là hai người chính. Pháp sư nói bằng tiếng Phổ Thông và giảng qua sự liên hệ giữa âm nhạc và Phật Giáo cũng như sự truyền bá Phật Giáo cho giới trẻ ngày hôm nay. Giữa các bài thuyết pháp là những màn múa rất đặc sắc của những nghệ nhân đến từ Mã Lai, Indonésia và Singapore. Hôm đó tôi nói tiếng Anh trước 2.000 cử tọa, đa số là giới trẻ. Ở Singapore người ta nói tiếng Anh nhiều hơn tiếng Hoa, để giới thiệu về bước chân truyền giáo của các Đại Sư và các Phật Tử từ Á sang Âu, Mỹ, Úc từ 200 năm trở lại đây.



Chú Tăng Ni thành viên trong "Thanh Niên Tăng Ni" của Hội Đồng Tăng Già Thế Giới tham gia đêm văn hóa.

Người Singapore rất văn minh; có thể so sánh với Âu Mỹ trong hiện tại. 2.000 người trong rạp hát lớn nhưng chẳng có

một tiếng động. Đây là tinh thần kỷ luật tập thể tương đối cao so với người Việt của mình mỗi khi dự hội đồng như thế.

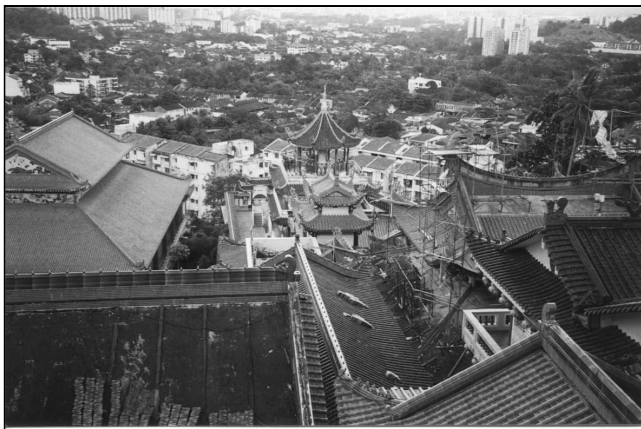
Tiếp đó có một vị Pháp Sư người Mã Lai kêu gọi mọi người hỗ trợ cho sự thành lập một Đại Học Phật Giáo tại miền Nam Thái Lan và đã được mọi người hưởng ứng nhiệt liệt.

Sáng ngày 26 tháng 12, tại chánh điện chùa Tỳ Lô, nơi trụ trì của Pháp Sư Huệ Hùng, tôi đã nói về âm nhạc của Phật Giáo và sự liên hệ với đời sống bình thường, nói bằng tiếng Nhật và bà Giáo sư âm nhạc đến từ Đài Loan dịch sang tiếng Hoa. Như vậy trong 3 lần nói chuyện, tôi đã dùng đến 4 ngôn ngữ gồm: Việt, Hoa, Anh và Nhật ngữ để nói chuyện. Quả là một cơ hội để giao lưu giữa con người và con người.



Đại hội về âm nhạc Phật Giáo tại chùa Tỳ Lô.

Trưa hôm 26 tháng 12, tôi đã cùng Pháp Sư Nhựt Hằng lên phi trường để đi Penang, thuộc Mã Lai. Pháp Sư là người kế thừa Ngài Đạt Năng, người có chân trong Hội Đồng Tăng Già Thế Giới, trụ trì chùa Cục Lạc và đã quá vãng cách đây 3 năm về trước. Pháp Sư Nhựt Hằng bảo tôi rằng: Thầy chỉ là người Giám Tụ mà thôi. Do đó không ở nơi "Phương Trượng Lầu". Đó là nơi ở của các bậc Trưởng Lão Hòa Thượng. Tối hôm 26 tháng 12 tôi được hân hạnh cư ngụ nơi Phương Trượng này.



Một phần hậu điện chùa Cục Lạc tại Penang, Mã Lai.

Nơi đây đã qua 5 đời trụ trì và đặc biệt đời thứ nhất do Quốc Sư Diệu Liên khâm mệnh triều đình nhà Thanh bên Trung Quốc đến đây để khai sơn hơn 100 năm về trước và Từ Hy Thái Hậu cũng đã ban cho chùa này 4 chữ "Hải Thiên Phật Địa". Ý nói rằng "Biển của Trời, Đất của Phật". Đặc biệt nơi đây còn lưu lại một bản Đại Tạng Kinh Càn Long và có ấn chú của vua Quang Tự đóng lên đó, gọi là: Quang Tự Giáp Thìn, Ngự Sắc Cục Lạc Thiên Tự tạng bản. Theo Thầy Nhựt Hằng thì bảo rằng chính bộ Càn Long Đại Tạng mà Đài Loan đã in và gởi tặng các chùa Việt Nam khắp nơi trên thế giới là chụp lại từ tạng bằng gỗ

còn duy nhất sót lại nơi chùa Cục Lạc này; nên Thầy ấy hành điện rất nhiều về việc này.



Bảng "Tôn Phong Vĩnh Chấn" treo trong Phương Trượng Lầu chúc mừng Diệu Liên Quốc Sư thỉnh đại tạng tử Trung Quốc về lại đảo Penang 100 năm trước.

Pháp Sư Nhựt Hằng cũng đã cung cấp cho tôi một Thầy biết nói tiếng Anh, tiếng Nhật và tiếng Hoa để hướng dẫn đi thăm đảo quốc Penang suốt ngày 27 tháng 12 và để sáng ngày 28 tháng 12 tôi lại về Singapore để tối hôm ấy đáp chuyến bay đêm đi thêm 8 tiếng đồng hồ nữa sang Úc.

Cảnh trí chùa Cục Lạc có thể so sánh với Phật Quang Sơn tại Đài Loan, mới 100 năm mà có không biết bao nhiêu công trình kiến thiết đã được thành tựu. Từ Ngài Diệu Liên đến 2 Ngài kế tiếp, rồi Ngài Bạch Thánh, Ngài Đạt Năng và bây giờ là Pháp sư Nhựt Hằng đã làm cho tôi suy nghĩ rất nhiều về bước chân truyền giáo của các bậc cao Tăng ấy. Đặc biệt Thầy Nhựt Hằng cũng đã tạo được một bức tượng Quan Âm lộ thiêng bằng đồng rất lớn, không thua Thiên Đàng Đại Phật ở Lantau Hồng Kông là bao nhiêu. Chiều cao của tượng này độ 50 thước và ngự trị trên một giảng đường bằng bê-tông, cốt sắt, chứa đựng khoảng 5.000 người. Xem công trình kiến trúc của người xưa và người nay tôi chỉ cúi mặt nhìn xuống và không biết dùng lời lẽ nào để tán thán cho hết được.

Sáng ngày 29 tháng 12 năm 2000 tôi đã đến Sydney, Úc, và đã được Thầy Phổ Huân, đệ tử Thượng Tọa Thích Bảo Lạc; anh chị Giáo sư Tiến sĩ Hoàng Khôi, Phó Hội Trưởng Hội Phật Giáo New South Wales và một số quý Phật Tử đến phi trường để đón về chùa Pháp Bảo. Trưa hôm đó tôi đã kịp giờ để dùng cơm trưa chung với khóa tu gieo duyên tại đây.



Anh Tâm Huệ Cao-Chánh-Hựu, TBHD GDPTVN HN cùng anh Nguyễn Mẫn Lê-Viết-Lâm; HTR. Chúc Hòa đã cùng TT Thích Bảo Lạc, TT Thích Như Điển và Đại Đức Thích Tâm Phương họp tại Thư viện chùa Pháp Bảo.

Vào lúc 9 giờ 30 sáng ngày 30 tháng 12 năm 2000 tại Thư viện chùa Pháp Bảo đã có một cuộc họp với Đại Diện của Gia Đình Phật Tử Việt Nam Hải Ngoại và Úc Đại Lợi. Đại diện bên

Giáo Hội có Thượng Tọa Thích Bảo Lạc, Tổng Thư Ký GHPGVNTN Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan. Đại Đức Thích Tâm Phương, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên GDPT tại Úc Châu - tôi, đại diện cho Đặc Ủy GDPTVN tại năm châu. Về phía Phật Tử có anh Tâm Huệ Cao Chánh Hội, Trưởng Ban Hướng Dẫn Lâm Thời GDPTVN Hải Ngoại đến từ Hoa Kỳ. Anh Nguyễn Mẫn Lê Viết Lâm, Cố vấn GDPTVN tại Úc Châu và anh Chúc Hòa Phan Hồng Chương, Trưởng Ban Hướng Dẫn Trung Ương GDPTVN tại Úc Châu. Buổi họp nhằm tường trình lại thành quả Đại Hội của GDPTVN Úc Châu tại Brisbane ngày 27 tháng 12 vừa qua, có sự chứng minh của Thượng Tọa Thích Quảng Ba đến từ Canberra và Đại Đức Thích Tâm Phương đến từ Melbourne trong ngày trọng đại ấy.

Kết quả Đại Hội được biết là có 50 đại biểu chính thức của GDPT tham dự và trong ấy có 31 phiếu thuận theo dưới sự hướng dẫn của Tổng Vụ Thanh Niên GDPT và đặt mình dưới sự lãnh đạo của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan. Có 13 phiếu chống và 6 phiếu trắng.



Các anh Huỳnh Trưởng chụp hình chung với Chủ Tôn Đức sau khi họp.

Vấn đề còn lại là từ nay cho đến tháng 4 năm 2001 GDPTVN tại Úc Châu sẽ hình thành một Ban Hướng Dẫn mới và Hoa Kỳ cũng như thế để cho các Châu Âu, Mỹ, Úc và ngay cả Việt Nam sau này sẽ chính thức gia nhập vào Giáo Hội và Văn Phòng II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ sẽ có văn thư chính thức công nhận về vấn đề này để anh em Gia Đình Phật Tử tiến tới một Ban Hướng Dẫn trên thế giới trong thời gian tới.



Chánh điện chùa Pháp Bảo.

Chuyến đi kỳ này của tôi mục đích chính là những vấn đề đã nêu trên; nhưng kèm theo đó tôi cũng đã hướng dẫn khóa tu gieo duyên tại chùa Pháp Bảo từ ngày 2 đến 7 tháng 1 năm 2001 qua đề tài **Kinh Đại Bi** cùng với quý Thầy khác giảng sư của Giáo Hội.

Trưa hôm 31 tháng 12 năm 2000; hôm đó nhằm ngày chủ nhật. Tại chánh điện chùa Pháp Bảo tôi đã thuyết giảng cho

200 Phật Tử nghe về 25 loại chúng sanh trong 3 cõi Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới.



Thính chúng đang nghe pháp.

Tối ngày 31 tháng 12, các học viên tham dự khóa tu gieo duyên đã cùng với quý Thầy lên thiền đường tham dự lễ Tết Dương Lịch và chờ đón giáo thừa của thiên niên kỷ thứ 3. Thượng Tọa Bảo Lạc và tôi cũng như Thầy Phổ Huân đã ngâm thơ, các Phật Tử khác thì kể chuyện hoặc hát tân nhạc, không khí thật tươi mát, đượm chút hồn nhiên của tuổi thơ khi sinh hoạt tập thể như thế.



Đêm 31.12.2000 đón giao thừa tại thiền đường chùa Pháp Bảo.

Được biết tại Úc, Giáo Hội đã tổ chức được 4 kỳ tu gieo duyên như thế và kỳ nào cũng tại chùa Pháp Bảo cả. Vì nơi đây đầy đủ tiện nghi cho học viên hơn; nhưng những năm sau Tổng Vụ Hoàng Pháp sẽ dời đi các chùa khác luân phiên như vậy để học viên có nhiều tiện lợi hơn. Mỗi khóa như vậy không quá 30



Một buổi giảng "Kinh Đại Bi" tại giảng đường chùa Pháp Bảo

người. Già có trẻ có. Lớn tuổi nhất là những Bác ngoài 80 và trẻ tuổi nhất, có những em bé mới lên 8. Về sự sinh hoạt của khóa tu gieo duyên này, tôi đã viết một bài 6 trang đánh máy với nhan đề là: "**Pháp Bảo có gì lạ ?**" đã đăng trên Kỳ Yếu của năm nay; nên ở đây không cần giới thiệu nhiều nữa.

Thành phần giảng sư gồm hầu hết chư Tôn Đức trong Giáo Hội và một số quý vị Giáo sư Cư sĩ hướng dẫn các học viên ngày học 2 lần, tu 2 buổi, ngồi thiền 2 buổi và chấp tác 2 lần. Cứ mỗi lần tu gieo duyên như thế cũng có một vài người phát tâm xuất gia. Điều ấy hẳn là một trợ duyên rất quý hóa cho Phật Giáo của xứ Úc vào những ngày tháng sau này.

Ngày 1 tháng 1 năm 2001, Thầy Bảo Lạc, tôi và vợ chồng Giáo sư Tiến sĩ Lâm Như Tạng đã đăng sơn lên tận Tu Viện Đa Bảo cách xa Smithfield độ chừng 40 phút lái xe để thăm nơi đây một lần nữa, mà nơi này tôi cũng đã thăm qua, lúc chưa mua vào tháng 3 năm 2000 vừa qua.



Tại chánh điện Tu Viện Đa Bảo.

Tu Viện hiện có một ngôi nhà trổ 2 tầng có thể dùng để tịnh tu cho 5 đến 10 người. Có một sân bằng độ vài ngàn thước và có một rừng cây Bạch Đàn tức cây Khuynh Diệp rộng độ 100.000 thước vuông tức 25 mẫu Tây. Nơi đây có suối, có cây, có thú, có chim và côn trùng đủ loại. Ai muốn tu học thì cũng có thể về đây tham gia nhập thất trong nhiều ngày tháng cũng không sao.

Trưa hôm đó chúng tôi đi thăm một Tu Viện của Lào cũng gần Tu Viện Đa Bảo của chùa Pháp Bảo cách nhau chừng 3 cây số và Tu Viện này đã tậu được một cánh rừng rất lớn độ 50 mẫu. Cùng đi với chúng tôi hôm đó có gia đình của Đạo Hữu Thiện Hậu đến từ Pháp và lúc nào cũng thấy quý vị ấy trầm trồ không ngớt về cảnh trí thiên nhiên ở tại nơi chốn này.

Từ ngày 2 đến ngày 5 tháng 1 năm 2001 mỗi ngày một tiếng rưỡi đồng hồ, tôi đã hướng dẫn các học viên khóa tu gieo duyên về Kinh Đại Bi mà tôi đã dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt trong Đại Tạng và kinh này sẽ được Thầy Hạnh Tấn dịch từ chữ Việt sang tiếng Đức trong năm nay để ấn hành và trở thành tác phẩm thứ 30 của tôi.

Trưa ngày 6 đến trưa ngày 7 tháng 1 năm 2001 chúng tôi tất cả 26 người cả Tăng lẫn tục trong khóa tu gieo duyên đã lên 5 xe hơi hướng về Tu Viện Đa Bảo và lên đó ở một ngày để làm quen với cảnh trí của thiên nhiên và núi rừng cô tịch ấy.

Đến nơi mới 4 giờ chiều. Chúng tôi nghỉ một tiếng đồng hồ, sau đó mọi người chuẩn bị đi vào rừng và xuống suối của Tu Viện. Sau một tiếng rưỡi thì chúng tôi về lại Tu Viện để ăn cơm chiều và tối đó có một đêm giáo lý cũng như thơ nhạc giao duyên. Suốt hơn 4 buổi giảng của tôi, mọi người đã không có cơ hội để hỏi; nên đây là cơ hội vậy. Cứ sau một câu trả lời là một bài hát được học viên hát lên, hoặc một bài thơ được ngâm. Nếu ai không thuộc những dạng này thì phải kể một câu chuyện hoặc cho một trò chơi làm cho không khí thật vui nhộn. Với trả với bánh, với hoa rừng cỏ dại đã làm cho chúng tôi quên mất đi thời giờ.



Cảnh trí chung quanh Tu Viện.

Đêm hôm ấy các học viên ngủ một giấc êm đềm để sáng mai ngày 7 tháng 1 thức dậy vào lúc 5 giờ 30 sáng ngồi thiền và trì tụng thần chú Thủ Lăng Nghiêm. Sau khi dùng sáng, tôi đã kể cho mọi người nghe là tối hôm qua lần đầu tiên tôi nhìn thấy giải ngân hà và sao Bắc Đẩu ở miền Nam Cực, mà hơn 1.500 năm trước ở phía Bắc của quả địa cầu Ngài Huệ Năng của Trung Hoa đã thao thức bằng những câu thơ như sau :

*"Đêm đêm ngắm giải ngân hà
Ngôi sao Tinh Đẩu đã ba năm tròn
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn
Tào Khê nước chảy vẫn còn trở trở"*

Vậy! Dòng Tào Khê ấy bây giờ vẫn còn nơi chùa Nam Hoa ở Thiều Quang, Quảng Châu, Trung Quốc và nước ấy đang luân lưu cuộn chảy khắp các châu lục địa trên quả địa cầu này. Hôm nay nằm tại Tu Viện Đa Bảo ở Úc, tôi lại thấy một lần nữa.

Sáng ngày 7 tháng 1 lại một lần nữa tôi phải trả lời những câu hỏi của các học viên trong vòng một tiếng rưỡi đồng hồ. Lần này xoay quanh vấn đề phát bồ đề tâm và phát tâm xuất gia học đạo. Trước đó tôi đã nói một bài pháp thoại ngắn về bài thơ "Hàn Sơn Tự" của Trương Kế đời nhà Đường.

11 giờ đã dùng cơm trưa để 12 giờ đi về cho kịp tham dự Ngày Văn Hóa của Tổng Vụ Văn Hóa Giáo Dục do Giáo sư Lâm Như Tạng tổ chức tại chùa Pháp Bảo vào lúc 1 giờ trưa.

Chương trình sinh hoạt rất đa dạng gồm có giới thiệu tác phẩm "**Tiếp Kiến với Đức Đạt Lai Lạt Ma**" của tôi cũng như sự phát triển của Phật Giáo tại Đức, xen kẽ là ngâm thơ. Sau đó là giới thiệu tác phẩm **Kim Cang Bát Nhã** của Thượng Tọa Thích Bảo Lạc đã dịch từ Hán tạng và tác phẩm mới của Thầy Phổ Huân là "**Nhân Duyên Vào Đạo**".



Ngày Văn Hóa Phật Giáo tại Thiền đường chùa Pháp Bảo, do Vụ Văn Hóa của Giáo Hội tổ chức.

Kế tiếp là những bài đồng ca của Ban Nhạc Từ Thiện của Hội Cao Niên tại Sydney và Kỹ sư Phan Đông Bích đã trình bày về đề tài: **Nguyễn Du đọc kinh Kim Cương** rất duyên dáng, hấp dẫn và sâu sắc; khiến cho cả hội trường gần 400 người chìm trong không khí văn học của tự thuở xa xôi nào vào 200 năm về trước, khi cụ Nguyễn Du còn sống.

Tiếp theo là Phật Tử Chúc Hòa Phan Hồng Chương đã trình bày về sự hội nhập của Phật Giáo qua Internet.

Tiếng hát lời ca, giọng ngâm thơ, đờn tranh, đờn nhị, độc huyền cầm của ban nhạc đã đưa mọi người về nơi nội tâm sâu thẳm của nền văn học nghệ thuật của nước nhà.

Sau đó vào lúc 4 giờ chiều tại chánh điện chùa Pháp Bảo có một lễ quy y đặc biệt cho 2 vị Phật Tử là thành viên của Ban Trị Sự trong suốt 20 năm qua đã cộng tác đắc lực cho chùa và trước đó 3 ngày cũng có một lễ quy y cho 18 người trong 2 gia đình cũng là điều ngoài dự tưởng. Vì lễ Thượng Tọa Thích Bảo Lạc chỉ cho quy y khi có đại lễ Phật Đản hay Vu Lan; nhưng kỳ này đã là một nhân duyên hết sức đặc biệt vậy.

Vào tối hôm ngày 5 tháng 1 năm 2001 tại phòng đa dụng của chùa Pháp Bảo có một buổi tiệc có nhiều mục đích khác nhau đã được tổ chức trong một khung cảnh đầy vẻ thân tình. Đó là:

- Chúc thọ các Cụ, các Bác đã hỗ trợ cho chùa suốt 20 năm qua.
- Tiệc chia tay với tôi trước khi về lại Đức.
- Mừng khóa tu gieo duyên đã hơn 3 tuần lễ.
- Kỷ niệm "Tổng Cộu Nghinh Tân", và
- Kỷ niệm 20 năm Thượng Tọa Bảo Lạc đã có mặt tại Úc.

Ai nhắc lại kỷ niệm xưa rồi cũng buồn vui lẫn lộn. Có Cụ đã khóc. Vì đã có biết bao nhiêu người đã nằm xuống và có biết bao nhiêu người trẻ đã tiếp theo để hộ đạo, giúp đời. Những cây tùng càng ngày càng cần cỗi; những chiếc ghế dựa ngày xưa bây giờ đã trở nên cũ kỹ... nhưng nếu không có những bóng mát này thì làm sao có được ngày hôm nay. Anh Hoàng Khôi, anh Phước, anh Quân, anh Thạch, anh Nhưông v.v... đã nhắc lại rất nhiều về những kỷ niệm của 20 năm về trước đó.

Tôi ngồi đó để lắng đọng tâm tư, để nghe và để chiêm nghiệm cuộc đời. Vì thời gian rất vô tình và không đợi chờ ai cả. Nếu ai nắm bắt được thời cơ thì sẽ chuyển hóa thân tâm. Nếu ai đó hững hờ thì sẽ bị dòng đời cuốn chảy.

Bây giờ là 22 giờ ngày 8 tháng 1 năm 2001, tôi ngồi trên chuyến bay SQ 222 đi từ Sydney để trở về Singapore trên mây nước bằng bình, xin ghi lại những cảm tưởng này để gửi đến những độc giả xa gần của Viên Giác và gọi là một chút quà Xuân của đầu thế kỷ thứ 21 này.

Nam Mô A Di Đà Phật

Theo Đám Mây Tàn

Mỗi độ Xuân về nắng nhẹ pha
Là bao Xuân cảm, ý Xuân hòa
Trăng tròn gác nguyệt duyên nàng tổ
Thơ rộn vườn mai nhịp trúc ca
Bát ngát tờ mây hương phấn đại
Thênh thang lối mộng giữa yên hà
- Nhớ thương xin gửi về phương ấy
Theo đám mây tàn lãng đàng xa ...

• Văn Nhưông Lê Ngọc Chấn

Nhớ Phan Rang

Nhớ xưa Phan Rang

Trường Duy Tân hàng phượng đỏ thắm

Tử Công Phụng đã từng say đắm

màu mắt em biêng biếc nước sông Dinh

"Bây giờ tháng mấy - hỏi em !"

Cao ngát trên điện Klong Gara

đền thiêng Chiêm sử.

Cà Ná, Tân Thành, Ninh Chữ...

ai đưa em về với Tô Đình Sự

thường lăm Minh Hương.

Kỷ niệm còn vương trên lối mòn Thống Nhất

thầy Nguyễn Quảng Tuân có còn giấu cất

trái tim cô gái học trò

thuở trắng Nha Hồ, Sông Pha

môi em Tôn Nữ Hằng Nga thơm lừng.

Ôi thương Thanh Nhung - từ Tokyo

qua Tao Đàn Bạch Nga :

"Chị gọi về em trang nhật ký

Của mùa thu trước mến thương nhau

Đến nay chị đã vào甯ng gió

Thì giữ làm chi giấc mộng đầu !"...

Tình trước nghĩa sau

gọi Cao Hoàng Nhân - thơ buồn ray rứt

Kỷ niệm vẫn còn thao thức

những dấu chân Phan Rang

Chuông khời chùa núi Chà Bang

thương em lỡ khoác áo tràng - xa tôi !

"Đã lâu rồi đôi đứa cách đôi nơi...

Chế Linh ru nghẹn ngào ai oán.

"Ngày xa Phan Rang tôi vẫn tưởng

Ra đi rồi sẽ có ngày về

Cho nên ngại ngừng tôi chẳng nói

Một câu hò hẹn, nửa câu thề" ...

Giang Hà, tái tê chảy nổi lòng sâu kín

Của chàng trai áo lính

Có dịp thương Phan Rang.

Mai về, có nhớ, hỏi chàng

Em tôi cô gái Phan Rang mãi chờ !

Nhớ quê ghi mấy dòng thơ

Nỗi thương đứt ruột đang chờ mà vui.

• Nguyễn Văn Cường

GIÁO HỘI THIỀN-TÔNG LIỄU-QUÁN TẠI HOA KỲ

CHÙA BẢO TỊNH
2406 Marine Ave.
Gardena, CA 90249
(310) 516-1522

TU VIỆN LIỄU-QUÁN
31130 Chihuahua Valley Rd.
Warner Springs, CA 92086
(909) 767-7332

THÔNG BẠCH VỀ VIỆC TỔ CHỨC GIẢI NHIẾP ẢNH CHỦ ĐỀ PHẬT GIÁO

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

KÍNH BẠCH CHỮ TÔN ĐỨC TĂNG GIÀ VIỆT NAM

Kính gửi:

Quý Học Giả Phật Giáo Việt Nam,
Toàn thể Phật Tử
Các Nhiếp nh Gia Trên Toàn Thế Giới

Kính thưa Liệt Quý Vị,

Để khơi dậy phần nào hình ảnh Phật, Bồ Tát, nói rộng ra là nghệ thuật trong sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam, Tu Viện Liễu-Quán chúng tôi cùng các Đạo Hữu trong Ban Thường Vụ Tu Viện, mạo muội, qua kỳ họp ngày 7 tháng 11 năm 2000 tại chùa Quan Âm quận Cam, dưới sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Đạo Quang, đã tán đồng đề xướng một cuộc thi Nhiếp nh Nghệ Thuật với chủ đề "Phật Giáo Đại Thừa Việt Nam". Bởi vì xuyên qua các tài liệu Anh ngữ, về hình ảnh nghệ thuật Phật Giáo thế giới như:

* Nghệ thuật Phật Giáo và niềm tin, W. Zwalf biên soạn (Buddhism Art and Faith by W. Zwalf).

* Phật Giáo thế giới, tác giả là Heinz Bechert và Richard Gombrich (The World of Buddhism by Heinz Bechert and Richard Gombrich).

* Sách bách khoa về Tôn Giáo và Triết Học Đông Phương, chủ biên là Stephan Schuhmacher, Gert Woener (The Encyclopedia of Eastern Philosophy and Religion - Stephan Schuhmacher, Gert Woener).

* Đức Phật và Chân Lý Đạo Phật của Ananda K. Coomaraswamy (Buddha and the Gospel of Buddhism by Ananda K. Coomaraswamy) v.v..., chúng tôi nhận thấy thiếu vắng các hình ảnh Phật, Bồ Tát, cùng các sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam nói chung. Điều này chứng tỏ từ lâu Đạo Phật Việt Nam đã không được biểu hiện qua bộ môn Nhiếp nh một cách rộng rãi và đúng mức, nên các sử gia học giả Tây phương đã không có nguồn tài liệu giới thiệu với thế giới về Phật Giáo Việt Nam. Nhìn qua các nước Phật Giáo cùng khu vực như Indonesia mà còn có những hình Phật, Bồ Tát Đại Thừa lưu lại như một tài liệu nghệ thuật trong Nghệ Thuật Phật Giáo và Niềm Tin, (Buddhist Art and Faith, page 186, 187); Một nước Phật Giáo thuộc hệ Nam Tông như Cao Miên (Cambodia) láng giềng Việt Nam, cũng có tượng Phật, bán thân, thế kỷ 12, 14 bằng đá cát, cao 16 phân do Đại học đường Harvard khám phá. Tượng phản ánh sắc thái đặc biệt về chủng tộc Miên hiện lưu giữ trong bảo tàng viện Fogg, của tác giả Ananda K. Coomaraswamy ở phần phụ trang 331.

Trong khi đó, Phật Giáo Việt Nam gắn liền với dòng sử dân tộc, suốt mấy ngàn năm có biết bao nhiêu di tích hình ảnh về Phật,

Bồ Tát, sinh hoạt Thiền Đại Thừa, rất nghệ thuật và sâu sắc, đáng lẽ ra cũng được hiện diện đồng đều với các cộng đồng nghệ thuật Phật Giáo các nước trên thế giới, nhưng không! Sự thiếu vắng đó đã khiến chúng tôi có những ưu tư từ lâu.

Sau lưng lãnh vực nghệ thuật đặc thù Phật Giáo Việt Nam hầu như bị quên lãng, trước mắt, các thế hệ con em Việt Nam khắp nơi trên các quốc gia hôm nay và mai sau, thiếu tài liệu bằng Anh ngữ về hình ảnh để tra cứu nghệ thuật Phật Giáo Việt Nam, một tôn giáo cội nguồn của con em, một tôn giáo đã mang lại nét nghệ thuật vị nhân sinh. Hình ảnh Phật, Bồ Tát, Thiền Phật Giáo Việt Nam vốn đã gây bao cảm hứng cho những tác phẩm triết lý, đạo đức, nghệ thuật văn hóa dân tộc, và đã tác động sâu xa vào đời sống tâm linh của dân tộc Việt, can trường qua bao biến thiên lịch sử... Từ lý do đó, chúng tôi đã dần dà thực hiện các tôn tượng Phật, Bồ Tát mang nét đặc thù Việt Nam tại Liễu Quán. Đơn cử: Tôn Tượng Phật Bốn Sư Niết Bàn bằng đá xanh mang từ Việt Nam, được tạc và ráp nối một cách nghệ thuật. Lễ Khánh Thành đã được tổ chức vào ngày 15 tháng 10 năm 2000 vừa qua. Công tác nghệ thuật của Tu Viện đã, đang và sẽ còn tiếp tục thực hiện những tôn tượng mang tính nghệ thuật Việt Nam. Ngoài việc củng cố niềm tin Phật cho hàng Phật Tử Việt Nam tha hương, chúng tôi còn mong lưu lại trong tâm khảm những thế hệ con em Việt Nam ở xứ người, các cộng đồng Phật Giáo bạn, kể cả người Mỹ, những dấu ấn nghệ thuật đặc thù Phật Giáo Đại Thừa Việt Nam trong thế kỷ 21.

Hôm nay, Tu Viện chúng tôi kính xin thông bạch đến chư liệt quý vị và mong chư liệt vị gián tiếp hoặc trực tiếp hỗ trợ chúng tôi, một công tác Phật sự đặc biệt ở lãnh vực nghệ thuật mà hầu như từ trước đến giờ chưa được đặt ra!

Riêng giới Nhiếp nh, chúng tôi tha thiết mong quý vị nhiếp ảnh tích cực tham gia trước là thể hiện tài nghệ của mình sau là đóng góp vào một việc làm hết sức ý nghĩa không những cho bây giờ mà còn mãi về sau.

Cuộc thi sẽ được một Hội Đồng Giám Khảo, gồm các nhiếp ảnh gia tên tuổi bên cạnh Hội Đồng Điều Hành Tu Viện duyệt chấm. Có nhiều giải thưởng giá trị bằng hiện kim và huy chương (xin tham khảo ở điều lệ đính kèm).

Xin liên lạc về những số điện thoại sau đây để biết thêm chi tiết:

1. Chùa Quan Âm (714) 891-8717
2. Trần Công Nhung (310) 978-8978
Email: pasouthbay@yahoo.com
3. Nguyễn Công Hội (310) 318-6351
4. Thắng Vũ (Quảng Định) (818) 364-7250 (W) (818) 831-2095 (H)
5. Nguyễn Công Trí (858) 792-2656
6. Chùa Bảo Tịnh (310) 516-1522
7. Tu Viện Liễu-Quán (909) 767-7332

Kính chúc quý chư liệt vị thân tâm thường an lạc và xin trân trọng thông bạch.

Ký tên và đóng dấu

Thích Nguyên Đạt

Tu Viện Liễu-Quán

Chùa Bảo Tịnh

Gardena ngày 19 tháng 12 năm 2000

ĐIỀU LỆ DỰ THI ẢNH VỚI CHỦ ĐỀ PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA VIỆT NAM

1. Tổng Quát :

Cuộc thi nh Nghệ Thuật về chủ đề Phật Giáo Đại Thừa Việt Nam do chùa Bảo Tịnh và Tu Viện Liễu Quán tổ chức dành cho tất cả mọi người ở khắp nơi trên thế giới

2. nh Dự Thi:

- nh màu hoặc đen trắng.
- Cỡ ảnh tối thiểu: 8x10 in (18x24 cm), tối đa: 16x20 in (40x50 cm) và dán trên một bìa (board) cứng.
- nh phải làm từ nguyên bản bằng giấy ảnh (ảnh digital, ráp ghép in lại, canvas hoặc lamination đều không hợp lệ)
- nh dự thi không hạn chế số lượng.
- nh muốn được trả lại, xin gói kèm lệ phí bưu điện: Ngoài Hoa Kỳ 8 Mỹ kim, Trong Hoa Kỳ 4 Mỹ kim. Việt Nam miễn lệ phí.
- Phiếu Dự Thi: Nhiếp nh Gia điền phiếu dự thi (mẫu đính kèm, mỗi người tự photocopie theo nhu cầu của mình) và gửi chung với ảnh.

3. Kỳ Hạn Nhận nh:

nh dự thi phải gửi trước ngày 15 tháng 10 năm 2001 (căn cứ dấu bưu điện) về địa chỉ:

Chùa Bảo Tịnh,
2406 Marine Ave.
Gardena, CA 90249-USA

4. Giải Thưởng:

- Gồm có 5 giải :
- 1 Huy Chương Vàng và 1000 Mỹ kim
 - 1 Huy Chương Bạc và 700 Mỹ kim
 - 1 Huy Chương Bạc và 500 Mỹ kim
 - 1 Huy Chương Đồng và 300 Mỹ kim
 - 1 Huy Chương Đồng và 200 Mỹ kim
 - Và 10 Giải Tưởng Lệ Danh Dự (Honorable Mention Plaque)

5. Chấm nh và Triển Lãm:

Ngày giờ chấm ảnh và triển lãm sẽ công bố sau.

6. Mọi thắc mắc xin liên lạc về:

Thượng Tọa Thích Nguyên Đạt
2406 Marine Ave. - Gardena, CA 90249
ĐT: (310)-516-1522 hay (909)-767-7332
Ông Trần Công Nhung (310-978-8978
Email pasouthbay@yahoo.com

PHI U DỰ THI

- A. Họ và Tên nhiếp ảnh gia:
Địa chỉ:
Điện thoại:
- B. Số lượng ảnh dự thi:
- C. Liệt kê ảnh dự thi :

Số thứ tự	Tựa đề	Ghi chú của Ban Chấm Giải	
		Điểm chấm giải	Giải thưởng

D. nh dự thi được yêu cầu trả lại:..... (không) (có)

Ghi chú của Ban Chấm Giải
Ngày nhận ảnh:
Số thứ tự:

Ngày tháng năm
Ký tên

GIỚI THIỆU SÁCH MỖI XUẤT BẢN

1- MÀU SIM TRONG ĐẤT HỨA: thi tập của nhà thơ Nguyễn Văn Cường do Anh Em tại Oslo Na Uy xuất bản tháng 11.2000, nhà văn Nguyễn Thị Vinh (trong Tự Lực Văn Đoàn) viết tựa và lời Bạt "Trông Mùa Thiên Di Vàng Bóng Nhớ" của nhà xuất bản Anh Em.

Đây là thi tập thứ ba của nhà thơ Nguyễn Văn Cường, sau hai thi tập Thương Quê (tháng 4.2000 do Viên Giác / Đức Quốc xuất bản) và Dấu Buồn Thơ Trở Bông (tháng 9.2000 do Anh Em / Na Uy xuất bản và Làng Văn / Canada phát hành). Nguyễn Văn Cường, nhà thơ tại Bergen- Na Uy có sức sáng tác dồi dào và chuyên về nhiều thể tài, tuy nhiên hình ảnh quê hương Việt Nam thân yêu vẫn là nguồn xúc cảm và hứng khởi gợi nhớ về những tháng ngày kỷ niệm mà cuộc đời của thi nhân đã gắn liền với những dấu chân thăng trầm vinh nhục trên những vùng đất hứa, cho nên lời thơ của thi nhân hôm nay nghe như một khúc hát nhớ thương:

...

Kể từ tôi lớn thành người
Món ăn mặn nhạt, đầy vơi nghĩa tình

...

Nhỏ đi, đừng quên nẻo về
"Căn nhà ấm thuở mẹ về với cha..."

hoặc ngọt ngào như những tiếng ru, nhịp nhàng như tiếng hò trong tuổi thơ ngày:

...

Nước nào trong cho bằng nước sông quê mẹ
Tiếng em thỏ thẻ như thể tiếng mẹ ru con
Lòng nào lại chẳng héo hon
Mỗi lần xa mẹ lòng con bồi hồi
Bây giờ mẹ mất thật rồi
Tiếng ru ngày ấy người ời thắm lòng..

Ngôn từ thi ca, cách diễn đạt tinh ý với những hình ảnh mới lạ sống động trong thơ của Nguyễn Văn Cường đã rất quen thuộc với độc giả Làng Văn, Viên Giác, Thế Kỷ 21 và rải rác ở một số tờ báo khác.

Sách dày 120 trang, bìa màu và phụ bản do Nguyễn Hữu Nhật minh họa. Giá 15 Mỹ Kim, liên lạc:

Nguyễn Văn Cường, Olsvikasen 144
5183 Olsvik - Norway

2- NHÂN DUYÊN VÀO ĐẠO PHẬT: của Tỳ kheo Thích Phổ Huân. Sách dày 220 trang, do Chùa Pháp Bảo Sydney, Úc Châu xuất bản tháng 10.2000 và Lời Giới Thiệu của Thượng Tọa Thích Bảo Lạc, Viện Chủ Chùa Pháp Bảo / Úc.

Đây là một tác phẩm với những chủ đề quen thuộc không chỉ dành cho những vị mới xuất gia bằng cái nhìn có chánh niệm của thời đại văn minh khoa học để "học và hành trì

hạnh xuất thế nhằm trải qua quá trình tinh luyện dãi lọc thân tâm mà sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chưa thu nhiếp, điều phục mà con đường tu học còn gặp phải thiên nan vạn nan...", mà cũng là tập kỷ yếu cho những đệ tử tại gia, từng bước đi vào giáo lý Phật Đà để có thể áp dụng đạo lý vào đời sống của mình nhằm thăng hoa và giác ngộ. Bởi vì, như tác giả viết:

"... Thiện nghiệp, ác nghiệp là những hành trang, nhưng thiện nghiệp có sức đưa con thuyền qua bờ bên kia hưởng vui an lạc, và ác nghiệp lại đưa ta quay về bến cũ của đau thương phiền muộn; tệ hơn phải bị trôi giạt vào cảnh giới tối tăm..."

Ấn tống, liên lạc: Chùa Pháp Bảo. 148-154 Edensor Rd. St. Johns Park NSW. Australia

3- BÊN GIÒNG SÔNG HẰNG: của Nguyễn Văn Thục dịch từ nguyên tác Nhật ngữ Fukai Kawa (1993) của Viễn Đằng Chu Tác (Endo Shusaku). Sách dày 326 trang, in đẹp, trang nhã. Bìa của nữ họa sĩ Nguyễn Thị Hợp, Cao Xuân Huy trình bày, Thế Kỷ xuất bản tại Hoa Kỳ. Giá 14 Mỹ Kim.

Viễn Đằng Chu Tác (Endo Shusaku) là một trong những nhà văn Nhật Bản được độc giả Nhật và Tây phương mến mộ, Hàn Lâm Viện Sĩ Văn Chương Nhật, nhiều lần được đề cử tranh giải Nobel, đoạt giải văn chương cao quý nhất của Nhật như giải Akutagawa năm 1955 cho tác phẩm Người Da Trắng (Shiroi Hito) và giải Tanizaki năm 1966 cho cuốn Sao Chứa Mãi Im (Chin Muku).

Dịch giả Nguyễn Văn Thục, sau khi ấn hành cuốn Sao Chứa Mãi Im của cùng tác giả Viễn Đằng Chu Tác, đã gây được một tiếng vang lớn trên văn đàn hải ngoại.

Đọc những tác phẩm của Nguyễn Văn Thục, nếu không để ý đến những tên tuổi địa danh của Nhật, thì chúng ta không tưởng đó là một tác phẩm chuyển ngữ, bởi vì từ văn phong, ngôn từ cho đến cách diễn đạt rất hoàn toàn Việt Nam.

Truyện của Viễn Đằng Chu Tác, cuốn nào cũng đề cập đến Thiên Chúa Giáo- mà ông là một con chiên trên xứ hoa anh đào, tuy nhiên trong đó cũng bàng bạc một số triết lý Phật Đà, bởi ông là người hiểu biết về văn hóa Phật Giáo.

Trong tác phẩm "Bên Giòng Sông Hằng", từ những mẫu chuyện riêng lẻ của từng nhân vật, như chuyện vợ ông Cố Biên trước khi chết còn trời trần với chồng: "... Em... biết chắc, em sẽ được tái sinh ở một nơi nào đó trong thế giới này. Minh nhớ đi kiếm em... gặp em... Minh hứa đi! Minh hứa đi mình!". Đến chuyện cô Mỹ Tân Tử, tình thần trống rỗng sau những phong trào nổi loạn của sinh viên đã lụi tàn, đàn đúm với nhóm bạn sinh viên rượu chè trác táng, coi sinh viên "trở lại đạo" là những đứa quê mùa dốt nát không chơi được- trong đó có gã Đại Tân muốn tu học để trở thành Linh Mục và Mỹ Tân Tử lại quyết chí lôi anh chàng này ra khỏi tay của Chúa Jesus, không những chỉ trong thời gian còn học ở Nhật, mà ngay trong thời gian anh ta đang ở tu viện tại Pháp. Cô ta, trong lúc đi hưởng tuần trăng mật ở Paris cũng quyết tâm đi tìm gặp cho được Đại Tân để thủ lôi kéo anh chàng này trả lại áo Dòng... Như ông Chiêu Điền chuyên viết truyện thú vật cho trẻ em

cũng luôn bị dấn vật về những con chim tẻ, con nhông vì ông mà chết. Rồi đến chuyện ông Mộc Khẩu- một cựu chiến sĩ còn sống sót trong rừng già Miến Điện vào thời cuối chiến tranh, lúc nào cũng bị ám ảnh những xác chết vì đói, vì bệnh thổ tả... Rồi tất cả những nhân vật này lại tình cờ cùng đi trong một chuyến hành hương Ấn Độ. Mỗi người có một tâm trạng riêng, họ đi tìm một giải đáp cho những nỗi ân ức trong tâm thức của mình. Họ tìm đến "Bên Giòng Sông Hằng" và họ có tìm được lời giải đáp hay không? Hãy tìm đọc Bên Giòng Sông Hằng.

Xin liên lạc với:

Nhà Xuất Bản Thế Kỷ

11022 Acacia Pway., # A

Garden Grove, CA 92840 USA

Tel: (714) 839-8746

4- NỖI LÒNG NGƯỜI ĐI: thi tập của Dư Thị Diễm Buồn do Bảo Linh xuất bản tháng 01.2001, tranh bìa màu của Vi Vi, phụ bản của Vi Vi, Huỳnh Thơ, Bùi Bảo Tuyết trình bày. Sách dày 128 trang (không ghi giá bán). Đây là thi tập thứ 5 của tác giả sau Một Thoáng Hương Xưa, Những Ngày Xưa Thân Ái, Quê Hương Ngày Em Lớn.

Dư Thị Diễm Buồn sinh trưởng tại Thị Xã Cần Thơ, cùng gia đình đào thoát khỏi Việt Nam vào mùa hè năm 1979, hiện cư ngụ tại Illinois / Hoa Kỳ.

Cũng giống như các tập thơ trước, Nỗi Lòng Người Đi mang chở tâm trạng hoài nhớ cố hương, nên lãng đãng trong thơ tồn đọng những kỷ niệm về những tháng ngày cũ thăng trầm, vui buồn, vinh nhục...

Từ những tháng ngày bình yên kiêu sa tuổi mộng, một sáng đầu xuân nhìn cuộc đời đẹp tựa gấm hoa:

Sáng mông một, em diễm trang là liệt

Áo cảm vân màu hoàng yến kiêu sa

Ôi cuộc đời đẹp như gấm thêu hoa

Tuổi mười bảy, thời thần tiên mộng ước

Cho đến tuổi biết yêu và lại anh lính chiến:

Thôi anh ơi! đừng nhìn lâu em thẹn

Ánh mắt sao mà đậm ả ý tình!

Thương quá đi! chàng tuổi trẻ chiến binh

Trong tiền kiếp như có lần ước hẹn

Để cuối cùng trong cơn quốc phá, gia vong, thi nhân đành đoạn lia tổ quốc bằng:

Chuyến vượt biển, ôi trùng trùng nguy hiểm

...

Người ra đi cũng sầu thương cố thổ

Dẫu từ đây phải cách trở muôn trùng

Để đêm dài cử thào thức nhỏ mong

Tưởng lại xám như mây giăng đỉnh núi

Muốn biết thêm "Nỗi Lòng Người Đi", độc giả có thể liên lạc với:

Dư Thị Diễm Buồn- 1250 Army Trail Rd.

Addison, Illinois 60101 - U.S.A- Tel.: (630) 628-8167

5- CON ĐƯỜNG VÔ TẬN: tập truyện của Hư Thân Huỳnh Trung Chánh. Hư Thân là pháp hiệu tự chọn của đạo hữu Thiện Tâm do Thượng Tọa Thích Tác Thuận, trụ trì Chùa Linh Sơn tại chợ Cầu Muối Sài Gòn ban cho tác giả lúc quy y Tam Bảo khi ông mới 18 tuổi. Hư Thân vừa mang ý nghĩa về tám thân hư huyền, vừa ngầm ý gọi lại hình ảnh của đứa con hoang hư hỏng trở về nhà- như là tâm trạng của tác giả "trở về" chùa.

Cũng như những tập truyện khác đã xuất bản, cách cấu trúc của những câu chuyện trong tác phẩm này cũng là những chuyện thường tình trong đời sống hàng ngày. Cách hành văn cũng bình dị với những ngôn từ thông tục của thế gian, nhưng nội dung lại có sức lôi cuốn người đọc không muốn buông sách rời tay, mà lại muốn tiếp tục đọc hết để biết những gì xảy ra khi kết thúc câu chuyện. Phải chăng, bằng cái nhìn sâu sắc và thanh thản về cuộc đời, bằng cuộc sống bình an tĩnh thức của chính bản thân, tác giả đã nói lên được "*lý đạo tình đời không rời nhau*" và "*đạo ở ngay trong đời sống hàng ngày của mỗi chúng sinh!*".

Chính tác giả và cũng như đa số Phật tử đã nhận thức được rằng, Phật Giáo là niềm tin, là lẽ sống, là chỗ dựa tinh thần, cho dù dòng đời trắc trở, người ta không đến nỗi bị cái thắng thua, vinh nhục làm chao động tâm thần mà vẫn cố giữ được an nhiên để có thể tìm được những phút giây an lạc, nhẹ nhàng thanh thản...

Sách dày 216 trang, do Trung Tâm Văn Hóa và Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Cộng Hòa Liên bang Đức tái bản năm 2000, phát hành năm 2001. Xin liên lạc với Chùa Viên Giác.

6- NHỮNG CHUYỆN NIỆM PHẬT VẮNG SANH LƯU XÁ LỢI (từ năm 1995-2000): do Cư Sĩ Tịnh Hải sưu tầm với rất nhiều mẫu chuyện của những vị Phật tử suốt đời hành trì pháp môn niệm Phật đúng theo lời dạy trong "Kinh Niệm Phật Ba-La-Mật", khi vãng sanh sẽ lưu lại Xá Lợi. Đây là phần phụ lục của cuốn sách mang tên "Kinh Niệm Phật Ba La Mật Sưu Giải".

Khi giới thiệu về cuốn sách này, Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Viện chủ Chùa Khánh Anh Paris viết "*... Riêng về kết quả có lưu lại được xá lợi hay không, chúng tôi thiết nghĩ chưa phải là mục tiêu chính yếu. Dĩ nhiên việc vãng sanh Tây phương và lưu xá lợi không phải là hai việc hoàn toàn khác biệt. Chỉ là nhân với quả mà thôi...*".

"*... Vua Trần Thái Tông được gọi là ông vua Thiền sư. Ngài là ông vua khởi đầu cho triều đại nhà Trần, cũng là người đặt nền tảng cho phái Thiền Trúc Lâm Yên Tử sau này của Việt Nam... Nhưng với pháp môn Tịnh Độ..., Ngài kêu gọi mọi người đều là Thượng trí, Trung Trí hay Hạ trí tất cả đều nên niệm Phật...*". Đó là pháp môn Thiền Tịnh song tu.

Danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật có năng lực giải thoát siêu việt. Đức Quán Thế Âm dạy: "*Hành giả tu niệm Phật muốn diệt trừ phiền não phải phát huy năng lực giải thoát siêu việt của danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Muốn được vậy cần phải cần mãi xưng hiệu danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Nhờ vậy mà người niệm Phật có quang minh, tức*

Tự Tâm Quang Minh Hiện Lượng và chuyển phiền não dữ dội thành pháp thân viên mãn...".

Nhờ được rất nhiều người ấn tống, nên cuốn sách "Những Chuyện Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi" đã ấn hành với số lượng to lớn trên 20.000 cuốn. Sách dày 282 trang với những phụ bản màu về xá lợi của nhiều vị Phật Tử và Tu sĩ.

Liên lạc: LOTUS Productions:

1405 S. Mohawk Dr. Santa Anna, CA 92704 USA.

Tel: (714) 957 - 5786 .Email: lotustamtu@yahoo.com

7- THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA NHÀ CÁCH MẠNG NGUYỄN THẾ TRUYỀN:

của Đặng Hữu Thu. Ông Nguyễn Thế Truyền là một nhà cách mạng quốc gia nổi danh từ năm 1922, là bạn thân của hai chí sĩ Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường và đã cùng nhau hoạt động chính trị tại Pháp. Ông là Chủ bút tờ báo "Le Paria" năm 1925, Phó Chủ Tịch Liên Hiệp Thuộc Địa năm 1925, đã chủ trương tờ báo "Việt Nam Hồn" từ 1926 và đã lập ra Đảng Việt Nam Độc Lập năm 1927 tại Pháp.

Khi về nước, ông từ chối không nhận một chức vụ nào trong chính quyền Đông Dương. Sau khi bị an trí ở Madagascar từ năm 1941 đến năm 1946, ông lại về nước viết báo viết sách nói về nỗi bần khổ của ông trước thời cuộc và đề nghị với các chính quyền quốc gia những cải cách cần thiết để công cuộc chống Cộng được hữu hiệu, nên độc lập quốc gia, nên tự do dân chủ được vững bền.

Ông sống trong cảnh nghèo nàn thanh bạch, suốt đời giữ được tiết tháo của một đấng trượng phu và mất ngày 19.9.1969 tại Sài Gòn.

Sách dày 450 trang do tác giả tự xuất bản tại Paris đã khá lâu, năm 1993. Tuy nhiên chúng tôi vẫn xin trân trọng giới thiệu với độc giả về công trình nghiên cứu của tác giả đã dành nhiều thì giờ để tham khảo đối chiếu với những chứng nhân còn sống khắp nơi trên thế giới. Sách có giá trị cho những người quan tâm nghiên cứu về những nhân vật đấu tranh chính trị trong giai đoạn Quốc Cộng. Liên lạc:

M. Đặng Hữu Thu, 5, Boulevard des Carmes
77000 Melun - France

8-VIỆT NAM THỐNG KHỔ

hay những đau thương và mơ ước của một thế hệ bị hy sinh của Mạnh Bích

Qua một bản tự truyện viết bằng Pháp ngữ, bằng một lối hành văn điêu luyện và trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ (1945-1975): chế độ thuộc địa Pháp, phong trào Văn thân, thế chiến thứ hai 1939-45, cuộc đảo chính Nhật 9.3.45, sự tuyên bố độc lập của Hồ Chí Minh ngày 2.9.45, chiến tranh Đông Dương và vụ chia nước Việt Nam làm hai miền bằng Hiệp Định Genève 1954, rồi sự xâm lăng của Cộng Sản Bắc Việt và sự thôn tính Miền Nam Việt Nam tháng Tư 1975, việc khai sinh nước Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa và nỗi thống khổ của toàn dân Việt Nam dưới ách thống trị của chế độ Mác-Lê.

Ông Mạnh Bích (tên thật Nguyễn Mạnh Yên) kể lại quãng đời ấu thơ và niên thiếu được un đúc trong tinh thần cổ truyền, được thấm nhuần tinh thần yêu nước và lòng tự hào

về giống nòi. Nhờ vậy mà lúc trưởng thành ông đã rèn luyện được cho mình một cá tính và sự tinh anh vững mạnh để đối đầu với những nghịch cảnh đã tạo ra biết bao nhiêu là đau thương cho chính bản thân ông, luôn cho cả đất nước và cả một thế hệ biến thành vật tế thần. Ngoài ra, sự hỗ trợ tinh thần của một người vợ đức hạnh, những người con hiếu thảo và một gia đình thuận hòa cũng đã giúp ông, dù ở trong bất cứ hoàn cảnh bi đát nào, giữ được cái khí tiết của một kẻ sĩ miệt mài mưu cầu hạnh phúc của người dân và cái hoài bão tin tưởng vào một ngày mai thế hệ thanh niên sẽ được sống trong một nước Việt Nam tự do và dân chủ.

Là một kẻ ly hương thất quốc cùng với vợ con, Ông Mạnh Bích muốn dùng bản tự truyện này - thật ra đây là một cuốn truyện tuyệt tác gây cho người đọc nhiều xúc động qua lối diễn tả khúc chiết tâm lý bi thảm của các nhân vật - để gửi đến nước Pháp, quốc gia của Nhân Quyền, tất cả lòng biết ơn đã cứu mang một người thất thế sa cơ. Hơn nữa, đối với ông, viết nên tự truyện này cũng là một cách kính cẩn tưởng nhớ đến quá khứ và dùng nó làm một thông điệp về dân tộc và quê hương gửi đến thế hệ thanh niên Việt Nam.

(Lê Mộng Nguyên).

Muốn có tác giả ký tặng, xin vui lòng liên lạc thẳng với: NGUYỄN MẠNH BÍCH. 25 rue de Vaucouleurs - 75011 Paris - FRANCE. Email : manhbich@club-internet.fr

9.- BĂNG VIDEO BẦU TRỜI CẢNH PHẬT

Sau khi phát hành cuốn Video về chuyến "**Hành Hương Phật Giáo tại Trung Quốc**" giới thiệu về hình ảnh những thắng tích Phật Giáo của hai đại danh sơn là Ngũ Đài Sơn và Phổ Đà Sơn được sự chiếu cố của nhiều người. Nên theo yêu cầu của đa số Phật tử đã có nhân duyên hay chưa có thuận duyên theo chuyến hành hương viếng thăm những miền đất của chư Tổ ngày xưa đã từng sinh sống, hành đạo và xiển dương Phật Pháp, Trung Tâm Văn Hóa và Xã Hội Chùa Bảo Quang lại cho phát hành cuốn Video "Bầu Trời Cảnh Phật" để phổ biến hình ảnh những thắng tích Phật Giáo tại Cửu Hoa Sơn và Nga Mi Sơn cùng với nhiều thắng cảnh cổ tự khác của Trung Hoa...

Trong khung cảnh trùng điệp của thiên nhiên đẹp tựa dẹt gấm thêu hoa, Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện Chủ Chùa Viên Giác, đã cảm khái về những lời thơ của Chu Mạnh Trinh trong Hương Sơn Phong Cảnh- cảnh phảng phất một màu Thiền nên lòng trần cũng lâng lâng thoát tục trong cảnh trí tôn nghiêm và trang nhã đó:

...
*Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái
Lững lờ khe Yến cá nghe kinh
Thoảng bên tai một tiếng chày Kinh
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng...*

Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm, trong phần cuối cuốn Video đã chân thành "*chắp tay hướng về quê hương Việt Nam và hướng về toàn thể nhân loại trên thế giới và nguyện cầu cho dòng suối Đại Bi sớm được thấm nhuần vào lòng*

người, cho Hoa Tình Thương nở nụ tỏa hương và quả Bồ Đề kết tỏa khắp cõi nhân gian..."

Lòng thiết tha mong cầu đó tưởng như đã chứng nghiệm hiển nhiên, là anh Lương Nghị, người Hoa, 26 tuổi, thông dịch viên tiếng Hoa-Việt, trước đây chưa hề biết đến Phật Giáo, nhưng qua lần hướng dẫn cho phái đoàn, được gần gũi với chư Tôn Đức và cảnh trí thanh tịnh của núi rừng, cổ tự nên anh đã phát tâm quy y và được Thượng Tọa Thích Như Điển thu nhận làm đệ tử với Pháp danh là Thiện Tâm...

Một cuốn Video nên có trong tủ sách của những người con Phật, vì ngoài những hình ảnh về những cổ tự, chúng ta còn được biết thêm về lịch sử của những miền đất Phật.

Liên lạc tại Chùa Viên Giác hay tại Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Chùa Bảo Quang :n Schiffbecker Weg 177. 22119 Hamburg. Tel.: (040) 732 55 43. Fax.: (+49 40) 7367 2263

THÔNG BÁO CHÚNG

Nhân đầu năm mới Tân Ty 2001, chúng tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn đến quý độc giả bốn phương đã nhiệt tình ủng hộ tờ báo Viên Giác trong suốt thời gian hơn 20 năm qua, cũng như đã dành nhiều thì giờ quý báu để góp ý cải tiến tờ báo ngày càng thêm có giá trị trên văn đàn hải ngoại.

Chúng tôi cũng xin thành kính ghi ơn những văn thi hữu và cộng sự viên đã tích cực đóng góp bài vở thường xuyên cho báo Viên Giác. Nhờ đó nội dung của tờ báo trở nên phong phú và đa diện hơn.

Tuy nhiên, theo yêu cầu của đa số độc giả, kể từ số báo tới chúng tôi sẽ in chữ lớn hơn. Để có thể đăng tải nhiều bài đóng góp, chúng tôi đề nghị quý văn hữu, bài viết tối đa là 4 trang đánh máy. Bài nào dài quá quy định, chúng tôi sẽ tùy nghi đăng nhiều kỳ- điều mà chúng tôi không muốn, vì báo Viên Giác định kỳ hai tháng một lần. Mong quý vị hoan hỷ.

Ngoài ra chúng tôi cũng xin được nhắc lại:

- Bài viết bằng máy vi tính, ngoài bản in xin quý vị gửi thêm cho chúng tôi một Diskette viết dưới dạng chữ VPS hay VNI là tốt nhất.

- Bài viết có thể gửi bằng vi thư theo các địa chỉ
E-Mail: baovg@t-online.de hay phuvan@t-online.de

- bài viết đã gửi cho báo Viên Giác thì xin đừng gửi cho báo khác ở Âu Châu hay ngược lại.

Kính chúc quý vị văn thi hữu, cộng sự viên và độc giả báo Viên Giác và bửu quyến luôn thân tâm thường an lạc, vạn sự cát tường, sở cầu như nguyện.

• Viên Giác

TÌM THÂN NHÂN

• Tìm Chồng & Cha:

Vợ là: **Võ-Thị Kim-Sa** và các con là: Nguyễn-Thị Kim-Thoa - Nguyễn-Thị Kim-Diệu - Nguyễn-Thị Kim-Luyến (đã chết) và Nguyễn-Quốc-Hưng, tìm chồng và cha là Ông **Nguyễn Văn Bồn**, đã mất tích tại Bình Dương.

Đón vị sau cùng của Ông Nguyễn Văn Bồn là Sư Đoàn 18 Bộ Binh, Trung Đoàn 43, Tiểu Đoàn 1, đã mất tích ngày 18.6.1974 tại Bình Dương, xã An Thạnh, trong khi giao chiến với Cộng quân và bị chúng bắt đi theo. Có được trao trả tù binh ? và hiện giờ ở đâu ?

Khi nhận được tin này Anh hãy liên lạc với vợ là Võ-Thị Kim-Sa; hiện Em và các con hiện đang sống tại đất Pháp tại địa chỉ :

**Nguyễn-Võ Marie Jeanne. 29 Route de Givry
71.100 St. Rémy - FRANCE**

Vậy, các Ông Bà, Cô Bác ai biết chồng tôi là ông Nguyễn Văn Bồn ở đâu xin vui lòng liên lạc địa chỉ trên, xin vạ tạ với tấm lòng thành của mẹ con tôi.

• Tìm thân nhân :

Tìm em là: **HỒ MINH CHÍ (Y N)**, tháng 6 năm 1991 ở Salzgitter, nay ở đâu, liên lạc về Vũ Tiến Tel: 04281-80851 hoặc ai biết nhắn giùm xin cảm ơn.

• Nhắn tin :

Anh **Nguyễn Phước Hòa**, quê ở Di An, vượt biên năm 1980 được tàu Cap Anamur vớt. Địa chỉ cuối cùng là: Im Heisen Rath 16 - Frankfurt 71. Hiện nay ở đâu, xin liên lạc về Nguyễn Huỳnh Long là bạn học cũ

ĐT: 04161 - 71 43 68

• Tìm bạn :

Tôi tên là Dương Văn Hà ở Calgary, Alberta - Canada. Tìm bạn thân là **Trần Thanh Huy** và vợ chồng Bác sĩ **Trần Văn Sơn**, vợ là **Khương Thị Xuyên**. Vượt biên năm 1987 được tàu Tây Đức vớt. Nay ở đâu xin liên lạc với ông Dương Văn Hà, số điện thoại (403)- 235-2104.

• Tìm bạn :

Tìm bạn **Đỗ Văn Thêm**, khoảng 50 tuổi. Trước 1975 làm việc ở Sở Thuế Vụ Sài Gòn. Vượt biên đến Tây Đức 1981. Thời gian 85-86 cư ngụ tại Köln. Địa chỉ sau cùng là: Halmen Str.9 - 512 - 5030 Hürth-Efferen. Nay ở đâu xin liên lạc với bạn là Lê Cao Bằng

656 Fowda Cowrt S.E . Calgary,
Alberta T2A 6G4 - .CANADA.

Điện thoại (403) 2350 719.

Email. Bangcaole@hotmail.com

• Tìm thân nhân

1/ Bà **Mai Thị Thiên-Hương** muốn tìm **Chị Năm Hựu**, trước có xưởng của tại Pleiku, có con trai du học tại Tây Đức. Nay ở đâu xin liên lạc qua số : ĐT: 05147 - 91161

2/ **Nguyễn Thanh Huyền** tìm bạn là **Nguyễn Hiếu Thảo** trước cùng học tại Trường Marie-Curie Sài Gòn, có chị là Nguyễn Hiếu Dung ở tại Pháp. Nay ở đâu, xin liên lạc qua số ĐT: 05147 - 91161. Rất mong tin.

• Tìm bạn

Tốt nghiệp Đại Học - Kỹ Sư Kỹ Thuật. Hiện chưa tìm được việc làm. Ai cùng hoàn cảnh - Kỹ Sư Động Lực. Xin liên lạc theo địa chỉ:

Nguyễn Ba Lý, Landsberger Allee 177/0203. 10369 Berlin.

CHÚC MỪNG

*Được hồng thiệp của Ông Bà Trần Văn Tài - Nguyễn
Huỳnh Mai báo tin làm lễ Thành Hôn cho*

Cậu Trần Phú Thịnh

kết hôn cùng

Cô Nguyễn Hữu Thu-Uyển

*Hôn lễ sẽ cử hành tại tư gia, Thành phố Huntington
Beach, California, vào ngày 6 tháng 1 năm 2001.*

*Xin góp vui cùng hai họ và thân chúc **Phú-Thịnh &
Thu-Uyển** trọn đời hạnh phúc.*

- Ông Bà VŨ-KÝ

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Chúng tôi đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc gần xa, Thân Mẫu, Nhạc Mẫu, Bà Nội, Bà Ngoại chúng tôi là :

CỤ BÀ NGUYỄN DẦN

NHŨ DANH LÝ NGUYỆT-THƯỜNG

Pháp danh Diệu Đạo

đã từ trần ngày 29.01.2001 nhằm ngày 06 tháng Giêng năm Tân Ty tại Bonn, Đức Quốc. Thượng thọ 87 tuổi.

Tang lễ đã được cử hành ngày 03.02.2001 tại Bonn.

Chúng con thành kính tri ân:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện Chủ Chùa Viên Giác Hannover,

- Thượng Tọa Thích Thiện Khuê cùng toàn thể Chư Tăng Chùa Đại Giác (Việt Nam),

- Đại Đức Thích Hạnh Bảo, Chùa Viên Giác Hannover, đã chủ trì nghi thức tang lễ cho Mẹ và Bà của chúng con.

Chúng tôi cũng xin chân thành cảm tạ tất cả thân bằng quyến thuộc, bạn bè thân hữu đã đến thăm viếng, cầu siêu, phúng điếu, điện thoại, gửi thư chia buồn và đưa tiễn Mẹ và Bà chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối không tránh khỏi nhiều điều sơ suất kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng cảm tạ

- Thụ Nam: Nguyễn Luân, vợ và các con (Canada)

- " Nguyễn Kiên, vợ và các con

- Trưởng Nữ: Nguyễn Mộng-Thanh, chồng và các con (Canada)

- Thụ Nữ: Nguyễn Mộng-Quyên, chồng và các con

- " Nguyễn Mộng-Lê, chồng và các con

- " Nguyễn Thị Mộng-Hằng, chồng và các con (Canada)

- Dâu Trưởng: Nguyễn Thị Như-Hoa (Canada)

- Đích Tôn: Nguyễn Vũ (Canada)



Gia Chánh CHAY

HỦ TIẾU BÒ KHO CHAY

Vật liệu :

- 300g hủ tiếu dai.
- 200g nấm rơm búp.
- 3 miếng đậu hủ chiên.
- 2 củ cà rốt.
- đậu ăn.
- poireau.
- chanh, ớt.
- 1 gói nhỏ bột cà ry.
- vài lá thơm. - giá, lá quế, ngò gai. - tiêu, muối, nước tương, đường, bột ngọt. - 1/2 kg củ Kohlrabi + 200 g cà rốt xắt sợi nấu lấy 1 lít rưỡi nước lèo

Cách làm :

I.- Giai đoạn một : chuẩn bị.

- 1) Hủ tiếu : trụng nước sôi, để ráo nước.
- 2) Nấm rơm : gọt rửa sạch với nước có pha chút muối, nấm to chẻ đôi.
- 3) Đậu hủ chiên : xắt miếng vuông cạnh độ 2cm đến 3cm.
- 4) Cà rốt : gọt vỏ, rửa sạch, cắt khúc dài độ 4cm, chẻ làm tư, khúc nhỏ chẻ đôi hoặc tỉa hoa lá tùy thích.
- 5) Poireau : xắt mỏng, băm nhỏ.

II.- Giai đoạn hai : cách nấu.

- 1) Bắc chảo dầu sôi, cho Poireau băm nhỏ vào, cho thơm, kể cho : nấm rơm + đậu hủ chiên + cà rốt + bột cà ry + lá thơm vào xào độ 10 phút, nêm vừa ăn, nhắc xuống.
- 2) Cho nước lèo vào soong, bắc lên bếp nấu sôi, nêm chút muối + tiêu + đường + bột ngọt + nước tương cho vừa ăn, trút hỗn hợp đã xào vào, nấu cho chín (có thể cho thêm 2 muỗng súp nước màu hạt điều đỏ đã phi chút dầu + Poireau băm nhỏ cho nước nấu có màu tùy thích) để lên bếp cho nóng.

III.- Giai đoạn ba : cách dùng.

Cho hủ tiếu ra tô, cho giá lên, múc hỗn hợp nước lèo đang nóng tưới lên.

Dùng nóng với lá quế + ngò gai + nước tương + chanh ớt.

Số vật liệu trên sửa soạn cho 5 người ăn.

VỀ HỘI THƯỞNG XUÂN

Cánh én truyền tin mở hội Xuân
Xiêm y diễm ảo thoảng như gần
Đã mừng bắt gặp duyên bèo nước
Còn lắng cung huyền thoảng gió ngân

Đây sắc Xuân hồng, Xuân mãn khai
Nắng Xuân nồng đượm má hồng ai
Có nghe hoa cỏ bùng hương đón ?
Lối hẹn thềm Xuân động gót hài

Phải chốn đào nguyên lạc lối về ?
Dấu tiên hoa rắc dẫy sơn Khê
Chao ôi buổi ấy Xuân tràn mộng
Hỏi khách cung nga có lỗi thề ?

Đào vẫn đào tơ, vẫn dáng tân
Ngàn mây dịu bước bóng giai nhân
Xin dâng nghiên ngọc, xin trao bút
Để bút nghiên vào hội thưởng Xuân...

● Vân Nương



THƠ NGUYỄN VĂN CƯỜNG

Thực chứng

Nụ cười Mãn Giác nở hoa mai
Sân trước thiền môn ngộ ý ngài
Thấm lẽ đời am tường nghĩa đạo
Có không không có xuân tái lai.

Hồn vào thiên thu

Mai ngày xanh lại yêu thương
Lên non tôi lót mùi hương làm giường
Ngủ trong tiếng rót suối nguồn
Với trời mây biếc trắng buông dạt dào
Nửa rồi thân đắp muôn sao
Hoa rơi liệm xác hồn vào thiên thu.

PL.2544, ngày 17 tháng 12 năm 2000
Số: 28/BTTXH

Kính gửi: Thượng Tọa Thích Như Điển
Tổng Thư Ký GHPGVNTNHN - Âu Châu
Chùa Viên Giác - Đức Quốc

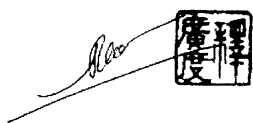
Thưa Thượng Tọa,
Thừa lệnh Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo và thay mặt Ban Từ Thiện Xã Hội Viện Hóa Đạo hiện đang đảm trách việc cứu trợ đồng bào lâm nạn lũ lụt tại đồng bằng sông Cửu Long, xin chân thành cảm ơn Thượng Tọa cùng đồng bào Phật Tử ở Đức đã yểm trợ số tiền **10.000 Đức Mã** (Mười Ngàn Đức Mã) nhờ đó Giáo Hội ở quê nhà có thêm phương tiện để thực hiện công tác cứu trợ cấp thiết cho đồng bào lâm nạn.

Trong hoàn cảnh thống khổ của đồng bào ở vùng lũ lụt hiện nay, số tiền **10.000 Đức Mã** mà Thượng Tọa đã dành cho là món quà vừa vô giá vừa hiệu quả cho chúng tôi trong công việc cứu trợ. Số tiền này đã đến từ những tấm lòng nhân hậu, tuy sống xa quê hương nhưng vẫn gần gũi đồng bào ruột thịt đang lâm cảnh màn trời chiếu nước, đói rét ngày đêm. Thay mặt gia đình của những đồng bào lâm nạn, chúng tôi chân thành cảm ơn Thượng Tọa cùng toàn thể Phật Tử đã ủng hộ tinh tài để cứu trợ lũ lụt.

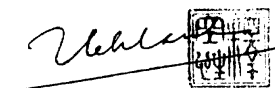
Nguyện cầu Thượng Tọa cùng toàn thể Phật Tử thân tâm an lạc, quả lành viên mãn. Thành thật cảm tạ công đức vô biên của Thượng Tọa.

Chứng minh
Viện Trưởng VHD

Kính thư
TM. Ban Từ Thiện Xã Hội VHD



Sa môn Thích Quảng Độ



Tỳ Khưu Thích Không Tánh
(Trưởng Ban)

KHOẢNG TRỜI ẤY VẪN MÀU XANH

● Như Giác

Nghe dân ca Nam Bộ, người ta dễ dàng hình dung được những cánh đồng xanh bao la bát ngát, ruộng cò bay thẳng cánh, cây ngon trái ngọt; những câu hò trên sông nước, tiếng mẹ ru con ơi à. Những hình tượng ấy đã tạo nên bản sắc độc đáo của đồng bào miền Tây. Thế nhưng sự trù phú đó không phải là một định luật cố định, cho nên sau cơn lũ lụt lịch sử vừa rồi, khi đến thăm đồng bào huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp, một trong những vùng lũ lụt sâu xa nhất, tôi vẫn còn thấy ...



Xóm làng tiêu điều sau hơn hai tháng chìm trong nước lũ. Con đường vào làng gồ ghề lởm chởm những hố sâu chưa được san lấp. Máy chủ "Honda ôm" rất ngại chở khách vào con đường này. So sánh với những ngôi nhà ngoài thị trấn, nhà ở đây quá đơn giản, mỏng manh với vật liệu cây tre và lá. Tôi nghĩ chỉ cần ông Thần Gió thổi mạnh một chút là cả xóm làng trở thành bình địa! Nhưng ở đây không có ông Thần Gió mà chỉ có Bà Thủy từ từ dâng lên thật cao rồi từ từ rút xuống. Có thể thôi mà hàng trăm căn nhà ngã nghiêng sụp đổ theo dòng nước đục.

Hiện giờ đồng bào ở An Giang và Đồng Tháp, là hai tỉnh bị thiệt hại nặng nề nhất vì lụt lội, đang có hàng ngàn người sống âm thầm chịu đựng những bất hạnh của mình. Bởi vì miền Tây có phước báo của miền Tây, người ta không khổ vì đói mà khổ vì không có nhà ở, không có quần áo mặc, khổ vì ốm đau bệnh tật. Dọc theo bờ sông và con kênh ở khu 3 xã Phú Thọ, tôi thấy có rất nhiều gia đình đang ở trong những chiếc lều được căng bằng tấm bạt hoặc ni-lông, vì đã mấy tháng qua họ chưa đủ sức dựng lại được căn nhà của họ. Họ sống như những dân du mục, có những đứa bé khoảng 10-12 tuổi đã tự giăng câu, đặt lờ. Ở địa phương này có một số dân tú xứ đến nơi đây lập nghiệp, không hộ khẩu, họ dựng một mái nhà tranh bên bờ kênh lộng gió, đông con cái thì dựng nhà rộng hơn một chút. "Trời sinh trời dưỡng", vào mùa nước nổi, khi nước ngập, ngoài ruộng có cá có tôm để ăn, nước rút thì làm ruộng thuê lấy công. Có dư chút ít thì sửa sang nhà cửa, thiếu thốn thì mượn nợ, đến mùa làm ruộng trả nợ cho người. Cuộc sống

củ êm ả ngày qua ngày, nếu những năm gần đây không xảy ra thiên tai nạn lụt thì không có gì để nói.

Trong lần thăm viếng này, ngoài việc phát 200 phần quà cho đồng bào nghèo, chúng tôi còn tặng 500 phần quà cho học sinh. Sau cơn lũ dữ, mọi người phải đối mặt với bao việc mưu sinh: Nào phải lo cơm ăn áo mặc, nào lo tái thiết nhà cửa, nào phải lo đắp lại con đê bờ rẫy, làm sạch ruộng đồng để chuẩn bị xuống giống v.v... Cuộc sống hầu như phải làm lại từ đầu với bao nỗi nhọc nhằn đè nặng trên vai, thì còn sức đâu mà lo cho con em đến trường. Năm nay nếu nhà trường không miễn học phí, học trò sẽ nghỉ học; đời sống giáo viên vì thế cũng bị ảnh hưởng. Mặt khác, cuộc sống "du canh du cư" của những gia đình nghèo rất bất lợi cho con trẻ. Mỗi khi đến mùa ruộng, nhận canh tác ở nơi nào thì gia đình phải "du cư" đến nơi đó ! Đến thăm một Trường Cấp I trên bờ đê, chúng tôi phát tặng mỗi em 5 quyển tập, quà bánh, 15.000đ. Tôi hỏi một em học sinh 11 tuổi đang học lớp ba, sẽ làm gì với số tiền này. Em thưa: "Con mua quần áo và sách vở". Nhìn chiếc áo rách bươm trên người em, tôi hỏi em có bao nhiêu bộ quần áo. Em thưa: "Con có hai bộ, một bộ rách và một bộ lành". Đứa em gái 8 tuổi lớp bên có ba bộ cũ. Mười lăm ngàn đồng VN - tức khoảng hơn 2 Đúc Mã- đối với các em thật là lớn. Trông thấy mái tóc vàng hoe, nước da đen đũi vì nắng của các em, không ai không xúc động, tuổi thơ ở đây đã sớm chịu nhiều lam lũ !

Đi đến những vùng sông nước này phải trải qua biết bao là cầu. Cầu lớn, cầu nhỏ cho đến cầu khỉ. Tôi đang đứng trước một cầu khỉ dài 26m5. Cây cầu này được dựng bằng tràm và tre, người ta dựng năm đoạn bắt chéo hình chữ X và gác lên một cây tre nổi dài để đi lại. Hàng năm dân làng tốn



Cây cầu khỉ dài 26,50 m, dự định sửa bằng gỗ cặm xe, dự đoán 15 triệu \$ VN

rất nhiều công sức để sửa chữa cây cầu khỉ này, vì đây là con đường chính nối liền từ các thôn ra chợ và trường học nên có rất nhiều người sử dụng. Có biết bao cây cầu như thế mà đã nhiều năm qua dân làng chưa làm được !

Cho nên trong lần ủy lạo lần thứ tư này, được sự giúp đỡ của Kiều bào, Phật Tử Việt Nam tại Đức

quốc, ngoài việc phát chẩn cho đồng bào và tặng quà cho học sinh, chúng tôi đang chuẩn bị thực hiện một số công việc khác như tái thiết nhà cửa, xây dựng cầu đường cho đồng bào vùng lũ. Tài vật, tặng vật gửi về được san sẻ khắp nơi, "của tuy tởn nhưng so nghìn trùng". Bão tố, phong ba, nước lũ có cuốn trôi tất cả, nhưng vẫn luôn luôn còn đó

những tấm lòng, để cho khoảng trời ấy vẫn màu xanh, mãi mãi là như thế.



Nhà sụp chưa được sửa

Nhà sụp chưa được sửa.

Mục thư tín cho chương trình xe lăn của Ban Từ Thiện chùa Linh Thủ Đức Berlin

Được sự đón nhận nhiệt tình của các độc giả báo Viên Giác sau khi Chương Trình Xe Lăn lần đầu ra mắt trong số báo 120 Xuân Tân Ty. Những tình cảm của độc giả qua bài báo đã gây xúc động cho những người làm việc tích cực trong chương trình này.

Không xúc động sao được, khi ngày nào cũng nhận nhiều điện thoại cùng thư từ ở khắp nơi gửi đến tặng xe và khen ngợi. Đến giờ Chương Trình Xe Lăn đã nhận thêm được 30 (123) chiếc xe, có người vừa tặng xe vừa tặng 200 Đúc Mã cho vợ chồng anh chị Hai trong bài Ước Mơ và 100 Đúc Mã cho bé Phạm Thị Hoài ở Yên Bái...

NAM MÔ CÔNG ĐỨC LÂM BỒ TÁT MA HA TÁT

Tiếng khen rồi cũng theo gió thoảng trôi đi, có còn lại chăng là một số công việc bề bộn dành riêng cho Thiện Giới phải giải quyết. Chẳng hạn trên giấy chuyển tiền cho Ban Từ Thiện, nhiều người viết tên họ và địa chỉ không rõ. Tại sao cần tên họ và địa phương ở ? Vì những chi tiết này sẽ được khắc vào thành xe để người nhận xe lúc nào cũng nhớ món quà kỷ niệm của người ở phương xa và thực tế hơn là tránh trường hợp túng tiền đem xe đi bán.

Khi chuyển tiền tặng xe lăn đến chùa Linh Thủ Đức, xin các nhà hảo tâm đừng quên ghi hai chữ Xe Lăn. Hai chữ Xe Lăn rất quan trọng, để phân biệt với những chương trình khác của chùa Linh Thủ Đức như: thiên tai cứu lụt, nỗi cháo tình thương, cúng đường Tam Bảo...

Ngoài ra, quý vị sau khi chuyển tiền nên viết thư cho Ban Từ Thiện biết địa chỉ để gửi hình ảnh và thư cảm ơn, hay có nhu cầu xin giấy khai thuế nên nói rõ.

Được sự chấp nhận của Ni Sư Trụ Trì chùa Linh Thúu nên Ban Từ Thiện của chúng tôi đã hăng hái hơn lên và trước khi đi vào mục trả lời thư tín, Thiện Giới xin được tri ân 3 người đã đóng góp rất nhiều và Chương Trình Xe Lăn ngay từ bước đầu là: anh Văn Long, chị Thiện Châu và Sư Cô Như Giác.

• **Anh Văn Long** là người đã sáng lập ra Chương Trình Xe Lăn khoảng đầu năm 2000, nhờ bài kêu gọi bằng tiếng Đức và Việt của anh trên Internet cùng các hình ảnh cụ thể đã được các bạn bè cũ ở các nơi trên thế giới ủng hộ. Ngày anh nhận việc làm mới ở München đã chia một phần tháng lương đầu tặng 10 chiếc xe. Anh là cựu học sinh Trường Petrus Ký. Anh có nhiều sáng kiến rất hay, chẳng hạn kêu gọi các bậc cha mẹ đến ngày sinh nhật của con thay vì tặng đồ chơi dư thừa vô ích, tặng xe lăn cho một em bé đồng tuổi bất hạnh ở quê nhà. Đó là cách giáo dục con cái hay nhất, tạo cho đứa bé một lòng nhân biết chia sẻ với những nỗi khốn khổ của người khác. Ngoài ra, anh chị Ngọc Giao ở Mannheim cũng ủng hộ Chương Trình Xe Lăn bằng cách đi vận động trong Hội Đoàn Công Giáo. Kết quả đầu tiên là dòng St. Sebastian của Cha Schwoerer quyên được 33 chiếc xe gửi về Việt Nam.

• **Chị Thiện Châu** hoạt động và ủng hộ rất tích cực cho Chương Trình Xe Lăn. Chị là thành viên lâu năm trong Đảng Dân Chủ Xã Hội Đức (SPD). Từ nhiều năm nay chị lo những công tác từ thiện xã hội cho Việt Nam. Do sự vận động của chị Hội Phụ Nữ Quốc Tế đã tặng 17 xe, Hội Eine Welt Projekte e.V. của SPD tặng 10 xe, trong tương lai họ hứa sẽ giúp nhiều hơn nữa.

• **Sư Cô Như Giác** đã trèo đèo vượt suối mang hàng trăm chiếc xe lăn đi từ Yên Bái đến Mũi Cà Mau phân phát cho người bất hạnh, miệng lúc nào cũng nở nụ cười. Cô lại viết văn rất hay. Những lời văn đơn giản nhưng chứa đầy tình thương của Cô (*Úớc Mơ, Quê Hương Là Gì Nhỉ ?*) đã làm xúc động người đọc thật nhiều.

Điều Thiện Giới muốn ghi ra đây không phải là số lượng xe đạt được nhiều để đánh giá, mà muốn nói lên cái tấm lòng và sự làm việc của họ đã đánh thức được những thành phần từ xưa đến nay hoặc lãng quên hoặc chỉ đứng bên lề cuộc đời. Giờ đây họ cùng góp sức với nhau để xoa dịu phần nào nỗi khổ của đồng bào ruột thịt bên nhà.

Để chấm dứt cho những dòng ghi vội về Chương trình Xe Lăn, Thiện Giới xin đưa bài thơ **Đồng Cảm Từ Những Chiếc Xe Lăn** của anh Nguyễn Quang Trung ở Sài Gòn. Anh Trung là người bạn thân nhất của Văn Long, đã được gửi gắm theo Sư Cô Như Giác xuống Tiền Giang phát xe và cảm khái làm thơ nhưng nhất định không chịu đặt đề tựa, Sư Cô Như Giác phải đề tựa dùm.

ĐỒNG CẢM TỪ NHỮNG CHIẾC XE LĂN NHỮNG CHIẾC XE LĂN ĐONG ĐẦY TÌNH NGHĨA

*Của những người yêu dân tộc quê hương
Nơi xứ xa luôn dõi nhỏ về nguồn
Đồng bào Việt vẫn còn nhiều cố cực*

*Công đức ấy với phần nào nghiệp chướng
Cỏ trời bầy kiếp vay trả trả vay
Xe luân hồi vẫn lặng lẽ vẫn xoay
Thuyết nhân quả hãy tìm đường cứu khổ
Đáng cao cả đáng tử bi hi xả
Xin độ trì bao người Việt tha hương
Lòng tử tâm giác ngộ một con đường
Xoa dịu nỗi tai ương nơi trần tục
Con đường ấy chói hào quang rực rỡ
Chân chổ gò nào cất bước sánh vai*

.....

Chúng ta nguyện cùng đi làm Phật sự

• NGUYỄN QUANG TRUNG

Mọi hình ảnh và bài viết về Chương Trình Xe Lăn xin đọc trong địa chỉ <http://photos.yahoo.com/xelanvn>.

Thư từ liên lạc về Chùa Linh Thúu, Pinneberger Weg 14 - 13581 Berlin - GERMANY. Tel: 030 - 367 112 87 / 88 hoặc luong@web.de.

Konto chuyển tiền cho Chương Trình Xe Lăn:

Buddh. Vietn. Gemeinde Berlin e.V.

Deutsche Bank 24 - BLZ: 100 700 24 - Konto-Nr. 7504707

Ban Từ Thiện chùa Linh Thúu đã nhận được tiền của các nhà hảo tâm tặng Xe Lăn:

Hồng Tín (Hamburg) 200DM. Lê Thị Hồng (Pliezhausen) 200DM. Trần Tý (Berlin) 200DM. Võ Thị Mộng Hoa (Bad Soden) 500DM. Irmgard Heller (Berlin) 200DM. Ngô Văn Thuận & Hồng 200DM. Trần Kiệt (Hamburg) 200DM. Bạn đạo Thiên đường Vô Vi (Giessen) 800DM. Nguyễn Quốc Thông (Bonn) 200DM. Dr. Trần Quang Ngọc (Stuttgart) 200DM. Đặng Phúc Tiến & Tú Oanh (Bayreuth) 200DM. Liêu Quý Bá (Braunschweig) 200DM. Dr. Benz (Berlin) 200DM. Phạm Quốc Phong & Kiều Nga (Frankfurt) 200DM. Phạm Quốc Phương (Eutin-Kiel) 200DM. Phạm Quốc Phú (M'Gladbach) 200DM. Phạm Thu Hồng & Cường (Ausburg) 200DM. Phạm Ngọc Hạnh (Darlington/Anh Quốc) 200DM. Sophie Delaunay (Paris) 200DM. Anne Véronique Delaunay (Nantes) 200DM. Marie Sara Delaunay (Nantes) 200DM. Thiện Châu (Berlin) 200DM. Lan Serena Nonnemann (Berlin) 200DM. Vũ Thị Huệ & Trường & Thiện Chính 200DM. Lê Hồng Nhiều (Berlin) 200DM. Anh Thu & Hoàng Kim (Bern/Suisse) 200DM. Cù Nguyễn Thị Nhân (Berlin) 200DM.

● Thiện Giới

Ngày Hội Xuân tại Reutlingen

• Thiện Hậu

Hàng năm, mỗi lần Tết đến, Chi Hội PTVNTN Reutlingen & VPC đều có tổ chức Ngày Hội Xuân để bà con Phật tử trong địa phương và các vùng phụ cận đến Lễ Phật đầu năm và để có cơ hội gặp gỡ bạn bè thân quyến hàn huyên, tâm sự, chúc mừng nhau Năm Mới.

Năm nay, Chi Hội tổ chức Ngày Hội Xuân vào mùng bốn Tết Tân Tỵ, nhằm ngày thứ bảy 27.01.2001, tại sảnh đường nhà thờ St Andreas- Reutlingen, với số người tham dự trên 250. Ngoài đồng bào Phật tử trong địa phương, còn có đại diện của Hội PTVNTN, các Chi Hội Karlsruhe, Stuttgart và một số khá đông khuôn mặt mới đến từ Gersthofen, Ulm.

Nehren, Filderstadt, Stuttgart, Erligheim, Hechingen, Wangen v.v...

Chương trình gồm có: Lễ Phật Cầu An, Cầu Siêu, Cúng Sao Giải Hạn, tiệc trà và Văn nghệ Mừng Xuân.

Đúng 10 giờ 30, ĐH Thiện Thanh điều hành chương trình, bắt đầu chào Quốc Kỳ, Phật Giáo Kỳ, một phút mặc niệm. Tiếp đến, bác Chi Hội Trưởng đọc thư Chúc Tết của Thượng Tọa, Viện Chủ chùa Viên Giác, nguyên văn như sau:

Kính gởi Đạo Hữu Chi Hội Trưởng và quý đồng hương Phật tử tại Reutlingen cũng như các vùng phụ cận.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa quý Vị,

Ngày Xuân là ngày trọng đại của mọi người và mọi dân tộc trên thế giới. Vì đây là ngày kỷ niệm một sự đổi thay của lịch sử và con người.

Dân tộc ta và Đạo Pháp Việt đã gắn liền nhau với mấy ngàn năm văn hiến, như tình sông nghĩa biển của bao nổi thăng trầm qua năm tháng. Do vậy, để đón Chúa Xuân về, chúng ta nên hưởng về quê hương để cùng chia sẻ với Giáo Hội và đồng bào những khó khăn, khổ đau cũng như những hoài bão; để từ đó có cơ hội vươn lên và làm sáng tỏ cho đời.

Năm nay Tết đến Xuân về; nhưng tôi lại bận tại trụ xứ Hannover; nên không về tham dự Tết cùng bà con Phật tử được, có chút hương lòng đốt lên dâng Tam Bảo và có một chút quà Xuân, Lộc Phật gởi đến quý vị. Cầu chúc gia quyến của quý vị được vạn sự hanh thông, kiết tường như ý.

Kính nguyện

Thích Như Điển (ấn ký)

Bà con đã vỗ tay nồng nhiệt đón nhận những lời chúc mừng đầy tình Đạo và tình Đời của Thầy, đã nói lên lòng ưu ái của Thầy luôn luôn nghĩ đến những người con Phật sống xa tổ ấm Chùa Viên Giác trong những ngày đầu Xuân.

Bác Chi Hội Trưởng cũng có đôi lời chúc Tết các Đạo Hữu Phật Tử cùng bảo quyến và tường trình Phật sự đang thực hiện. Trọng tâm là việc kiến tạo Niệm Phật Đường TAM B O mà đến nay đã có 93 Phật tử cùng dường định kỳ với số tịnh tài là 1.530 Đức Mã. Về việc đóng góp cúng dường, trong lúc Ban Hộ Trì Tam Bảo đang làm các thủ tục cần thiết để xin hợp thức hóa và mở một Konto tại ngân hàng, với tư cách Phó Ngoại Vụ đặc trách Hành Chánh tổng quát, bác Chi Hội Trưởng đề nghị những Phật tử đã phát tâm cúng dường bằng cách chuyển ngân thì, trong ba tháng 1, 2 và 3 đầu năm 2001, xin gởi tiền mặt đến địa chỉ của bác, để khi ký hợp đồng mượn nhà, bác có sẵn tịnh tài để trả tiền mượn và mua sắm một ít vật dụng cần thiết cho Niệm Phật Đường. Đề nghị của bác được bà con tán đồng nên đã có một số xin đóng góp liền tại chỗ. Còn về việc tìm kiếm địa điểm đủ các tiêu chuẩn cần thiết thì bác CHT cho biết, đã được ông chủ nhà, người Việt, căn nhà số 1-3 đường Oferdinger - Reutlingen thuận cho mượn tầng lầu thứ nhất, đủ tiện nghi để lập NPĐ. Hiện ông đang sửa sang lại hệ thống lò sưởi nên còn đợi một thời gian ngắn. Nếu không gặp trở ngại thì hy vọng trong vòng tháng 3.2001 có thể ký hợp đồng được. Xin thành tâm cầu nguyện Hồng Ân Tam Bảo hộ trì cho chúng con sớm có một Ngôi Già Lam nhỏ tại địa phương.

Đồng thời, bác CHT vận động bà con hưởng ứng lời kêu gọi của Hòa Thượng, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, phát tâm cứu trợ đồng bào nạn nhân lũ lụt vừa qua tại vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, trên tinh thần "lá lành đùm lá rách". Nhà thơ Đan Hà đọc thư chúc Tết của Ngài, Ngài còn cho biết những khó khăn lúc Ngài và phái đoàn của Giáo Hội đi cứu trợ. ĐH Thái Tâm trao tặng 20 băng cassette với nội dung tương tự.

Trong các Phật sự năm 2001, bác CHT cho biết, vào tháng 11 sắp đến, trong dịp khóa tu Bát Quan Trai Giới, Chi Hội sẽ bầu lại Ban Chấp Hành cho nhiệm kỳ 2002-2004. Bác kêu gọi bà con nên sốt sắng hưởng ứng tham gia vào Ban Chấp Hành mới để cùng chung lo cho Giáo Hội tại địa phương ngày càng phát triển tốt đẹp thêm.

Tết năm nay, chánh điện được trang trí rất trang nghiêm và đẹp mắt. Ngoài bàn thờ với tôn tượng Đấng Thế Tôn có ánh đèn hào quang rực sáng, với tôn tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, còn có bàn thờ Đức Phật Dược Sư để Cầu An Giải Hạn, tràn ngập những lọ hoa đầy màu sắc tươi đẹp, những đĩa trái cây, bánh mứt đủ loại của một số Phật tử dâng cúng, như bà Hoàng, bà Dung, bà Nhung, bà Mỹ, bà Lê, bà Thục Hiền, bà Chim Hiền, bà Anh, bà Thúy Nguyệt, bà Thanh, bà Xinh, bác Huy, ông Định, gia đình họ Vũ, cô Minh Ngọc v.v..

Đúng 11 giờ, bác CHT dâng hương lễ Phật, với sự phụ giúp chuông mõ của hai ĐH Thiện Ngộ và Thiện Mỹ. Chánh điện trở nên trang nghiêm khi hàng trăm người đồng chí tâm tụng niệm theo nhịp chuông, tiếng mõ, để khai kinh Cầu An đầu năm. Sau lễ Cầu An, Cầu Siêu, bác CHT dâng lễ Cúng Sao Giải Hạn, với gần 30 Phật tử, đại diện cho gia đình mình, quỳ sau lưng bác để cầu xin giải kiết.

Khi các lễ Phật chấm dứt, bác CHT cùng với một số ĐH phát 200 bao lì-xì của Thầy Viên Giác. Mọi người đều hân hoan vui mừng được Lộc Phật đầu năm mà bác CHT đặt tên là "Lộc Tịnh Tâm" và theo sự giải thích của bác, đầu năm tâm được thanh tịnh thì suốt cả năm được an lành, hạnh phúc, như ý nghĩa hai câu đối do bác tự biên, tự viết, treo hai bên bàn thờ Đấng Thế Tôn: Nếu diệt trừ được Tham Sân Si và giữ được Thân Hòa, Khẩu Hòa, Ý Hòa, Lợi Hòa, Giới Hòa, Kiến Hòa, thì Tâm được thanh tịnh, không còn vọng tưởng.

Vui tết chí tâm trừ tam độc Mừng xuân phát nguyện giữ lục hòa

Tiếp đến là tiệc trà thân mật với những món ăn đầy hương vị quê hương, như bún bò, bánh tét, bánh chưng, bánh su sê, bánh ít, bánh da lợn, bánh bò, sữa đậu nành... do Ban Trai Soạn phụ trách với sự chung góp thực phẩm của một số Phật tử, như giá sống của bà Phần, tàu hủ của cô Chúc Nga, xôi của bà Ngọc Anh, chè của bà Ngọc Dung, sữa đậu nành, bánh tiêu, giò cháo quẩy của bác Huy, giò cháo quẩy của bà Phương Phi... Vui nhộn nhất là cuộc Xổ Số Tombola do bác CHT điều khiển, với sự phụ giúp của bà Ngọc Dung, chú Hòa và 3 em bé. Đa số các giải trúng đều do các Phật tử ủng hộ, như giải độc đắc, giải bốn lá của bà Lê, giải ba của bà Huệ, giải năm của bà Dung, các giải an ủi của cô Phương, cô Ngọc. Sóng động nhất là khi bán đấu giá giải độc đắc, một nồi điện nấu cơm. Giải này do anh Duy Nam

cúng lại cho Chi Hội sau khi anh được may mắn trúng. Anh Duy Nam là người phụ trách chương trình Karaoke với những máy móc nhạc cụ tinh xảo, những bản nhạc được chọn lọc và ưa thích nhất.

Các Phật tử đã tranh nhau mua, nhất là chị em Ngọc Anh và Ngọc Dung. Nhưng cuối cùng bà Ngọc Dung được với giá 150 Đức Mã; trong lúc giá thị trường chưa đến 100 DM. Số tiền 150 DM được thêm vào thùng Cứu Trợ Lũ Lụt Miền Tây

Chương trình Karaoke bắt đầu từ lúc 4 giờ chiều và kéo dài đến 10 giờ đêm trong một bầu không khí vô cùng vui nhộn của ngày Tết. Các nam nữ ca sĩ nghiệp dư đã tranh tài trình diễn rất điêu luyện, ngọt ngào, hào hứng, gồm có đơn ca, song ca, được khán giả vỗ tay tán thưởng nồng nhiệt. Rất tiếc vì thời giờ hạn hẹp nên còn một số đồng đảng ký mà không thi thố được tài năng thì đã hết giờ nên bác CHT phải xin thông cảm và xin hẹn gặp lại vào tối thứ bảy tuần tới tại Chi Hội Stuttgart.

Cùng lúc với chương trình Karaoke thì tại một phòng bên cạnh chánh điện, anh chị Phú Thịnh hướng dẫn gần 50 em với những trò chơi hợp với tuổi thơ, giúp cho các em nô đùa rất vui thích.

Ngày Hội Xuân được chấm dứt lúc 10 giờ đêm, với những thành quả tốt đẹp về mọi phương diện.

Về tinh thần: Tất cả đều hướng về Phật Pháp di lễ Phật đầu năm để cầu nguyện, sám hối, tạ ơn Tam Bảo với lòng thành kính, chí tâm.

Về tài chánh: Về các khoản cứu trợ nạn lụt châu được 5.600 DM và 20 Mỹ kim, gồm có:

-Thùng cứu trợ	3.124 DM + 20 MK
-Quầy hàng tình thương	747,-
-Bà Lê bán bánh cam cúng	129,-
-Bà Phương Phi bán giò chao quẩy cúng (2 bà là tín đồ Công Giáo)	200,-
-Bà Lê và bà Trường bán bánh bèo cúng	200,-
-Bà Liên Tấn bán cháo cúng	500,-
(phụ bán có quý bà Văn Tường, Trường)	
-Xổ số Tombola lời được	700,-

Cộng chung 5.600 DM + 20 MK

Và thùng công đức châu được 2.770 DM.

Về tổ chức: Ban Tổ Chức đã nêu cao tinh thần dung hòa, cùng nhau chung lo chu toàn ngày truyền thống của dân tộc tại xứ người được thành công, nhất là Ban Trật Tự được các bạn thanh niên nam nữ phụ giúp chí tình trong việc dọn dẹp, sắp xếp bàn ghế, bưng dọn các thức ăn, giải khát rất chu đáo. Ban Vệ Sinh với bác CHT, chú thím Huyền, chú thím Văn, chú thím Mười Trường, chú thím Tường đã khá vất vả lau chùi nhà bếp, chánh điện, hành lang, các phòng vệ sinh sạch sẽ, dọn dẹp các bao đầy rác, trước khi ra về.

Trước sự thành công trình bày trên, mọi người lúc chia tay đều mang theo trong tâm hồn niềm hân hoan, hớn hở, vui mừng được tham gia và đóng góp một Ngày Hội Xuân đầy đủ ý nghĩa cả Đạo lẫn Đời.

• **Thiện Hậu**

TIN PHẬT SỰ (tiếp theo)

THÔNG BÁO

Phật lịch 2544, Hannover ngày 09.02.2001

Kính gửi:

- Quý Đạo Hữu Chi Hội Trưởng và thành viên trong BCH các Chi Hội PTVNTN tại địa phương.
- Ban Huynh Trưởng các GDPTVNTN tại Đức Quốc.
- Các Đạo Hữu Đồng Hương xa gần.

Trích yếu: Khóa tu học giáo lý định kỳ hằng năm tại Đức Quốc.

Kính thưa quý Đạo Hữu,

Như thông lệ hằng năm nước Đức đều có tổ chức Khóa giáo lý 4 ngày cho các Phật Tử tại Đức và các nơi khác đến tham dự tu học. Theo lịch trình sinh hoạt Phật sự của chùa Viên Giác, Khóa giáo lý định kỳ 4 ngày năm nay được ủy nhiệm cho Chi Hội München, do gặp khó khăn trong việc tìm phòng ốc, nên Hội Phật Tử VNTN thông qua sự đồng ý của Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng Chi Bộ Đức Quốc, giao lại cho Liên Chi Hội Phật Tử VNTN địa phương miền Nam nước Đức.

Địa điểm và thời gian tổ chức :

Địa điểm: NCO CLUB, Delawarestr.21 - 76149 Karlsruhe

Thời gian: Từ 24.5.2001 đến 27.5.2001.

Qua cuộc họp của các Chi Hội tại Buổi Hội Tết Frankfurt ngày 03.02.2001 dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng, Liên Chi Hội đề cử Đạo Hữu Thiện Mỹ, Hội Phó Hội Phật Tử làm Trưởng Ban Điều Hành, các Ban trực thuộc giữ lại như năm vừa qua.

Về học phí được ấn định như sau:

- 60 DM cho người lớn. - 30 DM cho Sinh viên Học sinh
- Trẻ em dưới 10 tuổi được miễn

Về phần Giảng sư sẽ do quý Thượng Tọa Thích Như Điển, Thượng Tọa Thích Quảng Ba (đến từ Úc), Đại Đức Thích Hạnh Tấn hướng dẫn, quý Thầy sẽ thuyết giảng về những đề tài sau đây :

- Thượng Tọa Thích Như Điển : Kinh Đại Bi.
- Thượng Tọa Thích Quảng Ba : Đại Thừa khởi tín luận.
- Đại Đức Thích Hạnh Tấn: Nhập Bồ Tát Hạnh (tiếp theo khóa học năm vừa qua).

Về phần Huân Tu: Năm nay đặc biệt khóa học sẽ được đặt nặng vấn đề huân tu, các khóa lễ Cầu an, Tịnh độ, các Học viên sẽ được các Thầy, các Chú ở chùa Viên Giác hướng dẫn Huân tu Chú Đại Bi và Huân tu Tịnh Độ.

Chúng tôi kính xin quý Đạo Hữu phổ biến thật rộng rãi Thư Mời này đến các Đạo Hữu và các Phật Tử ở địa phương mình, đồng thời khuyến khích họ cố gắng thu xếp thời giờ về tham dự khóa tu học này, để cùng nhau tinh tấn trên được học Đạo.

Chúng tôi cũng rất tán thán công đức quý vị nào phát tâm ủng hộ hay cúng dường chư Tăng và khóa học. Xin quý vị vui lòng liên lạc với Đạo Hữu Thiện Mỹ Lương Văn Xinh, Tel. 07231-32278 sau giờ làm việc.

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc với:

- Các Chi Hội Trưởng tại địa phương.
- ĐH Thiện Mỹ Lương Văn Xinh, Tel. 07231-32278.

Nguyện cầu Hồng ân Tam Bảo gai hộ cho quý Đạo Hữu và bầu quyến thân tâm thường an lạc và vạn sự như ý.

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát

TM. Ban Chấp Hành Hội Phật Tử VNTN tại Đức
Hội Trưởng
Thị Tâm NGÔ VĂN PHÁT
(Ký tên & đóng dấu)

THAY ĐỔI CHỨC VỤ CHI HỘI TRƯỞNG CHI HỘI PHẬT TỬ VNTN TẠI MÜNCHEN

Theo Văn Thư số: 001/HC-TG-01 ngày 18.01.2001, Đạo Hữu Minh Đức Tô Văn Phước, Chi Hội Trưởng Chi Hội Phật Tử VNTN tại München đã bàn giao chức vụ này lại cho Đại Đức Thích Từ Trí, Trụ trì Niệm Phật Đường Tâm Giác ngày 13.01.2001 chiếu theo Biên Bản tu chính Nội Quy của Chi Hội vào tháng 10 năm 2000.

Vậy kể từ nay mọi liên hệ đến Chi Hội Phật Tử VNTN tại München & VPC xin gửi đến Thầy trụ trì theo địa chỉ sau đây:

Eisenacherstr. 10. 80804 München. Tel. 089 - 36 102 636

Trung Tâm Nguyễn Trường Tô

13 G rue de l'III - 67116 Reichstett - FRANCE

Tel. 00-33- 3 88205822

Tel. 00-33- 3 88205822 Email trucdang@evc.net

THÔNG BÁO

Tuần Lễ Xã Hội Việt Nam Hải Ngoại Lần Thứ 3
Chủ Đề: Văn Hóa và Thăng Tiến Gia Đình

Gia đình và sinh hoạt Văn Hóa là hai yếu tố thiết yếu kết dệt nên nhân cách cá nhân và là nhịp thở của cuộc sống cộng đồng. Thế nhưng hơn lúc nào hết, các trào lưu tư tưởng tân kỳ và những đổi thay trong cơ cấu xã hội ngày nay đang đặt ra cho con người, nhất là người Việt Nam, những thách đố cam go trong việc đạt đến một nếp sống hài hòa dung hợp gia đình và văn hóa. Khi đề nghị chủ đề VĂN HÓA VÀ THĂNG TIẾN GIA ĐÌNH cho Tuần Lễ Xã Hội lần thứ 3 này, Trung Tâm Văn Hóa Nguyễn-Trường-Tô muốn mời gọi những nhà lãnh đạo tinh thần và cộng đồng, các người làm văn hóa, các bậc phụ huynh và ngay các bạn trẻ thiết tha đóng góp những suy tư và nghiên cứu của mình tại một diễn đàn cởi mở, tương kính trong hai ngày hội luận.

1. *Thời gian*: Từ chiều thứ năm ngày 2.8.2001 đến sáng chủ nhật ngày 5.8.2001.

2. *Địa điểm*: TT Văn Hóa MAISON DE L'ASNÉE, 11 rue de Laxou 54600 Villers- Les - Nancy, Pháp Quốc.

3. *Chi phí ăn, ở*: (ngủ ba đêm, điểm tâm, ba bữa cơm tối và hai bữa cơm trưa...) 100 EURO.

4. *Ghi danh tại*: Văn Phòng Thường Trực của TT Văn Hóa Nguyễn-Trường-Tô, Reichstett, Pháp Quốc từ 1.3.2001.

5. Các bài thuyết trình hoặc phát biểu xin gửi về văn phòng TT Văn Hóa NTT trước 30.6.2001 để kịp ấn loát.

Chương trình chi tiết và bản đồ chỉ dẫn đường đi về Maison de l'Asnée, Nancy, Pháp quốc sẽ được phổ biến vào đầu tháng 5.2001.

Trân trọng kính chào

(Nguyễn Đăng Trúc)



HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua VIÊN GIÁC đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

THƯ TÍN

Nguyễn Văn Cường (Na Uy), Hà Thượng Nhân (Mỹ), Tuệ Nga (Mỹ), Ngô Minh Hằng (Mỹ) Vân Nương LNC (Pháp), Trần Phong Lưu & Quỳnh Hoa (Đức), Thiện Căn Phạm-Hồng Sáu & Hồng Nhiên (Đức), Đan Hà (Đức), Phan Hưng Nhơn (Đức), Đoàn Văn Thông (Mỹ), Ts. Lâm Nhu Tạng (Úc), Gs. Nguyễn Phú Thứ (Pháp), Nguyễn Tấn Hưng (Mỹ), Khải Chính Phạm Kim Thư (Canada), Gs. Trần Bích Loan (Áo), Dr. Trần Văn Tích (Đức), Huyền Thanh Lữ (Đức), Trần Kim Lan (Đức), Phù Vân (Đức), Chơn Như; Trần Đại Sỹ (Pháp), Thị Hoa (Đức), Thanh Nguyễn (Đức), Hội Bạn của Thương Phế binh VNCH (Pháp), Tu Viện Liễu Quán (Mỹ), Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp (Đức), Thích Hạnh Nguyễn (Ấn Độ), Nguyễn Minh Tuyên (Đức), Như Giác (Việt Nam), Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Viện Hóa Đạo (Việt Nam), Thanh Phong (Nga), Phạm Thăng (Canada), Thiện Giới (Đức), Thiện Hậu Trần Xuân Hiền (Đức), Nguyễn Việt Nữ (Mỹ), Cư sĩ Chánh Trực (Canada), Trung Tâm Nguyễn Trường Tô (Pháp), Thiện Mỹ Lương Văn Xinh (Đức), Người Quan Sát (Đức).

KINH SÁCH & BÁO CHÍ

• **ĐỨC** : Dân Chủ Phát Triển số 19; Diễn Đàn Việt Nam số 111 + 112 + 113; Dân Văn số 78 + 79; Dân Việt số 40 + 41; Dân Chúa Âu Châu số 218 + 219 + 220; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 139 + 141; AMFN Zeitschrift Nr.8 + Nr.10 ; Cánh én số 107 + 108 + 109 + 110; Bàn Tin Đức Quốc số 174 + 175 + 176; Développement et Coopération Nr.6 + 1/2001; Development and Cooperation Nr.6/00 + Nr.1/2001; Entwicklung und Zusammenarbeit 12/00 + 2/2001; Betrifft Nr.4/00; VIDI Thông Tin số 7+8; Tibet und Buddhismus Nr.56; Buddhistische Monatsblätter Nr.1/2001; Vô Ưu Xuân Tân Ty; Cao Đài Giáo Lý số 76; Tụ Điển Đức-Việt; Việt Nam Dân Chủ số 52; Der Mittlere Weg Nr.1; Pháp Nạn số 57; Tâm Giác số đặc biệt; Hy Vọng số 65; Wissen und Wandel Nr.3/4.

• **PHÁP** : Tiếng Nói Người Việt Quốc Gia số 14 + 15; Việt Nam Dân Chủ số 51; Định Hướng số 25; Bàn Tin Khánh Anh 01/2001; Việt Nam Tự Do số 52; Thân thể và sự nghiệp nhà cách mạng Nguyễn Thế Truyền của Đặng Hữu Thụ biên soạn; Hoàng Pháp số 90; Phật Pháp số 01; Đặc san Nạng Gõ số 14.

• **BỈ** : Tuệ Giác.

• **NA UY** : Pháp Âm số 6/2000.

• **HOA KỲ** : Buddha's Light Newsletter Nr.61; Bồ Đề Hải số 50; Chân Trời Mới số 11/00 + 1/01; Giao Điểm số 38; Sách Tội Ác và Quả Báo - của Đoàn Văn Thống; Hội Học Phật Tịnh Tâm số 2; Tin Lành số 58 + 59; Chư Linh Thường Tụng, Ni Sư Chân Như dịch; Vô Khoa Thủ Đức số 9; Phật Giáo Việt Nam số 113 + 114; Đẹp số 488; Thế giới Ngày Nay số 163.

• **CANADA** : Đối Lực số 45; Đi Tới số 40 + 41; Pháp Âm số 69.

• **ẤN ĐỘ** : Bản chất và con đường giác ngộ & các vấn đề thời đại - Việt Nam Phật Quốc Tự Ấn Độ.

• **TÍCH LAN** : Facing the Future.

• **ĐÀI LOAN** : Art News Nr.60 + 61 + 63; Thiên Phật Sơn số 139 + 141; Ch'ien Fo Shan Magazine.

• **ÚC ĐẠI LỢI** : Chuyển Luân số 22; Vô Khoa Thủ Đức số 9; Phước Huệ số 17; Pháp Bảo số 58; Khóa Tu gieo Duyên Pháp Báo.

Danh sách Đạo Hữu, Phật Tử phát tâm cứu trợ nạn lụt đồng bằng sông Cửu Long

**Đợt IV
(Gửi qua chùa Viên Giác)**

ĐH. Huỳnh Hữu Hạnh (Zell) 300DM. Hồng Beo (Reutlingen) 30DM. Nguyễn Ngọc Thuận 50DM. Đàm Quang Anh (Mosbach) 100DM. Lê Chung (Freudenstadt) 20DM. Trương Kim Sương (Bad Soden) 100DM. Lê Kim Hương (Heilbronn) 50DM. Võ Thị Lệ Hoa (Paderborn) 50DM. Đặng Văn Thanh Bình (Niedernhall) 50DM. Nguyễn Hạnh Trinh (Gaisbach) 100DM. Trần Tuấn Trương Khanh (Leopoldshafen) 20DM. Nguyễn Quốc Thông (Bonn) 200DM. Tăng Bích Phân (Münster) 30DM. Mã Duy Việt 200DM. Nguyễn Thị Nhung (Regensburg) 40DM. Nguyễn Đức Sơn (Ludwigshafen) 50DM. Nguyễn Tuyết 200DM. Dương Gấm /Stuttgart) 500DM. Hùng Thanh Hưng (Völkzen) 30DM. GĐĐH Trần Ngọc Bảo (Dietzenbach) 1.730DM từ tiền phúng điếu của bạn bè thân hữu.
Eric Müller (Erlangen) 500DM. Đặng Thị Nguyệt Nga (Bremen) 70DM. Nguyễn Ngọc Hai (Niederhorbach) 60,03DM. Đào Thị Chúc (Trier) 100DM. Hoàng Thị Cúc (Augsburg) 40DM. Đàm Thiện (Bi) 1.000FB = 48DM. Lê Vương Vinh Toàn (Reutlingen) 10DM. Nguyễn Thị Minh Châu (Srengen) 30DM. Ludwig Thị Thanh (Wittlich) 100DM. Võ Ville Ngón (Phần Lan) 200 Markka = 60DM. Nguyễn Tấn Hồ 50DM. Lê Bá Nguyễn (Krefeld) 300DM. Nguyễn Kiên Anh 50DM. Nguyễn Xảo (Erkelenz) 20DM. Nguyễn Tấn Hồ (Karlsruhe) 50DM. Hoa Sơn (Mainz) 20DM. Dung Trương (*) 30DM. Hùng Lan (*) 40DM. Thu Đức (*) 50DM. Nhung Ngân (*) 100DM. Võ Ngô Mỹ Dung (Krefeld) 20DM. Ấn danh (Bietigheim.Biss) 200DM. Ngô Kim Loan (Baesweiler) 50DM. Phạm Thị Kim Tiên (Essen) 20DM. Trương Tiến Dung (Lechtingen) 40DM. Ấn danh (*) 20DM. Đào Hàng Bảo Hiên (Rheine) 50DM. Đào Hàng Hải Hiên (*) 50DM. Đào Hàng Danh (*) 50DM. Nguyễn Thị Bày (Đan Mạch) 200Kr. = 50DM. Hồ Kim Lang (Rosendahl) 40DM. Trần Tuệ Quang (Neuss) 30DM. Đồng bào Công Giáo tại Bremen 1.000DM. Tô Nguyễn (Augsburg) 20DM. Ấn danh (Grafsdorf) 50DM. Hoàng Thị Nga (Bentheim) 50DM. Điền Kim Chi (M'Gladbach) 50DM. Điền Kim Thoa (Rosrath) 50DM. Điền Kim Đỉnh (*) 50DM. Hoàng Thị Cúc (Augsburg) 40DM. Nguyễn Văn Chín (Vallendar) 20DM. Minh Thiện (USA) 20US = 40DM. Ngô Thị Kim Loan (Cloppenburg) 20DM. Đồng bào Phật Tử tại Künzelsau 215DM. Đồng bào Phật Tử tại Nürnberg + Fürth + Erlangen 2.000DM. Nguyễn Thị Châu (Stuttgart) 50DM. Đoàn Tường Khánh (Bielefeld) 50DM. Nguyễn Thủy Hà (Göttingen) 200DM. Nguyễn Thái Việt Đức (Weilburg) 40DM. Nguyễn Ngọc Thông (Göttingen) 100DM. Hứa Xa (Wittmund) 30DM. Lý Huệ Lan (*) 20DM. Đặng Văn Hải (Bielefeld) 100DM. Hội Người Việt tỵ nạn tại Freiburg **3.080DM** (Trong số này có Nguyễn Thị Nga (Freiburg) 50DM. Long & Nguyệt (Offenburg) 100DM. Đội Lân Freiburg 43DM. Phụng (Kenzingen) 10DM. Phạm Văn Sáu (Freiburg) 200DM. Phước Lộc Thọ 20DM. Mekong (Freiburg) 50DM. Phạm Văn Hoanh (*) 100DM. Lê Minh Quang (Emmendingen) 100DM). Nguyễn Thị Nhung (Regensburg) 50DM. Từ Thị Phụng (Dietzenbach) 30DM. Nguyễn Thị Bê (Köln) 40DM. Tăng Phát Đậu (Bi) 5.000FB = 225DM. Huỳnh Hiệp Khoái 30DM. Võ Hữu Đóm (Pháp) 500FF. = 150DM. Ban Liên Lạc PTVNTN tại Stuttgart 3.240DM. Nguyễn Thanh Toàn (Olching) 50DM. Vamaxay Hồng (Pháp) 100FF. = 30DM.

• Chi Hội PTVNTN Mannheim

ĐH. Trương Thị Thấy (Speyer) 20DM. Đặng Ngọc Hải (*) 20DM. Lâm Đạo Khắc (*) 20DM. Lưu Ngọc Lành (*) 10DM. Đặng Ngọc Hà (Ludwigshafen)

50DM. Phan Huy Tấn (Mannheim) 20DM. Hằng Ứng chuyển 10DM. Giang Thái An (Neustadt) 20DM.
(Công: 170 DM).

• Chi Hội PTVNTN tại Nürnberg + Fürth + Erlangen

ĐH. Thành Hoàng Pölsneck (Đông Đức) 65DM. Jenny (Regensburg) 30DM. Khiêm My (Würzburg) 20DM. Lan Anh Cao Tường 30DM. Nguyễn Tường Nhân & Lộc 50DM. Lê Quang Phước 20DM. Yến Cao 30DM. Trần Minh Nhật 50DM. Bùi Thanh Hùng 10DM. Gđ. Bắc Diệu Anh 200DM. ASIA Laden (Thái Cẩm Huệ) 100DM. Huỳnh Trọng Hiệp 20DM. Hồ Thanh 50DM. Lộc Hiếu 50DM. Gđ. Diệu Hương (Võ Thị Lý) 500DM. Phan Thị Trâm 50DM. Diệu Thiện (Tiểu Thị Thị) 100DM. Thái Quang Tâm 100DM. Quyên & Minh 200DM. Thu Hiền 20DM. Cindy Lê 20DM. Châu Trí 30DM. Trần Ứng Hạ 20DM. Cô Tuệ 10DM. Hùng Nguyệt 50DM. Quang Hiền 50DM. Nguyễn Lạc 30DM. Loan 20DM. Tuấn Văn 50DM. Erika 10DM. Giang Văn Phương 100DM. Aysel 10DM. Natalie 10DM. Ekin 10DM. Natalie 5DM. Nam Lý 50DM. Võ Thị Tố Nga 10DM. Fam. Vollet 50DM. Nguyễn Ngô Hạnh 100DM. Nguyễn Thị Kim Oanh (Thịệu Vũ) 50DM. Trần Thuận Đạt 100DM. Nguyễn Nam Tiến 50DM. Peter Grund Hương 200DM. Bình Lê (Fürth) 50DM. Thumer Klaus 10DM. Gia Phi 20DM. Phạm Văn Bửu 20DM. Cao Thiện Quý 20DM. Trầm Xuân Thủy 20DM. Ngô Quốc Hùng 20DM. Diệp Bích Huyền 20DM. Lưu Khương 180DM. Fam. Nguyễn Hồng Văn 20DM. Bích Hùng 20DM. Trầm Xuân Phương 20DM. ASIA Giang 200DM. Trầm Quới Thanh 100DM. Giang Lệ Huyền 30DM. Trần Hữu Đức 20DM. Nguyễn Đình Dương 50DM. Nguyễn Cao Tường 100DM. Đặng Như Nam 50DM. Bùi Quang Định 20DM. Thiện Nguyễn 50DM. Diệu Lý 30DM. Thiện Chi & Thiện Dương 10DM. Cao Thiện Quý 30DM. Bắc Diệu Kim 50DM. Trịnh Thị Thanh & Nguyễn Lạc 100DM. Nguyễn Thị Vân 100DM. Nguyễn Tường Nhân 20DM. Diệu Minh 20DM. Hà Thị Giao Thoa 20DM. Diệu Mỹ 50DM. Fr. Schlosshauer 10DM. Fr. Kraft 20DM. Thiện Liên (Neu-Ulm) 20DM. Thiện Đức 10DM. Hồ Văn Thành 50DM. Quảng Lương 20DM. Bùi Quang Định 10DM. Thị Nguyễn 50DM. Vũ Thị Đức 20DM. Diệu Minh 20DM. Châu Bảo Chương 50DM. Tuyên 10DM. Phan Văn Hiệp 20DM. Nguyễn Văn Điểm 50DM. Bùi Văn Hiệp 20DM. Phan Tiến Anh 20DM. Bùi Ngọc Huệ 20DM. Nguyễn Văn Quốc 50DM. Trần Tú Trinh 50DM.
(Công 5.977 DM).

• Chi Hội PTVNTN Karlsruhe

ĐH. Nguyễn Tấn Hồ 20DM. Nguyễn Hồng Châu 10DM. Nguyễn Kim Tri 10DM. Lê Văn Thời 50DM. Một số Đạo Hữu ấn danh 210DM.
(Công : 300DM)

• Chi hội PTVNTN Reutlingen

Danh sách 1

ĐH. Lưu Văn Quốc & Phạm Thị Yên (Tübingen) 20DM. Nguyễn Hữu Hậu (Spaichingen) 20DM. Cam Văn Minh 10DM. Ấn danh 20DM. Chúc Nga (Reutlingen) 20DM. Du Kiều Diễm 50DM. Hoàng Đôn Trinh (Tübingen) 30DM. Cam Văn Lừng (Reutlingen) 100DM. Diệu Hương Phan Thị Hương 20DM. Thế Hào 4DM. Quốc Lương 20DM. Hàn Cường (Reutlingen) 20DM. Trần Kim Thủy 20DM. Phạm Tô Mai 5DM. Chi Dung nhà hàng Cửu Long 150DM. Tỷ & Đào 30DM. Hà Trường (Stuttgart) 20DM. Trần Văn Đức (Langheim) 20DM. Ấn danh 20DM. Gđ. Trần Văn Sanh & Diệu Hương (Reutlingen) 50DM. Nguyễn Thị Hoàn (Filderstadt) 20DM. Bùi Ngọc Danh (*) 20DM. Lưu Minh (Reutlingen) 200DM. Trần Văn Út (Stuttgart) 40DM. Trần Xuân Yên & Chiêm Thị Hiền (*) 100DM. Ngô Anh Kiệt, Trần Ngọc Nhung (Pforzheim) 50DM. Ấn danh 20DM. Dương Thị Nhiều (Reutlingen) 20DM. Diệu Phước (*) 30DM. Ấn danh 20DM. Lâm Thành Khôi, Trần Ngọc Duy

(Tübingen) 20DM. Ấn danh 10DM. Trần Ngọc Ánh, Lâm Ngọc Tuấn (Tübingen) 20DM. Phạm Quang Trung 20DM. Băng Cassette 5DM. Gđ. Thủy Điền 30DM. Quách Hồng Hiệp & Nguyễn Thị Xuân Thảo 20DM. Ấn danh 5DM. Nguyễn Văn Phú (Reutlingen) 20DM. Minh Ngọc Thiên Hà (*) 10DM. Phạm Thịnh 50DM. Nguyễn Việt Nhứt (*) 40DM. Đỗ Bảo Bảo (Sindelfingen) 20DM. Huỳnh Nam (Daunheim) 20DM. Gđ. Nguyễn Phi Long (Reutlingen) 100DM. Một số ấn danh 200DM.
(Công: 1.559 DM)

Danh sách 2

Gđ. Nguyễn Thị Tư (Sindelfingen) 100DM. Gđ. Trần Thị Thực Hiền (*) 50DM. Gđ. Đỗ Chánh Dân (*) 160DM. Gđ. Viên Kim Huy (*) 800DM. Bảo Bảo (*) 10DM. Xinh Quan (*) 10DM. Xinh Vinh (*) 10DM.
(Công 1.180 DM).

Danh sách 3

ĐH. Ấn danh 20US. Ấn danh 50DM. Ấn danh 15DM. Ấn danh 40DM. Hoàng Thế Ngôn (Plüderhausen) 20DM. Ấn danh 30DM. Ấn danh 20DM. Trần Ngọc Mỹ (Tübingen) 100DM. Trần Thị Nhân (Reutlingen) 10DM. Bà Huỳnh Kỳ (*) 100DM.
(Công: 385 DM + 20 \$US)

Danh sách 4

Quầy Hàng Tinh Thương 747DM. Bà Quách Kim Lê (Lichtenstein) 129DM. Bà Phương & Phi (Reutlingen) 200DM. Bà Quách Kim Lê và Nguyễn Thị Chung (*) 200DM. Bà Lý Thị Liên (*) 500DM. Tiền lời xổ số Tombola 700DM.
(Công: 2.476 DM)

Công :

Danh sách 1	1.559,- DM
Danh sách 2	1.180,-
Danh sách 3	385,- + 20US
Danh sách 4	2.476,-
Tổng Công:	5.600,-DM + 20US

• Chi Hội PTVNTN tại Berlin và Chùa Linh Thủy

ĐH. Ấn danh 98DM. Gđ. Trần Minh Hải 10DM. Gđ. Hoàng Văn Tinh 20DM. Hội Người Việt Tự Do Berlin 850DM. Trúc Ngô 100DM. An Thuận 30DM. Thiện Văn 50DM. Gabrielle Fellberg 30DM. Laurette Dassui 20DM. Đức Tâm 50DM. Lý Thị Lan 50DM. Trần Báu 100DM. GĐPT Chánh Niệm 1.000DM. Günter Wittig 100DM. Đan Thanh 20DM. Đoàn Trang 20DM.

(Công: 2548 DM) -Chi 238 DM tiền cước phí gửi 94 Kg thuốc tây để ủy lạo. **Còn 2.310 DM.** Số tiền này đã chuyển đến Sư Bà chùa Bảo Quang nhận ngày 25.01.2001.

**Tổng Cộng Đợt IV:
29.405,03 DM**



CHI :

Đợt II chi : 10.000 DM lần 2 gửi qua Viện Hóa Đạo và 10.000 DM gửi qua Ni Sư Diệu Chi. 3.000 DM gửi qua Thượng Tọa Thích Trí Nguyễn và 2.548,27 DM gửi qua Đại Đức Thích Như Định.
Đợt II chi thăm 1.209,47 DM.

Đợt III chi : 15.000 DM cho những người nghèo khổ và những chùa đang xây dựng và Đợt III thu là 24.941,90 DM. Như vậy còn lại là **8.732,43 DM.** Số tiền này cộng chung với một số các Chi Hội và các Phật Tử vừa phát tâm giúp nạn động đất tại Ấn Độ. Chi Bộ đã gửi hơn 10.000 DM để nhờ quý Thầy, Cô đang du học tại Ấn Độ đến tận chỗ ủy lạo dùm.

Số tiền Đợt IV của Viên Giác và Linh Thủy đã thu là số tiền hiện còn dùng để chi cho những vấn đề cấp bách như nạn lụt, động đất v... •



VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỆU BẢO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER & DRUCK)

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Deutschland

CHỦ BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

BAN BIÊN TẬP & CÔNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điển - Huy Giang - Đan Hà - Quỳnh
Hoa - Tú Hùng Trần Phong Lưu - Thiện Nghĩa - Phan Ngọc -
Hồng Nhiên - Thiện Cán Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phú
Vân. Trưởng Ngọc Thanh.

Hồ Trường An (Pháp) - Tụy Anh (Đức) - Thanh Bình (Thụy
Sĩ) - Người Giám Biên (Đức) - Đông Phương Mai Lý Càng
(Pháp) - Hà Huyền Chi (Hoa Kỳ) - S.H. Hà Đạ Đồng (Đức) -
Phương Hà (Bi) - Thái Tú Hạp (Hoa Kỳ) - Nguyễn Đình Hùng
(Hòa Lan) - Nguyễn Tấn Hưng (Mỹ) - Trần Thị Nhật Hưng
(Thụy Sĩ) - Dr. Thái Văn Kiếm (Pháp) - G.S. Vũ Kỳ (Bi) -
Thiện Hữu Trần Hữu Lộc (Đức) - Huyền Thanh Lũ (Đức) -
Thiện Mẫn (Nga) - Thiện Xuân - Inna Malkhanova (Nga) - Vũ
Nam (Đức) - Lê Thị Bạch Nga (Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) -
Phong Hưng Lưu Nhơn Nghĩa (Úc) - Hạnh Nguyễn (Ấn Độ) -
Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc) - Phan Hưng Nhơn (Đức) -
Nguyễn Việt Nữ (Hoa Kỳ) - Văn Nương LNC (Pháp) - Giang
Phúc Đông Sơn (Đức) - T.S. Lâm Nhu Tạng (Úc) - Phạm
Thắng (Canada) - Đoàn Văn Thông (Hoa Kỳ) - Nguyễn Thủy
(Pháp) - Võ Thúc (Đức) - Hoài Việt (Pháp) - Yên Tú Cư Sĩ
Trần Đại Sỹ (Pháp), Võ Thu Tịnh (Pháp).

KỸ THUẬT AN LOẠT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam tại Đức Quốc

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TÒA SOẠN & ẮN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover

Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963

E-mail: baovg@t-online.de

Homepage: <http://www.viengiac.de>

E-mail : viengiactu@t-online.de

phuvan@t-online.de

VIEN GIAC erscheint 6 mal jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quản binh thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 870 16 33 - BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover

MỤC LỤC

Trang

Thu tòa soạn	1
● TÔN GIÁO	
Thông điệp Xuân Di Lạc Tân Tỵ 2001 (H.T. Thích Huyền Quang)	2
Những bí ẩn sau cõi chết (Đoàn Văn Thông)	3-5
Thức thứ 8 (Nhu Tạng)	6-7
Tâm cảnh (Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn)	8-11
Khi những chim sắt bay (Bảo Hà chuyển ngữ)	12
● AUF DEUTSCH	
Der Buddhismus und die Menschen - Thích nhu Dien	13-18
	14-16
- Trang Hoa Phượng :	19-22
Rắn măng xà (Hồng Nhiên sưu tầm) - Ân hận (Trần Kim Lan) - Sống chung với rắn (Thiện Cán Phạm Hồng Sáu)	
● SÁNG TÁC - VĂN NGHỆ - BIÊN KHẢO - THAM LUẬN CHÍNH TRỊ	
Chiến thành Nam Thở Lý Bạch (Huyền Thanh Lũ)	23-25
Thơ Xuân Trần Nhân Tông và thời gian nghệ thuật (Trần Văn Tích)	26-29
Mùa xuân chuyển tiếp (Văn Nương Lê Ngọc Chấn)	30-31
Rắn trong y học (Quỳnh Hoa) - Toa thuốc hiệu nghiệm trị bệnh phong thấp	32
Năm Tỵ bàn về người bắt rắn (Nguyễn Việt Nữ)	33-37
Rắn trong bông cây (Tú Hùng)	38-41
Chuyến đổi từ ngày dương lịch qua âm lịch (Nguyễn Đình Hùng)	42-43
Vận mệnh chúng ta trong năm Rắn vàng Tân Tỵ (Ngô Quốc Phong)	44-45
Năm Tỵ nói chuyện rắn (Nguyễn Phú Thủ)	46-48
Duyên kỳ ngộ (Nguyễn Văn Cường)	49-50
Sân khấu lộng gió (Phạm Thắng)	51-53
Mâu độ tình người (Tôn Thất Hứa)	54-56
Hãy đọc truyện "Linh nghiệm" (Thanh Phong)	57-59
Tôi có duyên với pháp môn tịnh độ (Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp)	60-62
CSVN đã làm gì cho dân tộc trong 71 năm thành lập (Nguyễn Minh Tuyên)	63-64
Tin Thế Giới (Người Quan Sát)	65
Tin Phật Sự	66-73
Phân Ưu - Cáo Phó - Cầm Tạ - Khấp Báo	73-76
Những điều cần ghi lại sau một chuyến đi (Thích Như Điển)	76-80
Thông Báo - Giới thiệu sách mới xuất bản - Tim thân nhân -	80-84
Chúc Mừng - Cáo Phó Cầm Tạ -	85-90
Gia Chánh Chay	91
Khoảng trời ấy vẫn màu xanh (Nhu Giác)	92-93
Chuyến trình xe lăn (Chùa Linh Thủ)	94
Ngày hội Xuân tại Reutlingen (Thiện Hậu) - Thông Báo	94-97
Hộp Thư Viên Giác	97
Danh sách cứu trợ nạn lụt đồng bằng sông Cửu Long	98

THỎ :

7. Bài Ca Giải Thoát (Chơn Như) - 11. Xuân Hiện (Nguyễn Song Anh) - 12. Xây Nhà (Pháp Nguyễn) - 29. Xin Đem Xuân Đến Cho Đời (Ngô Minh Hằng) . 31- Nghìn Thương Đất Mẹ (Văn Nương Lê Ngọc Chấn) . 43- Đêm Xuân Sang (Trần Kim Lan) . 48 - Bốn Mùa (Đan Hà) . 50 - Lễ Hội Tháng Hai (Thanh Nguyên). 84 - Theo Đám Mây Tân (Văn Nương LNC). 84. Nhớ Phan Rang (Nguyễn Văn Cường). 91. Vào Hội Thương Xuân (Văn Nương). 91- Thực Chứng - Hồn Vào Thiên Thu (Nguyễn Văn Cường).

CÁO LỖI : Vì số trang báo có giới hạn nên các bài của quý văn thi hữu gửi đến và mục phưởng danh cúng dường không thể đăng trong kỳ này được.

Chúng tôi sẽ lần lượt tiếp tục đăng trong các kỳ báo tới. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý vị.

● Báo Viên Giác

Hình Bìa : Thiếu Nữ (Tranh sơn mài của Hiếu Đệ)

MỜI CỎ!

ĐẠI TỰ ĐIỂN ĐỨC - VIỆT
DEUTSCH-VIETNAMESISCHES WÖRTERBUCH

Mã số : 15016 Giá DM 150.-
(miễn thuế lệ tặng quà)

Có sở Lê Vũ hân hạnh giới thiệu đến quý đồng hương bộ Đại
Tự Điển Đức Việt :

- Sách dày 2170 trang, có đầy đủ danh từ đồng
nghĩa; cách viết chính tả mới; có nhiều câu thí dụ song ngữ
Đức Việt.

- Thời gian soạn thảo mất hơn 4 năm.

- Trang trí và xếp chữ bằng máy điện toán, in tại
Đức với kỹ thuật in hiện đại.

- Ấn bản lần đầu tiên (năm 2000), số lượng in có giới
hạn, ưu tiên cho người đặt mua trước.

GIÁ ĐẶC BIỆT

dành cho quý đồng hương đặt mua chung :
(miễn thuế lệ tặng quà)

3 quyển tự điển Đức - Việt : DM 400,- (Mã số : 15017)

1 Đức - Việt và 1 Việt - Đức : DM 220,- (Mã số : 15018)

Chỉ có bán tại : **LÊ VŨ**

Neckarstr.76/1

71686 Remseck-Aldingen

Tel. : 07146 - 89 12 10

Fax : 07146 - 89 12 11

E-mail : Le-Vu@t-online.de

VIENGIAC, KARLSRUHER STRASSE 6. 30519 HANNOVER

PSdg, Deutsche Post AG, Entgelt bezahlt **H 46298**

Böhnke & Luckau GbR Wernigerode sucht einen
Dolmetscher Vietnamesisch - Deutsch aus dem Raum
HBS, WR und QL.B. Voraussetzung Computer mit Word
für Windows mit vietnamesischen und deutschen
Schriftzeichen

Zu melden unter

Tel. : 03943 - 60 25 45.

Fax : 03943 - 60 25 22

中國資料與服務中心 新消息特設諮詢熱線

本公司專業為全德國中國
餐館界服務，用最短時間
為您解決各種困難，如：

- 介紹出讓餐館或買餐館
- 介紹工作，跑堂，水吧，
廚師或打雜等等
- 介紹工人給餐館或申請
大陸廚師來德國工作

請撥電話：

0190-870732

可用國語，廣東話或越文

TRUNG TÂM PHỤC VỤ CHO NHÀ HÀNG

Công Ty của chúng tôi chuyên lo cho
toàn nước Đức và phục vụ cho các nhà
hàng Trung Quốc.

Dùng thời gian ngắn nhất để giải quyết
những khó khăn của quý khách như :

1. Giới thiệu mua, bán nhà hàng
2. Giới thiệu công việc làm,
chạy bàn, rót nước, dầu bếp,
phụ bếp v.v...
3. Giới thiệu công nhân cho
nhà hàng hoặc làm giấy tờ bảo
lãnh để người từ Trung Quốc
sang Đức làm việc

Xin vui lòng liên lạc với số điện thoại
sau đây :

0190 - 87 07 32

Có thể nói tiếng Phổ Thông, tiếng
Quảng Đông và tiếng Việt Nam